



THỊNH VƯỢNG BỀN VỮNG

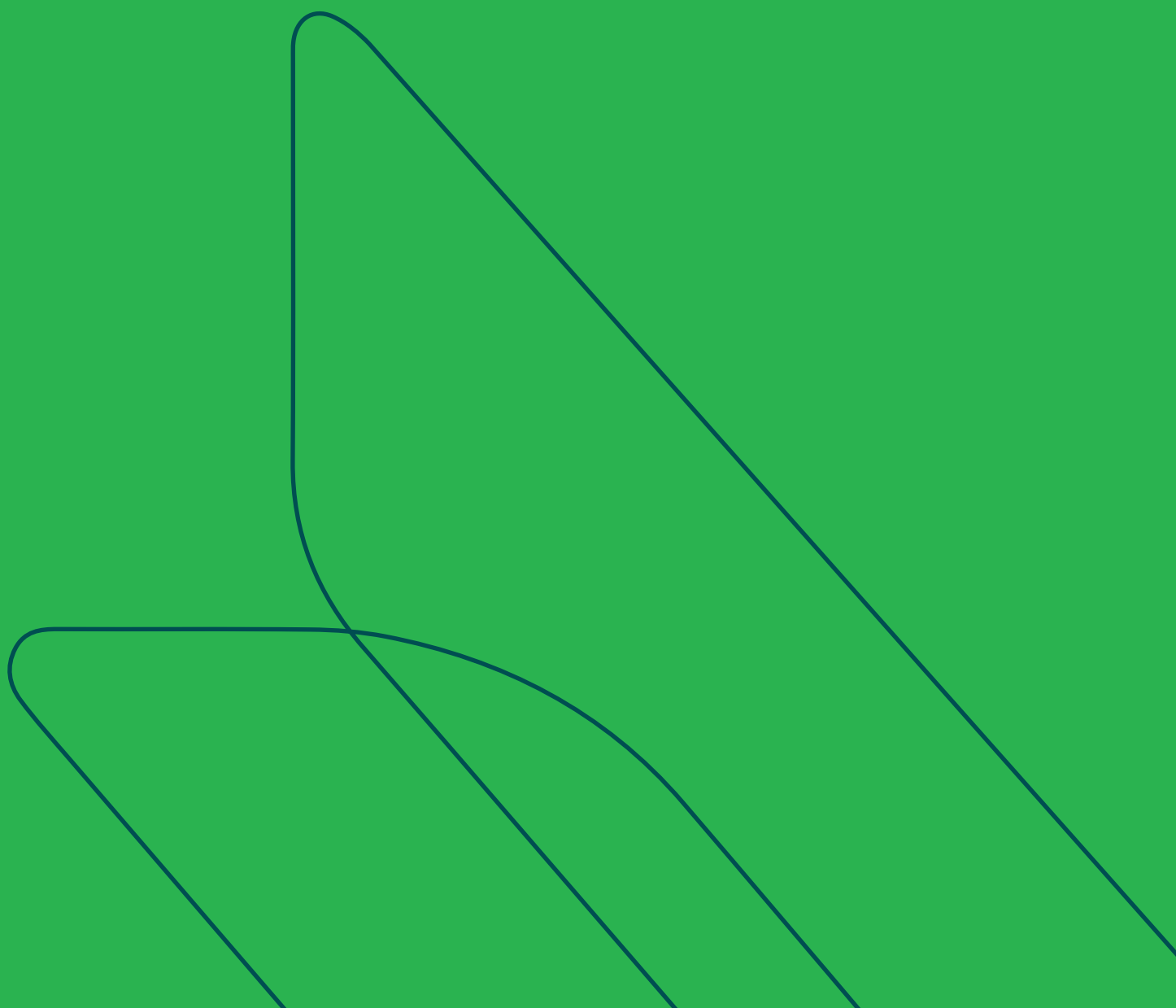
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

20
24



THỊNH VƯỢNG BỀN VỮNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



Mục lục

01

Thông điệp

- 08 Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị & Tổng Giám đốc
- 10 Dấu ấn 2024

03

Tình hình hoạt động năm 2024

- 46 Tình hình hoạt động kinh doanh
- 76 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án và công ty con
- 79 Tình hình tài chính
- 80 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 84 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

02

Thông tin chung

- 14 Thông tin khái quát, quá trình hình thành và phát triển
- 24 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 26 Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 36 Định hướng phát triển
- 38 Các rủi ro

04

Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành

- 88 Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh
- 90 Kết quả kinh doanh nổi bật năm 2024
- 100 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý
- 102 Định hướng hoạt động kinh doanh trong năm 2025
- 104 Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến kiểm toán
- 104 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

05

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của VPBank

- 108 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của VPBank
- 110 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Điều hành
- 113 Định hướng hoạt động Hội đồng Quản trị năm 2025

06

Quản trị ngân hàng

- 116 Danh sách Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành
- 128 Báo cáo Quản trị Ngân hàng

08

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

- 169 Định hướng phát triển bền vững
- 170 Đánh giá kết quả hoạt động ESG dựa trên lĩnh vực trọng yếu
- 174 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường
- 175 Báo cáo tác động liên quan đến xã hội

07

Giải thưởng, các sự kiện đáng chú ý và hoạt động từ thiện xã hội năm 2024

- 160 Giải thưởng
- 162 Các sự kiện đáng chú ý
- 164 Hoạt động từ thiện xã hội (CSR)

09

Báo cáo tài chính

- 182 Thông tin chung
- 184 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 185 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 186 Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất
- 189 Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất
- 190 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 192 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Danh mục viết tắt

Viết tắt	Diễn giải
AI	Trí tuệ nhân tạo
AWS	Amazon Web Services
Big Data	Dữ liệu lớn
Bps	Điểm cơ bản
CAR	Tỷ lệ an toàn vốn
CAGR	Tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm
CIR	Tỷ lệ chi phí trên thu nhập
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
ESG	Môi trường – Xã hội – Quản trị
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GenAI	Trí tuệ nhân tạo tạo sinh
HĐQT	Hội đồng Quản trị
HoSE	Sở giao dịch Chứng khoán TP HCM
IFC	Tập đoàn Tài chính Quốc tế
KPI	Chỉ số đo lường hiệu quả công việc
ML	Máy học
Net Zero	Phát thải ròng bằng không
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
NPL	Nợ xấu
SMBC	Sumitomo Mitsui Banking Corporation
SME	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
svck	So với cùng kỳ
TCTD	Tổ chức tín dụng
TMCP	Thương mại Cổ phần
TOI	Tổng thu nhập hoạt động







Thông điệp

01



Thông điệp

Chủ tịch Hội đồng Quản trị & Tổng Giám đốc

Các Quý cổ đông, khách hàng và đối tác thân mến,

2024 là một năm với nhiều cơ hội và thách thức đan xen đối với nền kinh tế toàn cầu cũng như Việt Nam. Trên thế giới, lạm phát hạ nhiệt tạo dư địa để các ngân hàng trung ương lớn giảm lãi suất, nới lỏng chính sách tiền tệ. Tuy vậy, căng thẳng địa chính trị tại nhiều khu vực, cùng với áp lực tăng giá của đồng bạc xanh và giao dịch chênh lệch lãi suất đã tác động tới nhiều nền kinh tế, đặc biệt là những quốc gia có độ mở cao như Việt Nam. Những biến số này ảnh hưởng trực diện tới nhiều khía cạnh của nền kinh tế, trong bối cảnh Yagi - cơn bão mạnh nhất đổ bộ trong 70 năm - gây tác động chưa từng có cho miền Bắc. Nhờ định hướng, điều hành linh hoạt của Chính phủ, NHNN, động lực từ các yếu tố nội tại, đà phục hồi mạnh mẽ của hoạt động xuất nhập khẩu, sản xuất và du lịch, tăng trưởng kinh tế cả năm vượt mọi dự báo, đạt 7,09%.

Trong bối cảnh đó, VPBank xác định nhiệm vụ trọng tâm là củng cố nền tảng hoạt động, đồng thời chủ động, linh hoạt để thích ứng với những biến động của thị trường. Bám sát kim chỉ nam này giúp ngân hàng đạt mức tăng trưởng vượt trội so với mặt bằng chung, tạo dư địa để song hành cùng khách hàng, đối tác và cộng đồng vượt qua khó khăn, thử thách.

Kết thúc năm 2024, tổng tài sản của VPBank tiệm cận mốc 1 triệu tỷ đồng, thuộc nhóm những ngân hàng quy mô lớn nhất hệ thống. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt hơn 20.000 tỷ đồng, tăng trưởng 85%. Ngân hàng mẹ tiếp tục là đầu tàu tăng trưởng, trong khi các công ty con trong hệ sinh thái cũng đóng góp tích cực, đặc biệt là sự trở lại mạnh mẽ của FE CREDIT sau quá trình tái cấu trúc toàn diện với lợi nhuận dương 3 quý liên tiếp.

Hướng tới tăng trưởng mạnh mẽ, song VPBank cũng xác định bền vững là yếu tố không thể thiếu. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) của VPBank tiếp tục dẫn đầu hệ thống ngân hàng với mức 15,5%. Nhờ cấu trúc nguồn vốn hợp lý, chi phí vốn của ngân hàng giảm gần 200 bps, đóng góp vào kết quả kinh doanh chung, cũng như tối ưu hóa hoạt động của mô hình tập đoàn.

Nửa cuối năm 2024, VPBank đưa vào hoạt động chi nhánh flagship đầu tiên của hệ thống ngân hàng Việt Nam tại TP HCM, mang đến cho khách hàng dịch vụ tài chính đẳng cấp, trải nghiệm vượt trội trong từng điểm chạm.

Nhờ những thay đổi cả về “chất” và “lượng”, VPBank lần đầu tiên lọt Top 10 Doanh nghiệp vốn hóa lớn có Quản trị công ty tốt nhất năm 2024 và Top 20 doanh nghiệp có điểm số ESG cao nhất trong rõ Chỉ số Phát triển Bền vững (VNSI) của HoSE. Ngân hàng cũng lần đầu tiên vào danh sách Fortune Southeast Asia 500, bao gồm 500 công ty lớn nhất Đông Nam Á.

Những dấu mốc nói trên cũng là điểm nhấn cho nhiệm kỳ 5 năm (2020 - 2025) của Hội đồng Quản trị đã chèo lái con thuyền VPBank vượt qua một giai đoạn biến động chưa từng

có do ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19. Với các quyết sách linh hoạt, mang tính bước ngoặt của Hội đồng Quản trị, VPBank phát triển mạnh mẽ, trở thành ngân hàng tư nhân hàng đầu Việt Nam. Thông qua những thương vụ M&A trị giá hàng tỷ đô la như bán 49% cổ phần FE CREDIT cho Công ty tài chính SMBC và 15% cổ phần VPBank cho Tập đoàn SMBC, ngân hàng vượt lên dẫn đầu hệ thống về vốn điều lệ cũng như vốn chủ sở hữu. Không chỉ củng cố nền tảng tài chính, tăng năng lực cạnh tranh, với sự đồng hành của đối tác chiến lược SMBC, VPBank hướng đến mục tiêu tham vọng là top 100 ngân hàng lớn nhất châu Á.

2025 sẽ là năm đặt nền móng cho một giai đoạn bứt phá vươn tầm của ngân hàng song hành cùng “kỷ nguyên vươn mình” của đất nước. Chính phủ đặt mục tiêu GDP tăng 8%, hướng tới mức tăng trưởng hai con số trong giai đoạn 2026 - 2030. Dựa trên đà hồi phục của nền kinh tế, sự dẫn dắt của Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2025 - 2030, VPBank dự kiến đề ra kế hoạch kinh doanh tham vọng với điểm nhấn là quy mô tăng trưởng song hành cùng bền vững, để “chạy nhanh mà không vấp ngã, chạy nhanh mà an toàn và đảm bảo chất lượng”.

Ở góc độ quản trị, 2025 cũng là năm đầu tiên chính thức triển khai khung quản trị tập đoàn trên toàn hệ sinh thái VPBank. Sau hơn 30 năm phát triển, VPBank đã xây dựng được một hệ sinh thái mở khác biệt, với những mảnh ghép như ngân hàng GPBank, các mảng kinh doanh tín dụng tiêu dùng (FE CREDIT), chứng khoán (VPBankS) hay bảo hiểm (OPES) và các đối tác liên kết trong nhiều lĩnh vực. Khung quản trị tập đoàn nhằm đáp ứng yêu cầu về một mô hình quản trị mới, hướng tới việc khai thác tối đa tiềm năng của VPBank và các công ty thành viên, với tổng quy mô hơn 30 triệu khách hàng.

Sự thay đổi về tư duy, về quản trị sẽ là một quá trình không có điểm dừng, cần sự tối ưu liên tục. Khác với những năm trước, tối ưu hóa trong hoạt động của VPBank trong thời gian tới không chỉ là việc tối ưu nhân sự, thay vào đó công nghệ và dữ liệu đóng vai trò then chốt. VPBank sẽ chủ động đi đầu trong xu hướng tăng tốc chuyển đổi số ở các quy trình nghiệp vụ, củng cố các hệ thống nền tảng, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo thông qua ứng dụng các thành tựu công nghệ mới, triển khai mạnh mẽ các sáng kiến công nghệ quan trọng (AI, GenAI, Big Data), tạo dẫn sự khác biệt về tốc độ cung cấp sản phẩm, dịch vụ và nâng cao trải nghiệm của khách hàng.

Với mục tiêu tăng trưởng vượt trội song hành với chiến lược phát triển bền vững, cùng sự tin tưởng, đồng hành của quý cổ đông, khách hàng và đối tác, chúng tôi tự tin sẽ nối tiếp những thành tựu, linh hoạt ứng biến để hoàn thành các mục tiêu trong năm 2025. VPBank kiên định với mục tiêu không chỉ góp phần mang lại giá trị bền vững, thịnh vượng cho đất nước và cộng đồng, mà còn là lợi ích lớn nhất cho cổ đông, khách hàng.

Xin trân trọng cảm ơn!

Dấu ấn 2024

Lợi nhuận trước thuế
hợp nhất

20.013 tỷ đồng

tăng 85,2% so với năm 2023,
mức tăng cao nhất ngành ngân hàng.

Sau hai năm tái cấu trúc, FE CREDIT
trở lại quỹ đạo tăng trưởng.
Lợi nhuận trước thuế

512 tỷ đồng

đóng góp tích cực vào
kết quả chung của tập đoàn.

Mô hình tập đoàn được áp dụng trên toàn
hệ sinh thái mở rộng khác biệt.

30 triệu
khách hàng

Sự gia nhập của GPBank sẽ tạo sự cộng hưởng và nâng
cao vị thế cạnh tranh của VPBank trong tương lai.



Tổng tài sản

923.848 tỷ đồng

tiệm cận mốc
1 triệu tỷ đồng.

CAR theo Basel II đạt

15,5%

dẫn đầu ngành

Chi phí vốn
giảm gần

200 bps

so với năm 2023.

Năm thứ 2 liên tiếp, VPBank hoàn thành chi trả cổ tức tiền mặt
với tỷ lệ 10% cho cổ đông.

Cổ tức tiền mặt gần

8.000 tỷ đồng



VPBank lần đầu tiên
vào danh sách



Fortune
Southeast Asia

500

bao gồm 500 công ty lớn nhất
Đông Nam Á.

VPBank lần đầu tiên lọt Top 10
thương hiệu giá trị nhất Việt Nam
theo Brand Finance

Giá trị thương hiệu đạt

1,35 tỷ USD

gấp 24 lần so với lần định giá
đầu tiên vào năm 2016.

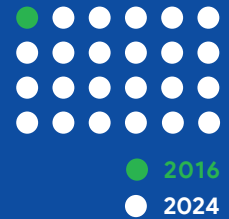


VPBank lần đầu tiên lọt
Top 10

Doanh nghiệp vốn hóa lớn có
Quản trị công ty tốt nhất

Lần thứ 6 liên tiếp nằm trong
Top 20

Doanh nghiệp có điểm số ESG cao nhất trong
rổ Chỉ số Phát triển Bền vững (VNSI) của HoSE.



Ký kết hợp đồng tín dụng với JBIC để
tài trợ cho các dự án năng lượng tái tạo
và truyền tải điện tại Việt Nam

150 triệu USD

Nhằm hiện thực hóa cam kết
quốc gia về Net Zero vào năm 2050,
VPBank đã huy động

735 triệu USD

vốn bền vững trong năm 2024 từ các
định chế tài chính quốc tế.

Khai trương
chi nhánh

FLAGSHIP

đầu tiên trong lĩnh vực
ngân hàng

Mang đến cho khách hàng dịch vụ tài chính đẳng cấp,
trải nghiệm vượt trội trong từng điểm chạm.







Thông tin
chung

02

Thông tin khái quát, quá trình hình thành và phát triển



Thông tin khái quát

Tên ngân hàng

Tên tiếng Việt	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng
Tên tiếng Anh	Vietnam Prosperity Joint - Stock Commercial Bank
Tên giao dịch	VPBank
Mã cổ phiếu	VPB
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số	0100233583
Đăng ký lần đầu	8/9/1993
Sửa đổi lần thứ 45	21/11/2023

Vốn điều lệ

79.339.236.010.000 đồng

Bằng chữ

Bảy mươi chín nghìn ba trăm ba mươi chín tỷ, hai trăm ba mươi sáu triệu, không trăm mười nghìn đồng chẵn.

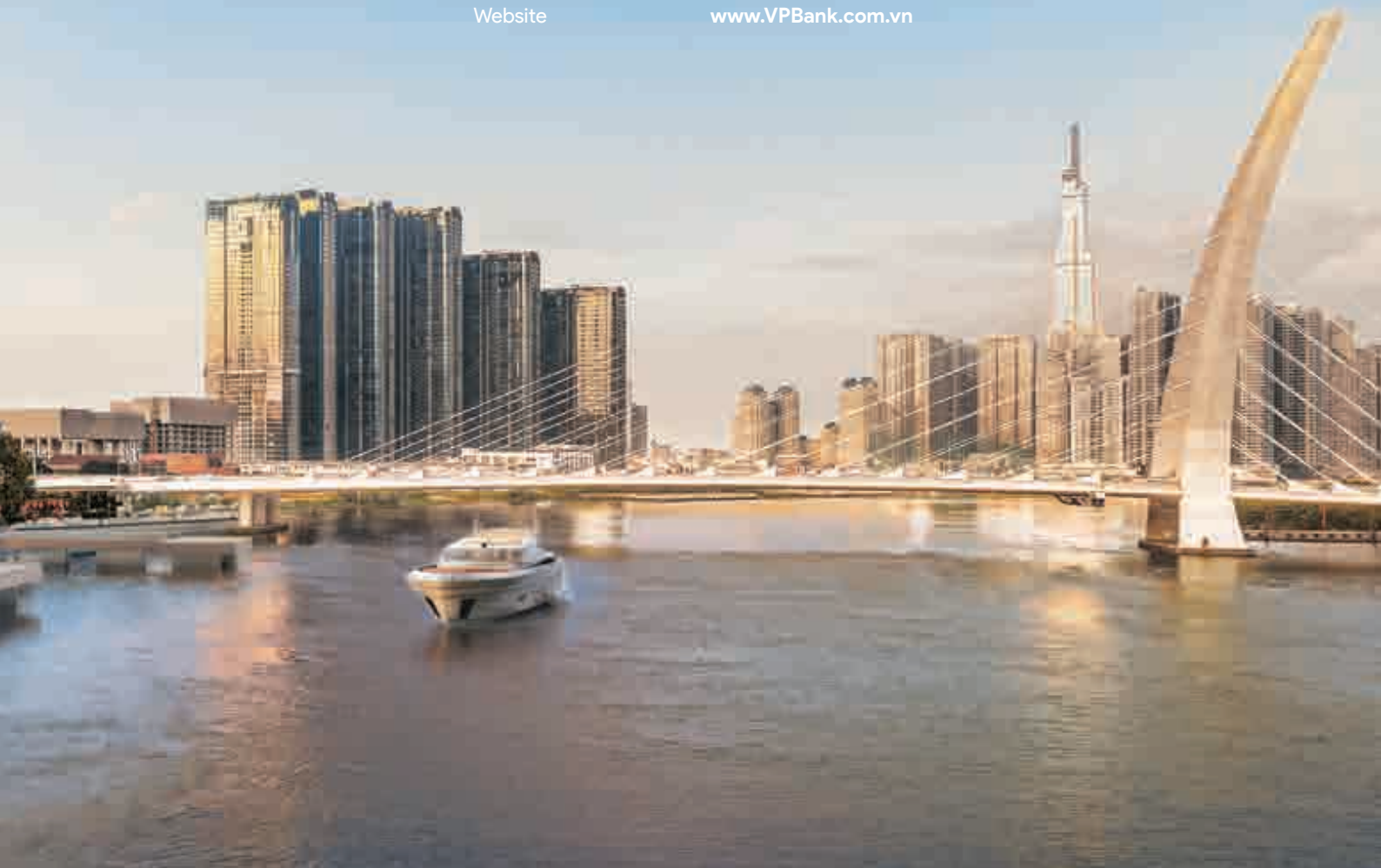
Trụ sở chính

Tòa tháp VPBank Tower, 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

Số điện thoại (84) 1900 545 415

Fax (84) 024 3928 8901

Website www.VPBank.com.vn



Không dừng lại ở những thành tựu đã đạt được, VPBank đang sẵn sàng cho một hành trình phát triển mới với tầm nhìn chiến lược đầy tham vọng cho giai đoạn 5 năm (2022 - 2026): Trở thành định chế tài chính vững mạnh, nằm trong Top 3 ngân hàng hàng đầu Việt Nam và lọt vào danh sách 100 ngân hàng lớn nhất châu Á.

Quá trình hình thành và phát triển

Được thành lập vào năm 1993 khi Việt Nam đang trong công cuộc Đổi mới, VPBank đã không ngừng lớn mạnh, trở thành một trong những định chế tài chính luôn song hành cùng sự phát triển của nền kinh tế. Trong hành trình hơn 30 năm xây dựng và trưởng thành, ngân hàng đã khẳng định vai trò quan trọng, trở thành cầu nối huy động và phân bổ nguồn lực hiệu quả cho nền kinh tế, giúp người dân tiếp cận các dịch vụ tài chính - ngân hàng hiện đại, hỗ trợ doanh nghiệp vay vốn kịp thời để đầu tư và mở rộng hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Trong suốt quá trình phát triển, VPBank chứng kiến và thích ứng với những chuyển động của nền kinh tế, từ sự bùng nổ của công nghệ, sự thay đổi trong hành vi, tâm lý khách hàng cho đến làn sóng số hóa mạnh mẽ. Ngân hàng ghi dấu ấn với hai thương vụ bán 49% vốn điều lệ của FE CREDIT cho Công ty tài chính SMBC và 15% vốn điều lệ VPBank cho cổ đông chiến lược SMBC – một trong những tập đoàn tài chính lớn nhất Nhật Bản. Thông qua thương vụ tỷ USD, VPBank trở thành ngân hàng có vốn điều lệ lớn nhất Việt Nam, tính đến ngày 31/12/2024.

Nhờ nền tảng vốn vững chắc và chiến lược phát triển bút phá, VPBank đã phát triển mạng lưới hoạt động trải rộng khắp cả nước, cùng hệ sinh thái sản phẩm đa dạng, đáp ứng phong phú từ các dịch vụ thanh toán, quản lý tài sản cho khách hàng cá nhân, đến các giải pháp tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp lớn và cả doanh nghiệp FDI.

Không dừng lại ở những thành tựu đã đạt được, VPBank đang sẵn sàng cho một hành trình phát triển mới với tầm nhìn chiến lược đầy tham vọng cho giai đoạn 5 năm (2022 - 2026): trở thành định chế tài chính vững mạnh, nằm trong top 3 ngân hàng hàng đầu Việt Nam và lọt vào danh sách 100 ngân hàng lớn nhất châu Á.

Để hiện thực hóa tầm nhìn, VPBank tiên phong ứng dụng công nghệ vào mọi khía cạnh hoạt động, nâng cấp nền tảng vận hành và thúc đẩy sáng tạo theo hướng bền vững. Ngân hàng tập trung khai thác sức mạnh của AI, GenAI và Big Data, triển khai các sáng kiến số hóa nhằm tinh gọn quy trình, nâng cao hiệu suất và tối ưu trải nghiệm khách hàng cũng như tích hợp những yếu tố ESG vào hoạt động kinh doanh.



Lịch sử và thành tựu hơn 30 năm phát triển của VPBank (1993 - 2024)

1993

- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) được thành lập ngày 12/8/1993, là một trong những ngân hàng TMCP đầu tiên tại Việt Nam.

2010

- VPBank thực hiện chiến lược chuyển đổi sang mô hình ngân hàng bán lẻ hiện đại và có bước phát triển mạnh mẽ thông qua mở rộng mạng lưới chi nhánh, điểm giao dịch trên toàn quốc cùng sự phát triển đa dạng của các kênh bán hàng và phân phối.

2015

- Thành công chuyển đổi hoạt động tín dụng tiêu dùng sang một pháp nhân độc lập mới với tên gọi Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (được nhận diện với thương hiệu FE CREDIT). FE CREDIT thống lĩnh thị trường tài chính tiêu dùng tại Việt Nam với khoảng 50% thị phần.

2017

- Niêm yết thành công cổ phiếu trên HoSE, huy động thêm gần 300 triệu USD từ phát hành riêng lẻ, mở ra giai đoạn phát triển hội nhập mới.

2018

- Xây dựng chiến lược 2018 - 2022, xác định các động lực tăng trưởng và thúc đẩy quá trình số hóa.
- Ra mắt thương hiệu VPBank Diamond cho phân khúc khách hàng cao cấp.

2019

- Phát hành thành công 300 triệu USD trái phiếu quốc tế.
- Triển khai chương trình BeFit tinh chỉnh bộ máy hoạt động và nâng cao năng suất lao động.



2020

- Hoàn thành cả 3 trụ cột Basel II.
- Kích hoạt kế hoạch kinh doanh liên tục (BCP) và xây dựng các phương án đối phó với Covid-19.
- Triển khai hàng loạt sáng kiến số hóa về nền tảng công nghệ như Open Banking.

2021

- Hoàn tất chuyển nhượng 49% vốn tại FE CREDIT cho Công ty tài chính SMBC.
- Moody's nâng xếp hạng tín nhiệm của VPBank và FE CREDIT lên Ba3 – ngang trăn tín nhiệm quốc gia.

2022

- Gia hạn thỏa thuận hợp tác độc quyền phân phối bảo hiểm AIA.
- Tái định vị thương hiệu và tuyên bố sứ mệnh mới “Vì một Việt Nam thịnh vượng” cùng với chiến dịch “Light up Vietnam”.
- Tăng vốn điều lệ lên hơn 67.000 tỷ đồng, trở thành ngân hàng có vốn điều lệ lớn nhất hệ thống.

2023

- Hoàn tất phát hành riêng lẻ 15% vốn điều lệ cho cổ đông chiến lược Ngân hàng SMBC, nâng vốn chủ sở hữu lên gần 140.000 tỷ đồng, đứng thứ hai toàn hệ thống.
- Xếp hạng tín nhiệm được Moody's duy trì ở mức Ba3, triển vọng ổn định, trong bối cảnh thị trường tài chính đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức.
- Công bố 5 giá trị cốt lõi mới.

2024

- Mô hình tập đoàn được áp dụng trên toàn hệ sinh thái mở rộng khác biệt, phục vụ đầy đủ nhu cầu của hơn 30 triệu khách hàng.
- Khai trương chi nhánh flagship đầu tiên của hệ thống ngân hàng Việt Nam, mang lại trải nghiệm dịch vụ ngân hàng trọn vẹn và mới mẻ cho khách hàng.
- Top 10 Doanh nghiệp vốn hóa lớn có Quản trị công ty tốt nhất và lần thứ 6 liên tiếp nằm trong Top 20 doanh nghiệp có điểm số ESG cao nhất trong rổ Chỉ số Phát triển Bền vững (VNSI) của HoSE.



VPBank đang từng bước khẳng định uy tín của một ngân hàng năng động, có năng lực tài chính ổn định và có trách nhiệm với cộng đồng, theo đúng tinh thần “**Vì một Việt Nam thịnh vượng**”.

Tầm nhìn

Trở thành ngân hàng có vị trí vững chắc trong top 3 ngân hàng lớn nhất Việt Nam và quy mô thuộc top 100 ngân hàng lớn nhất châu Á, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững và thịnh vượng của quốc gia và cộng đồng.

Sứ mệnh

Tiên phong đổi mới, nâng tầm chất lượng dịch vụ tài chính vượt trội cho khách hàng và đối tác, phát triển hiệu quả mang lại các giá trị thịnh vượng bền vững cho cổ đông, cộng đồng và xã hội.

Chiến lược

Xây dựng một ngân hàng đa năng, dẫn đầu về năng lực triển khai, sáng tạo và kiến tạo giá trị thông qua các giải pháp tài chính toàn diện với sức mạnh tổng hợp của hệ sinh thái và ứng dụng công nghệ tiên tiến.

Giá trị cốt lõi

VPBank luôn xác định văn hóa doanh nghiệp là tài sản quý giá của tổ chức, là sức mạnh hậu thuẫn ngân hàng theo đuổi những mục tiêu tham vọng, kiến tạo những giá trị khác biệt, là nền móng nâng đỡ chiến lược, giúp hiện thực hóa tầm nhìn và sứ mệnh của ngân hàng.

Từ năm 2023, VPBank thực hành bộ 5 giá trị cốt lõi mới, bao gồm:



Khát vọng



Chính trực



Hiệu quả



Kỷ cương



Sáng tạo

Hệ giá trị cốt lõi mới này được phát triển dựa trên sự kế thừa những giá trị phẩm chất đã hình thành nên bản sắc VPBank trong nhiều năm qua, đồng thời bổ sung những tinh thần, giá trị mới để ngân hàng tiếp tục duy trì tăng trưởng bền vững trong tương lai.

5 giá trị cốt lõi sẽ là kim chỉ nam để mỗi nhân viên VPBank tự soi chiếu, hoàn thiện, phát triển bản thân trở thành những cá nhân thịnh vượng, giàu khát vọng, đam mê sáng tạo, có tư tưởng, hành động kỷ luật. 5 giá trị cốt lõi được kích hoạt sẽ tiếp sức để VPBank mở ra kỷ nguyên thịnh vượng mới.

5 năm vươn mình, kiến tạo thịnh vượng

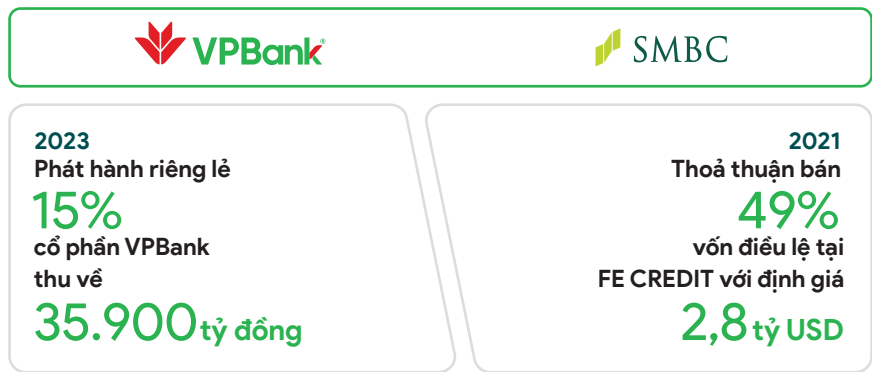
Giai đoạn từ 2020 đến 2025 đánh dấu một thời kỳ thử thách chưa từng có trong lịch sử, khi đại dịch Covid-19 bùng phát, gây ra những tác động sâu rộng, không chỉ đến sức khỏe của người dân mà cả đời sống kinh tế, chính trị và xã hội toàn cầu. Đồng thời, nhiều xung đột địa chính trị leo thang, các cuộc khủng hoảng kinh tế, xã hội liên tiếp xảy ra, gia tăng bất ổn, đe dọa sự phát triển bền vững của các quốc gia.

Với trọng trách dẫn dắt con tàu VPBank vươn ra biển lớn, HĐQT đảm nhận vai trò then chốt trong việc định hướng chiến lược, đưa ra các quyết sách mang tính bước ngoặt, thúc đẩy VPBank trở thành ngân hàng tư nhân hàng đầu Việt Nam.

Mỗi bước đi của VPBank trong giai đoạn này đều mang dấu ấn của sự kiên định, sáng suốt và đoàn kết, với chiến lược linh hoạt và khả năng thích ứng mạnh mẽ. Những thành tựu đạt được không chỉ là kết quả của sự kiên trì, mà còn là minh chứng cho năng lực đổi mới và khả năng thích ứng trong một thế giới không ngừng thay đổi.



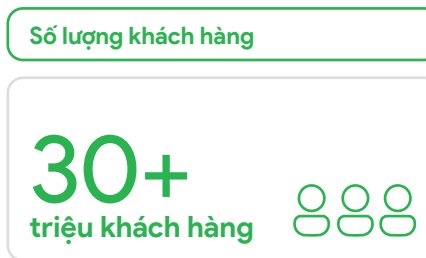
Nâng tầm vị thế với những thương vụ M&A kỷ lục



Giữa bối cảnh thị trường tài chính đầy biến động, VPBank khẳng định sức mạnh vượt trội, không ngừng nâng tầm vị thế, gia tăng quy mô vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ dẫn đầu ngành ngân hàng.

Các thương vụ phát hành riêng lẻ 15% vốn cổ phần cho đối tác chiến lược Tập đoàn SMBC với giá trị hơn 35.900 tỷ đồng năm 2023 hay thỏa thuận bán 49% vốn điều lệ tại FE CREDIT cho Công ty tài chính SMBC với định giá 2,8 tỷ USD vào năm 2021 cho thấy tầm nhìn chiến lược sắc bén của HĐQT trong việc củng cố nền tảng tài chính và gia tăng năng lực cạnh tranh. Đồng thời, những thương vụ trên cũng mở ra cơ hội để VPBank đồng hành cùng đối tác chiến lược SMBC nhằm hướng đến những mục tiêu tham vọng cho giai đoạn tăng trưởng tiếp theo.

Phát triển hệ sinh thái toàn diện và khác biệt

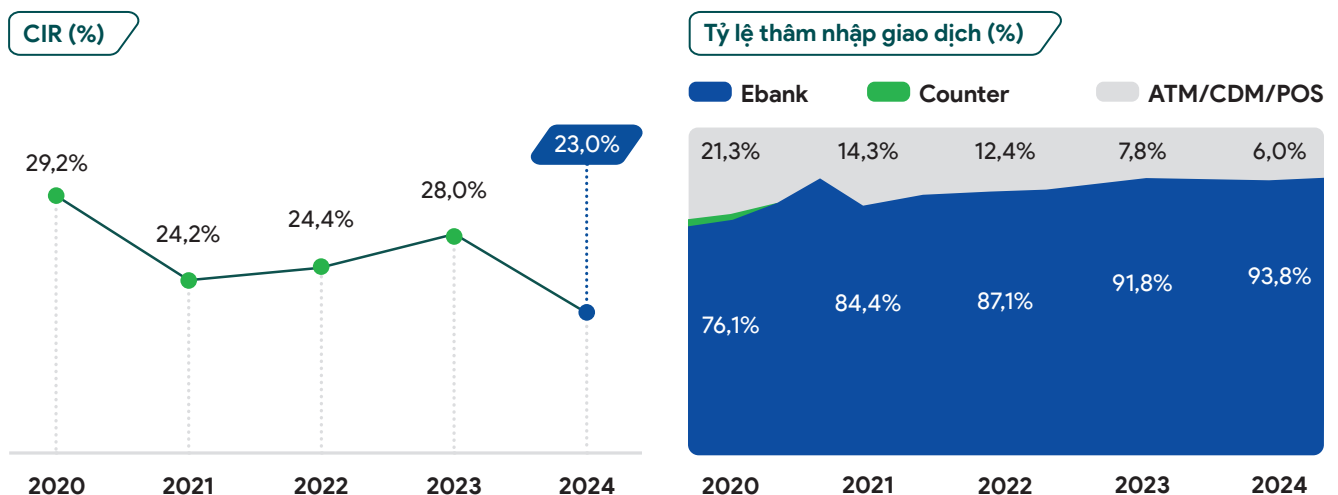


Hệ sinh thái của VPBank không chỉ bao gồm các sản phẩm và dịch vụ tài chính thiết yếu, linh hoạt mà còn được kết nối chặt chẽ với các công ty con, đối tác kinh doanh, cổ đông chiến lược SMBC, nhằm tạo ra sự cộng hưởng toàn diện, mang lại những giải pháp tài chính tối ưu và dịch vụ vượt trội cho hơn 30 triệu khách hàng thuộc nhiều phân khúc đa dạng.

Kiến toàn nền tảng vững chắc

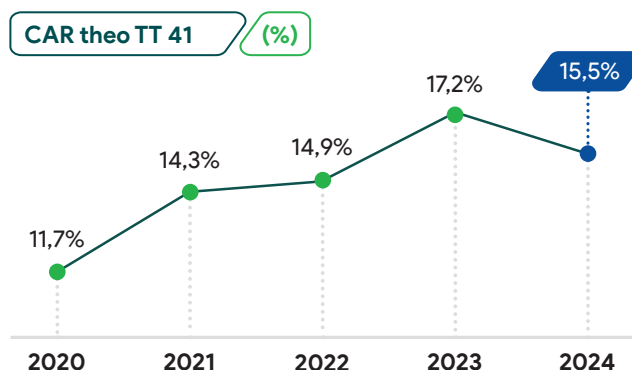
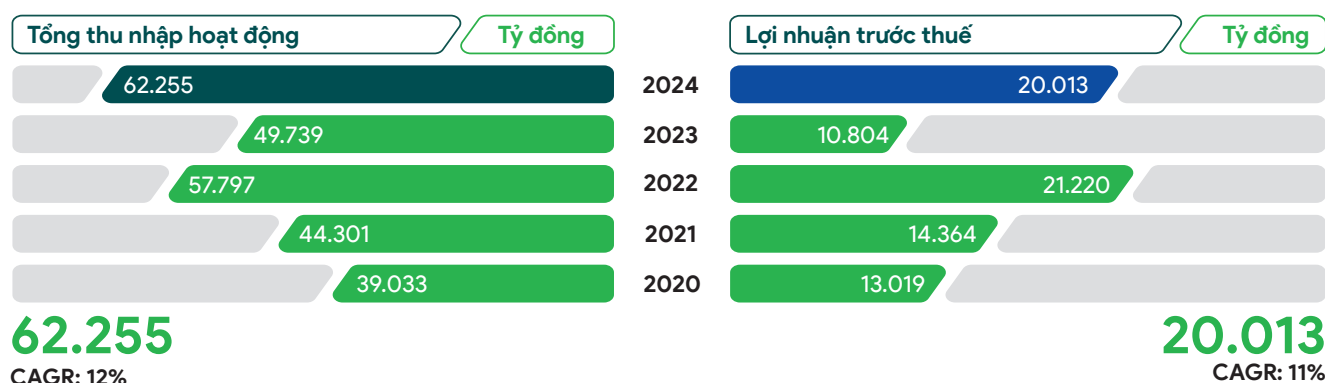
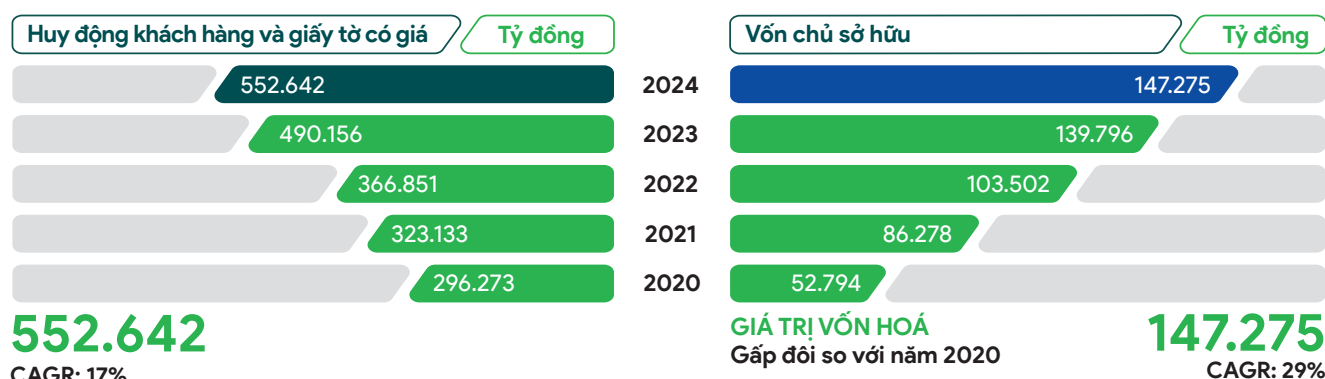
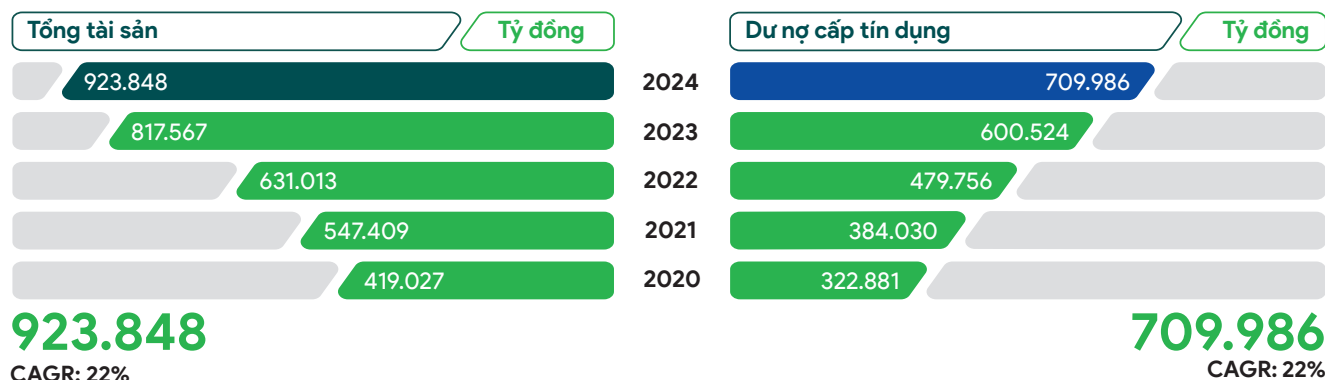
Trong lộ trình chuyển đổi số toàn diện, VPBank không ngừng thúc đẩy đổi mới sáng tạo trên mọi hoạt động kinh doanh, tận dụng AI và GenAI để tối ưu hóa vận hành, mang đến các giải pháp tài chính đột phá và nâng cao trải nghiệm khách hàng, góp phần củng cố vị thế của ngân hàng trong kỷ nguyên số hóa toàn cầu.

Bên cạnh đó, năm 2022, VPBank công bố tái định vị thương hiệu, cam kết hiện thực hóa sứ mệnh “Vi một Việt Nam thịnh vượng”. Chiến lược tái định vị đánh dấu cột mốc phát triển mới của ngân hàng, đồng thời khẳng định cam kết đồng hành phụng sự quốc gia của VPBank.



Bứt phá vượt trội, kỳ vọng vươn xa

VPBank không ngừng mở rộng hệ sinh thái, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững. Nhìn lại chặng đường 5 năm qua, ngân hàng đã duy trì tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ, khẳng định vị thế hàng đầu trong ngành tài chính – ngân hàng và là bộ phận để VPBank tiếp tục chinh phục những đỉnh cao mới.



Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Dịch vụ ngân hàng

Các hoạt động chính của VPBank bao gồm:



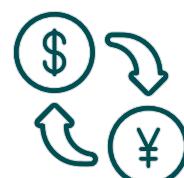
Thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng, bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân.



Đầu tư chứng khoán, trái phiếu; đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.



Cung cấp dịch vụ thanh toán, ví điện tử.



Thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác.



Cấp tín dụng dưới hình thức tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.



Dịch vụ quản lý tài sản.

Miền Bắc

1 Hội sở
33 Chi nhánh
122 Phòng giao dịch

Miền Trung

10 Chi nhánh
16 Phòng giao dịch

Đến cuối năm 2024, VPBank có
1 hội sở (Hà Nội), 1 văn phòng đại diện
(TP HCM), 80 chi nhánh và 207 phòng
giao dịch trên toàn quốc

1 Hội sở
80 Chi nhánh

1 Văn phòng đại diện
207 Phòng giao dịch

Miền Nam

1 Văn phòng đại diện
37 Chi nhánh
69 Phòng giao dịch

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị

Mô hình quản trị của VPBank bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo như quy định tại Điều 40 của Luật Các TCTD năm 2024. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của ngân hàng. Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược, định hướng hoạt động của ngân hàng; triển khai các công tác quản trị, đưa ra quyết định thực hiện quyền và nghĩa vụ của ngân hàng ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng Quản trị có hai ủy ban trực thuộc giúp việc là Ủy ban Nhân sự và Ủy ban Quản lý rủi ro.

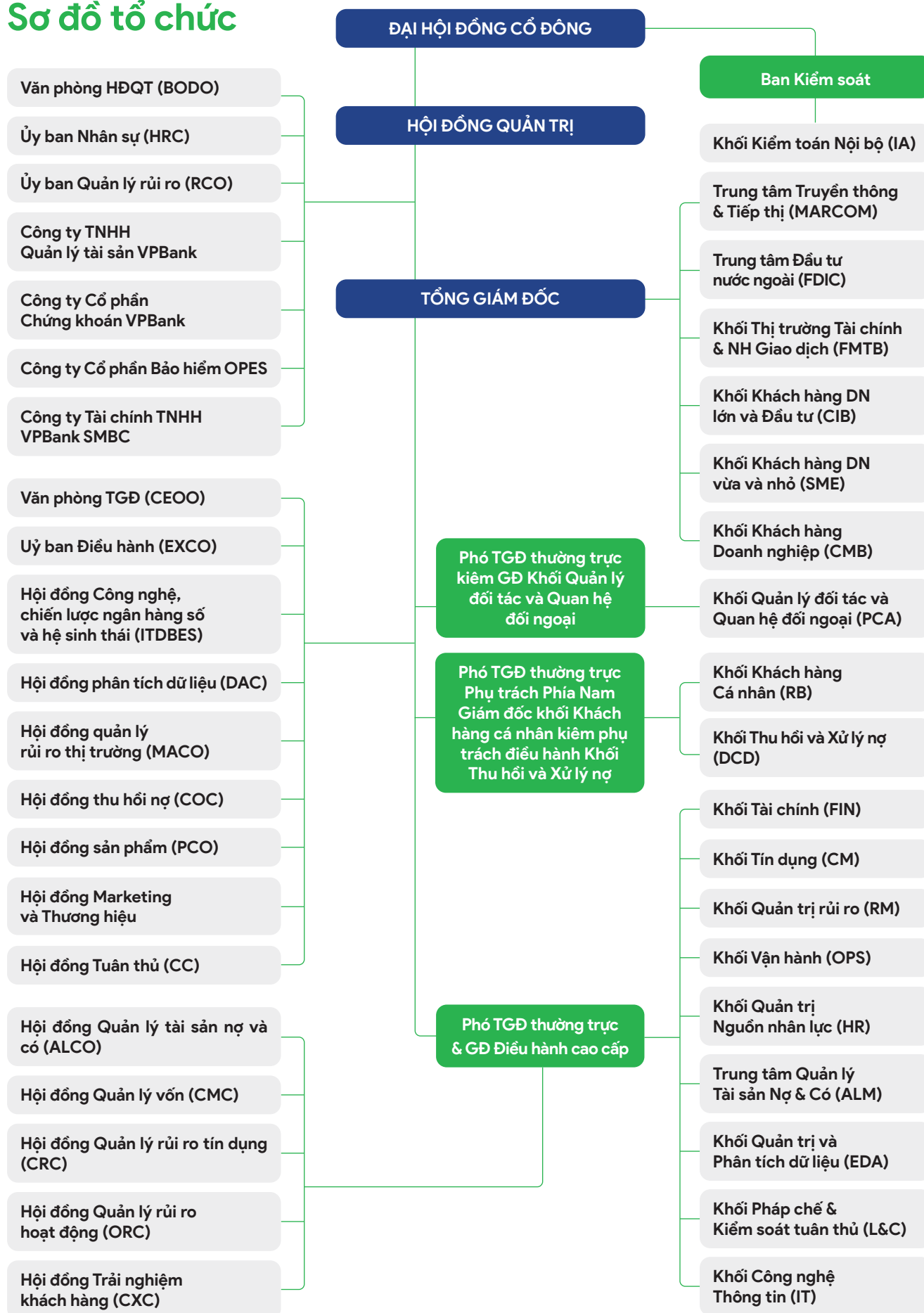
Cơ cấu bộ máy quản lý

Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị.

Các thành viên còn lại của Ban Điều hành gồm Phó Tổng Giám đốc thường trực, các Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc các khối, trung tâm... có nhiệm vụ giúp việc và hỗ trợ. Tổng Giám đốc thực thi các định hướng, chính sách do Hội đồng Quản trị phê duyệt trong quá trình tiến hành các hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Ngân hàng thiết lập thành 19 khối và trung tâm chính, triển khai các hoạt động kinh doanh và vận hành - hỗ trợ theo chức năng nhiệm vụ cụ thể, do các thành viên Ban Điều hành được phân công trực tiếp quản lý.

Tổng Giám đốc cũng tổ chức, thành lập các hội đồng chuyên môn trong các lĩnh vực quản lý rủi ro (Hội đồng Quản lý rủi ro hoạt động, Hội đồng Quản lý rủi ro tín dụng và Thu hồi nợ, Hội đồng Quản lý rủi ro thị trường); quản lý tài sản (Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có, Hội đồng Quản lý vốn), quản lý/phê duyệt tín dụng, phát triển sản phẩm; công nghệ thông tin (Hội đồng Công nghệ, chiến lược ngân hàng số và hệ sinh thái, Hội đồng Phân tích dữ liệu)... nhằm tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý và ra quyết định cho các hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Sơ đồ tổ chức



Các công ty con



Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPB AMC)

Giấy phép đăng ký kinh doanh	Số 0105837483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần gần nhất ngày 12/5/2023
Địa chỉ đăng ký kinh doanh	Tầng L2B, Tòa nhà R6 Royal City, 72A Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội
Loại hình kinh doanh	Quản lý nợ và khai thác tài sản
Vốn điều lệ	115.000.000.000 đồng
% sở hữu bởi VPBank	100%

Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC (FE CREDIT)

Giấy phép đăng ký kinh doanh

Số 0102180545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp thay đổi gần nhất ngày 29/05/2024

Địa chỉ đăng ký kinh doanh

Tầng 2, Tòa nhà REE Tower, số 9 đường Đoàn Văn Bơ, phường 13, quận 4, TP HCM

Loại hình kinh doanh

Hoạt động dịch vụ tài chính

Vốn điều lệ

10.928.000.000.000 đồng

% sở hữu bởi VPBank

50%



Trái ngọt từ quá trình tái cơ cấu

Sau hai năm tái cấu trúc, FE CREDIT đã gặt hái được nhiều thành công, bao gồm tối ưu mô hình kinh doanh hiện hữu, cải tiến khung kiểm soát rủi ro và hoàn thiện mô hình chuyển đổi số.

FE CREDIT tiếp tục duy trì đà tăng trưởng với doanh số giải ngân cả năm 2024 đạt hơn 43.000 tỷ đồng, tăng gần 40% so với 2023, dư nợ tín dụng tăng 10,3%, cho thấy nhu cầu chi tiêu của khách hàng đang dần quay trở lại.

Nhờ quá trình tái cấu trúc và mô hình quản trị tập đoàn, FE CREDIT đã ghi nhận sự phục hồi và tăng trưởng ngoạn mục. Tổng doanh thu năm 2024 đạt 15.842 tỷ đồng, tăng 19,3% so với 2023, lợi nhuận trước thuế ở mức 512 tỷ đồng, số lượng tài khoản/khách hàng mới đạt 1,88 triệu.

512 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế

15.842 tỷ đồng
Tổng doanh thu
Tăng 19,3%

1,88
triệu tài khoản/khách hàng mới



Nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm

Trong năm 2024, FE CREDIT đã giới thiệu hàng loạt sản phẩm, dịch vụ mới nhằm nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường tài chính tiêu dùng. Công ty lựa chọn cho vay trả góp xe máy là một trong những sản phẩm chiến lược trong năm 2024, với mục tiêu mở rộng tệp khách hàng, tăng độ phủ sóng thương hiệu.

Nhằm hiện thực hóa mục tiêu trên, ngay từ đầu năm, FE CREDIT cùng các đối tác trên toàn quốc triển khai các gói cho vay mua xe máy với lãi suất chỉ từ 0%/năm, hạn mức vay lên đến 100 triệu đồng kèm theo nhiều quà tặng hấp dẫn.

FE CREDIT cũng tiếp tục tập trung phát triển sản phẩm thẻ tín dụng, với việc đạt chứng nhận PCI DSS 4.0 Level 1 - cấp độ cao nhất về tuân thủ bảo mật dữ liệu thẻ.

Trợ lực từ VPBank và SMBC

Sau giai đoạn tái cấu trúc trong hai năm 2023 và 2024, FE CREDIT duy trì đà phát triển, hợp tác chặt chẽ với các tổ chức tài chính mẹ là VPBank và Công ty Tài chính tiêu dùng SMBC (SMBCCF) – công ty con của tập đoàn SMBC.

VPBank, với sự am hiểu sâu sắc về thị trường tài chính Việt Nam, đã xây dựng cho FE CREDIT nền tảng vững chắc. Trong khi đó, với tầm nhìn toàn cầu và kinh nghiệm quản lý tài chính quốc tế, SMBC đã mở ra cho FE CREDIT nhiều cơ hội để không ngừng tiến xa hơn.

Sự hỗ trợ của hai cổ đông mẹ, cộng hưởng với chiến lược phát triển bền vững và khả năng đổi mới không ngừng, FE CREDIT xây dựng chiến lược kinh doanh rõ ràng, vượt qua năm 2024 với kết quả khả quan. Bước sang năm 2025, FE CREDIT tiếp tục cam kết “Lấy khách hàng làm trọng tâm” như kim chỉ nam trong hoạt động kinh doanh và vận hành.

Công ty sẽ cung cấp cho khách hàng hệ sinh thái tài chính toàn diện thông qua số hóa mạnh mẽ, mang đến trải nghiệm an toàn, tiện lợi. Nhằm gia tăng lòng tin, thúc đẩy khách hàng gắn bó lâu dài, FE CREDIT sẽ “may đo” các chương trình ưu đãi, sản phẩm dịch vụ mới phù hợp đa dạng nhu cầu của khách hàng.

Bên cạnh đó, các hoạt động đào tạo, phát triển năng lực hệ thống, con người và xây dựng văn hóa tổ chức cũng là chiến lược trọng tâm của FE CREDIT trong năm 2025. Sau hai năm triển khai, mô hình quản trị tập đoàn đã mang đến những hiệu quả trong hoạt động quản trị, vận hành công ty. FE CREDIT dự kiến tiếp tục phát huy sức mạnh hệ sinh thái, nguồn lực tập đoàn nhằm đạt các mục tiêu đề ra.

Các giải thưởng tiêu biểu trong năm 2024

FPT IS

Chứng chỉ bảo mật quốc tế
PCI DSS 4.0 Level 1

Vietnam Report



Doanh nghiệp
uy tín ngành Tài chính
cho nhóm Công ty
Tài chính

MMA Smarties Vietnam 2024



Giải Vàng
Hạng mục
Real-time Marketing

Giải Bạc
Hạng mục
Lead Generation/CRM



Công ty Cổ phần Bảo hiểm OPES (OPES)

Giấy phép đăng ký kinh doanh	Số 79/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 20/3/2018 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất ngày 19/06/2024
Địa chỉ đăng ký kinh doanh	Tầng 6, số 5 Điện Biên Phủ, phường Điện Biên, quận Ba Đình, Hà Nội
Loại hình kinh doanh	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ
Vốn điều lệ	1.265.000.000.000 đồng
% sở hữu bởi VPBank	99,13%

Năm 2024 đánh dấu hai cột mốc đáng nhớ khi OPES lọt Top 5 công ty bảo hiểm phi nhân thọ có vốn điều lệ cao nhất thị trường, đồng thời trở thành 1 trong 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam.

Vươn tầm cùng số hoá

Coi chuyển đổi số là yếu tố then chốt trong chiến lược phát triển, OPES đã chủ động ứng dụng nhiều công nghệ tiên tiến như AI, Big Data và các hệ thống số hóa hiện đại khác vào hoạt động vận hành và kinh doanh trong suốt 6 năm qua. Chiến lược trên giúp hiệu quả kinh doanh gia tăng, quy trình vận hành được tối ưu và tệp khách hàng ngày càng mở rộng.

Tính tới cuối năm 2024, OPES đã phát hành thành công hơn 231 triệu hợp đồng bảo hiểm trên nền tảng trực tuyến, gấp hơn 2 lần con số của năm 2023, tương đương hơn 600.000 hợp đồng/ngày và phục vụ tệp khách hàng lên tới hơn 20 triệu người. Công ty đồng thời thiết lập quan hệ đối tác với hơn 30 doanh nghiệp trên toàn quốc, trải dài trong nhiều lĩnh vực, cung cấp chuỗi sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ bảo vệ toàn diện hành trình sống của mỗi khách hàng.

OPES đang trên đà vươn lên mạnh mẽ và từng bước khẳng định vị thế trong ngành bảo hiểm tại Việt Nam. Việc trở thành 1 trong 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam đánh dấu bước tiến vượt bậc của công ty, cũng như là động lực để OPES tiếp tục vững bước trên hành trình trở thành nhà bảo hiểm số tiên phong và phát triển bền vững trong kỷ nguyên số.

Trợ lực từ mô hình tập đoàn

Vốn điều lệ của OPES đạt

1.265 tỷ đồng
tăng thêm 715 tỷ đồng

Mô hình quản trị tập đoàn bước đầu được triển khai tại OPES từ năm 2024 đã mang lại một số kết quả khả quan, bao gồm tối ưu nguồn lực, tăng cường nhận diện và uy tín nhờ gắn OPES với thương hiệu, hệ sinh thái của VPBank.

Cụ thể, OPES đã tận dụng nguồn lực và sự hỗ trợ từ VPBank để mở rộng tệp khách hàng thông qua khai thác chéo các nền tảng giao dịch như VPBank NEO, phát triển mô hình đồng bảo hiểm với các doanh nghiệp hàng đầu thị trường. Từ đó, công ty đã tăng thị phần tại nhiều mảng kinh doanh mới, đơn cử như bảo hiểm sức khỏe, giúp doanh thu tăng trưởng vượt trội và lợi nhuận thuộc nhóm cao nhất trên thị trường.

Năm 2024, vốn điều lệ của OPES tăng thêm 715 tỷ đồng, lên mức 1.265 tỷ đồng, lọt top 5 công ty bảo hiểm phi nhân thọ có vốn lớn nhất hệ thống. Quy mô vốn mạnh giúp tăng cường năng lực tài chính và nâng cao uy tín của OPES trên thị trường.

Những con số nổi bật năm 2024

Doanh thu hơn
3.200 tỷ đồng
Gấp gần 2 lần năm 2023

Lợi nhuận trước thuế
474 tỷ đồng
Gấp hơn 3 lần so với 2023, cao nhất kể từ năm 2018

Phát hành hơn
231 triệu hợp đồng bảo hiểm trực tuyến
Gấp hơn 2 lần năm 2023

Phục vụ tệp khách hàng lên tới
20 triệu người

Các giải thưởng tiêu biểu trong năm 2024

ASEAN Awards 2024



Doanh nghiệp tiêu biểu

Insurance Asia Awards 2024

Sáng kiến sản phẩm bảo hiểm ô tô của năm
Nhà bảo hiểm số của năm

Vietnam Report

Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500)
Doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (PROFIT500)



Tầm nhìn dẫn đầu

Giai đoạn 2025 – 2029, OPES tham vọng vươn tầm trở thành doanh nghiệp top 1 về bảo hiểm số và bảo hiểm phi nhân thọ trong một môi trường cạnh tranh khốc liệt. Cho riêng năm 2025, OPES đặt mục tiêu bứt phá thể hiện qua các chỉ số đầy thách thức như doanh thu phí bảo hiểm tăng 54%, lợi nhuận tăng 45%, giữ vị trí dẫn đầu về hiệu quả tài chính so với các doanh nghiệp cùng ngành. Để hoàn thành mục tiêu kinh doanh trên, OPES sẽ tối đa hóa tiềm năng từ hệ sinh thái, tăng cường đa liên kết trong truyền thông tiếp thị, tìm kiếm và hợp tác với các đối tác bên ngoài cũng như thúc đẩy cơ hội kinh doanh trên nền tảng số.

OPES sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến như AI, GenAI, Big Data để nghiên cứu và phân tích thị trường, từ đó chủ động xây dựng và liên tục đổi mới sản phẩm, cung cấp giải pháp toàn diện cho mọi trải nghiệm sống của khách hàng. Đồng thời, công ty tiếp tục triển khai những giải pháp công nghệ hạ tầng hiện đại để linh hoạt đáp ứng nhu cầu kinh doanh và đảm bảo an toàn dữ liệu cá nhân cho khách hàng.

Với yếu tố con người, OPES sẽ phát huy các giá trị cốt lõi chung và văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng, chuẩn hóa môi trường làm việc để trở thành một thương hiệu tuyển dụng uy tín trong ngành bảo hiểm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank (VPBankS)

Giấy phép đăng ký kinh doanh	Số 106/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8/4/2009 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất ngày 11/12/2024
Địa chỉ đăng ký kinh doanh	Tầng 21 và 25, Tòa nhà VPBank Tower, 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội
Loại hình kinh doanh	Hoạt động chứng khoán
Vốn điều lệ	15.000.000.000.000 đồng
% sở hữu bởi VPBank	99,95%

Tiên phong hoàn thiện dải sản phẩm

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam chứng kiến sự cạnh tranh gay gắt, bộ sản phẩm - dịch vụ đa dạng, công nghệ tiên phong là yếu tố mang lại sự khác biệt, sức cạnh tranh và kết quả kinh doanh đột phá của VPBankS trong năm 2024. Hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ của VPBankS được hoàn thiện, phục vụ đa dạng nhu cầu, khẩu vị đầu tư của khách hàng. Trong năm qua, công ty đã ra mắt hàng loạt sản phẩm đột phá, đi đầu thị trường.

Cụ thể, công ty giới thiệu ePortfolio (danh mục đầu tư mẫu) với các danh mục Life portfolio, Nâng hạng thị trường, Năng lượng... Đây là sản phẩm tiên phong trên thị trường, dành cho khách hàng không chuyên sâu về đầu tư chứng khoán, không có thời gian theo dõi thị trường hoặc nhà đầu tư FO có thể dễ dàng tiếp cận và gia tăng lợi nhuận.

VPBankS đã hợp tác với 3 công ty quản lý quỹ hàng đầu là Dragon Capital, SSIAM và VinaCapital để phân phối sản phẩm chứng chỉ quỹ ngay trên nền tảng NEO Invest. Trong năm 2024, VPBankS cũng ra mắt thành công hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh eFuture, với hai sản phẩm hợp đồng tương lai dựa trên chỉ số VN30 và trái phiếu Chính phủ.

Với nền tảng vốn thuộc nhóm dẫn đầu thị trường và dư địa cho vay lớn, công ty đã tung ra một loạt chính sách margin cạnh tranh như eMargin 9,9%, Margin 8,6%. Đồng thời, VPBankS cũng ra mắt tính năng Loyalty (tích điểm), đem lại nhiều quyền lợi hấp dẫn cho khách hàng. Những chính sách ưu đãi trên đã giúp dư nợ margin của VPBankS lên gần 9.450 tỷ đồng vào cuối năm 2024, cao nhất trong lịch sử công ty.

Triển vọng từ mô hình tập đoàn

Được giới thiệu từ năm 2023, mô hình quản trị tập đoàn đã và đang chứng minh vai trò quan trọng trong việc tối ưu nguồn lực, tạo sự cộng hưởng, tăng cường uy tín cho các công ty con trong hệ sinh thái VPBank. Trong năm 2024, tại VPBankS, mô hình quản trị tập đoàn đã được nghiên cứu và sẽ áp dụng lên những lĩnh vực như truyền thông và tiếp thị, nhân sự, quản trị rủi ro, kiểm toán nội bộ, quản trị và phân tích dữ liệu và tài chính.

VPBankS kỳ vọng sẽ tận dụng lợi thế từ hệ sinh thái tập đoàn, kế thừa kinh nghiệm quản trị và sức mạnh kinh doanh, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng chuyên môn và cung cấp sản phẩm, dịch vụ vượt trội đến khách hàng.

Những con số nổi bật năm 2024

Tổng doanh thu đạt gần

2.483 tỷ đồng
 ↗ 28% so với năm 2023

Lợi nhuận trước thuế

1.220 tỷ đồng

Số lượng tài khoản
mở mới tăng

85%
 So với năm 2023

Vốn chủ sở hữu

17.404 tỷ đồng

Dư nợ margin

9.450 tỷ đồng

Top 10

Công ty chứng khoán
có dư nợ margin lớn nhất

Các giải thưởng tiêu biểu trong năm 2024

Enterprise Asia

Doanh nghiệp
tăng trưởng nhanh
năm 2024

Nơi làm việc tốt nhất
Việt Nam 2024

Top 1 Nơi làm việc tốt
nhất Việt Nam trong
ngành dịch vụ tài chính
khối Doanh nghiệp vừa

Global Banking
& Finance Review

Sản phẩm danh mục đầu tư
mẫu (ePortfolio) tốt nhất
năm 2024

Top 100 Nơi làm việc
tốt nhất Việt Nam khối
Doanh nghiệp vừa

Top 2 Nhà tuyển dụng
yêu thích
Khối Doanh nghiệp vừa

Bứt phá lợi nhuận, doanh thu trong năm 2025

VPBankS kiên định theo đuổi mục tiêu trở thành công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam. Trong năm 2025, công ty đặt kế hoạch tăng trưởng đột phá cả về doanh thu và lợi nhuận.

Triết lý kinh doanh “Lấy khách hàng làm trọng tâm” đã được VPBankS triển khai trong năm 2024 và tiếp tục được kỳ vọng là động lực thúc đẩy tăng trưởng của công ty trong năm 2025. VPBankS sẽ tập trung phát triển các nền tảng giao dịch thông minh, trải nghiệm người dùng đơn giản, để cao tính an toàn, tích hợp với các sản phẩm tài chính đa dạng và dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và mang sự thịnh vượng tới nhà đầu tư.

Song song với việc hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm từ tiết kiệm cho đến đầu tư, trở thành giải pháp trọn gói cho mọi nhu cầu đầu tư tài chính, VPBankS cũng tiếp tục chiến lược số hóa và áp dụng công nghệ nhằm xây dựng một môi trường đầu tư tiện lợi, an toàn và bền vững cho khách hàng.

Định hướng phát triển

Đẩy mạnh quy mô và tốc độ tăng trưởng của mảng ngân hàng bán lẻ thông qua khai thác sâu phân khúc trung lưu, cao cấp và tiếp tục tối ưu cơ hội trong các phân khúc tiềm năng.

Gia tăng các sáng kiến và giải pháp tài chính toàn diện, đồng thời mở rộng hệ sinh thái đối tác nhằm thúc đẩy quy mô và chiếm lĩnh thị phần trong phân khúc khách hàng SME.

Củng cố và nâng cao sức khỏe doanh nghiệp (OHI) để VPBank trở thành miền đất thu hút và giữ chân nhân tài.

Tiếp tục đầu tư phát triển và mở rộng hệ sinh thái nhằm mang lại cho khách hàng những dịch vụ tài chính có giá trị cao nhất, tìm kiếm và phát triển các động lực tăng trưởng mới và cơ hội kinh doanh mới trong các mảng ngân hàng đầu tư, quản lý tài sản...



Nắm bắt các cơ hội hợp tác phát triển các dịch vụ ngân hàng giao dịch, thanh toán và tăng cường thâm nhập vào các ngành nghề mới hoặc còn nhiều tiềm năng để gia tăng doanh thu từ phân khúc khách hàng doanh nghiệp quy mô vừa và lớn.

Tăng tốc chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trên tất cả phân khúc và sản phẩm.

Chủ động áp dụng các công cụ phân tích chuyên sâu tiên tiến (Advanced Analytics) nhằm tối đa hóa hiệu quả của các quyết định kinh doanh, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp và quản trị rủi ro.

Theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững

Tham khảo nội dung tóm tắt tại Chương VIII. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội và ấn phẩm Báo cáo Phát triển Bền vững được phát hành độc lập.



The image shows a close-up, low-angle view of a building's facade. The upper part of the building has a green and blue striped pattern. Below this, on a blue background, is the VPBank logo, which consists of a red stylized flower icon followed by the text "VPBank" in large, white, 3D letters. Below the logo, the slogan "Vì một Việt Nam thịnh vượng" is written in white, 3D letters. The building's facade is blue, and the sky is a clear, bright blue.

VPBank
Vì một Việt Nam thịnh vượng

Ngân hàng TMCP
Việt Nam Thịnh Vượng

Các rủi ro



Nhận diện và quản lý toàn diện các loại rủi ro trọng yếu

VPBank tiếp tục là điểm sáng khi chủ động đối phó với những biến động vĩ mô trong năm 2024 nhờ có Khung Quản lý rủi ro vững chắc, cùng nỗ lực triển khai chiến lược và giải pháp đa dạng cho tất cả rủi ro trọng yếu. Ngân hàng duy trì khả năng kiểm soát hiệu quả chất lượng tín dụng, với tỷ lệ NPL riêng lẻ được giữ dưới 3%, đảm bảo sự ổn định và bền vững trong hoạt động kinh doanh.

Tại VPBank, Khung Quản lý rủi ro được xây dựng toàn diện trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với điều kiện thực tế của ngân hàng, đồng thời hướng tới đáp ứng các thông lệ quốc tế tiên tiến. Dựa vào đó, VPBank đã triển khai quy trình quản lý rủi ro thận trọng để đảm bảo rằng tất cả rủi ro trọng yếu được nhận dạng, đo lường, theo dõi, báo cáo, kiểm soát liên tục hoặc giảm thiểu kịp thời trên cơ sở toàn ngân hàng và từng đơn vị kinh doanh.

Với mục tiêu đảm bảo tính hiệu quả và toàn diện của quy trình quản lý rủi ro trong ngân hàng, VPBank đã áp dụng nguyên tắc 3 tuyến bảo vệ trong Khung Quản lý rủi ro, quy định rõ ràng vai trò và mối tương quan giữa các bên liên quan. Ba tuyến bảo vệ này bao gồm: đơn vị kinh doanh (tuyến thứ nhất); Khối Quản trị rủi ro và Khối Pháp chế và Tuân thủ (tuyến thứ hai) và Khối Kiểm toán Nội bộ (tuyến thứ ba).

Các cấp lãnh đạo, với việc chịu trách nhiệm cuối cùng và cao nhất đối với Khung Quản lý rủi ro, luôn giám sát chặt chẽ và kịp thời đưa ra chỉ đạo phù hợp để đảm bảo mọi quyết định chấp nhận rủi ro được đưa ra đều tuân thủ văn hóa rủi ro, chiến lược kinh doanh của ngân hàng và lợi ích các bên liên quan trong phạm vi khẩu vị rủi ro đã xác định.

Trong thời gian qua, VPBank liên tục củng cố và cải thiện Khung Quản lý rủi ro thông qua việc đặt mục tiêu tiên phong áp dụng các thông lệ quốc tế tiên tiến nhất tại Việt Nam. Sau khi hoàn thành sớm cả 3 trụ cột của Basel II so với yêu cầu của NHNN, ngân hàng tiếp tục nâng cấp hệ thống quản lý rủi ro nhằm đáp ứng những tiêu chuẩn cao hơn.

Theo đó, tỷ lệ CAR được tính toán định kỳ không chỉ theo phương pháp tiêu chuẩn (SA) của Basel II (đáp ứng Thông tư 41/2016/TT-NHNN) mà còn theo cả phương pháp xếp hạng nội bộ (IRB) của Basel II/Basel III. Với chuẩn mực Basel III, ngoài rủi ro thanh khoản đã được áp dụng thành công từ năm 2021, VPBank tiếp tục hoàn thiện toàn diện hệ thống quy trình, quy định, mô hình và công nghệ thông tin nhằm triển khai cho các rủi ro trọng yếu còn lại như rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng.

Dự kiến trong năm 2025, VPBank sẽ đạt mục tiêu thí điểm toàn diện chuẩn mực Basel III cho Khung Quản lý rủi ro với sự rà soát độc lập về phương pháp luận và kết quả tính toán của các loại rủi ro trên được thực hiện bởi công ty kiểm toán hàng đầu.

Rủi ro tín dụng

Định nghĩa

Là những rủi ro dẫn đến tổn thất phát sinh từ những thay đổi bất lợi về mức độ tín nhiệm của đối tác/khách hàng, do (i) Khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận hoặc (ii) Đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ thanh toán trước hoặc khi đến hạn các giao dịch.

Tình hình quản trị rủi ro trong năm 2024

Ngành ngân hàng tiếp tục đối mặt với thách thức về việc kiểm soát chất lượng tài sản trong năm 2024. Tỷ lệ nợ xấu nội bảng toàn hệ thống ở mức 4,55% tính đến cuối tháng 9/2024, tương đương với cuối năm 2023 nhưng đã tăng đáng kể so với mức 2% của năm 2022, chủ yếu do sự phục hồi chưa đạt kỳ vọng của sức cầu tiêu dùng và thị trường bất động sản (đặc biệt ở khu vực phía Nam) ảnh hưởng tới khả năng trả nợ của khách hàng cá nhân và doanh nghiệp.

Trước bối cảnh đó, VPBank đã thực hiện phân tích, nhận diện rủi ro cốt lõi, đưa ra những chương trình hành động để điều chỉnh chính sách tín dụng và hệ thống giám sát danh mục. Nhờ những nỗ lực trên cùng với sự cải thiện của các yếu tố vĩ mô trong 3 tháng cuối năm, tỉ lệ NPL của ngân hàng tại cuối năm 2024 được kiểm soát ổn định ở mức 2,47% riêng lẻ, thấp hơn so với cùng kỳ năm 2023.

Kế hoạch năm 2025

Thực hiện định hướng của Chính phủ và NHNN về tăng trưởng kinh tế và tín dụng, VPBank sẽ tăng cơ hội tiếp cận tín dụng đối với một số lĩnh vực ưu tiên như tín dụng xanh, cho vay nhà ở xã hội, phát triển công nghiệp chế biến chế tạo, kinh doanh xuất nhập khẩu... Chính sách này nhằm tạo điều kiện tối đa để doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn giá rẻ, từ đó giải quyết khó khăn, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, ổn định nền kinh tế.

Về công nghệ, VPBank tiếp tục phát triển các công cụ, hệ thống tự động hóa nhằm tăng cường nhận diện rủi ro, nâng cao chất lượng dự báo cũng như kiểm soát tỷ lệ nợ xấu. Ngoài ra, với nhiệm vụ nhận chuyển giao bắt buộc GPBank, VPBank sẽ hỗ trợ nguồn lực về con người và hệ thống để quản lý rủi ro tín dụng, cải thiện hiệu quả kinh doanh cho ngân hàng được chuyển giao.

Rủi ro thanh khoản

Định nghĩa

Là rủi ro do ngân hàng (i) Không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc (ii) Ngân hàng có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi trả bình quân của thị trường.

Tình hình quản trị rủi ro trong năm 2024

Xuyên suốt năm 2024, VPBank luôn đảm bảo duy trì thanh khoản ổn định với bộ đệm vững chắc nhằm đảm bảo khả năng chống chịu trước các cú sốc thanh khoản bất ngờ có thể xảy ra. Đến 31/12/2024, tỷ lệ dự trữ thanh khoản của ngân hàng đạt 16,8%, cao hơn đáng kể so với yêu cầu 10% của NHNN.

Bên cạnh đó, bài kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản được ngân hàng thực hiện định kỳ với tần suất hai lần một năm nhằm ước tính chính xác hơn các tác động có thể xảy ra với tình hình thanh khoản và đưa ra phương án dự phòng phù hợp. Trong đó, các kịch bản kiểm tra sức chịu đựng đã được điều chỉnh phù hợp với môi trường kinh tế năm 2024, phản ánh tác động của (i) Căng thẳng địa chính trị tại Ukraine và Trung Đông, (ii) Sụt giảm trong hoạt động thương mại toàn cầu và (iii) Phản ứng của các ngân hàng trung ương lớn.

Ngoài ra, kế hoạch dự phòng thanh khoản của ngân hàng cũng được cập nhật định kỳ trong năm 2024 nhằm (i) Kịp thời điều chỉnh các yếu tố kích hoạt dự phòng thanh khoản do biến động phức tạp từ thị trường và (ii) Điều chỉnh luồng vận hành phối hợp khi xảy ra căng thẳng thanh khoản phù hợp với cơ cấu các khối hiện tại. Những điều chỉnh này góp phần nâng cao khả năng ứng phó của ngân hàng trong trường hợp xảy ra các sự kiện căng thẳng.

Kế hoạch năm 2025

Trong năm 2025, để tăng cường công tác quản lý rủi ro thanh khoản theo tiêu chuẩn quốc tế Basel III, VPBank sẽ chính thức áp dụng quản lý tỷ lệ bao phủ thanh khoản (Liquidity Coverage Ratio) và tỷ lệ nguồn vốn ròng ổn định (Net Stable Funding Ratio), cung cấp cho các cấp lãnh đạo thêm công cụ để định hướng điều hành, cân bằng giữa mục tiêu tăng trưởng và đảm bảo tính bền vững trong hồ sơ thanh khoản của ngân hàng.

Rủi ro thị trường

Định nghĩa

Là rủi ro dẫn đến tổn thất do biến động bất lợi của các nhân tố thị trường, phát sinh từ các khoản đầu tư trực tiếp vào các công cụ tài chính và các sản phẩm mà sự biến động về giá chịu ảnh hưởng của các nhân tố này.

Tình hình quản trị rủi ro trong năm 2024

Năm 2024, nhờ ứng dụng hệ thống Kondor, VPBank triển khai thông suốt và nhanh chóng các giao dịch với khối lượng lớn, giao dịch tài chính phái sinh và giới thiệu sản phẩm mới giúp phòng ngừa rủi ro lãi suất VND cho khách hàng.

VPBank cũng là ngân hàng đầu tiên của Việt Nam triển khai quy trình xác thực dữ liệu thị trường vào hệ thống Kondor nhằm đảm bảo tính chính xác của dữ liệu đầu vào. Qua đó, ngân hàng theo dõi sát sao các biến động của thị trường, nắm bắt sớm các rủi ro và đưa ra các khuyến nghị phòng ngừa hiệu quả. Ngoài ra, Hệ thống Xác thực dữ liệu thị trường đã được chuyển đổi thành công lên môi trường đám mây với khả năng vận hành hiệu quả, mang lại kết quả nhanh hơn so với nền tảng truyền thống.

Kế hoạch năm 2025

VPBank sẽ thực hiện đánh giá nhằm đưa ra đề xuất, giải pháp quản lý rủi ro hiệu quả cho các sản phẩm mới trong bối cảnh thị trường tài chính trong nước và quốc tế luôn diễn biến phức tạp.

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

Định nghĩa

Là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của VPBank trên sổ ngân hàng.

Tình hình quản trị rủi ro trong năm 2024

Để hạn chế rủi ro lãi suất, VPBank cân đối cơ cấu tỷ trọng, kỳ hạn các tài sản nợ và tài sản có trên sổ ngân hàng nhằm hạn chế tác động tiêu cực của biến động lãi suất đến thu nhập lãi thuần và giá trị kinh tế của ngân hàng.

VPBank cũng tiếp tục rà soát, định kỳ cập nhật phương pháp luận đo lường rủi ro; theo dõi, giám sát các hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng như trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất (repricing gap profile), thay đổi giá trị kinh tế vốn chủ sở hữu (change in economic value of equity – Delta EVE)... theo quy định của NHNN và hướng tới đáp ứng Chuẩn mực Basel III.

Kế hoạch năm 2025

Trên cơ sở phương pháp luận đã được phê duyệt, VPBank sẽ chính thức áp dụng Delta EVE trong quản trị rủi ro lãi suất sổ ngân hàng. Không chỉ đáp ứng yêu cầu tuân thủ quy định của Basel II, chỉ số này còn giúp ngân hàng kiểm soát các nguy cơ tiềm ẩn đến từ rủi ro lãi suất, từ đó duy trì nền tảng vốn vững chắc cho tương lai.

Rủi ro hoạt động

Định nghĩa

Là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài gây tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với VPBank.



Tình hình quản trị rủi ro trong năm 2024

Năm 2024, công tác quản trị rủi ro hoạt động tại VPBank có những bước tiến rõ nét, điển hình là việc cải tiến, nâng cao phương pháp luận của các công cụ quản lý rủi ro như: Thu thập và phân tích số liệu tổn thất, Chỉ số rủi ro chính, Tự đánh giá rủi ro và chốt kiểm soát, Phân tích kịch bản.... Nhờ những kết quả trên, công tác quản trị rủi ro hoạt động ngày càng hiệu quả và tiệm cận với các thông lệ quốc tế tiên tiến nhất, đáp ứng chiến lược phát triển của VPBank.

Với mục tiêu nâng cao năng lực phân tích nhằm phát hiện và cảnh báo sớm về rủi ro hoạt động, VPBank đặt ra lộ trình rõ ràng trong việc áp dụng tiêu chuẩn tiên tiến nhất - Phương pháp đo lường tiêu chuẩn (SMA) theo Chuẩn mực Basel III sửa đổi.

Cụ thể, ngân hàng hoàn thành triển khai các sáng kiến quan trọng nhằm cải thiện chất lượng dữ liệu tổn thất, bao gồm: (i) Cơ chế, công cụ làm sạch dữ liệu và (ii) Cơ chế, công cụ liên kết dữ liệu. Những cơ chế, công cụ trên là nền tảng cho việc phân tích nâng cao và cung cấp báo cáo chuyên sâu cho các lãnh đạo và đơn vị kinh doanh, cũng như là đầu vào quan trọng cho việc nâng cấp Hệ thống quản trị rủi ro hoạt động.

Trong năm 2024, công tác quản trị rủi ro hoạt động trong lĩnh vực số hóa và với đối tác thuê ngoài cũng được chú trọng đẩy mạnh nhằm nhận diện, kiểm soát, giảm thiểu các rủi ro có thể phát sinh, từ đó tối ưu hóa nguồn lực của ngân hàng, đem lại lợi ích cho khách hàng và đối tác.

Kế hoạch năm 2025

VPBank sẽ đẩy mạnh công tác chủ động phát hiện, cảnh báo sớm rủi ro, đặc biệt là rủi ro gian lận thông qua phân tích dữ liệu và áp dụng các giải pháp công nghệ. Các sáng kiến mới sẽ tiếp tục được triển khai, trong đó tập trung vào tự động hóa công tác báo cáo nhằm nâng cao hiệu quả vận hành, tiết kiệm nguồn lực và hạn chế sai sót. Về công tác quản trị dữ liệu, ngân hàng dự kiến hoàn thành việc chuẩn hóa dữ liệu tổn thất để đáp ứng yêu cầu tính vốn cho rủi ro hoạt động theo Basel III và các quy định của NHNN.



Rủi ro ESG

Định nghĩa

Là rủi ro của bất kỳ tác động tài chính tiêu cực nào đối với ngân hàng phát sinh từ các tác động hiện tại hoặc tương lai của các yếu tố ESG đối với các đối tác, tài sản đầu tư... Rủi ro ESG vừa là một loại rủi ro độc lập vừa là rủi ro chuyển đổi, biểu hiện thông qua các loại rủi ro tài chính và phi tài chính truyền thống.

Tình hình quản trị rủi ro trong năm 2024

VPBank là ngân hàng tiên phong xây dựng và triển khai Khung Quản lý rủi ro ESG toàn diện đáp ứng các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế. Năm 2024, ngân hàng tiếp tục tăng cường tích hợp rủi ro ESG vào Khung Quản lý rủi ro chung.

VPBank triển khai quy trình quản lý rủi ro ESG thông qua: (i) Tích hợp các khía cạnh quản lý rủi ro khí hậu vào khẩu vị rủi ro khi thiết lập hạn mức cấp tín dụng đối với ngành nhiệt điện than, (ii) Xây dựng các công cụ đo lường rủi ro ESG như phân tích kịch bản và kiểm tra sức chịu đựng và (iii) Chú trọng công tác quản lý rủi ro môi trường xã hội trong hoạt động cấp tín dụng với hệ thống quản lý rủi ro môi trường xã hội (ESMS).

ESMS đã được VPBank xây dựng từ năm 2016 và được định kỳ rà soát, nâng cấp để đáp ứng với quy định pháp luật hiện hành và các tiêu chuẩn quốc tế như GRI (Sáng kiến báo cáo toàn cầu) và SDGs (Các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc) từ năm 2018. VPBank cũng tự hào là ngân hàng duy nhất tại Việt Nam 3 năm liên tiếp công bố Báo cáo tài chính khí hậu theo các khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm về Công bố tài chính liên quan đến khí hậu (TCFD).

Ngoài ra, ngân hàng còn đi đầu thị trường trong hoạt động công bố thông tin ESG thông qua Báo cáo Phát triển Bền vững theo các tiêu chuẩn quốc tế như GRI (Sáng kiến báo cáo toàn cầu) và SDGs (Các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc) từ năm 2018. VPBank cũng tự hào là ngân hàng duy nhất tại Việt Nam 3 năm liên tiếp công bố Báo cáo tài chính khí hậu theo các khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm về Công bố tài chính liên quan đến khí hậu (TCFD).

Kế hoạch năm 2025

Trong giai đoạn tới, với mục tiêu hỗ trợ quá trình chuyển đổi xanh và phát triển nền kinh tế carbon thấp, VPBank sẽ từng bước triển khai Kế hoạch chuyển đổi hướng đến mục tiêu đạt Net Zero vào 2050. Ngân hàng đã xác định rõ mục tiêu và các hành động cụ thể cho từng giai đoạn, trong đó tập trung cải tiến các phương pháp luận và mở rộng phạm vi đánh giá rủi ro ESG, bao gồm kiểm tra sức chịu đựng về rủi ro khí hậu và đo lường phát thải khí nhà kính. Qua đó, VPBank sẽ tăng cường tích hợp rủi ro ESG vào các quy trình quản lý rủi ro hiện hành, nâng cao năng lực quản trị rủi ro ESG nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế hàng đầu.

Rủi ro an ninh thông tin

Định nghĩa

Là rủi ro gây ra nguy cơ tổn thất cho VPBank do mỗi nguy thực hiện khai thác các điểm yếu trong tài sản thông tin. Rủi ro công nghệ thông tin là khả năng xảy ra tổn thất cho VPBank khi thực hiện các hoạt động liên quan đến hệ thống thông tin.

Tình hình quản trị rủi ro trong năm 2024

Năm 2024, môi trường an ninh mạng trên thế giới và tại Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng, khi số lượng và mức độ phức tạp của các cuộc tấn công ngày càng gia tăng. Các hình thức tấn công phổ biến bao gồm: mã hóa dữ liệu tống tiền, lừa đảo (phishing), phần mềm độc hại và đánh cắp dữ liệu cá nhân. Để đối phó với tình trạng này, VPBank tiếp tục tăng cường đầu tư vào các giải pháp an ninh mạng toàn diện.

Ngân hàng đã đạt được chứng nhận cho việc triển khai các tiêu chuẩn quản lý an ninh thông tin quốc tế như ISO 27001 hay bảo mật dữ liệu thẻ thanh toán (PCI DSS), thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc chuẩn hóa và áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế. VPBank cũng phối hợp chặt chẽ với AWS để triển khai các biện pháp an ninh thông tin trên nền tảng đám mây ngay từ đầu.

Nhằm đảm bảo tuân thủ Nghị định 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân, VPBank bước đầu triển khai một số hạng mục như lấy sự đồng ý của khách hàng và lập hồ sơ đánh giá tác động, tạo tiền đề cho việc triển khai đầy đủ các yêu cầu khi Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân dự kiến được ban hành vào năm 2025.

Bên cạnh đó, tuân thủ theo quy định của NHNN tại Thông tư 17/2024/TT-NHNN, trong năm 2024, VPBank thực hiện thu thập, tổng hợp và áp dụng Cơ sở dữ liệu sinh trắc học tập trung vào các luồng sản phẩm của Khối Khách hàng cá nhân. Ngân hàng đã thu thập và lưu trữ hơn 6,5 triệu gương mặt và thông tin khách hàng vào cơ sở dữ liệu, giúp tăng độ chính xác và giảm gian lận định danh ở các khách hàng mở mới tài khoản xuống dưới 1% tại quý IV/2024.

Kế hoạch năm 2025

Để đối phó với những rủi ro, thách thức ngày càng gia tăng cả về số lượng và chủng loại trên không gian mạng, VPBank sẽ triển khai những giải pháp tổng thể theo chiến lược an ninh thông tin được xây dựng cho giai đoạn 2025 - 2027.

Về công nghệ, VPBank nghiên cứu đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp AI vào các hệ thống an ninh thông tin để tối ưu hóa việc phát hiện và phản ứng với các rủi ro, vụ tấn công vào hệ thống công nghệ thông tin. Về quy trình, VPBank tiếp tục triển khai các tiêu chuẩn quốc tế về quản trị và vận hành hệ thống an ninh thông tin, bên cạnh việc đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật.

Về con người, ngân hàng sẽ củng cố năng lực đội ngũ an ninh thông tin theo mô hình 3 tuyến phòng thủ với sự phối hợp chặt chẽ để nâng cao hiệu quả của các tuyến chốt kiểm soát, giảm thiểu rủi ro cho hệ thống.





Tình hình hoạt động năm 2024

)3

Tình hình hoạt động kinh doanh

Tổng tài sản của VPBank vào cuối năm 2024

923.848
tỷ đồng

Chi phí vốn của ngân hàng ở mức

4,5%

↓ 200 bps so với cả năm 2023



Hồi phục mạnh mẽ, vững bước tương lai

Sau một giai đoạn đầy biến động, năm 2024, kinh tế thế giới trở lại quỹ đạo phục hồi khi nhu cầu tiêu dùng, đầu tư và thương mại cải thiện, tạo nền tảng cho sự ổn định và phát triển bền vững. Là một nền kinh tế năng động trong khu vực và ngày càng hòa nhập với dòng chảy toàn cầu, Việt Nam đã kiên cường vượt khó và ngày càng ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực, đặc biệt trong giai đoạn cuối năm.

Chủ động nhận diện các cơ hội và linh hoạt ứng phó với các thách thức, VPBank kiên định với các mục tiêu kinh doanh, tiếp tục củng cố hệ thống nền tảng và nâng cao năng lực quản trị, tạo tiền đề cho giai đoạn bứt phá. Những nỗ lực không ngừng nghỉ của toàn hệ sinh thái đã giúp VPBank và các công ty thành viên đạt tốc độ tăng trưởng lợi nhuận ấn tượng. VPBank khẳng định vị thế ngân hàng tư nhân hàng đầu tại Việt Nam cùng với cam kết mang lại giá trị bền vững cho khách hàng, cổ đông và cộng đồng.

- Trong năm 2024, VPBank tăng trưởng tín dụng chọn lọc và đã bứt tốc mở rộng quy mô trong quý IV. Đồng thời, ngân hàng duy trì quản trị rủi ro chặt chẽ để linh hoạt ứng phó với những thử thách mới. Tín dụng hợp nhất của ngân hàng tăng trưởng 18,2%, với sự đóng góp từ tất cả phân khúc, trong đó nổi bật là sự phục hồi mạnh mẽ của công ty tài chính tiêu dùng FE CREDIT. Nhờ kết quả trên, tổng tài sản của VPBank vào cuối năm 2024 đạt 923.848 tỷ đồng, tiệm cận mốc 1 triệu tỷ đồng. Đồng thời, nền tảng vốn tiếp tục được tăng cường khi quy mô vốn chủ sở hữu hợp nhất tăng lên 147.275 tỷ đồng, tỷ lệ CAR duy trì ở mức 15,5% - cao nhất toàn hệ thống.
- Năm 2024, VPBank tiếp tục quản lý bảng cân đối sát sao, hiệu quả, xây dựng bộ đệm thanh khoản vững chắc và kiểm soát tốt chi phí vốn. Thông qua việc tối ưu danh mục huy động từ khách hàng và đa dạng hóa nguồn vốn trung - dài hạn quốc tế, chi phí vốn của ngân hàng ở mức 4,5%, giảm gần 200 bps so với cả năm 2023, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng của thu nhập lãi. Tổng thu nhập hoạt động của VPBank ở mức 62.255 tỷ đồng, duy trì vị trí số một trong nhóm các ngân hàng tư nhân trong nhiều năm liên tiếp.
- Nhờ chiến lược kinh doanh linh hoạt, nâng cao hiệu quả hoạt động và kiểm soát chặt chẽ chất lượng tài sản, VPBank ghi nhận lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 20.013 tỷ đồng, tăng trưởng ấn tượng 85,2% so với cùng kỳ, nằm trong nhóm dẫn đầu toàn ngành. Trong đó, ngân hàng mẹ đóng góp 18.260 tỷ đồng lợi nhuận, tăng 35,6%. Trong các công ty con, FE CREDIT ghi nhận lợi nhuận trước thuế 512 tỷ đồng, đánh dấu sự phục hồi mạnh mẽ sau hai năm tái cấu trúc.
- Với chiến lược xây dựng một hệ sinh thái toàn diện và khác biệt phục vụ tất cả nhu cầu thiết yếu của khách hàng, VPBank vui mừng chào đón sự gia nhập của GPBank, được kỳ vọng góp phần phát huy sức mạnh cộng hưởng và củng cố vị thế cạnh tranh trên thị trường. Sự kiện này cũng một lần nữa khẳng định vai trò quan trọng của VPBank, sự tin tưởng của Chính phủ và NHNN, giúp ổn định thị trường tài chính tiền tệ, tăng cường lòng tin của nhà đầu tư và công chúng với hệ thống ngân hàng.
- VPBank lần đầu tiên được vinh danh Top 10 Doanh nghiệp có Quản trị công ty tốt nhất - nhóm vốn hóa lớn năm 2024, đồng thời vững vàng vị thế Top 20 cổ phiếu đạt điểm số ESG cao nhất thuộc Chỉ số Phát triển Bền vững (VNSI) của HoSE trong nhiều năm liên tiếp. Những thành tựu này khẳng định cam kết mạnh mẽ của VPBank trong việc thúc đẩy phát triển bền vững, đồng thời hướng tới gia tăng giá trị lâu dài cho cổ đông cũng như các bên hữu quan.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

VPBank chi trả gần

8.000 tỷ đồng

cổ tức tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ 10%

Lợi nhuận trước thuế ngân hàng hợp nhất đạt

20.013 tỷ đồng

↗ 85,2% so với năm 2023

Nền tảng được bồi đắp và củng cố trong năm 2024 sẽ là bước đệm quan trọng để VPBank tiếp tục hành trình tăng trưởng bền vững và kiến tạo thịnh vượng, đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước. Trên chặng đường này, VPBank đặt mục tiêu vươn lên thành một trong 3 ngân hàng lớn nhất Việt Nam và nằm trong nhóm 100 ngân hàng lớn nhất châu Á.

Nền kinh tế tiếp tục đà tăng trưởng trong năm 2024 nhưng vẫn đối mặt với không ít thách thức, như sự mở rộng không đồng đều giữa các lĩnh vực. Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu dùng phục hồi chậm hơn dự kiến và những nút thắt trên thị trường bất động sản chưa được tháo gỡ phần nào tác động đến tăng trưởng tín dụng và làm gia tăng yêu cầu về dự phòng rủi ro. Đến giai đoạn cuối năm, tín dụng toàn hệ thống mới ghi nhận những tín hiệu khởi sắc. Tuy vậy, thị trường bảo hiểm và chứng khoán chứng lại đã ảnh hưởng đáng kể đến nguồn thu từ hoạt động dịch vụ của các ngân hàng.

Trước những diễn biến đó, VPBank nỗ lực, linh hoạt thực hiện các mục tiêu tăng trưởng, mở rộng khai thác các phân khúc mới và tiềm năng, đồng thời không ngừng củng cố nền tảng và nâng cao năng lực quản trị rủi ro. Những nỗ lực này thể hiện sự chủ động của VPBank trong việc thích ứng với diễn biến thị trường và hướng tới các mục tiêu trong dài hạn. Mặc dù vậy, những biến động của thị trường trong năm 2024 đã tác động không nhỏ đến kết quả kinh doanh của ngân hàng.

- VPBank chi trả gần 8.000 tỷ đồng cổ tức tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ 10%, hoàn thành mục tiêu đề ra tại ĐHĐCĐ. Đây là năm thứ hai ngân hàng trả cổ tức bằng tiền mặt, thể hiện cam kết mạnh mẽ với quyền lợi của cổ đông, khẳng định sự bền vững và ổn định trong chiến lược phát triển dài hạn.
- Tổng tài sản hợp nhất của VPBank tính đến cuối năm 2024 đạt 923.848 tỷ đồng, tăng trưởng 13% so với đầu năm và thực hiện 94,8% kế hoạch đề ra. Với kết quả trên, VPBank vững vàng đứng trong nhóm ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân hàng đầu, với tổng tài sản tiệm cận mức 1 triệu tỷ đồng.
- Dư nợ cấp tín dụng hợp nhất cuối kỳ ở mức 709.986 tỷ đồng, tăng 18,2% so với đầu năm, thực hiện 94,4% kế hoạch. Kết quả này phản ánh chiến lược chủ động và thận trọng của ngân hàng trong việc kiểm soát chất lượng tài sản, giảm thiểu rủi ro tiềm ẩn, đảm bảo sự phát triển bền vững và ổn định.
- Huy động tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá hợp nhất đạt 552.642 tỷ đồng, tăng 12,7% so với đầu năm, thực hiện 92,3% kế hoạch và đảm bảo an toàn thanh khoản.
- Tỷ lệ NPL theo Thông tư 31 của ngân hàng mẹ được kiểm soát ở mức dưới 3%, đạt 2,47%, hoàn thành kế hoạch. Đặc biệt, tỷ lệ NPL giảm rõ rệt không chỉ ở ngân hàng mẹ mà còn ở trên cấp độ hợp nhất. Kết quả này đến từ các biện pháp chủ động và hiệu quả trong việc kiểm soát chất lượng tài sản, cũng như nỗ lực tăng cường thu hồi nợ.
- Lợi nhuận trước thuế ngân hàng hợp nhất đạt 20.013 tỷ đồng, tăng 85,2% so với năm 2023. Mặc dù hoàn thành 86% kế hoạch ĐHĐCĐ giao, kết quả này vẫn rất đáng ghi nhận, đặc biệt khi VPBank là một trong những ngân hàng tăng trưởng lợi nhuận cao nhất năm 2024. Đây là kết quả của toàn bộ hệ thống VPBank trong việc tối ưu hóa hoạt động và nâng cao hiệu quả kinh doanh, đặc biệt là nỗ lực của FE CREDIT sau hai năm tái cấu trúc.



Khối Khách hàng cá nhân (RB)

Trong bối cảnh nhu cầu tiêu dùng chưa phục hồi mạnh mẽ và cạnh tranh gay gắt giữa các ngân hàng, RB của VPBank đã ghi nhận một số kết quả tích cực trong năm 2024. Nhờ ứng dụng công nghệ mới và cải tiến dịch vụ, RB đã nâng cao trải nghiệm, mở rộng tệp khách hàng, đóng góp đáng kể vào sự phát triển bền vững của ngân hàng.

Tín dụng vững vàng trước thách thức vĩ mô

Tốc độ tăng trưởng tín dụng của phân khúc bán lẻ chậm lại so với năm ngoái dưới tác động của kinh tế vĩ mô, nhưng đã có sự cải thiện trong quý cuối cùng. Kết thúc năm 2024, quy mô tín dụng của RB vẫn tăng trưởng gần 4,6% so với 2023, đạt gần 260.000 tỷ đồng. Hơn 180.000 khách hàng được giải ngân mới và hơn 500.000 thẻ tín dụng được phát hành trong năm 2024.



Doanh số giao dịch thẻ
trong năm 2024 đạt hơn

170.000 tỷ đồng

↗14% so với cùng kỳ

Do những thách thức từ thị trường bất động sản, dư nợ cho vay mua nhà của VPBank tăng trưởng chậm trong 3 quý đầu năm 2024. Tuy nhiên, đến quý IV, mảng này đã có sự bứt phá mạnh mẽ, nâng dư nợ lên gần 94.000 tỷ đồng, tăng 10% so với đầu năm. Sự phục hồi của tín dụng bất động sản trong 3 tháng cuối năm cho thấy những tín hiệu tích cực, phản ánh nhu cầu vay mua nhà đang dần cải thiện.

Trong năm 2024, VPBank đã thực hiện việc “may đo” chính sách cho các đối tác, như Nhà dự án chiến lược, Tái tài trợ khoản vay bất động sản, hộ kinh doanh, RACE Car (cho vay xe ô tô)... Lãi suất cho vay được điều chỉnh đảm bảo tính cạnh tranh và hiệu quả cho ngân hàng. Đặc biệt, doanh số giải ngân cho riêng vay ô tô đạt 16.600 tỷ đồng, tăng 41% so với năm 2023. VPBank giữ vững vị trí dẫn đầu về mảng cho vay mua xe du lịch (xe dưới 9 chỗ và xe bán tải) mới với 61% thị phần.

Bên cạnh đó, nhờ thiết kế các sản phẩm tín chấp có tính linh hoạt cao, phù hợp với hầu hết đối tượng khách hàng, đến cuối năm 2024, dư nợ mảng kinh doanh này của VPBank đã tăng trưởng 8% so với 2023. Đối với các hộ kinh doanh, ngân hàng cũng triển khai đầy đủ các giải pháp tài chính nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng.

Trong năm 2024, VPBank tiếp tục tung ra các gói sản phẩm tín dụng đi kèm với tài khoản CASA, cung cấp khoản vay ngay lập tức khi khách hàng có nhu cầu, tạo nên một dịch vụ tài chính khép kín, toàn diện. Đồng thời, VPBank đã triển khai thành công sản phẩm Mua trước trả sau (BNPL) với đối tác Shopee, giúp mở rộng hơn nữa hệ sinh thái dịch vụ tới khách hàng, đặc biệt là giới trẻ.

VPBank tiếp tục ghi dấu ấn trong mảng thẻ tín dụng nhờ việc ra mắt sản phẩm VPBank Flex đa năng “2 trong 1”, tích hợp cả thẻ ghi nợ (debit) và thẻ tín dụng (credit) trên một thẻ vật lý duy nhất. Theo số liệu từ Hiệp hội Thẻ, đến cuối năm 2024, VPBank có 1,7 triệu thẻ tín dụng lưu hành, tăng trưởng 14% so với cuối năm 2023. Doanh số giao dịch thẻ trong năm 2024 đạt hơn 170.000 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ, tiếp tục duy trì vị trí số 1 thị trường.

Ý thức được rằng thực hành ESG không chỉ giúp cải thiện hiệu quả quản trị rủi ro mà còn nâng cao chất lượng hoạt động và lợi nhuận, mang đến cơ hội mở rộng thị trường, thu hút dòng vốn đầu tư, nhận hỗ trợ kỹ thuật từ các tổ chức tài chính quốc tế, RB đã tích hợp chiến lược này vào mọi khía cạnh kinh doanh và vận hành.

VPBank đã hợp tác với các đối tác như BYD, VinFast để cung cấp gói tín dụng linh hoạt, hấp dẫn nhất thị trường nhằm tạo cơ hội cho người tiêu dùng Việt được sở hữu dòng xe điện thông minh, hiện đại hàng đầu thế giới. Đồng thời, ngân hàng cũng không ngừng mở rộng sản phẩm với các gói vay đa dạng, lãi suất và điều kiện trả nợ linh hoạt, tăng khả năng tiếp cận tín dụng dễ dàng đến tất cả đối tượng khách hàng và đối tác, tạo nên một hệ sinh thái vững mạnh; hỗ trợ các khu vực, khách hàng chịu ảnh hưởng thiên tai...

Đa dạng giải pháp huy động

Năm 2024, VPBank liên tục triển khai nhiều cơ chế chính sách lãi suất và các chương trình ưu đãi dành riêng cho từng phân khúc khách hàng. Ngân hàng cũng cung cấp những chính sách ưu đãi lãi suất cho các nhóm khách hàng đặc thù: người cao tuổi, người chi lương, chủ hộ kinh doanh, hộ gia đình, hưu trí... Bên cạnh những sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn linh hoạt trên nền tảng VPBank NEO, VPBank đã cùng VPBankS ra mắt sản phẩm phẩm eKASH nhằm gia tăng cơ hội sinh lời cho khách hàng.

Đồng thời, VPBank chính thức hợp tác với Thế Giới Di Động để trở thành ngân hàng đầu tiên triển khai mô hình đại lý thanh toán tại Việt Nam. Thông qua sự hợp tác này, khách hàng dễ dàng tiếp cận các dịch vụ tài chính như nộp/rút/chuyển tiền, mở tài khoản thanh toán VPBank NEO, mở thẻ tín dụng online 100%... tại 3.000 điểm bán lẻ của Thế Giới Di Động, Điện máy XANH trên toàn quốc.

Trong năm 2024, bên cạnh tăng trưởng quy mô, hiệu quả huy động vốn của VPBank tiếp tục được cải thiện. Quy mô CASA bình quân tăng 43% so với 2023 và tỷ trọng CASA trong cơ cấu huy động vốn tiếp tục tăng, đạt 12% vào năm 2024 so với 10% năm 2023.

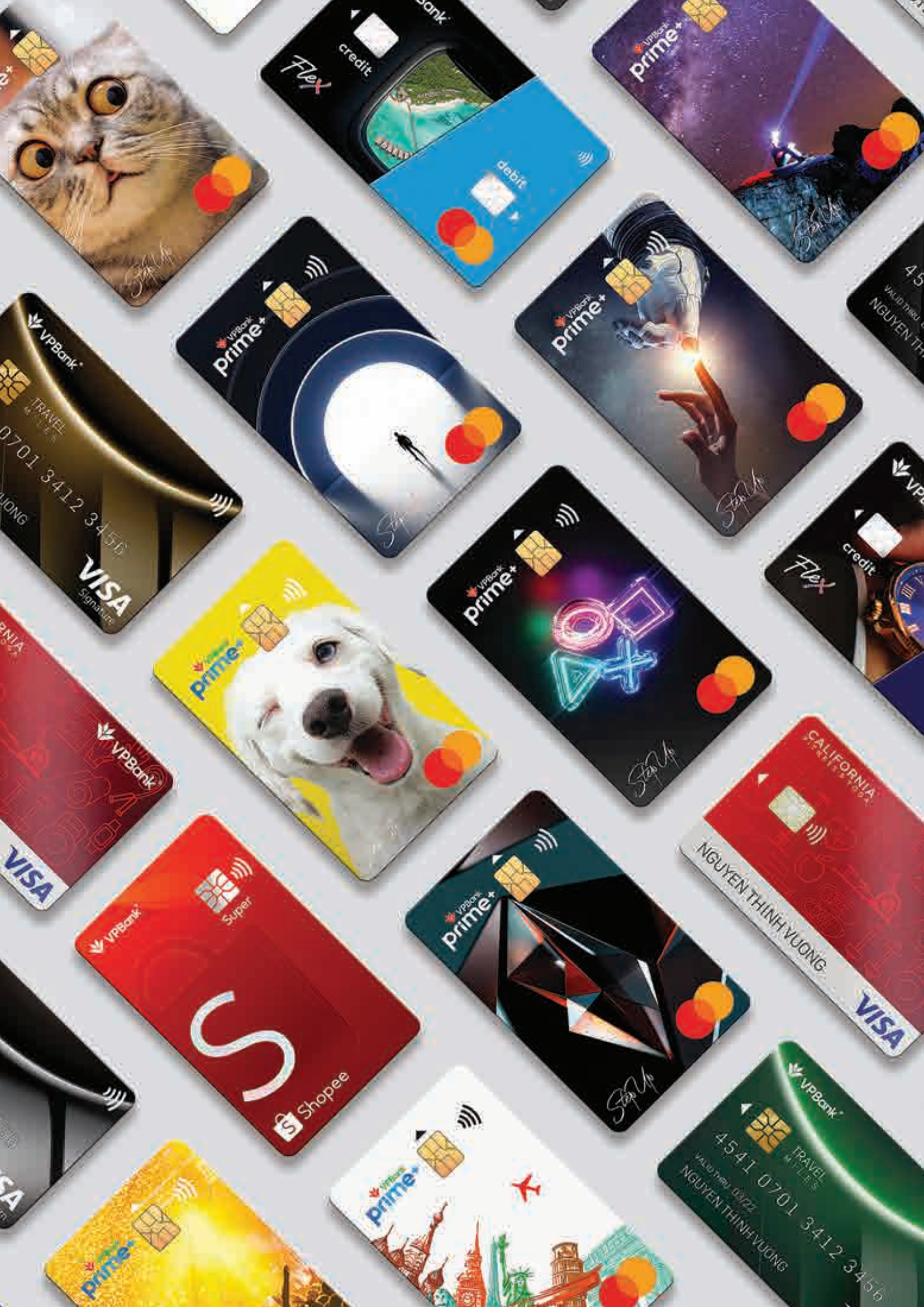
Kiên định chiến lược phủ phân khúc

VPBank kiên định với chiến lược phủ phân khúc, từ Affluent – VPBank Diamond đến Mass Affluent – VPBank Prime và CommCredit – Hộ kinh doanh, đồng thời liên tục hoàn thiện nâng cao chất lượng dịch vụ và cho ra mắt các sản phẩm dịch vụ mới ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm nâng cao trải nghiệm của khách hàng ở tất cả phân khúc.

Phân khúc Affluent Banking

Affluent Banking tiếp tục được xác định là nhóm khách hàng trọng tâm của ngân hàng, với dòng sản phẩm VPBank Diamond. Tính đến hết năm 2024, VPBank Diamond có xấp xỉ 634.000 khách hàng ưu tiên.

Để nâng cao trải nghiệm cho khách hàng cũng như để tiếp tục thu hút khách hàng mới, nhiều gói giải pháp tài chính, quản lý tài sản ưu việt được triển khai, nổi bật là gói giải pháp tài chính dành riêng cho 4 nhóm chân dung khách hàng, bao gồm Diamond Business (doanh nhân và doanh nghiệp), Diamond Salary (nhà quản lý), Diamond Invest (nhà đầu tư), Diamond Retiree (hưu trí). Mới nhất là VPBank đã triển khai Diamond Family (bộ giải pháp dành cho cả gia đình), với các chính sách và ưu đãi riêng biệt.



Ngân hàng tiếp tục cung cấp các đặc quyền đẳng cấp như phòng chờ sân bay, chương trình Dấu ấn Kim Cương với trải nghiệm ẩm thực, du lịch 5 sao, golf, dịch vụ đón tiễn ưu tiên... mang đến sự hài lòng tối đa cho hội viên VPBank Diamond.

Phân khúc Mass Affluent

Tính đến hết năm 2024, số lượng khách hàng sử dụng giải pháp VPBank Prime lên tới hơn 2,4 triệu. Ngân hàng đầu tư mạnh mẽ vào các giải pháp công nghệ như tự động hóa qua kênh số với hành trình chăm sóc khách hàng, lấy số hóa và cá nhân hóa làm trọng tâm xây dựng giải pháp tài chính cho khách hàng.

Đánh dấu cột mốc 3 năm ra mắt VPBank Prime - thương hiệu tài chính đầu tiên tại Việt Nam dành riêng cho thế hệ trẻ sống bút phá - RB đã phối hợp với đối tác Nielsen hoàn thành dự án nghiên cứu thị trường về khách hàng trung lưu và xây dựng được 4 nhóm chân dung khách hàng là YOLO (người trẻ năng động), Ambitious Executive (nhà quản lý tương lai), Business Owner/Investor (chủ kinh doanh/nhà đầu tư) và Care Giver (người xây tổ ấm).

Phân khúc Hộ kinh doanh (CommCredit)

Xác định kim chỉ nam hành động là “Đồng hành tiểu thương, Vững bước thịnh vượng”, CommCredit kiên định phục vụ nhóm khách hàng hộ kinh doanh lớn (Upper Household), gồm cả khách hàng cũ và mới. CommCredit cũng đã đẩy mạnh giải pháp hỗ trợ, tư vấn tiểu thương tìm kiếm cơ hội tiếp cận nguồn vốn thuận lợi hơn; số hóa dịch vụ thanh toán giúp nâng cao hiệu quả quản lý dòng tiền và hoạt động kinh doanh của khách hàng nhằm mang lại các giải pháp kinh doanh tối ưu.

Bên cạnh đó, VPBank tiếp tục mở rộng kết nối với các đối tác từ hệ sinh thái của ngân hàng và hệ sinh thái của khách hàng; thu hút khách hàng sử dụng các giải pháp kết nối thanh toán, quản lý rủi ro và kiểm soát nợ xấu.

Bancassurance vượt sóng gió

Tổng doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng

36%

so với năm 2023

Năm 2024 đánh dấu một năm đầy thách thức nhưng cũng rất thành công của mảng bảo hiểm, nhất là bảo hiểm phi nhân thọ tại VPBank. Tổng doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng 36% so với năm 2023. Trong đó, riêng sản phẩm bảo hiểm sức khỏe độc lập ghi nhận doanh thu tăng trưởng 78%, đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh cả khối. Mảng phi nhân thọ cũng đã thành công trong việc đàm phán với các đối tác, duy trì lượng tiền gửi gần 6.000 tỷ đồng và dự kiến tăng lên 10.000 tỷ đồng vào năm 2025.

Năm 2024, dù thị trường bảo hiểm nhân thọ đối mặt khủng hoảng niềm tin và quy định chặt chẽ hơn, VPBank vẫn đạt kết quả tích cực nhờ hợp tác chặt chẽ với đối tác và triển khai các chiến lược linh hoạt. Ngân hàng hoàn tất chuyển đổi sản phẩm liên kết đầu tư sang Tử kỳ, đảm bảo tuân thủ quy định, đồng thời điều chỉnh cơ cấu doanh thu phân khúc phi tín dụng, dịch chuyển trọng tâm sang sản phẩm bảo hiểm liên kết chung, thay thế bảo hiểm liên kết đơn vị. VPBank cũng nâng cao trải nghiệm khách hàng bằng cách tích hợp thông báo tái tục và quản lý hợp đồng bảo hiểm nhân thọ trên VPBank NEO.

Hướng tới ngân hàng của tương lai

Năm 2024, VPBank đã khai trương chi nhánh flagship đầu tiên tại TP HCM - trung tâm kinh tế, tài chính lớn nhất cả nước. Sự kiện đặc biệt này đánh dấu lần đầu tiên mô hình chi nhánh flagship trong lĩnh vực ngân hàng ra mắt Việt Nam, thể hiện tầm nhìn hướng đến dịch vụ khách hàng hoàn mỹ và vị thế tiên phong của VPBank trong kỷ nguyên số hóa.

VPBank cũng thành công trong việc triển khai hệ thống phê duyệt tức thì, đánh dấu một bước tiến vượt bậc trong việc số hóa quy trình cấp tín dụng và phát hành thẻ tín dụng. Nhờ đó, thời gian xử lý hồ sơ đã được rút ngắn đáng kể, từ vài phút xuống chỉ còn 20 - 30 giây.

Đồng thời, trong năm 2024, ngân hàng đã ra mắt giải pháp chấp nhận thanh toán Tap2Phone (VPBank T2P) dành cho các doanh nghiệp, cửa hàng và hộ kinh doanh. VPBank T2P chính là điểm chạm thanh toán tối ưu cho cả người bán lẫn người mua với phương thức linh hoạt, đơn giản và tiết kiệm tối đa thời gian.

BYD 比亚迪

LỄ KÝ KẾT THỎA THUẬN HỢP TÁC MOU SIGNING CEREMONY

Vietnam | 18.07.2024



Các con số nổi bật

Tổng số lượng khách hàng cá nhân đạt

15,7 triệu

tăng trưởng 36% so với 2023



TOI tăng trưởng khoảng

21%

so với 2023

Tín dụng cho vay ô tô tăng trưởng

19%

so với 2023

duy trì vị thế số 1 thị trường cho vay mua ô tô mới



1,7 triệu

thẻ tín dụng đang lưu hành tăng 14% so với 2023

Tổng doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ tăng

36%

so với 2023

giữ vị trí số 1 thị trường

Doanh số giao dịch thẻ hơn

170.000 tỷ đồng

giữ vị trí số 1 thị trường

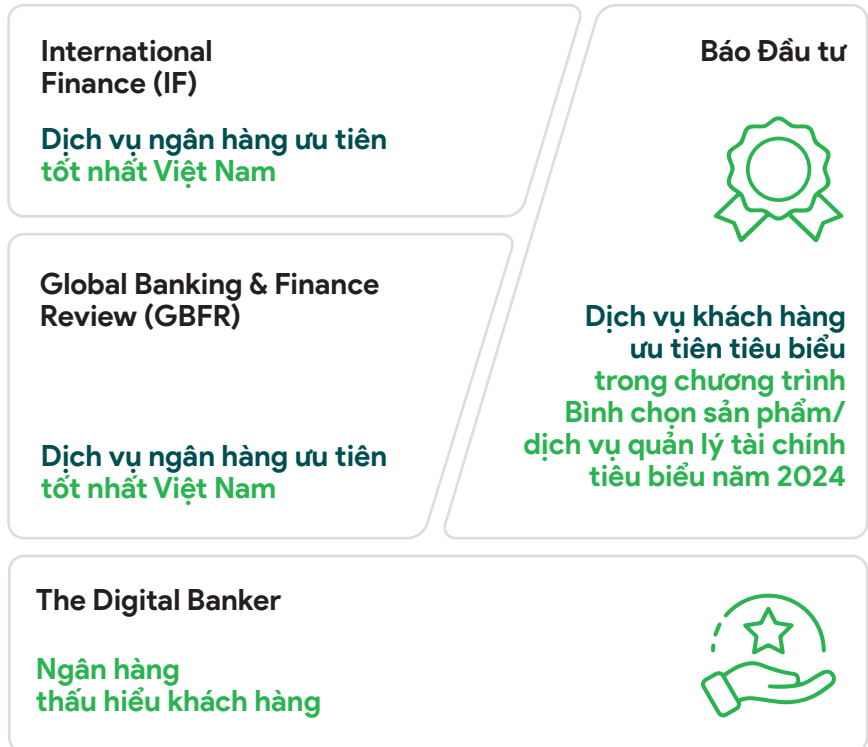
Quy mô CASA bình quân tăng trưởng

43%

so với 2023



Các giải thưởng tiêu biểu của Khối Khách hàng cá nhân trong năm 2024



Sẵn sàng bứt phá năm 2025

Năm 2025, khi nền kinh tế tăng tốc, bứt phá, VPBank sẽ nỗ lực vun đắp một nền tảng vững chắc cho mục tiêu “Thịnh vượng bền vững” thông qua thực hiện nhiều kế hoạch để không ngừng kiến tạo các giá trị bền vững cho khách hàng, nhà đầu tư và cộng đồng.

Cụ thể, VPBank sẽ triển khai mô hình kinh doanh **Trung tâm Private**, tập trung chăm sóc, cung cấp các sản phẩm dịch vụ chuyên biệt cho các khách hàng có giá trị tài sản lớn. Xác định khách hàng ưu tiên (Diamond) tiếp tục là phân khúc quan trọng trong những năm tới, VPBank sẽ không ngừng cải tiến, khắc phục các khó khăn hiện tại và phát huy các thế mạnh hiện có để đạt mốc 900.000 khách hàng ưu tiên vào năm 2026. Đồng thời, ngân hàng cũng đẩy mạnh phát triển số lượng nhóm trung lưu (Prime), với mục tiêu đạt 3,3 triệu khách hàng vào năm 2026.

Năm 2025, trong mảng tín dụng, ngân hàng sẽ đẩy mạnh tăng trưởng cho vay thế chấp bằng các giải pháp tài chính linh hoạt, mở rộng chính sách nhằm duy trì và mở rộng thị phần. Đồng thời, VPBank tập trung phát triển tín dụng ngắn hạn để tối ưu biên lãi thuần (NIM) và kiểm soát chất lượng danh mục vay, đảm bảo hiệu quả bền vững.

Bên cạnh đó, VPBank tiếp tục đặt mục tiêu mở rộng quy mô huy động thông qua chiến lược phát triển sản phẩm theo từng phân khúc khách hàng, đa dạng hóa kênh phân phối và triển khai các chương trình gắn kết nhằm nâng cao giá trị dài hạn.

Song song, ngân hàng sẽ tiếp tục thúc đẩy số hóa quy trình bán hàng và tối ưu chính sách sản phẩm theo từng nhóm khách hàng mục tiêu. Các chính sách bán mới được xây dựng trên nguyên tắc thận trọng, đảm bảo cân bằng giữa tăng trưởng và hiệu quả tài chính. Với chiến lược phát triển linh hoạt, ứng dụng công nghệ hiện đại và mở rộng hợp tác chiến lược, VPBank cam kết mang lại giá trị bền vững cho khách hàng và cộng đồng.

Trong lĩnh vực bảo hiểm, ngân hàng sẽ tiếp tục mở rộng hoạt động ở cả hai mảng phi nhân thọ và nhân thọ. VPBank đẩy mạnh hợp tác phát triển sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ mới, tăng cường ứng dụng công nghệ để củng cố vị thế dẫn đầu. Ở mảng bảo hiểm nhân thọ, ngân hàng tập trung nâng cấp quy trình bán hàng theo hành trình khách hàng, ứng dụng AI/ML và phân tích dữ liệu nhằm nâng cao năng suất, chất lượng bán hàng, đồng thời cải thiện dịch vụ hậu mãi theo phương châm “Khách hàng là trọng tâm”.

Bên cạnh các mục tiêu kinh doanh, VPBank cũng cam kết đẩy mạnh các giải pháp tài chính bền vững, hướng tới hỗ trợ lộ trình đạt Net Zero vào năm 2050, góp phần tạo ra những giá trị tích cực cho môi trường và xã hội.

Khối Khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME)

Tín dụng ưu đãi cho tăng trưởng bền vững

Hưởng lợi nhờ sự hồi phục lĩnh vực xuất nhập khẩu, tín dụng của SME đã ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ. Khối đã triển khai hàng loạt chính sách của Chính phủ và chương trình cho vay ưu đãi, chung tay cùng doanh nghiệp tăng trưởng bền vững.

Kết thúc năm 2024, dư nợ tín dụng của phân khúc SME của VPBank tăng trưởng gần 32% so với năm trước, đạt gần 70.000 tỷ đồng. Dòng vốn được giải ngân vào những ngành trọng điểm như bất động sản, gạo, dệt may, dược, vật tư và thiết bị y tế, tài trợ thương mại...

Để chuẩn bị nguồn vốn trung - dài hạn dồi dào phục vụ nhu cầu vay vốn ngày càng cao của doanh nghiệp, ngân hàng đã chủ động tìm kiếm và hợp tác toàn diện với các đối tác trong và ngoài nước. Nhờ vậy, khách hàng SME được tiếp cận các bộ sản phẩm cho vay phong phú, với lãi suất cạnh tranh và thời gian vay linh hoạt. Chẳng hạn, gói vay với lãi suất ưu đãi từ 2,3%/năm của VPBank, hậu thuẫn bởi Quỹ Phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEDF) đã được cộng đồng doanh nghiệp SME đón nhận tích cực.

Cùng với đó, thực thi chỉ đạo của Chính phủ triển khai chương trình tín dụng 120.000 tỷ đồng dành cho nhà ở xã hội, VPBank đã tung gói vay đặc thù hỗ trợ khách hàng SME là chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, dự án cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ...

Gói tín dụng xanh dành cho khách hàng có hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực xanh, sạch và thân thiện với môi trường cũng được ngân hàng đặc biệt chú trọng và liên tục giới thiệu tới các nhóm khách hàng mục tiêu, qua đó góp phần hiện thực hóa mục tiêu quốc gia Net Zero tới năm 2050.

Sát cánh cùng doanh nghiệp

Đi đôi với thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, VPBank tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào các giải pháp công nghệ và tự động hóa nhằm tối ưu hiệu quả vận hành, đơn giản hóa quy trình cho vay, giúp nâng cao trải nghiệm khách hàng, tiết kiệm thời gian trong các giao dịch thanh toán.

Trong năm 2024, ngân hàng đã hoàn thiện tính năng thu phí tự động và quy trình cấp tín dụng trực tuyến 100% từ giai đoạn đề xuất, ký kết hợp đồng cho đến giải ngân và thậm chí cả giải chấp tài sản đảm bảo và thu nợ. VPBank cũng tiên phong ứng dụng công nghệ AI nhằm nhận diện thông tin đăng ký kinh doanh, căn cước công dân, giúp khách hàng tiết kiệm thời gian và giảm thiểu sai sót khi nhập dữ liệu.

Đồng thời, giải pháp REMOTA CA hỗ trợ đăng ký chữ ký số (eSign) trên ứng dụng NEOBiz đã hoàn toàn thay thế phương thức truyền thống, giảm 90% thời gian xử lý hồ sơ, với độ chính xác đạt 98%, giúp doanh nghiệp dễ dàng sở hữu tài khoản chỉ trong 5 phút, mọi lúc mọi nơi.

Tính tới cuối năm 2024, VPBank ghi nhận cột mốc 150.000 POS lắp đặt tại các doanh nghiệp SME, tương đương mức tăng trưởng 700% so với năm 2023. Nhiều giải pháp thanh toán hiện đại như Tap to Phone, công nghệ thanh toán thu phí giao thông Transit Payment – EMV Open Loop, thanh toán thẻ ảo ICCP đã được giới thiệu ra thị trường, giúp khách hàng và nhà bán lẻ đa dạng các lựa chọn.

Những nỗ lực tích hợp giải pháp thanh toán toàn diện thông qua các chương trình liên kết đối tác với Be Group, Thế Giới Di Động và Bách hóa XANH từng bước đưa VPBank đến vị thế dẫn đầu thị trường thanh toán hiện nay.

Với sự thấu hiểu sâu sắc về đặc thù ngành của doanh nghiệp xuất nhập khẩu – những khó khăn như tình trạng chênh lệch múi giờ hành chính, khác biệt trong mùa vụ kinh doanh... VPBank tập trung đầu tư nguồn lực nhằm đa dạng các giải pháp tài trợ thương mại và tiện ích thanh toán TTR (thanh toán bằng điện có bồi hoàn) trực tuyến 100% trên ứng dụng NEOBiz, giúp khách hàng giải quyết các điểm nghẽn trong hoạt động kinh doanh thường nhật.

Bên cạnh đó, VPBank cung cấp các dịch vụ vượt trội tới các doanh nghiệp xuất nhập khẩu bao gồm ứng trước tiền cho lô hàng ngay khi có hợp đồng xuất khẩu, tận hưởng tỷ lệ chiết khấu thuộc nhóm cao nhất thị trường, thời gian chiết khấu dài với phí và lãi suất cạnh tranh, thời gian xử lý được gói gọn trong vòng 4 giờ kể từ lúc nhận đủ hồ sơ cho đến khi giải ngân...

Lắp đặt

150.000 POS

tại các doanh nghiệp SME

↗ 700% so với năm 2023

Các con số nổi bật

Quy mô tín dụng tăng

31,7%

So với năm 2023

Quy mô huy động tăng

10,7%

So với năm 2023

Số lượng khách hàng lũy kế đạt

160.000 doanh nghiệp SME

Các giải thưởng tiêu biểu trong năm 2024

Giải thưởng Visa

Ngân hàng dẫn đầu về doanh số thanh toán tại đơn vị chấp nhận thẻ 2024

Ngân hàng dẫn đầu trong lĩnh vực thẻ doanh nghiệp 2024

Đối tác chấp nhận thanh toán số xuất sắc nhất 2024

Giải thưởng Mastercard

Ngân hàng dẫn đầu về doanh số thanh toán tại đơn vị chấp nhận thẻ 2024



Global Banking and Finance Review

Ứng dụng ngân hàng tốt nhất cho doanh nghiệp Micro SME và SME năm 2024

International Finance Magazine

Ngân hàng cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến tốt nhất Việt Nam năm 2024

Kế hoạch năm 2025

Trong nỗ lực hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng bền vững, với động lực đến từ số hóa, VPBank sẽ tiếp tục nghiên cứu các giải pháp tài chính đa dạng, linh hoạt, được “may đo” theo đặc thù ngành và tình hình kinh doanh của doanh nghiệp, nhằm đáp ứng trúng và đúng nhu cầu vay vốn phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh của khách hàng.

Trong năm 2025, bên cạnh các kênh truyền thống, kênh đối tác và agent banking, đặc biệt là các nền tảng thương mại điện tử, sẽ là chiến lược trọng điểm được VPBank triển khai, hứa hẹn đem lại nhiều cơ hội bứt phá, mở rộng quy mô khách hàng.

Khối Khách hàng doanh nghiệp lớn và đầu tư (CIB)

Sự phục hồi tích cực của doanh nghiệp lớn đã tạo điều kiện cho hoạt động tín dụng và đầu tư tăng tốc, giúp CIB đạt kết quả tăng trưởng cao và kiểm soát tốt rủi ro.

Linh hoạt chiến lược để tăng trưởng bền vững

Theo đà phục hồi của những đầu tàu kinh tế sau đại dịch Covid-19, CIB đã sáng tạo các giải pháp tài chính linh hoạt, giúp doanh nghiệp nhanh chóng tiếp cận tín dụng, kịp thời đưa dòng vốn vào sản xuất kinh doanh. Đồng thời, CIB cũng kiểm soát rủi ro nghiêm ngặt, giảm thiểu tối đa các khoản nợ xấu thông qua sàng lọc, thẩm định, đánh giá kỹ từng khách hàng và khoản vay. Nhờ đó, khối đã đạt kết quả tăng trưởng theo kịch bản cao nhất và kiểm soát NPL bằng 0.

Trước áp lực cạnh tranh từ các ngân hàng khác, CIB luôn linh hoạt điều chỉnh chiến lược, tăng cường quan hệ đối tác, đa dạng hóa danh mục tài trợ và tăng cường sự hiện diện của các giải pháp tài chính số. CIB hoàn thành công tác huy động theo kế hoạch của ngân hàng trong từng thời kỳ. Khối cũng đã kết nối cùng các đơn vị kinh doanh, công ty thành viên trong tập đoàn VPBank nhằm tối ưu năng lực bán và tăng doanh thu, ghi nhận hiệu quả tích cực, làm tiền đề để tiếp tục triển khai trong năm 2025.

Với công tác chuyển đổi số, CIB đã tư vấn các doanh nghiệp liên kết hệ thống ERP (hoạch định tài nguyên doanh nghiệp) với ngân hàng, giúp kết nối liền mạch, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng trong giao dịch, quản lý tài chính và theo dõi dòng tiền. Ngoài ra, các công cụ phân tích dữ liệu, AI và tự động hóa quy trình (RPA) đã được ứng dụng mạnh mẽ, góp phần tối ưu chi phí vận hành, giúp dịch vụ được cung cấp nhanh chóng và chính xác hơn. Những đổi mới này góp phần nâng cao hiệu suất nhân viên cũng như mang lại lợi ích trực tiếp cho khách hàng.

Hòa chung chiến lược ESG của ngân hàng, CIB triển khai chương trình cấp tín dụng tài chính xanh Green loan, thúc đẩy doanh nghiệp áp dụng các mô hình kinh doanh bền vững, giúp giảm tác động tiêu cực đến môi trường và hỗ trợ khách hàng tiếp cận gói vay với lãi suất cạnh tranh.

Kiểm soát tốt chất lượng tài sản trong năm 2025

Trong năm 2025, CIB tập trung vào mục tiêu tăng trưởng huy động và nâng cao thu nhập từ phí, cũng như mở rộng, đa dạng hóa danh mục cho vay. Khối cũng đặt mục tiêu kiểm soát tốt chất lượng và quản trị rủi ro tín dụng, đảm bảo ở mức tối thiểu. Về yếu tố công nghệ, CIB dự kiến đẩy mạnh ứng dụng AI và các nền tảng tài chính số nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng, cải thiện quy trình vận hành nội bộ. Cuối cùng, khối đặt mục tiêu xây dựng, đào tạo đội ngũ chuyên gia tài chính có năng lực, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu cao của thị trường.

Với các mục tiêu phát triển bền vững, CIB hướng tới mở rộng các sản phẩm tài chính xanh, tích hợp yếu tố ESG vào danh mục tài trợ khách hàng, xây dựng các giải pháp tài chính xanh và hỗ trợ doanh nghiệp trong hành trình chuyển đổi xanh.

Khối Khách hàng doanh nghiệp (CMB)

Năm bắt cơ hội

Dư nợ tín dụng xanh năm 2024 gấp

3,5 lần

Chiến lược tăng trưởng năm 2025

Năm 2024, trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp mở rộng hoạt động kinh doanh, VPBank tận dụng cơ hội và đẩy mạnh tăng trưởng mảng cho vay khách hàng này, góp phần tích cực vào kết quả chung của toàn ngân hàng.

Nắm bắt cơ hội từ đà tăng trưởng kinh tế, xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng và dòng vốn FDI đổ vào lĩnh vực công nghiệp, CMB tập trung khai thác nhóm doanh nghiệp bất động sản khu công nghiệp như Becamex, Kinh Bắc trong năm 2024. Với lĩnh vực bất động sản nhà ở, VPBank hướng tới vào nhóm khách hàng hiện hữu, sở hữu dự án có pháp lý tốt. Ngoài ra, khối đã tìm kiếm, khai thác khách hàng mới từ hệ sinh thái; chuỗi khách hàng từ tổng thầu, thầu chính, thầu phụ; khách hàng được các khối khác giới thiệu; khách hàng có doanh số xuất nhập khẩu lớn lớn và khách hàng tại các khu công nghiệp...

CMB mang đến các giải pháp tài chính “may đo” tới từng doanh nghiệp. Ngoài cung cấp các sản phẩm, dịch vụ của ngân hàng, cán bộ nhân viên CMB cũng như các chuyên gia luôn đồng hành và tư vấn giải pháp tài chính tổng thể cho khách hàng. Khối cũng tiếp tục triển khai chiến lược tái cấu trúc danh mục tín dụng, xử lý nợ, thu hồi tối đa các khoản lãi treo và hoàn nhập chi phí dự phòng rủi ro. Nhờ đó, tỷ lệ NPL của CMB được cải thiện đáng kể, giúp giảm thiểu rủi ro cho cả khách hàng và ngân hàng, tối ưu hóa doanh thu và lợi nhuận.

Khối đạt kết quả trên trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt giữa các ngân hàng về lãi suất, điều kiện tín dụng, phí... Nhiều doanh nghiệp, đặc biệt nhóm bất động sản, vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn, vướng mắc. CMB đã đồng hành cùng khách hàng vượt qua giai đoạn khó khăn với các giải pháp như chủ động giảm lãi suất, giảm phí. Những giải pháp linh hoạt này đã giúp khối duy trì quy mô, tiếp tục phát huy thế mạnh tại phân khúc cốt lõi.

Hướng tới mục tiêu thịnh vượng bền vững, CMB tích hợp yếu tố ESG vào hoạt động kinh doanh, thông qua việc tập trung vào đào tạo cán bộ nhân viên không chỉ hiểu rõ về tín dụng xanh mà còn có khả năng tư vấn chuyên sâu cho khách hàng, hỗ trợ doanh nghiệp tích hợp các giải pháp xanh vào hoạt động kinh doanh. Kết quả, dư nợ tín dụng xanh của khối gấp gần 3,5 lần so với năm 2023, phân bổ vào nhiều lĩnh vực trọng điểm như: nông nghiệp xanh và nông nghiệp tuần hoàn; tái chế tài nguyên, xử lý chất thải và chống ô nhiễm; năng lượng tái tạo và quản lý nước bền vững tại đô thị và nông thôn; công nghiệp xanh, tiết kiệm năng lượng.

Hướng tới năm 2025, CMB tập trung khai thác sâu hơn những phân khúc cốt lõi và phân khúc tiềm năng, đặc biệt là nhóm doanh nghiệp bất động sản đang hưởng lợi từ xu hướng dịch chuyển sản xuất và những dự án bất động sản nhà ở có pháp lý minh bạch. Khối cũng hướng dòng vốn vào các doanh nghiệp gặp khó khăn về thanh khoản nhưng sở hữu tài sản bảo đảm tốt, giúp ngân hàng mở rộng danh mục cho vay. CMB chủ động đa dạng nguồn vốn huy động để tối ưu hóa chi phí, cũng như thúc đẩy khách hàng sử dụng các dịch vụ thanh toán.

Ngoài ra, khối dự kiến tiếp tục phát huy sức mạnh hệ sinh thái ngân hàng mẹ, thúc đẩy các giải pháp thanh toán, đồng tài trợ cùng FE CREDIT và GPBank nhằm tối ưu hiệu quả. CMB cũng sẽ nâng cao kiểm soát rủi ro và tái cấu trúc danh mục tín dụng, đảm bảo sự ổn định trong dài hạn.

Với chiến lược ESG, trong những năm tới, CMB xác định tiếp tục khai thác khách hàng trong những lĩnh vực bền vững, vẫn còn dư địa tăng trưởng như: năng lượng tái tạo, nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn, các dự án nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng.

Khối Thị trường tài chính và Ngân hàng giao dịch (FMTB)

Dẫn đầu về huy động vốn bền vững

Năm 2024, FMTB đối diện với nhiều thách thức, từ huy động nguồn vốn bền vững, ứng phó với biến động tỷ giá đến phát triển các sản phẩm đặc thù cho khách hàng doanh nghiệp. Bằng những chiến lược linh hoạt và hiệu quả, FMTB vẫn đạt được những thành tựu quan trọng, đóng góp tích cực vào mục tiêu “Thịnh vượng bền vững” của ngân hàng.

Trong năm 2024, mảng huy động vốn quốc tế dài hạn của FMTB tiếp tục được định hướng tập trung 100% vào tài chính xanh, tài chính xã hội để tạo động lực tăng trưởng và hỗ trợ các hoạt động bền vững, đúng theo chiến lược về ESG của VPBank. FMTB ghi dấu ấn đậm nét khi huy động thành công 735 triệu USD vốn bền vững từ các định chế tài chính toàn cầu trong năm 2024, bao gồm:

- Khoản vay hợp vốn trị giá 400 triệu USD kỳ hạn 3 năm do SMBC làm bên thu xếp chính, cùng với Maybank, MUFG, Commerzbank, CTBC, KGI... nhằm hỗ trợ tài chính cho các lĩnh vực có tác động xã hội tích cực theo Khung Tài chính Xã hội của VPBank.
- Khoản vay song phương trị giá 300 triệu USD, kỳ hạn 7 năm từ Tập đoàn Tài chính Phát triển Quốc tế Mỹ (DFC) là nguồn bổ sung tài chính quan trọng giúp VPBank thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động tài chính bền vững như hỗ trợ doanh nghiệp SME, doanh nghiệp SME do phụ nữ làm chủ và dự án xanh.
- Khoản vay trị giá 35 triệu USD, kỳ hạn 5 năm từ Ngân hàng Phát triển Doanh nghiệp Hà Lan (FMO) với mục tiêu hỗ trợ doanh nghiệp SME và thúc đẩy tài chính khí hậu.

VPBank và Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) đã ký kết hợp đồng tín dụng lên tới 150 triệu USD tài trợ cho các dự án năng lượng tái tạo tại Việt Nam, góp phần hiện thực hóa mục tiêu Net Zero tới năm 2050.

Sang năm 2025, VPBank tiếp tục đẩy mạnh huy động nguồn vốn bền vững từ các Định chế tài chính phát triển (DFIs) để hoàn thiện chiến lược tăng trưởng bền vững, cải thiện năng lực quản trị rủi ro, nâng cao hiệu quả đầu tư, đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực tài chính xanh. Dòng vốn này sẽ góp phần cụ thể hóa cam kết cắt giảm khí nhà kính của Chính phủ, đóng góp vào Các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc.

Đồng bộ triển khai chiến lược ESG

Với vai trò đơn vị đầu mối, năm 2024, FMTB đã triển khai đồng bộ các chính sách và kế hoạch phát triển chiến lược ESG của ngân hàng. Khối đã hợp tác với IFC nâng cao năng lực về tăng trưởng xanh và quản lý rủi ro khí hậu; phối hợp với các đơn vị kinh doanh thúc đẩy tín dụng xanh và thành lập phòng ban chuyên trách về tín chỉ carbon; hợp tác với ADB nghiên cứu hỗ trợ tiếp cận tài chính cho doanh nghiệp SME do phụ nữ làm chủ (We-Fi) và cùng các đơn vị liên quan xây dựng chính sách về trách nhiệm xã hội.

Năm thứ 6 liên tiếp trong danh sách



20 công ty có Chỉ số Phát triển Bền vững cao nhất thị trường chứng khoán (VNSI) của HOSE

Nhà tạo lập thị trường tích cực

Năm 2024, VPBank tiếp tục giữ vai trò là nhà tạo lập thị trường các mảng kinh doanh ngoại hối, trái phiếu Chính phủ và phái sinh lãi suất. Trong năm qua, Trung tâm Thị trường Tài chính (FM) đã cung cấp dịch vụ phái sinh lãi suất cho nhiều khách hàng lớn với khối lượng lên tới 300 - 400 triệu USD. Đặc biệt, FM còn chính thức được cấp phép kinh doanh, môi giới phái sinh giá cả hàng hóa, tạo tiền đề cho việc triển khai trong năm tới.

Sang năm 2025, bên cạnh mục tiêu lợi nhuận, trung tâm còn có kế hoạch đẩy mạnh số hóa cho hoạt động kinh doanh ngoại hối, hỗ trợ đơn vị bán sản phẩm thúc đẩy và phát triển dịch vụ cung cấp tới khách hàng.

Ngân hàng giao dịch hiện đại

Trung tâm Ngân hàng giao dịch (TB) trực thuộc FMTB đã có nhiều giải pháp để thúc đẩy mạnh mẽ mảng sản phẩm ngân hàng giao dịch với các mũi nhọn chính:

- **Tài trợ thương mại và chuỗi cung ứng:** VPBank phát triển gói tài chính chuyên biệt theo ngành, đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp. Cùng SMBC và FDIC, ngân hàng tài trợ chuỗi cung ứng ô tô, xe máy, hàng tiêu dùng nhanh, dược phẩm, bán lẻ.
- **Kinh doanh ngoại hối:** Trên cơ sở tăng trưởng ấn tượng về cho vay xuất nhập khẩu trong năm 2024, VPBank cung cấp giải pháp phái sinh để giảm rủi ro tỷ giá, lãi suất và tiếp tục duy trì vị thế hàng đầu trong giao dịch phái sinh bảo hiểm tỷ giá, lãi suất.
- **Sản phẩm Lưu ký và Ngân hàng giám sát (CFS):** CFS lưu ký thành công 1,19 tỷ cổ phiếu VPBank phát hành cho SMBC, đưa VPBank vào top 5 ngân hàng lưu ký lớn nhất, đồng thời hoàn thiện hệ thống Ngân hàng lưu ký DSB để kết nối KRX nhằm đáp ứng quy định mới.
- **Nâng cao năng lực số hóa:** Phiên bản VPBank NEOBiz Plus ra mắt với nhiều cải tiến và nâng cấp, bổ sung các tính năng vượt trội và cá nhân hóa trải nghiệm cho khách hàng doanh nghiệp.

Trong năm 2025, TB sẽ tiếp tục đẩy mạnh tài trợ cho nhóm khách hàng xuất nhập khẩu, tận dụng sức mạnh của SMBC để mở rộng hợp tác với khách hàng FDI. Trung tâm sẽ đẩy mạnh số hóa, kết hợp với các fintech nước ngoài và phát triển các sản phẩm mới để hỗ trợ doanh nghiệp xuất nhập khẩu như chứng chỉ tiền gửi online, đầu tư tự động (online investment)...

Các con số nổi bật

Huy động thành công

735 triệu USD

vốn bền vững từ các định chế tài chính toàn cầu

Tổng giá trị giao dịch phái sinh năm 2024 tăng trưởng

>50%

so với năm 2023

Dư nợ bình quân cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu gấp gần

2 lần

so với 2023

Tổng số lượng giao dịch thực hiện qua các kênh kết nối hệ thống gấp

2,6 lần

Các giải thưởng tiêu biểu trong năm 2024



IFC

Outstanding GTFP Issuing Bank,
Digital Banking East Asia
and Pacific 2024



Trung tâm Phát triển Đầu tư nước ngoài (FDIC)

Tăng trưởng vượt bậc

Huy động
khách hàng tăng

73%

so với 2023

Dư nợ tín dụng
gấp hơn

3 lần

Ba mũi nhọn cho năm 2025

Nắm bắt cơ hội từ dòng vốn ngoại đang chảy mạnh vào Việt Nam, FDIC ghi nhận sự bứt phá ấn tượng trong năm 2024. Với sự hỗ trợ từ cổ đông chiến lược SMBC, khối tận dụng tối đa nguồn lực, kinh nghiệm quốc tế và mạng lưới khách hàng rộng khắp, giúp VPBank mở rộng thị phần và khẳng định vị thế trong phân khúc FDI.

Trong năm thứ hai đi vào hoạt động, FDIC đã có những bước tiến đáng kể về cơ cấu tổ chức và ghi nhận sự phát triển vượt trội trong phân khúc khách hàng FDI. Những kết quả này vừa là cột mốc đáng tự hào và cũng được kỳ vọng sẽ góp phần trở thành động lực tăng trưởng cho VPBank trong tương lai.

Để nắm bắt nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng FDI, trung tâm đã thành lập 3 đơn vị chuyên trách, bao gồm (i) Đơn vị chuyên biệt tìm kiếm và khai thác khách hàng, (ii) Bộ phận pháp chế và tuân thủ và (iii) Bộ phận quản lý tín dụng trong trung tâm.

Với mục tiêu đưa mảng kinh doanh FDI phát triển hơn nữa, trung tâm đã đưa ra hai chiến lược chính là (i) Tăng cường hợp tác với cổ đông chiến lược SMBC và (ii) Phát triển hệ sinh thái nhằm tận dụng tối đa lợi thế giữa liên minh VPBank và SMBC, cùng các công ty con trong hệ sinh thái.

Nhờ nỗ lực từ chính FDIC và sự hỗ trợ mạnh mẽ của SMBC, trung tâm đã ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ về số lượng khách hàng. Tính đến cuối 2024, FDIC đã phục vụ 500 khách hàng là các tập đoàn đa quốc gia từ Nhật Bản, Hàn Quốc và nhiều nền kinh tế lớn... hơn gấp đôi so với thời điểm đầu năm. Huy động khách hàng tăng 73%, dư nợ tín dụng gấp hơn 3 lần so với 2023.

Một trong những sản phẩm nổi bật phục vụ khách hàng FDI là Chương trình Tài trợ Chuỗi cung ứng. Thông qua sản phẩm này, ngân hàng có thể cấp tín dụng cho cả nhà cung cấp lẫn nhà phân phối trong cùng một chuỗi cung ứng. Chương trình được thiết kế với sự tham gia của các đối tác nhằm đáp ứng nhu cầu hỗ trợ các nhà phân phối, thúc đẩy doanh số bán hàng và giảm thiểu rủi ro. Tính đến cuối năm 2024, FDIC đã thành công trong việc hợp tác với 2 đối tác quốc tế chủ chốt với tổng số 49 nhà phân phối sử dụng các sản phẩm tài trợ vốn lưu động hoặc bảo lãnh thanh toán.

Chương trình góp phần tăng cường sự hợp tác giữa hai ngân hàng bằng cách tạo thêm giá trị cho các đối tác quốc tế - nhóm khách hàng thân thiết của SMBC - cũng như củng cố hệ sinh thái của VPBank thông qua sự tham gia của nhiều khối như FMTB và SME.

Hướng tới năm 2025, VPBank đặt mục tiêu phục vụ 1.000 khách hàng FDI, cao gấp đôi so với kết quả năm 2024. Ngân hàng cũng coi FDI như một trong những động lực tăng trưởng đã đặt ra trong chương trình hoạt động. Sau quá trình xem xét hai năm hoạt động và phát triển của mảng kinh doanh FDI, với trọng tâm hướng đến nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng trưởng bền vững, FDIC đã xây dựng 3 chiến lược mới:

- **Tập trung và kết hợp theo quốc gia/lĩnh vực/sản phẩm:** Dựa trên xu hướng hiện nay của FDI, trung tâm đã lựa chọn một số quốc gia, ngành hàng và sản phẩm cụ thể để tập trung, tận dụng thế mạnh của cả VPBank và SMBC.
- **Đào sâu mối quan hệ với khách hàng cốt lõi, xây dựng/nắm bắt các hoạt động tài chính:** FDIC đã lựa chọn khách hàng cốt lõi, lên kế hoạch nhằm xây dựng/nắm bắt hoạt động tài chính từ khách hàng, với sự tham gia của SMBC cũng như hệ sinh thái của VPBank.
- **Tăng cường điểm chạm:** FDIC sẽ tiếp cận các nhà đầu tư mới tham gia vào thị trường Việt Nam thông qua các nguồn lực của SMBC cũng như những kênh thông tin khác nhau, chẳng hạn Phòng Thương mại.

Ngoài 3 chiến lược nền tảng, FDIC cũng tập trung vào những hoạt động liên quan đến ESG, bao gồm thúc đẩy các sản phẩm được thiết kế dành riêng biệt, đã được triển khai vào cuối năm 2024 như Tài trợ Xanh và Tiềm lực ESG.

Khối Thu hồi và Xử lý nợ (DCD)

Vai trò chiến lược trong kiểm soát nợ xấu

Kết quả thu hồi nợ năm 2024 đóng góp

5.575 tỷ đồng

Vào thu nhập của ngân hàng

Được thành lập vào tháng 6/2024, DCD đánh dấu bước tiến chiến lược của VPBank nhằm đáp ứng nhu cầu quản trị rủi ro ngày càng cao, đảm bảo hoạt động thu hồi nợ được quản lý đồng bộ, hiệu quả và xuyên suốt. Với sự tập trung hóa nguồn lực, chuyên môn hóa quy trình, DCD đã giúp ngân hàng triển khai các chiến lược thu hồi nợ một cách bài bản, từ đó góp phần kiểm soát tỷ lệ NPL trong mục tiêu, duy trì an toàn tài chính và nâng cao chất lượng tín dụng.

DCD đặt mục tiêu tiên phong triển khai hoạt động thu hồi nợ bằng ứng dụng công nghệ hiện đại, cải tiến quy trình tác nghiệp và duy trì tính chuyên nghiệp cao nhất, khẳng định vị thế dẫn đầu của VPBank trong lĩnh vực này.

DCD nhanh chóng khẳng định vai trò chiến lược trong công tác kiểm soát nợ xấu, đảm bảo an toàn tài chính và hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng bền vững của VPBank. Khối đã triển khai đồng bộ các giải pháp tiên tiến nhằm đẩy nhanh tiến độ xử lý tài sản bảo đảm, tối ưu hóa quy trình và nâng cao tính minh bạch.

VPBank tập trung cung cấp các giải pháp linh hoạt để hỗ trợ khách hàng vượt qua những thách thức tài chính, từ đó củng cố mối quan hệ lâu dài với khách hàng và gia tăng niềm tin từ thị trường. Nhờ đó, kết quả thu hồi nợ năm 2024 của ngân hàng đã ghi nhận nhiều kết quả đáng khích lệ:

- Thu từ nợ đã xử lý rủi ro tăng hơn gấp đôi so với năm 2023, đóng góp 5.575 tỷ đồng vào thu nhập của ngân hàng.
- Khách hàng cá nhân: Kết quả thu hồi nợ sớm (dưới 90 ngày quá hạn) cải thiện 18% so với năm 2023, trong khi số thu từ nợ muộn (trên 90 ngày quá hạn) tăng 26%.
- Khách hàng SME: Kết quả thu hồi nợ sớm cải thiện 41% và số thu từ nợ muộn tăng 86% so với 2023.

Cùng những con số ấn tượng về kết quả thu hồi nợ, năng suất lao động trên mỗi cán bộ tăng 20%. Đây là minh chứng rõ nét cho thấy hiệu quả từ việc VPBank tiên phong áp dụng công nghệ số, bao gồm ứng dụng giải pháp AI Callbot và giải pháp tự động hóa, giúp tối ưu hóa chi phí vận hành, tăng hiệu suất và hạn chế công việc thủ công. Đồng thời, khối triển khai các chương trình đào tạo chuyên sâu và quản trị căng thẳng, giúp cán bộ nhân viên nâng cao năng lực chuyên môn, cải thiện môi trường làm việc và tạo động lực.

Những kết quả này không chỉ chứng minh sự đúng đắn trong chiến lược phát triển của DCD mà còn khẳng định vai trò quan trọng của hoạt động thu hồi nợ trong toàn bộ quy trình tín dụng của VPBank.

Áp dụng công nghệ số vào thu hồi nợ

Trong năm 2024, VPBank đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và tự động hóa trong hoạt động thu hồi nợ, giúp cải thiện đáng kể hiệu quả vận hành và trải nghiệm khách hàng. Các giải pháp số hóa được triển khai đồng bộ đã mang lại nhiều kết quả ấn tượng.

Trong đó, ứng dụng AI Callbot được áp dụng để tự động nhắc nợ khách hàng, từ trước hạn đến giai đoạn quá hạn ngắn, giúp tiết kiệm nguồn lực vận hành và giảm đáng kể chi phí. 40% khách hàng nợ sớm đã được AI Callbot tác nghiệp tính đến cuối năm 2024.

Đồng thời, ngân hàng đã ứng dụng các hệ thống tự động hóa, giúp thay thế phần lớn công việc thủ công, đảm bảo tính chính xác và nâng cao hiệu suất vận hành. Công nghệ số cũng được sử dụng nhằm cải thiện hiệu quả quản lý và xử lý tài sản bảo đảm, góp phần tối ưu hóa quy trình thu hồi nợ, giảm thiểu nguồn lực và thời gian thực hiện.

Ngoài ra, các giải pháp công nghệ Omnichannel (đa kênh) hiện đại giúp ngân hàng hợp lý hóa thông tin dư nợ gửi tới khách hàng, tạo thuận lợi cho việc theo dõi và thực hiện nghĩa vụ tài chính, đồng thời tối ưu hóa chi phí vận hành trong công tác thu hồi nợ.

Khối Thu hồi và Xử lý nợ (DCD) (tiếp theo)

Tập trung vào hiệu quả trong năm 2025

Sang năm 2025, DCD sẽ tiếp tục triển khai các kế hoạch chiến lược với mục tiêu nâng cao hiệu quả quản trị tín dụng, hỗ trợ sự tăng trưởng bền vững và khẳng định vị thế tiên phong của VPBank trên thị trường.

Trong đó, những giải pháp dựa trên GenAI và AI, chẳng hạn như trợ lý ảo, tự động hóa quy trình sẽ được tăng cường sử dụng. Những cải tiến này được kỳ vọng không chỉ nâng cao năng suất lao động mà còn chuyên nghiệp hóa hoạt động xử lý nợ, góp phần xây dựng một hệ thống tín dụng hiệu quả và hiện đại.

Đồng thời, VPBank dự kiến triển khai những giải pháp pháp lý nhằm xử lý nợ xấu một cách hiệu quả, đảm bảo sự minh bạch, công bằng trong hệ thống tín dụng. Quy trình vận hành, từ phân bổ công việc cho đến cải tiến chính sách xử lý nợ, cũng sẽ liên tục được hoàn thiện, đảm bảo tính nhanh chóng, hiệu quả và nhất quán trong mọi hoạt động. Coi nhân lực là nền tảng cho sự phát triển, khối sẽ tiếp tục triển khai chương trình đào tạo chuyên sâu, giúp đội ngũ cán bộ không ngừng nâng cao kỹ năng chuyên môn và quản lý.

Đồng hành cùng mục tiêu chung của VPBank, DCD cam kết tích hợp quản trị ESG vào các hoạt động trong năm 2025 nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và phát triển bền vững.

Đối với các vấn đề môi trường (E), khối sẽ tăng cường số hóa trong các quy trình nghiệp vụ, giảm thiểu việc sử dụng giấy tờ và tài liệu in ấn, góp phần tiết kiệm chi phí và giảm tác động đến môi trường.

Nhằm thực hiện những mục tiêu xã hội (S), DCD sẽ chú trọng bảo vệ quyền lợi khách hàng bằng cách cung cấp các giải pháp linh hoạt như kế hoạch trả nợ dài hạn, giảm lãi suất cho khách hàng gặp khó khăn.



Khối Quản trị rủi ro (RMD)

Nền tảng vốn dẫn đầu hệ thống, hướng tới tiên phong thí điểm Basel III

Với quy mô còn khiêm tốn nhưng độ mở lớn, kinh tế Việt Nam nói chung và ngành ngân hàng nói riêng dễ chịu tác động bởi những rủi ro, thách thức từ môi trường bên ngoài như biến động vĩ mô hay những thay đổi trong chính sách tiền tệ. Trong bối cảnh đó, VPBank đã theo dõi sát sao diễn biến của nền kinh tế và chủ động, linh hoạt trong công tác quản lý rủi ro để duy trì chất lượng tài sản ổn định, tạo nền tảng vững chắc để nắm bắt các cơ hội tăng trưởng kinh doanh trong năm 2024.

Xuyên suốt năm 2024, tỷ lệ CAR của VPBank luôn được kiểm soát ổn định, vượt xa yêu cầu của NHNN. Vào thời điểm cuối năm, tỷ lệ CAR riêng lẻ và hợp nhất của ngân hàng lần lượt đạt 14,01% và 15,5%, tiếp tục duy trì vị trí dẫn đầu hệ thống. Nền tảng vốn vững mạnh cho phép VPBank mở rộng quy mô tín dụng, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng trong các phân khúc chiến lược, cũng như đồng hành cùng các chính sách của Chính phủ và NHNN nhằm hỗ trợ người dân, doanh nghiệp.

Song song với kiểm soát ổn định tỷ lệ CAR theo Chuẩn mực Basel II, VPBank còn triển khai tính toán định kỳ tỷ lệ an toàn vốn theo phương pháp xếp hạng nội bộ (IRB) của Basel II/Basel III.

Về chuẩn mực Basel III, ngoài rủi ro thanh khoản đã được áp dụng thành công từ năm 2023, VPBank tiếp tục hoàn thiện toàn diện hệ thống quy trình, quy định, mô hình và công nghệ thông tin nhằm triển khai cho các rủi ro trọng yếu còn lại như rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng.

Cải thiện đáng kể chất lượng tài sản

Trong năm 2024, do sự phục hồi chưa đạt kỳ vọng của sức cầu tiêu dùng và thị trường bất động sản (đặc biệt ở khu vực phía Nam) đã ảnh hưởng không nhỏ tới khả năng trả nợ của khách hàng cá nhân và doanh nghiệp. Trong bối cảnh đó, VPBank đã tiến hành phân tích, nhận diện vấn đề rủi ro cốt lõi, đưa ra những chương trình hành động để điều chỉnh chính sách tín dụng và hệ thống giám sát danh mục.

Ngoài ra, ngân hàng còn tích cực triển khai các giải pháp cơ cấu nợ kịp thời để hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn, đáp ứng theo các chính sách hỗ trợ của NHNN đã ban hành trong năm 2024 như Thông tư 06/2024/TT-NHNN (gia hạn Thông tư 02/2023/TT-NHNN cơ cấu nợ cho khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh) và Thông tư 53/2024/TT-NHNN (cơ cấu nợ cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi bão Yagi).

Kết thúc năm 2024, nhờ có sự cải thiện của các yếu tố vĩ mô trong 3 tháng cuối năm và công tác quản trị danh mục sát sao của ngân hàng, tỷ lệ NPL của VPBank được kiểm soát ở mức 2,47% đối với ngân hàng riêng lẻ, cải thiện đáng kể so với cuối năm 2023.

Trọng tâm số hóa và an ninh thông tin

Tại VPBank, các hệ thống quản trị rủi ro liên tục được nâng cấp với mục tiêu triển khai nhanh chóng và vận hành hiệu quả hơn. Một trong số những hệ thống nổi bật được nâng cấp trong năm 2024 là Instant Lending – hệ thống Khởi tạo khoản vay (LOS) mới, được phát triển dành riêng cho phân khúc bán lẻ. Năm 2023, VPBank đã ghi dấu ấn khi triển khai thành công sản phẩm thẻ tín dụng trong hệ thống Instant Lending. Sang năm 2024, ngân hàng tiếp tục triển khai thêm 6 luồng sản phẩm tín chấp trên hệ thống này.

Việc phát triển Instant Lending cho phép tách biệt hệ thống quản lý chính sách (Decision Engine), giúp tăng tốc độ cập nhật và thay đổi chính sách, hỗ trợ hiệu quả trong việc đối phó nhanh chóng với những biến động từ thị trường, từ đó giảm thiểu rủi ro tín dụng. Hơn nữa, hệ thống mới được tích hợp các tính năng hỗ trợ kiểm thử nhanh chóng, đảm bảo chất lượng cấu hình và giảm thiểu sai sót trong quá trình vận hành.

Song song với việc số hóa hệ thống quản trị rủi ro, VPBank còn chú trọng nâng cao các tiêu chuẩn an toàn thông tin khi tiếp tục tăng cường đầu tư vào các giải pháp an ninh mạng toàn diện, bao gồm:

- Tuân thủ các quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân theo Nghị định 13/2023/NĐ-CP và xây dựng cơ sở dữ liệu sinh trắc học tập trung đúng thời hạn NHNN đề ra (trước 01/01/2025), không gây cản trở tới hoạt động kinh doanh của ngân hàng.
- Phối hợp cùng AWS triển khai các biện pháp kiểm soát an ninh thông tin ngay từ khi bắt đầu quá trình chuyển đổi lên môi trường đám mây, đảm bảo các ứng dụng và dịch vụ trên nền tảng đám mây được triển khai hiệu quả, an toàn, đồng thời tối ưu hóa chi phí và hiệu suất.
- Rà soát và liên tục nâng cấp hệ thống quản lý an ninh thông tin, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn tiên tiến của quốc tế như ISO 27001, PCI DSS, thể hiện cam kết mạnh mẽ của ngân hàng trong việc chuẩn hóa và áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về kiểm soát an ninh mạng.

Củng cố nền tảng vững chắc, tạo tiền đề cho chiến lược tăng trưởng bền vững

Hướng tới một năm 2025 với triển vọng kinh tế tích cực hơn, VPBank sẽ tiếp tục quản lý rủi ro một cách thận trọng, nhưng đồng thời sẵn sàng đón nhận cơ hội, tạo bề phóng vững chắc và an toàn cho chiến lược tăng trưởng bền vững trong trung - dài hạn của toàn bộ hệ sinh thái.

Thực hiện định hướng của Chính phủ và NHNN về tăng trưởng kinh tế và tín dụng, VPBank sẽ tăng cơ hội tiếp cận tín dụng đối một số lĩnh vực ưu tiên như tín dụng xanh, cho vay nhà ở xã hội, phát triển công nghiệp chế biến chế tạo, kinh doanh xuất nhập khẩu... Ngân hàng cũng sẽ đẩy mạnh tự động hóa để nâng cao khả năng nhận diện rủi ro, cải thiện chất lượng dự báo và kiểm soát nợ xấu.

Đồng thời, trong năm 2025, sau khi được rà soát độc lập về phương pháp luận và kết quả tính toán của các loại rủi ro trọng yếu bởi công ty kiểm toán hàng đầu, VPBank sẽ đặt mục tiêu tiên phong thí điểm toàn diện chuẩn mực Basel III cho Khung Quản lý rủi ro theo định hướng mà NHNN đã đề ra.

Với cam kết hỗ trợ chuyển đổi xanh và phát triển nền kinh tế carbon thấp, VPBank sẽ mở rộng phạm vi đánh giá rủi ro ESG, bao gồm kiểm tra sức chịu đựng về rủi ro khí hậu và đo lường phát thải khí nhà kính, tích hợp rủi ro ESG vào hệ thống quản trị, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế hàng đầu.

Khối Vận hành (OPS)

VPBank tiếp tục ghi nhận những bước tiến mới trong nỗ lực nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường gắn kết với khách hàng trong năm 2024. Nhờ ứng dụng công nghệ tiên tiến nhất và đẩy mạnh văn hóa lấy khách hàng làm trọng tâm, VPBank đã và đang từng ngày kiến tạo các giá trị thịnh vượng bền vững, mang lại các trải nghiệm toàn vẹn và vượt trội cho khách hàng.

Tự động hóa, tối ưu và thấu hiểu: Nền tảng cho sự bền vững

Năm 2024, nhằm thúc đẩy hiệu quả, tạo dựng nền tảng bền vững và gắn kết khách hàng bền lâu, OPS tập trung 3 trọng tâm lớn: (i) Tự động hóa, tiên phong ứng dụng công nghệ mới, (ii) Tối ưu hoạt động và (iii) Thấu hiểu khách hàng và cá nhân hóa trải nghiệm.

Nhờ chủ động đi trước đón đầu trong công tác tự động hóa và ứng dụng công nghệ từ nhiều năm trở lại đây, trong năm 2024, khối đã thành công tự động hóa thêm 102 quy trình, nâng tổng số quy trình được tự động hóa lên 332. Không dừng lại ở đó, năng lực tự động hóa của ngân hàng đã vươn tới cấp độ “hyper automation” (siêu tự động hóa). Nhờ tiên phong nghiên cứu và kết hợp robot với công nghệ mới như AI và ML, VPBank đã tạo ra thể hệ bot mới, chủ động thực hiện một số nghiệp vụ như đối soát tự động giao dịch bảo hiểm/thẻ, theo dõi và báo cáo giao dịch đáng ngờ, theo dõi các chỉ số tuân thủ Mastercard...

Lực lượng lao động công nghệ (auto bot) chính là nòng cốt giúp ngân hàng gia tăng mạnh mẽ khả năng xử lý giao dịch. Hết năm 2024, năng lực xử lý giao dịch đã tăng 300% so với 2021, tương đương khả năng xử lý gần 8,3 triệu giao dịch/năm và sẽ tiếp tục cải thiện trong thời gian tới.

Cùng với đó, OPS liên tục triển khai các chuỗi sáng kiến nhằm tiết giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động, tạo nền tảng cho mục tiêu phát triển bền vững. Nhờ vậy, quy trình tối ưu hoạt động của ngân hàng trong năm 2024 đã ghi nhận nhiều con số ấn tượng.

Khối lượng giao dịch xử lý tăng trưởng bình quân

52%

/năm

trong suốt 5 năm qua dù số nhân sự gần như không đổi.



Chi phí hoạt động chỉ ở mức

85%

ngân sách

cho thấy nỗ lực tối ưu hoạt động một cách hiệu quả nhất.

Năm 2024,
triển khai

227

sáng kiến

giúp tiết giảm

59

tỷ đồng
chi phí

Chi phí hoạt động giảm

40

tỷ đồng
/năm

Nhờ dự án tối ưu chi phí SMS, CIC

Tự động thu thập
và phân tích hơn

20.000

ý kiến phản hồi/ngày

Bên cạnh công tác tối ưu hoạt động nội bộ, VPBank đồng thời tập trung xây dựng và nâng tầm mối quan hệ gắn kết bền lâu với khách hàng trên cơ sở “Customer-centric” – lấy khách hàng làm trọng tâm. Tư duy “Be a customer” – đặt mình vào địa vị khách hàng được khuyến khích áp dụng vào mọi sáng kiến – qua đó mang đến cho khách hàng những trải nghiệm trọn vẹn và tối ưu.

Năng lực lắng nghe ý kiến khách hàng được củng cố bằng công nghệ AI và ML, giúp ngân hàng tự động thu thập và phân tích hơn 20.000 ý kiến phản hồi/ngày. Từ dữ liệu trên, các đơn vị đã nhận diện và xử lý được 187 vấn đề mang tính hệ thống trong năm 2024, là tiền đề để triển khai hàng loạt sáng kiến cải thiện trải nghiệm khách hàng.

Năm 2024, VPBank thí điểm mô hình Conversional Banking trong xây dựng các kênh tương tác phối hợp hỗ trợ tư vấn khách hàng, cung cấp thông tin về tiến độ xử lý hồ sơ, ghi nhận yêu cầu thực hiện giao dịch trên cổng chăm sóc khách hàng (Customer Care Portal) và ngân hàng số VPBank NEO. Sự ra đời của phần mềm hỗ trợ cán bộ bán SME Savi đã giúp việc tư vấn khách hàng dễ dàng hơn.

Ngân hàng cũng triển khai hàng loạt mô hình hành vi khách hàng dựa trên Big Data, AI/ML, giúp dự đoán và chủ động hỗ trợ các nhu cầu mở rộng khách hàng. Một số mô hình có tính ứng dụng cao bao gồm: mô hình dự đoán hành vi khách hàng sử dụng thẻ tín dụng, mô hình dự đoán kênh khảo sát yêu thích...



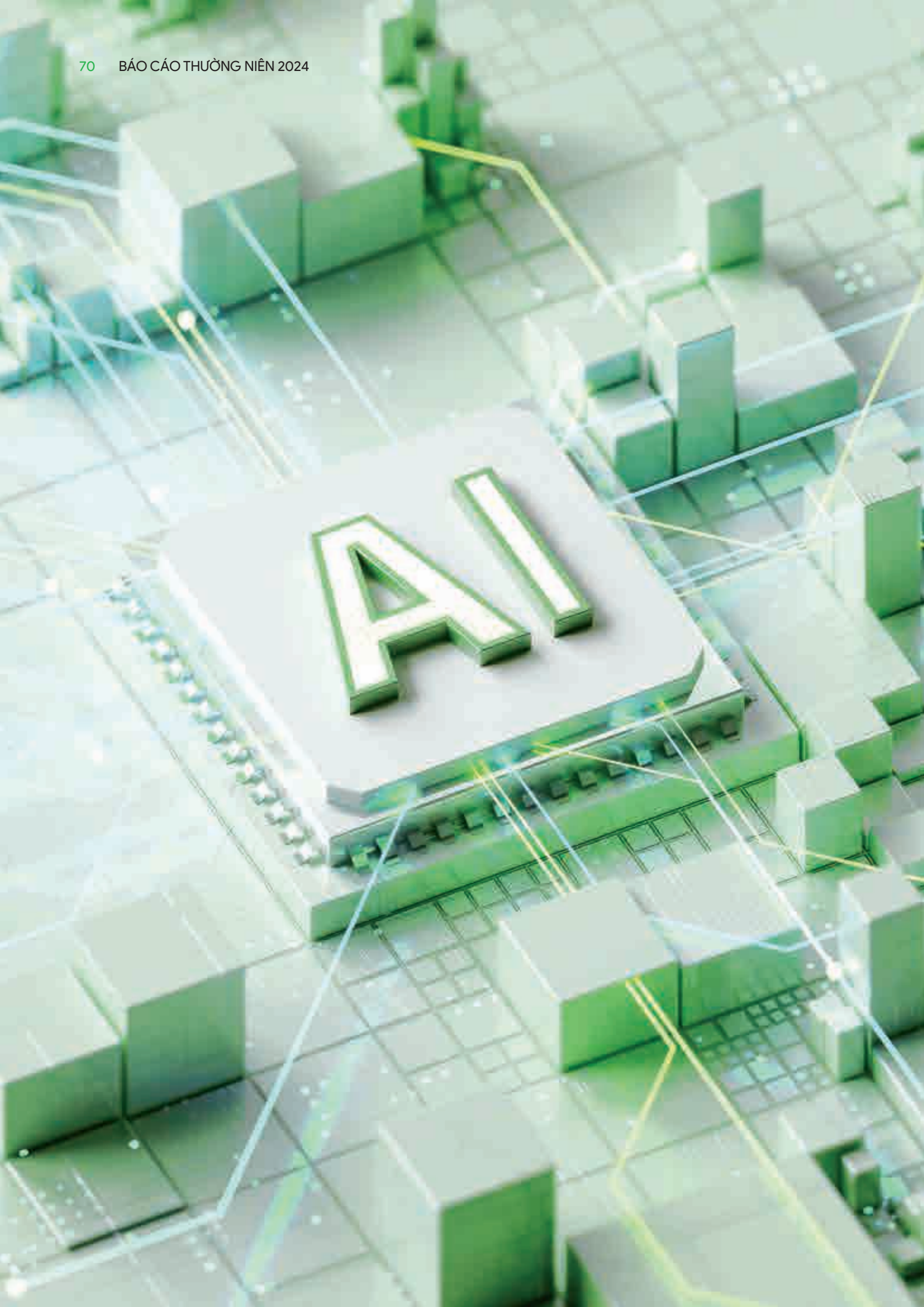
Ba trọng tâm năm 2025

Với định hướng hoạt động hiệu quả phải đi đôi với phát triển bền vững, trong năm 2025, OPS tập trung vào 3 trọng tâm: (i) Bứt tốc trong hoạt động tự động hóa, (ii) Khác biệt về trải nghiệm khách hàng và (iii) Tăng cường kiểm soát rủi ro vận hành.

Để tiếp tục gia tăng năng suất lao động tối thiểu 30% khi tỷ lệ số hóa nhiều mảng nghiệp vụ đã đạt tới 90%, OPS xác định điều kiện tiên quyết là khai thác tối đa những công nghệ mới như AI, ML... Các trụ cột của hoạt động tự động hóa gồm: Ứng dụng AI và Deep Analysis (phân tích sâu), Tự động hóa thông minh (Intelligent Automation), Tối ưu hóa dựa trên tư duy hệ thống, Chuyển đổi quy trình vận hành (Process Re-engineering) và Phát triển văn hóa đổi mới, linh hoạt. Trong năm 2025, khối sẽ ứng dụng AI trong dự toán chi phí, tối ưu hóa quy trình ra quyết định; tích hợp công nghệ như tự động hóa quy trình (RPA), AI, ML, quản lý quy trình nghiệp vụ (BPM) vào quy trình tại các phòng ban như cho vay thế chấp khách hàng cá nhân, cho vay liên kết đối tác chiến lược, giải ngân SME, thanh toán, kiểm soát LC... hướng tới mục tiêu giảm thời gian hoàn thành công việc tối thiểu 25%. OPS dự kiến sử dụng Deep Analysis (phân tích sâu) để cá nhân hóa dịch vụ, cũng như tiếp tục hoàn thiện các mô hình vận hành theo hướng ứng dụng tiến bộ công nghệ để tạo giá trị vượt trội và khác biệt.

Với trải nghiệm khách hàng, khối tập trung vào hai trọng tâm: Hiểu khách hàng và Cá nhân hóa trải nghiệm. Tận dụng lợi thế từ cơ sở dữ liệu và sự am hiểu công nghệ mới, OPS sẽ tiếp tục hoàn thiện các chương trình thu thập ý kiến khách hàng, đặc biệt là X-Customer (thu thập ý kiến một cách bí mật). Đồng thời, mô hình Conversational Banking tiếp tục được mở rộng sang hai dự án là Omni Service Transparency và Corporate Customer Engagement.

Trong bối cảnh các phương thức giao dịch số phát triển nhanh, quy trình được số hóa ngày càng nhiều, OPS cũng sẽ tập trung kiện toàn năng lực kiểm soát rủi ro trên nền tảng tự động hóa và kiểm tra chuyên sâu. Khối dự kiến xây dựng công cụ post-check (kiểm tra lại), cảnh báo tự động, mô hình dự báo rủi ro, đặc biệt là rủi ro thẻ dựa trên công nghệ AI, cũng như thực hiện 16 chuyên đề kiểm tra tập trung vào các nghiệp vụ số hóa và 54 chuyên đề rà soát hệ thống nhằm phát hiện rủi ro tiềm ẩn. Ngoài ra, OPS sẽ tăng cường hoạt động kiểm tra trực tiếp thêm 10%, ưu tiên những chi nhánh có rủi ro cao và kho quỹ lớn.



Khối Quản trị và Phân tích dữ liệu (EDA)

Khai mở tiềm năng của AI

Sau hai năm mở rộng và phát triển, EDA đã xây dựng vững chắc các cấu phần nền tảng cốt lõi nhằm khai phá tối đa tiềm năng của dữ liệu và AI, cũng như thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh của ngân hàng.

Năm 2024, VPBank ra mắt và triển khai các chương trình phân tích nâng cao và AI trọng điểm trải rộng từ Khách hàng cá nhân, SME, Thu hồi nợ, Trải nghiệm khách hàng và Tối ưu hóa vận hành. Đồng thời, ngân hàng đã thiết lập cơ chế đo lường và đánh giá tác động lên các chỉ số kinh doanh, nâng tầm ứng dụng phân tích từ cấp độ mô tả và chẩn đoán lên dự báo và định hướng, hỗ trợ quá trình ra quyết định chính xác và hiệu quả hơn.

Cụ thể, trong lĩnh vực Khách hàng cá nhân và SME, các mô hình dự đoán hành vi và hệ thống gợi ý đã giúp xác định sản phẩm tiềm năng, tiếp cận khách hàng mục tiêu qua kênh tương tác tối ưu. Với hoạt động Thu hồi nợ, EDA triển khai nhóm giải pháp tập trung vào năng lực dự báo sự suy giảm của khả năng trả nợ, xác định thời điểm, phương pháp và kênh tiếp cận hiệu quả nhất.

Trong chương trình nâng cao Trải nghiệm khách hàng, ứng dụng xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP) và GenAI đã thúc đẩy các tương tác tự động, phân tích cảm xúc khách hàng. Ở mảng Vận hành, những mô hình tự động hóa và dự báo ứng dụng giúp cải thiện rõ rệt năng suất thông qua công cụ trích xuất dữ liệu thông minh, xử lý hình ảnh và tối ưu hóa các hoạt động của chi nhánh cũng như kênh giao dịch.

Tiên phong trong xu hướng ứng dụng GenAI, EDA cùng Khối Công nghệ thông tin đã thành lập GenAI Taskforce nhằm thúc đẩy chiến lược tổng thể trong quản lý chương trình và phát triển các ứng dụng GenAI. Bên cạnh đó, ứng dụng Microsoft Copilot được thử nghiệm cho nhóm người dùng đầu tiên trong ngân hàng cũng bước đầu cho thấy sự cải thiện đáng kể về năng suất làm việc.

Hiện đại hóa nền tảng dữ liệu

Năm 2024 đánh dấu bước tiến quan trọng khi kho dữ liệu tập trung của VPBank vận hành ổn định, đóng vai trò then chốt trong việc cung cấp dữ liệu chính xác, kịp thời, hỗ trợ hiệu quả cho các đơn vị kinh doanh và vận hành. Các chỉ số về thỏa thuận mức độ dịch vụ (SLA) và thời gian xử lý yêu cầu thay đổi (TAT) đã được cải thiện đáng kể.

Cùng với đó, khối cũng triển khai dự án nền tảng dữ liệu thế hệ mới (NDAP), vận hành hoàn toàn bằng công nghệ điện toán đám mây. Giai đoạn 1 của dự án đã hoàn thành trong năm 2024, vượt kế hoạch đề ra. Trong giai đoạn này, EDA xây dựng đầy đủ chức năng của nền tảng mới, di chuyển hơn 60% cấu phần của kho dữ liệu hiện tại lên nền tảng điện toán đám mây và ra mắt 13 nhóm sản phẩm về dữ liệu, phân tích và AI.

Thúc đẩy đổi mới sáng tạo

Để liên tục khuyến khích văn hóa đổi mới và thử nghiệm, EDA phối hợp cùng các đơn vị trong ngân hàng lần đầu tiên tổ chức Winnovate – một cuộc thi ý tưởng (ideathon) ứng dụng cơ chế “working backward” do đối tác AWS hướng dẫn. Cuộc thi đã thu hút 860 ý tưởng từ hơn 30 đơn vị trên toàn ngân hàng, tạo động lực mạnh mẽ và thúc đẩy tinh thần đổi mới, sáng tạo của nhân viên VPBank.

Bước sang năm 2025, EDA sẽ tiếp tục khai thác tối đa động lực mạnh mẽ từ các thành tựu nền tảng hiện có, tăng cường ứng dụng dữ liệu trong việc định hướng quyết định chiến lược như xác định danh mục kinh doanh trọng yếu, tăng cường bán chéo và giữ chân khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ và đẩy mạnh kết nối trong toàn hệ sinh thái. Đồng thời khối cũng cam kết đóng vai trò tiên phong trong hành trình chuyển đổi số của VPBank, hiện thực hóa sứ mệnh đưa dữ liệu trở thành động lực tăng trưởng cốt lõi của tổ chức.

Khối Công nghệ thông tin (IT)

Trong hành trình hiện thực hóa mục tiêu “Thịnh vượng bền vững” tại VPBank, Khối Công nghệ thông tin (IT) đóng vai trò là nền tảng vững chắc, không ngừng đổi mới sáng tạo, thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số toàn diện nhằm mang lại giá trị thiết thực cho khách hàng, nhà đầu tư và cộng đồng.

Với chiến lược xuyên suốt là chuyển đổi số và phát triển ngân hàng số, năm 2024, VPBank đã triển khai thành công nhiều giải pháp số hóa, góp phần nâng cao trải nghiệm khách hàng trên kênh giao dịch trực tuyến, rút ngắn thời gian chờ đợi, đơn giản hóa quy trình, cũng như nâng cao hiệu suất làm việc cho cán bộ nhân viên.

Số hóa toàn diện

VPBank đã số hóa hơn 70% nghiệp vụ cung cấp tới khách hàng cá nhân. Đặc biệt, ngân hàng số VPBank NEO đáp ứng được hầu hết nhu cầu của khách hàng. Song song đó, ngân hàng tiếp tục hoàn thiện hành trình khách hàng (customer journey) và cải tiến trải nghiệm khách hàng (customer experience) cũng như triển khai hàng loạt các sáng kiến số.

Ngân hàng cũng thực hiện kết nối đến Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Tổng Cục Thuế... nhằm khai thác và cung cấp tối đa các dịch vụ của Chính phủ cho khách hàng.

Nhờ một loạt cải tiến, số khách hàng kích hoạt mới trên VPBank NEO đạt gần 2,8 triệu lượt trong năm 2024, trong đó 90% sử dụng công nghệ định danh trực tuyến eKYC, nâng tổng số người dùng lên con số 10 triệu. Tổng giao dịch trong năm 2024 đạt gần 700 triệu lượt, với khoảng 1,2 triệu khách hàng thực hiện tổng cộng 2,5 triệu lượt truy cập ứng dụng VPBank NEO mỗi ngày.

Bên cạnh đó, VPBank đã số hóa, tự động hóa hơn 50% quyết định giải ngân, cho vay của ngân hàng thương mại, công ty tài chính đối với các khoản vay nhỏ lẻ, vay tiêu dùng của khách hàng cá nhân thông qua một loạt ứng dụng: Jarvis, Auto Loan (Race Car), Home Loan, Consumption Loan, Định giá tự động, Phê duyệt tự động... Dữ liệu, hồ sơ của khách hàng đều được xử lý và lưu trữ trên môi trường số theo đúng quy định của NHNN.

VPBank NEO

10 triệu người dùng

2,5 triệu lượt truy cập/ngày



2,8 triệu

khách hàng mới trong năm 2024



700 triệu

lượt giao dịch

Cải thiện hiệu suất làm việc bằng GenAI

Cùng việc nâng cao trải nghiệm khách hàng, trong năm 2024, VPBank cũng không ngừng tăng hiệu suất làm việc cho cán bộ nhân viên thông qua các giải pháp tự động hóa. Ngân hàng đã xây dựng Conversation AI platform (CAIP), nền tảng chung có khả năng tích hợp linh hoạt các mô hình ngôn ngữ lớn (LLM), áp dụng GenAI trong dịch vụ hỗ trợ khách hàng qua các kênh chatbot, hỗ trợ khai thác kho kiến thức chung toàn ngân hàng (bank-wide knowledge base).

Hiểu rõ rằng mỗi đơn vị trong ngân hàng đều có nhu cầu riêng biệt, VPBank đã phát triển ezChatbot với các chức năng tự phục vụ (self-service) để các đơn vị dễ dàng cấu hình, tự tạo các ứng dụng chatbot GenAI, không phụ thuộc nhiều vào bộ phận kỹ thuật. Cùng với đó, ứng dụng ezCode – trợ lý GenAI trong quy trình phát triển phần mềm – đã hỗ trợ hoạt động phân tích, lập trình, kiểm thử.

Ngoài hai ứng dụng ezChatbot và ezCode, sang năm 2025, VPBank dự kiến mở rộng triển khai ezAgent (nhân viên số), ezPolicy (khai thác kho kiến thức chung), ezCollection (hỗ trợ thu hồi nợ) và ezData AI Agent (khai thác kho dữ liệu toàn ngân hàng).

Song song với phát triển các giải pháp GenAI nội bộ, VPBank cũng thử nghiệm các dịch vụ có sẵn trên thị trường như Microsoft Copilot cho Microsoft 365 và PowerBI, AWS CodeWhisperer và Tabnine cho phát triển phần mềm, nhằm đánh giá tính khả thi và lợi ích, từ đó đưa ra phương án sử dụng linh hoạt, phù hợp.



Tăng cường bảo mật trong kỷ nguyên số

Trong bối cảnh các mối đe dọa về an ninh mạng và tình trạng lừa đảo ngày càng gia tăng, VPBank đã chủ động triển khai hàng loạt các giải pháp như (i) Chương trình truyền thông nâng cao nhận thức về an toàn thông tin cho khách hàng; (ii) Hướng dẫn sử dụng dịch vụ ngân hàng số an toàn, phòng tránh rủi ro gian lận và (iii) Những chương trình chủ động bảo vệ khách hàng khỏi nguy cơ lừa đảo.

Trong lĩnh vực bảo mật, ngân hàng đã đạt được hàng loạt chứng chỉ uy tín như PCI DSS (phiên bản 4.0) và ISO 27001:2022. Đội ngũ chuyên gia bảo mật của VPBank thường xuyên tham gia các chương trình diễn tập hàng năm của Bộ Thông tin và Truyền thông, NHNN. Trong năm 2024, ngân hàng giành giải ba trong “Chương trình Diễn tập thực chiến phòng thủ không gian mạng” (DF Cyber Defense 2024).

Cùng với năng lực của đội ngũ nhân sự, VPBank cũng dành nguồn lực đầu tư tương xứng để nâng cao năng lực bảo mật cho hệ thống công nghệ thông tin, với hàng loạt công nghệ tiên phong trên thị trường. Các giải pháp bảo mật được đầu tư đồng bộ với chiến lược chuyển đổi lên môi trường đám mây.

Song song, VPBank đẩy mạnh công tác kết nối, khai thác, ứng dụng Dữ liệu Dân cư Quốc gia, khai thác dữ liệu trên căn cước công dân vào công tác xác thực, định danh khách hàng khi thực hiện giao dịch với ngân hàng.

Tìm kiếm cơ hội bứt phá trong 2025

Bước sang năm 2025, IT sẽ tập trung vào 4 trọng tâm chính: hỗ trợ tăng trưởng kinh doanh, củng cố nền tảng công nghệ hiện đại, tiên phong trong đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực an ninh bảo mật.

Với mục tiêu mở rộng kênh bán hàng, tăng doanh thu và nâng cao trải nghiệm khách hàng, VPBank sẽ phối hợp chặt chẽ với các khối kinh doanh, triển khai các dự án trọng điểm như Instant Lending, Account to Pay, Merchant Acquiring...

Ngân hàng dự kiến tiếp tục nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, triển khai những công nghệ mới như điện toán đám mây, AI, dữ liệu lớn (Big Data) nhằm nâng cao hiệu quả, tính ổn định và khả năng mở rộng của hệ thống.

Để tạo ra những sản phẩm dịch vụ đột phá, nâng cao năng lực cạnh tranh, VPBank sẽ nghiên cứu những giải pháp, ứng dụng công nghệ mới, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chẳng hạn như chuỗi khối (blockchain), vũ trụ ảo (metaverse).

Cùng với đó, VPBank cam kết tiếp tục củng cố và nâng cao năng lực an ninh bảo mật, ứng dụng công nghệ tiên tiến, đảm bảo an toàn cho các dịch vụ ngân hàng số và khách hàng. Ngân hàng dự kiến triển khai giải pháp Zero Trust, tiếp tục hiện đại hóa hệ thống giám sát an ninh, ứng dụng công nghệ GenAI vào an ninh bảo mật.

ESG thông qua nền tảng số

Với cam kết đóng góp vào sự phát triển bền vững của VPBank nói riêng và xã hội nói chung, IT đã xây dựng bộ kế hoạch đáp ứng các tiêu chuẩn ESG cho năm 2025.

Để đối phó với những thách thức về **môi trường (E)**, VPBank dự kiến triển khai những giải pháp tiết kiệm năng lượng, nghiên cứu ứng dụng công nghệ xanh vào hoạt động của IT. Khối sẽ nỗ lực áp dụng công nghệ ảo hóa và chuyển hoạt động lên đám mây, đồng thời khuyến khích cán bộ nhân viên sử dụng email, tài liệu điện tử thay thế cho bản in truyền thống.

Đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu khách hàng, mở rộng giải pháp tài chính số, tài chính toàn diện là những cam kết của VPBank về yếu tố **xã hội (S)**. Trước rủi ro an toàn thông tin, ngân hàng dự kiến ứng dụng những giải pháp bảo mật tiên tiến như AI, ML để ngăn chặn tấn công mạng; tăng cường nhận thức, đào tạo cán bộ nhân viên. Đồng thời, IT sẽ phối hợp chặt chẽ với các đơn vị để mở điểm giao dịch tự động và tối ưu ngân hàng số, với giao diện để sử dụng nhằm mang dịch vụ tài chính đến mọi người dân.

Với yếu tố **quản trị (G)**, VPBank sẽ xây dựng và thực hiện chiến lược an ninh thông tin cho toàn hệ sinh thái, nâng cao năng lực quản trị công nghệ thông tin nhằm đảm bảo hoạt động hiệu quả và minh bạch cũng như tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn. Cụ thể, khối sẽ thực hiện đánh giá rủi ro an ninh định kỳ, cập nhật liên tục chính sách, quy định, tiêu chuẩn quản trị thông tin, song song với triển khai kiểm toán công nghệ thông tin theo kế hoạch.

Khối Quản trị Nguồn nhân lực (HR)

VPBank – miền đất nhân tài

Tổng số giờ đào tạo
toàn ngân hàng đạt

1,68 triệu giờ

↗ 6,5% so với cùng kỳ 2023

Trong bối cảnh công nghệ phát triển như vũ bão, VPBank không ngừng đầu tư vào con người để thích ứng và dẫn đầu. Ngân hàng đẩy mạnh tuyển dụng nhân tài, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ và dữ liệu, nâng cao năng lực đội ngũ qua các chương trình đào tạo chuyên sâu.

Bền bỉ theo đuổi mục tiêu “Home of Talents” – miền đất của những nhân tài – năm 2024, VPBank tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyển dụng, thu hút người tài đặc biệt tại các đơn vị kinh doanh như RB, SME, FDIC, DCD... Với nỗ lực thu hút nhân tài trẻ, trong lĩnh vực công nghệ thông tin và khoa học dữ liệu, VPBank đã triển khai các chương trình tuyển dụng và đào tạo như SME Trainee, VPBank Technology & Data Young Talents.

Bên cạnh đó, ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với các trường đại học, cơ sở đào tạo nhằm tạo nguồn nguồn ứng viên tài năng. Hai chương trình “Future VPBanker” và “Học bổng Thịnh vượng VPBank” đã mang đến gần 130 suất học bổng cho những sinh viên tài năng trên toàn quốc. Những sinh viên này vừa là ứng viên tiềm năng, đồng thời cũng chính là đại sứ thương hiệu, giúp lan tỏa hình ảnh và văn hóa VPBank.

Với mục tiêu phát triển nguồn nhân lực bền vững, VPBank đã liên tục triển khai các hoạt động nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ nhân viên, bao gồm: Năng lực chuyên môn, Năng lực cốt lõi và Năng lực lãnh đạo. Các chương trình đào tạo trọng điểm đã được triển khai trong năm 2024 bao gồm Chương trình phát triển năng lực lãnh đạo VPBank iLEAD, CloudLearning hay LevelUP.

Trong đó, khóa 6 của chương trình iLEAD, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo cho đội ngũ quản lý cấp trung của VPBank, đã có 48 học viên tốt nghiệp. Đồng thời, nhằm nâng cao kỹ năng điện toán đám mây cho cán bộ nhân viên, ngân hàng đã triển khai các chương trình CloudLearning và LevelUP, thu hút sự tham gia của hàng trăm học viên.

Bên cạnh các chương trình trọng điểm, VPBank cũng đẩy mạnh đào tạo cán bộ nhân viên toàn ngân hàng, trong đó tập trung vào đào tạo qua Elearning. Trong năm 2024, số giờ đào tạo trực tuyến thông qua nền tảng Elearning của VPBank đạt gần 1,02 triệu giờ, tăng 1,5% so với 2023.

Tổng số giờ đào tạo toàn ngân hàng (gồm đào tạo tập trung, lớp học ảo, Elearning) đạt 1,68 triệu giờ, tăng 6,5% so với cùng kỳ 2023. Số giờ đào tạo trung bình/người/năm lên tới 110,49 giờ – mức cao so với thị trường. Học viện VPBank đã đưa 90 khóa học lên nền tảng số, cũng như phát triển thành công trợ lý học tập AI Chatbot, được đưa vào hoạt động từ năm 2025.

Chuẩn bị đội ngũ nhân sự cho tương lai

Nhằm thu hút, phát triển và giữ chân nhân tài, trong năm 2025, VPBank sẽ tiếp tục đẩy mạnh các chương trình tuyển dụng tập trung để đáp ứng lượng lớn nhân sự cho các khối kinh doanh như RB, SME hay DCD. Các chương trình, chiến dịch tuyển dụng cũng sẽ được triển khai phù hợp với từng phân khúc nhân lực. VPBank đặt mục tiêu tối ưu hóa, nâng cao hiệu quả tuyển dụng, trải nghiệm ứng viên thông qua các chương trình ứng dụng công nghệ AI, triển khai phân hệ tuyển dụng trên hệ thống SAP SuccessFactor.

Trong bối cảnh nhóm ứng viên GenZ ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong lực lượng lao động, ngân hàng sẽ đẩy mạnh thương hiệu “Nhà tuyển dụng VPBank”, đặc biệt tập trung vào các kênh truyền thông trên mạng xã hội như LinkedIn, Facebook, TikTok, Threads...

VPBank cũng tiếp tục duy trì và nâng cao hoạt động đào tạo năng lực cốt lõi, năng lực chuyên môn, văn hóa doanh nghiệp và năng lực cho quản lý, lãnh đạo, đồng thời cập nhật các kiến thức, kỹ năng liên quan đến đám mây (cloud). Với cán bộ nhân viên mới, ngân hàng sẽ liên tục cập nhật chương trình đào tạo định hướng MyBoardingPass.

Đồng hành với chiến lược ESG của toàn ngân hàng, HR đã xây dựng chiến lược bài bản để đáp ứng các mục tiêu về môi trường, xã hội và quản trị trong năm 2025. Đối với yếu tố môi trường (E), VPBank tiếp tục triển khai lộ trình số hóa các quy trình nhân sự, giảm sử dụng giấy in. Với mục tiêu xã hội (S), HR tập trung vào cải thiện tiền lương, phúc lợi, điều kiện làm việc; tạo cơ hội việc làm và tài trợ các chương trình học bổng cho sinh viên. Để thực hiện mục tiêu quản trị (G), ngân hàng sẽ nâng cao bảo mật, dữ liệu của cán bộ nhân viên.

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án và công ty con

Kiến toàn mô hình quản trị Tập đoàn

VPBank nhận thức rõ việc kiện toàn hệ thống và nâng cao năng lực quản trị là yếu tố then chốt để đảm bảo hiệu quả hoạt động, tăng cường khả năng cạnh tranh trong dài hạn. Kể từ năm 2023, ngân hàng đã triển khai mô hình quản trị tập đoàn, với mục tiêu mở rộng và phát triển hệ sinh thái, đa dạng hóa các lĩnh vực kinh doanh và cung cấp toàn diện sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao cho khách hàng. Với tầm nhìn trở thành một định chế tài chính hàng đầu tại Việt Nam, VPBank kỳ vọng mô hình tập đoàn sẽ mở ra nhiều dư địa tăng trưởng, không chỉ trong phạm vi ngân hàng mà còn trong toàn bộ hệ sinh thái tài chính rộng lớn, qua đó góp phần vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế.

Việc triển khai mô hình tập đoàn tại VPBank nhằm mục tiêu tạo ra sức mạnh tổng hợp và hạn chế sự chống chéo trong hoạt động, thông qua việc áp dụng hệ thống quản trị hợp lý và khoa học, đảm bảo tính thống nhất trong chiến lược phát triển. Một mục tiêu quan trọng khác là duy trì niềm tin của nhà đầu tư, nâng cao hiệu quả huy động vốn và bảo đảm sự phát triển bền vững. Đồng thời, VPBank chú trọng xây dựng quy trình tương tác hiệu quả giữa ngân hàng mẹ và công ty con, thúc đẩy hợp tác và đạt được thành công lâu dài. Việc tăng cường kiểm soát rủi ro và cung cấp báo cáo minh bạch cho cổ đông, các cấp lãnh đạo và các bên liên quan cũng là yếu tố quan trọng để đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong toàn hệ thống.

Chào đón GPBank gia nhập hệ sinh thái

Ngày 17/01/2025, NHNN đã công bố quyết định chuyển giao bắt buộc GPBank do Nhà nước là chủ sở hữu 100% vốn cho VPBank theo Phương án được Chính phủ phê duyệt. Chuyển giao bắt buộc là một trong các phương án để cơ cấu lại các TCTD được kiểm soát đặc biệt được quy định tại Luật Các TCTD.

Quá trình chuyển giao được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và phê duyệt của các cấp có thẩm quyền với mục tiêu từng bước khôi phục hoạt động bình thường, khắc phục các yếu kém, đưa GPBank dần trở thành ngân hàng có tình hình tài chính lành mạnh, đảm bảo khả năng hoạt động liên tục. Đối với VPBank, ngân hàng sẽ có điều kiện mở rộng quy mô kinh doanh, cơ sở khách hàng, mạng lưới; duy trì GPBank như một ngân hàng con hoặc bán/chuyển nhượng GPBank cho nhà đầu tư mới sau khi kết thúc phương án chuyển giao bắt buộc.

Sau khi chuyển giao, GPBank tiếp tục hoạt động dưới hình thức ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên do VPBank sở hữu 100% vốn điều lệ, được thực hiện các hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại theo quy định. Mọi quyền lợi hợp pháp của khách hàng tại GPBank tiếp tục được đảm bảo theo đúng thỏa thuận và quy định pháp luật.

GPBank là pháp nhân độc lập và không thực hiện hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của VPBank. VPBank và GPBank được áp dụng các biện pháp hỗ trợ khác từ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Luật các TCTD, các quy định của pháp luật khác. Sự kiện đón nhận GPBank gia nhập hệ sinh thái VPBank không chỉ đánh dấu một giai đoạn mới trong quá trình phát triển của ngân hàng, mà còn thể hiện sự tin tưởng của Chính phủ, NNHH vào uy tín, năng lực, kinh nghiệm của VPBank. Ngân hàng tiếp tục khẳng định vai trò trong việc thực hiện chủ trương của Chính phủ, NHNN, qua đó giúp ổn định thị trường tài chính, tiền tệ, tăng cường lòng tin của nhà đầu tư và công chúng với hệ thống ngân hàng.

Củng cố nền tảng hạ tầng số, ứng dụng mạnh mẽ AI

Tiếp nối những nỗ lực không ngừng trong hành trình đổi mới, VPBank đã xây dựng thành công nền tảng quy trình, công nghệ và con người vững chắc cho quá trình chuyển đổi số trên nền tảng đám mây. Trong năm 2024, cuộc cách mạng chuyển đổi trên nền tảng đám mây tại VPBank được triển khai toàn diện với sự hợp tác chiến lược cùng AWS, với mục tiêu tối ưu hóa năng lực quản trị và khai thác hiệu quả hệ thống công nghệ.

Đến nay, ngân hàng đã đưa thành công 60 hệ thống lên hạ tầng đám mây, đồng thời hoàn thiện việc xây dựng và vận hành trung tâm dự phòng thảm họa (DR) cho hơn 90% ứng dụng. Thành tựu này không chỉ đánh dấu bước tiến quan trọng trong năng lực hạ tầng công nghệ của VPBank mà còn đảm bảo hoạt động vận hành ổn định và liên tục, ngay cả trong các tình huống khẩn cấp hoặc sự cố bất ngờ.

Không dừng lại ở đó, ngân hàng còn triển khai nền tảng phân tích dữ liệu thế hệ mới cùng AWS và Databricks, hỗ trợ tối ưu hóa hoạt động kinh doanh, hướng đến mục tiêu trở thành doanh nghiệp dẫn đầu trong lĩnh vực dữ liệu. Các giải pháp công nghệ tiên tiến như chữ ký số từ xa và phương thức xác thực Out of Band qua ứng dụng VPBank NEO cũng mang đến cho khách hàng những trải nghiệm giao dịch trực tuyến an toàn, tiện lợi và hiện đại.



Năm 2024, VPBank đã tích cực trao đổi và hợp tác với các đối tác công nghệ hàng đầu như AWS và Microsoft trong lĩnh vực AI và GenAI, mang lại động lực đổi mới sáng tạo mạnh mẽ trên toàn hệ thống. Trong quá trình hợp tác phát triển và triển khai dịch vụ GenAI với các đối tác, VPBank xây dựng được những sản phẩm như hệ thống kiểm soát chất lượng cuộc gọi tự động và phân tích Voice of Customer, chatbot GenAI với khả năng đào tạo nhanh, trả lời chính xác và đúng trọng tâm. Trong năm 2025, VPBank dự kiến triển khai rộng rãi các ứng dụng AI trên toàn hệ thống, nhằm tăng năng suất lao động, tối ưu hóa vận hành, đồng thời nâng cao trải nghiệm của khách hàng, đối tác bên ngoài và nội bộ ngân hàng. Những nỗ lực này thể hiện cam kết của VPBank trong việc tiên phong áp dụng công nghệ hiện đại, mang lại giá trị bền vững và hiệu quả cho khách hàng và đối tác.

Dưới sự tư vấn chiến lược từ AWS, VPBank đã tổ chức thành công cuộc thi VPBank Technology Hackathon và Winnovate - những sân chơi sáng tạo nội bộ nhằm thúc đẩy đổi mới trong toàn hệ thống. Những chương trình này không chỉ tạo nên một môi trường đổi mới tích cực mà còn giúp VPBank khai thác tối đa tiềm năng sáng tạo từ đội ngũ nhân lực, góp phần vào hành trình phát triển bền vững và tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng.

Đa dạng sản phẩm dịch vụ, tiên phong giải pháp thanh toán

VPBank không chỉ tiên phong trong ứng dụng công nghệ, mà còn đi đầu trong việc mang đến những giải pháp tài chính sáng tạo. Là ngân hàng đầu tiên được NHNN cấp phép triển khai mô hình đại lý thanh toán tại Việt Nam, VPBank và Thế Giới Di Động đã chính thức hợp tác, mang đến cho khách hàng cơ hội tiếp cận dễ dàng hơn các dịch vụ tài chính ngay tại 3.000 điểm bán lẻ của Thế Giới Di Động, Điện máy XANH trên toàn quốc. Trong mô hình hợp tác này, VPBank đóng vai trò là bên giao đại lý, cung cấp các dịch vụ tài chính trong phạm vi hoạt động đại lý thanh toán tới khách hàng.

Thế Giới Di Động - với đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, được đào tạo bài bản và thành thạo, đáp ứng yêu cầu để thao tác và hỗ trợ khách hàng liên quan dịch vụ tài chính, ngân hàng - sẽ đảm nhiệm vai trò là đại lý kết nối hệ thống với VPBank. Qua sự hợp tác trên, khách hàng có thể thực hiện các dịch vụ nộp/rút/chuyển tiền tại cửa hàng Thế Giới Di Động, Điện máy XANH như tại một chi nhánh của VPBank. Dịch vụ này rất hữu ích với khách hàng đang sinh sống và làm việc tại những nơi không có chi nhánh, phòng giao dịch, ATM hoặc CDM của ngân hàng.

Bên cạnh nộp/rút/chuyển tiền, khách hàng có thể thực hiện các dịch vụ khác như mở tài khoản thanh toán VPBank NEO, mở thẻ tín dụng hoàn toàn trực tuyến (online). Với hệ thống kết nối tự động và quy trình phối hợp chặt chẽ giữa các bên, mọi giao dịch, dịch vụ đều được xử lý nhanh chóng, thông suốt và an toàn, mang đến trải nghiệm tiện lợi và an tâm cho khách hàng. Trong lĩnh vực thanh toán, ngoài dịch vụ máy POS, smartPOS, VPBank đã ra mắt VPBank Tap2Phone (T2P) - giải pháp cho phép các doanh nghiệp, cửa hàng và hộ kinh doanh sử dụng chính các thiết bị di động hệ điều hành Android làm thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ thay thế cho các máy POS, smartPOS truyền thống. Giải pháp này có khả năng chấp nhận đa dạng các hình thức thanh toán không tiền mặt từ thẻ vật lý Contactless (Visa, MasterCard và Napas) đến bộ thanh toán Tap & Pay gồm Apple Pay, Samsung Pay, Google Pay, Garmin Pay, cùng tiêu chuẩn bảo mật cao nhất. Với VPBank T2P, khách hàng có thể hoàn tất giao dịch nhanh chóng và dễ dàng tích hợp với phần mềm quản lý bán hàng sẵn có, đồng thời được cung cấp đầy đủ các tính năng hỗ trợ tra soát giao dịch và quản lý doanh thu.

Dấu ấn chi nhánh flagship

Trong xu hướng phát triển của ngành tài chính toàn cầu, chi nhánh flagship đã trở thành biểu tượng của sự kết hợp hoàn hảo giữa dịch vụ ngân hàng và công nghệ tiên tiến. Năm 2024, VPBank tự hào khai trương chi nhánh flagship đầu tiên tại Việt Nam, đánh dấu cột mốc quan trọng trong hoạt động kinh doanh, thể hiện tầm nhìn chiến lược và nỗ lực đón đầu xu hướng ngân hàng tương lai và khát vọng vươn tầm châu lục của ngân hàng.

Chi nhánh flagship được thiết kế với tiêu chuẩn quốc tế và tích hợp những công nghệ hiện đại nhất, mang đến cho khách hàng dịch vụ tài chính đẳng cấp, trải nghiệm vượt trội trong từng điểm chạm.

Tình hình tài chính

Kết quả kinh doanh nổi bật năm 2024

Lợi nhuận trước thuế

20.013 tỷ đồng

↗ 85,2% mức tăng trưởng cao nhất ngành ngân hàng



Tổng tài sản

923.848 tỷ đồng

tiệm cận mốc 1 triệu tỷ

Tăng trưởng tín dụng

18,2%

đa dạng phân khúc

Chi phí vốn

4,5%

↘ gần 200 bps so với năm 2023

Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR)

23%

dẫn đầu ngành ngân hàng

Vốn chủ sở hữu

147.275

tỷ đồng

Top 4 ngành ngân hàng

CAR theo Basel II

15,5%

dẫn đầu ngành ngân hàng

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn điều lệ

Trong năm 2024, ngân hàng không thực hiện tăng vốn điều lệ.

Vốn chủ sở hữu	Riêng lẻ (triệu đồng)		Hợp nhất (triệu đồng)	
	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2023	31/12/2024
Vốn điều lệ	79.339.236	79.339.236	79.339.236	79.339.236
Thặng dư vốn cổ phần	23.992.546	23.992.546	23.992.546	23.992.546
Các quỹ dự trữ	9.796.774	12.110.197	12.233.282	14.565.614
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	21.024.428	24.846.798	19.065.969	24.007.579
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	5.164.494	5.370.287
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	134.152.984	140.288.777	139.795.527	147.275.262

Giao dịch cổ phiếu quỹ

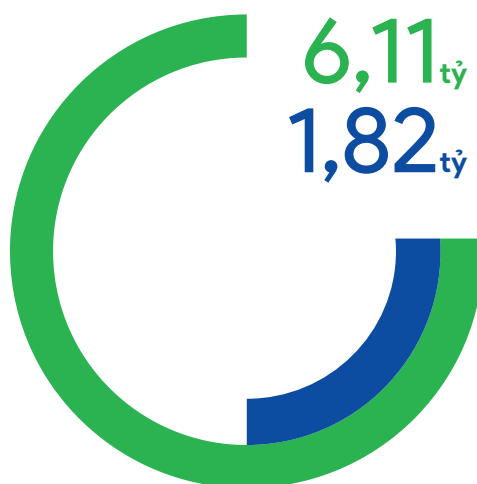
Trong năm 2024, ngân hàng không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ phần tại 31/12/2024

(Tại 31/12/2024,
VPBank không có cổ phiếu quỹ)

7,93 tỷ
cổ phiếu



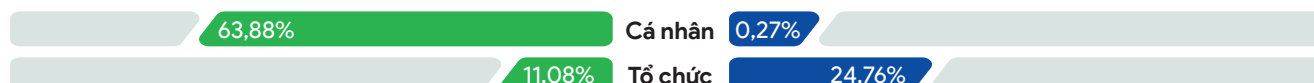
Số lượng cổ phiếu tự do
chuyển nhượng

Số lượng cổ phiếu hạn chế
chuyển nhượng

Cơ cấu cổ đông tại 31/12/2024

74,97%
CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC

25,03%
CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI



Tính đến 31/12/2024. VPBank có 01 cổ đông lớn (sở hữu từ 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết).

STT	Cá nhân/ Tổ chức	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ báo cáo
1	Sumitomo Mitsui Banking Corporation	Cổ đông lớn	1.190.500.000	15,005%

Cổ đông là người nội bộ của ngân hàng gồm các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành của ngân hàng đang sở hữu tương ứng là 7,85% tổng số cổ phần.

STT	Cá nhân/ Tổ chức	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ báo cáo
1	Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	328.553.899	4,141%
2	Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch HĐQT	156.329.202	1,970%
3	Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	8.249.316	0,104%
4	Nguyễn Đức Vinh	Tổng Giám Đốc kiêm Thành viên HĐQT	104.905.020	1,322%
5	Takeshi Kimoto	Thành viên HĐQT	-	0,000%
6	Phạm Thị Nhung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực	6.065.995	0,076%
7	Kim Ly Huyền	Trưởng Ban Kiểm soát	269.997	0,003%
8	Trịnh Thị Thanh Hằng	Thành viên Ban Kiểm soát	164.355	0,002%
9	Vũ Hồng Cao	Thành viên Ban Kiểm soát	378.855	0,005%
10	Lưu Thị Thảo	Phó Tổng giám đốc thường trực và Giám đốc điều hành cao cấp	9.898.869	0,125%
11	Dương Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc	2.183.977	0,028%
12	Nguyễn Thành Long	Phó Tổng Giám đốc	436.541	0,006%
13	Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	955.964	0,012%
14	Đinh Văn Nho	Phó Tổng Giám đốc	1.628.107	0,021%
15	Phùng Duy Khương	Phó Tổng Giám đốc thường trực phụ trách khu vực phía Nam	1.282.486	0,016%
16	Hiroki Kamijo	Phó Tổng Giám đốc	-	0,000%
17	Lê Hoàng Khánh An	Giám đốc Tài chính	348.092	0,004%
18	Nguyễn Thị Thu Hằng	Kế toán Trưởng	170.640	0,002%
19	Lê Lan Kim	Người phụ trách quản trị Công ty/ thư ký công ty	647.242	0,008%

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan



Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Giao dịch	Số lượt	Khối lượng cổ phiếu giao dịch
Mua	2	5.004.900
Bán	4	27.600
TỔNG	6	5.032.500

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông là người có liên quan của người nội bộ

Giao dịch	Số lượt	Khối lượng cổ phiếu giao dịch
Mua	3	3.700
Bán	5	4.900
TỔNG	8	8.600

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

Tham khảo nội dung tóm tắt tại Chương VIII. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội và ấn phẩm Báo cáo Phát triển Bền vững được phát hành độc lập.







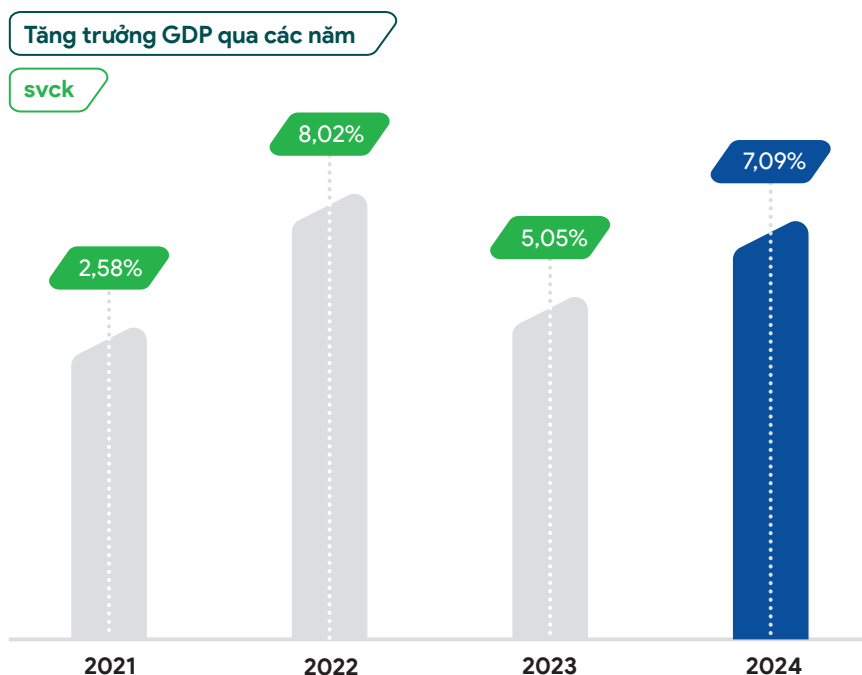
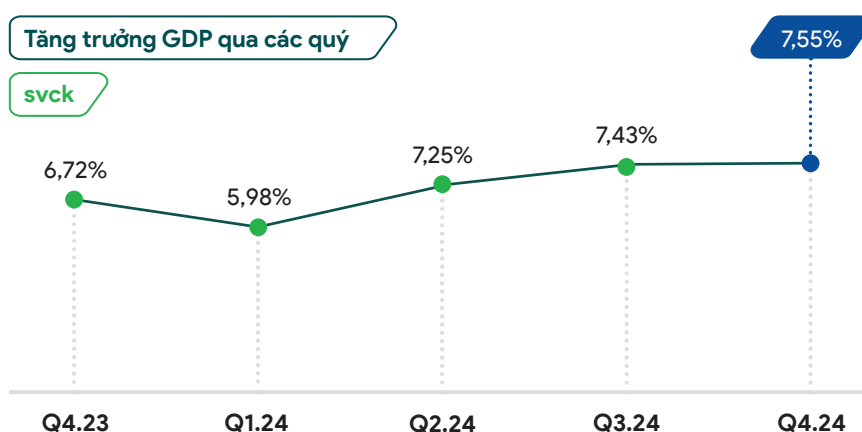
Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành

)4

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

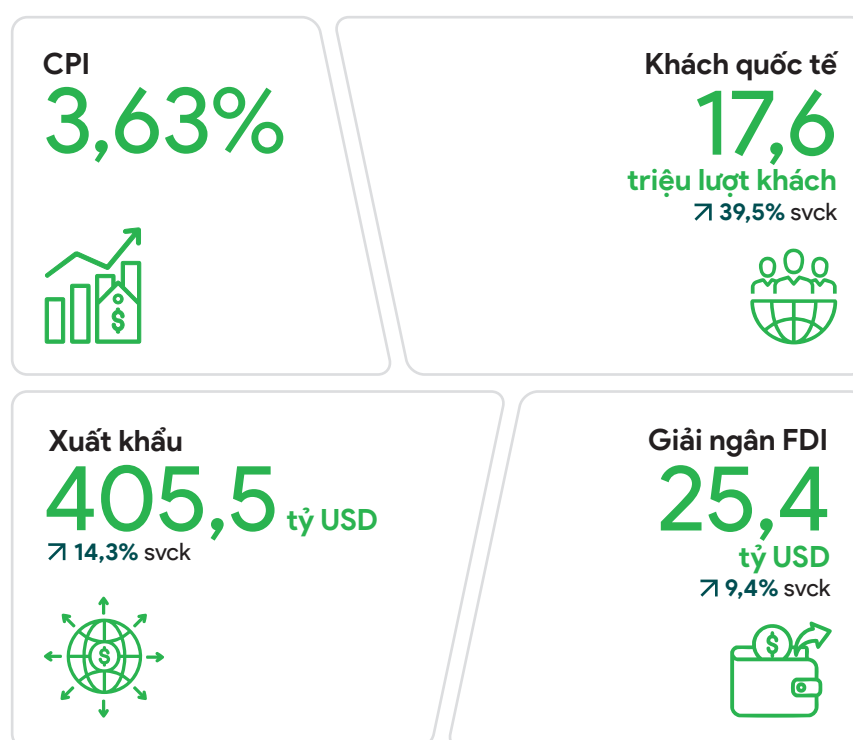
Môi trường vĩ mô

Năm 2024, kinh tế toàn cầu ghi nhận nhiều điểm sáng nhờ sự phục hồi của một số thị trường mới nổi và những tiến bộ vượt bậc trong công nghệ, đặc biệt là AI, Gen AI, Big Data cũng như trong lĩnh vực năng lượng tái tạo và chuyển đổi xanh. Những yếu tố tích cực này đã và đang góp phần thúc đẩy xu hướng tăng trưởng bền vững. Việt Nam tiếp tục duy trì sự ổn định trong bối cảnh có nhiều yếu tố thách thức và cơ hội đan xen. Chính phủ và NHNN kiên định với mục tiêu kiểm soát lạm phát và ổn định tỷ giá, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong môi trường kinh doanh bền vững. Năm 2024, GDP của Việt Nam đạt mức tăng trưởng 7,09%, trong khi đó lạm phát được kiểm soát chặt chẽ ở mức 3,63%, hoàn thành mục tiêu Quốc hội đề ra.



Về động lực tăng trưởng, xuất khẩu hàng hóa lập kỷ lục mới nhờ các chính sách kịp thời, đồng bộ của Chính phủ nhằm tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ sản xuất, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu. Các nhóm ngành chủ chốt như điện tử, dệt may và nông sản vẫn giữ vai trò quan trọng, tạo dấu ấn đậm nét trong tăng trưởng. Dòng vốn đầu tư nước ngoài cũng là điểm sáng khi trong năm 2024, vốn FDI giải ngân đạt 25,4 tỷ USD, tăng 9,4% so với năm trước và ghi nhận kết quả cao nhất từ trước tới nay. Dòng vốn ngoại đặc biệt quan tâm đến các lĩnh vực như công nghệ cao và năng lượng sạch. Bên cạnh những yếu tố tích cực, nền kinh tế trong năm 2024 còn đối mặt với một số thách thức như thị trường bất động sản và tiêu dùng trong nước vẫn cần thêm thời gian để phục hồi trở lại sau giai đoạn nhiều biến động.

Tổng kết lại, với nền tảng vĩ mô được củng cố và ổn định, các chính sách hỗ trợ kịp thời của Chính phủ và NHNN, sự năng động của người dân và doanh nghiệp, Việt Nam vẫn giữ vững vị thế là điểm đến đầu tư hấp dẫn và nền kinh tế đầy tiềm năng trong khu vực.



Ngành ngân hàng

Ngành ngân hàng Việt Nam tiếp tục đóng vai trò trọng yếu trong việc hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và duy trì sự ổn định tài chính quốc gia. Chính sách điều hành kịp thời của NHNN về tỷ giá, lãi suất và hỗ trợ thanh khoản đã góp phần quan trọng trong việc duy trì sự ổn định của hệ thống ngân hàng và nền kinh tế.

Trong năm qua, ngành ngân hàng đã thực hiện các chiến lược tín dụng thận trọng, ưu tiên và thúc đẩy dòng vốn chảy vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đặc biệt là hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tuy nhiên, sự phục hồi chậm của nhu cầu tiêu dùng cùng với thách thức từ thị trường bất động sản đã ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng tín dụng trong phần lớn năm 2024. Tín dụng chỉ thực sự bật tăng trong quý cuối cùng, đưa mức tăng trưởng toàn ngành hơn 15%, đạt mục tiêu NHNN đã đề ra. Mặc dù áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng, các ngân hàng vẫn duy trì công tác quản trị rủi ro chặt chẽ, không ngừng cải thiện chất lượng tài sản, nhằm ổn định và bảo vệ lợi ích của khách hàng và cổ đông.

Ngành ngân hàng được kỳ vọng sẽ tiếp tục là trụ cột vững chắc hỗ trợ nền kinh tế, đặc biệt là trong bối cảnh Việt Nam đang đối mặt với các thách thức lớn. Đồng thời, ngành sẽ đóng góp vào mục tiêu phát triển bền vững thông qua các chính sách tín dụng xanh và hỗ trợ các dự án thân thiện với môi trường.

Kết quả kinh doanh nổi bật năm 2024



Bản lĩnh
vững vàng,
kiên trì tiến bước

Trước những biến động không ngừng của nền kinh tế, VPBank luôn giữ vững chiến lược dài hạn, linh hoạt thích ứng và bền bỉ theo đuổi các mục tiêu tăng trưởng bền vững. Những nỗ lực đó đã mang lại kết quả ấn tượng trong năm 2024, thể hiện qua các chỉ số tài chính quan trọng, khẳng định vị thế vững chắc của ngân hàng trên thị trường.

Các chỉ số tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2022	2023	2024	Tăng/ giảm so với 2023
1	Quy mô					
	Tổng tài sản	Tỷ đồng	631.013	817.567	923.848	13,0%
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	103.502	139.796	147.275	5,4%
	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	67.434	79.339	79.339	0,0%
	Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	%	14,90%	17,17%	15,50%	
2	Kết quả hoạt động kinh doanh					
	Dư nợ tín dụng	Tỷ đồng	497.756	600.524	709.986	18,2%
	Huy động khách hàng và giấy tờ có giá	Tỷ đồng	366.851	490.156	552.642	12,7%
	Tổng thu nhập hoạt động	Tỷ đồng	57.797	49.739	62.255	25,2%
	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	21.220	10.804	20.013	85,2%
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	16.909	8.494	15.987	88,2%
	Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	20,30%	9,27%	11,51%	
	Tỷ suất lợi nhuận ròng trên tổng tài sản (ROA)	%	3,12%	1,38%	1,85%	
	Tỷ lệ NPL ngân hàng riêng lẻ (Thông tư 31/2024/TT-NHNN)	%	2,19%	2,95%	2,47%	
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	Đồng /cổ phiếu	2.718	1.433	1.989	
3	Một số chỉ tiêu an toàn (ngân hàng riêng lẻ)					
	Tỷ lệ dự trữ thanh khoản quy đổi VND	%	13,10%	13,37%	16,76%	
	Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày đối với VND	%	74,30%	66,34%	73,53%	
	Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày đối với ngoại tệ	%	-78,10%	-31,29%	-146,03%	
	Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi (LDR)	%	76,82%	79,63%	81,55%	
	Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung, dài hạn	%	28,40%	25,27%	27,26%	

Tăng trưởng chọn lọc, đón đầu cơ hội

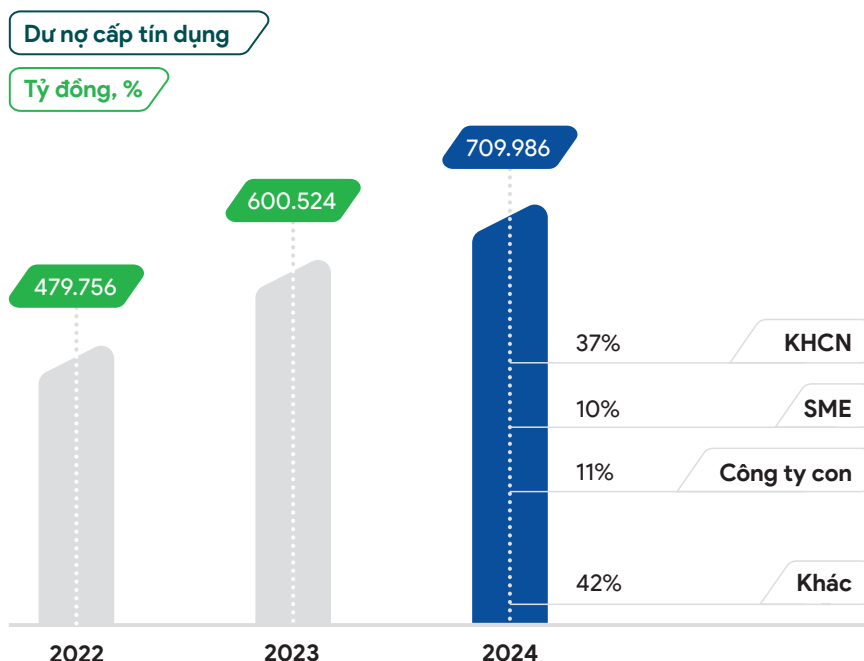
Quy mô tín dụng hợp nhất

709.986 tỷ đồng

↑ 18,2% so với đầu năm

Năm 2024, trong bối cảnh cơ hội và thách thức đan xen, VPBank đã chủ động tăng trưởng tín dụng chọn lọc, tập trung vào khách hàng tiềm năng và sản phẩm thu hút, đồng thời luôn chú trọng đến chất lượng tín dụng. Đến cuối 2024, quy mô tín dụng hợp nhất của ngân hàng đạt 709.986 tỷ đồng, tăng 18,2% so với đầu năm, trong đó tín dụng của ngân hàng mẹ tăng 19,4%, cao hơn mức tăng trưởng trung bình ngành là 15%. Với sự phục hồi rõ nét của nền kinh tế trong quý cuối năm, VPBank đã tập trung mở rộng quy mô tín dụng tại các phân khúc chiến lược như khách hàng cá nhân và SME, với mức tăng gần 7% chỉ riêng trong quý IV.

VPBank vẫn kiên định với chiến lược bán lẻ, tuy nhiên, khi nhu cầu tiêu dùng chưa phục hồi như kỳ vọng và nguồn cung cho các dự án vay mua nhà còn hạn chế, ngân hàng đã linh hoạt tìm kiếm cơ hội mới trong các phân khúc khách hàng doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp FDI. Đồng hành cùng đối tác chiến lược SMBC – một trong những ngân hàng hàng đầu Nhật Bản – VPBank đã mở rộng cơ hội hợp tác với khách hàng FDI và thu hút hơn 500 doanh nghiệp đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan cũng như nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ khác... Dư nợ của phân khúc FDI đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ, đạt hơn 3.700 tỷ đồng, gấp hơn 3 lần so với năm 2023. Trong bối cảnh Việt Nam tiếp tục khẳng định vị thế là điểm đến hấp dẫn cho dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhóm khách hàng FDI chính là phân khúc hứa hẹn sẽ trở thành động lực tăng trưởng mới cho VPBank trong tương lai.



Trong bức tranh kinh doanh tổng thể của tập đoàn, các công ty con của VPBank cũng ghi nhận những cột mốc quan trọng. Ở mảng tài chính tiêu dùng, FE CREDIT đã gặt hái những kết quả mạnh mẽ sau quá trình tái cơ cấu toàn diện, với sự tham gia quan trọng của VPBank và đối tác chiến lược SMBC. Năm 2024, FE CREDIT ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ trong dư nợ cấp tín dụng, đạt hơn 62.000 tỷ đồng, tăng 10,3% so với đầu năm. Đặc biệt, doanh số giải ngân cả năm tăng 40% so với năm 2023. Đối với mảng chứng khoán, hoạt động cho vay margin của VPBankS cũng ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực. Dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ (margin) và ứng trước đạt hơn 9.500 tỷ đồng vào cuối năm 2024, tăng 33% so với đầu năm.

Một trong những trọng tâm chiến lược của VPBank trong năm 2024 là đẩy mạnh tín dụng xanh theo từng phân khúc, đồng thời tích hợp vào tài trợ chuỗi cung ứng và thương mại. Tính đến ngày 31/12/2024, dư nợ tín dụng xanh của ngân hàng gần 22.000 tỷ đồng, chiếm hơn 3% tổng dư nợ và tăng trưởng 48,5% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh việc tập trung vào các lĩnh vực năng lượng tái tạo, kinh doanh phát thải thấp và thích ứng với biến đổi khí hậu để thúc đẩy tăng trưởng xanh và bảo vệ môi trường, VPBank còn tiên phong cung cấp những gói giải pháp tài chính toàn diện hỗ trợ doanh nghiệp SME, đặc biệt là nhóm doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

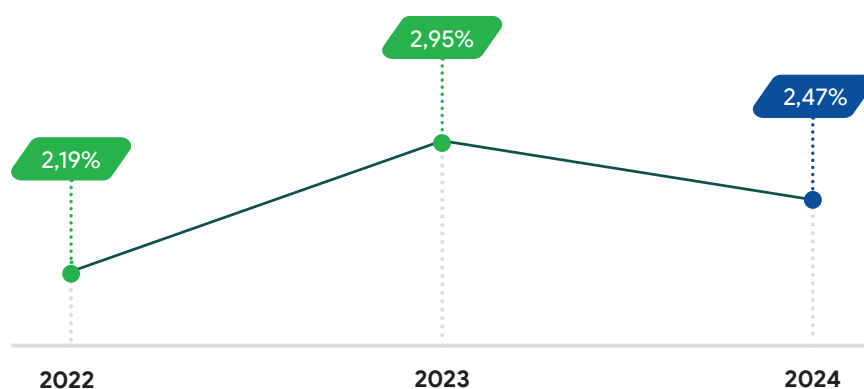
Cải thiện chất lượng tài sản, tối ưu hiệu quả thu hồi nợ

Với chiến lược kinh doanh tập trung vào bán lẻ, VPBank đã phải đối mặt với hàng loạt tác động khi nền kinh tế vẫn còn không ít thách thức. Trước những khó khăn trên, ngân hàng luôn chú trọng kiểm soát rủi ro, điều chỉnh chính sách cho vay thận trọng và phù hợp, đồng thời sử dụng linh hoạt các biện pháp xử lý nợ hiệu quả. Ngoài ra, VPBank còn tích cực triển khai những giải pháp cơ cấu nợ kịp thời, tháo gỡ khó khăn, đồng hành cùng khách hàng theo các chỉ đạo của Chính phủ, NHNN tại Thông tư 02/2023/TT-NHNN (thay thế bởi Thông tư 06/2024/TT-NHNN) và hỗ trợ những khách hàng bị ảnh hưởng bởi bão Yagi theo Thông tư 53/2024/TT-NHNN.

Chất lượng tài sản của VPBank đã được cải thiện đáng kể trong năm 2024. Tỷ lệ NPL của ngân hàng mẹ theo Thông tư 31 được kiểm soát dưới 3%, đạt 2,47% và thấp hơn so với năm 2023. Tỷ lệ NPL hợp nhất cũng ghi nhận sự cải thiện lớn khi giảm từ 4,48% vào cuối năm 2023 xuống còn 3,52% vào cuối 2024. Kết quả này phản ánh sự phục hồi tích cực ở FE CREDIT khi nợ xấu liên tiếp giảm trong 3 quý cũng như sự cải thiện mạnh mẽ trong chất lượng tài sản của ngân hàng mẹ.

Tỷ lệ NPL Theo thông tư 31

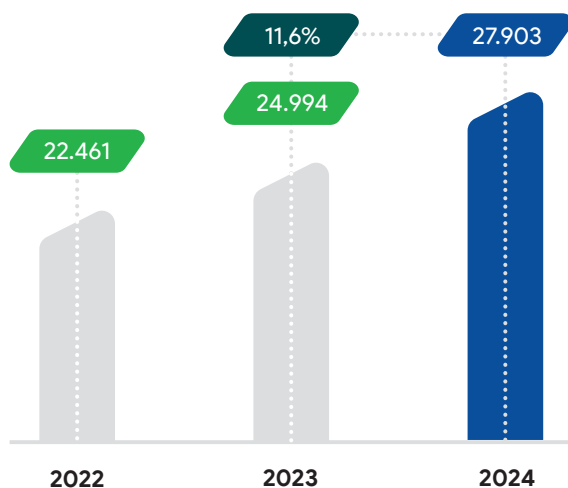
Ngân hàng riêng lẻ (%)



Chủ động nhận diện những thách thức của thị trường, VPBank đã thực hiện các biện pháp tăng cường trích lập nhằm củng cố bộ đệm dự phòng, bảo đảm an toàn cho hoạt động ngân hàng. Trong năm 2024, chi phí dự phòng hợp nhất tăng 12% so với năm 2023, lên 27.903 tỷ đồng. Song song với đó, ngân hàng cũng luôn chú trọng tăng cường xây dựng chiến lược thu hồi nợ toàn diện, tùy chỉnh theo từng sản phẩm, phân khúc khách hàng và giai đoạn của khoản vay. Năm 2024, ngân hàng đã thành lập Khối Thu hồi và Xử lý nợ (DCD) với tổng cộng 2.500 nhân sự, giúp chuyên môn hóa nguồn lực, nâng cao hiệu quả công tác thu hồi nợ và tối ưu hóa chất lượng danh mục tín dụng.

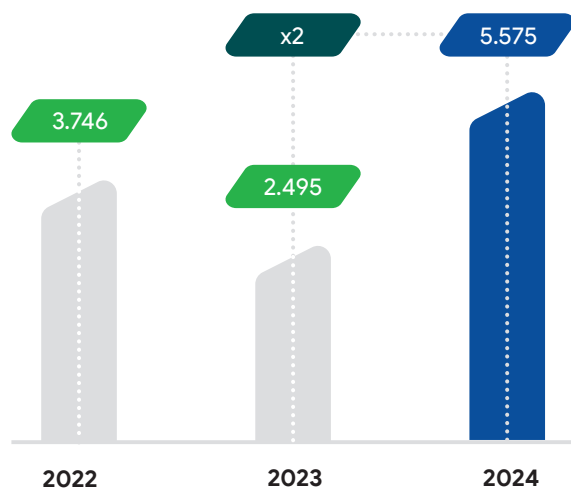
Chi phí dự phòng

Tỷ đồng, %



Thu từ xử lý nợ xấu

Tỷ đồng



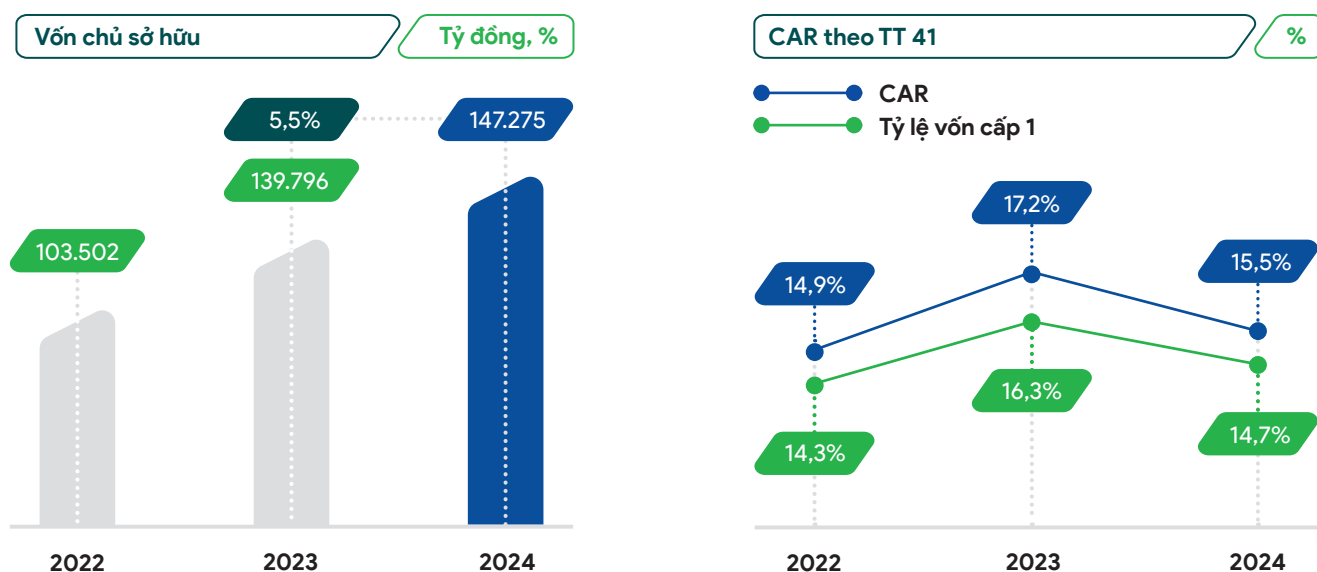
Nền tảng vốn vững chắc, tạo đà bứt phá

Bên cạnh đó, ngân hàng còn nỗ lực ứng dụng công nghệ hiện đại trong công tác thu hồi và xử lý nợ nhằm tối ưu hóa năng suất, giám sát chặt chẽ những khách hàng đã cơ cấu nợ để quản lý tốt chất lượng tài sản. Nhờ những nỗ lực trên, trong năm 2024, thu nhập từ nợ đã xử lý rủi ro đạt 5.575 tỷ đồng, gấp hơn hai lần so với cùng kỳ, đóng góp tích cực vào thu nhập của toàn ngân hàng. Những bước đi này không chỉ giúp VPBank kiểm soát rủi ro một cách chặt chẽ mà còn tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

Để vững vàng vượt qua những giai đoạn khó khăn và bứt phá trong tương lai, VPBank nhận thức rõ tầm quan trọng của nâng cao năng lực tài chính và củng cố nền tảng vốn vững mạnh. Kết thúc năm 2024, VPBank giữ vững vị thế dẫn đầu ngành ngân hàng về quy mô vốn điều lệ, đạt hơn 79.300 tỷ đồng. Thành công từ thương vụ hợp tác chiến lược với SMBC năm 2023, cộng hưởng với những kết quả tích cực trong năm 2024 giúp mở rộng quy mô vốn chủ sở hữu của VPBank lên 147.275 tỷ đồng, nằm trong top 4 toàn ngành.

Trong năm 2024, thực hiện các cam kết với cổ đông, VPBank hoàn tất chi trả gần 8.000 tỷ đồng cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 10%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận 1.000 đồng) từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối của ngân hàng sau khi trích lập các quỹ tính đến thời điểm 31/12/2023.

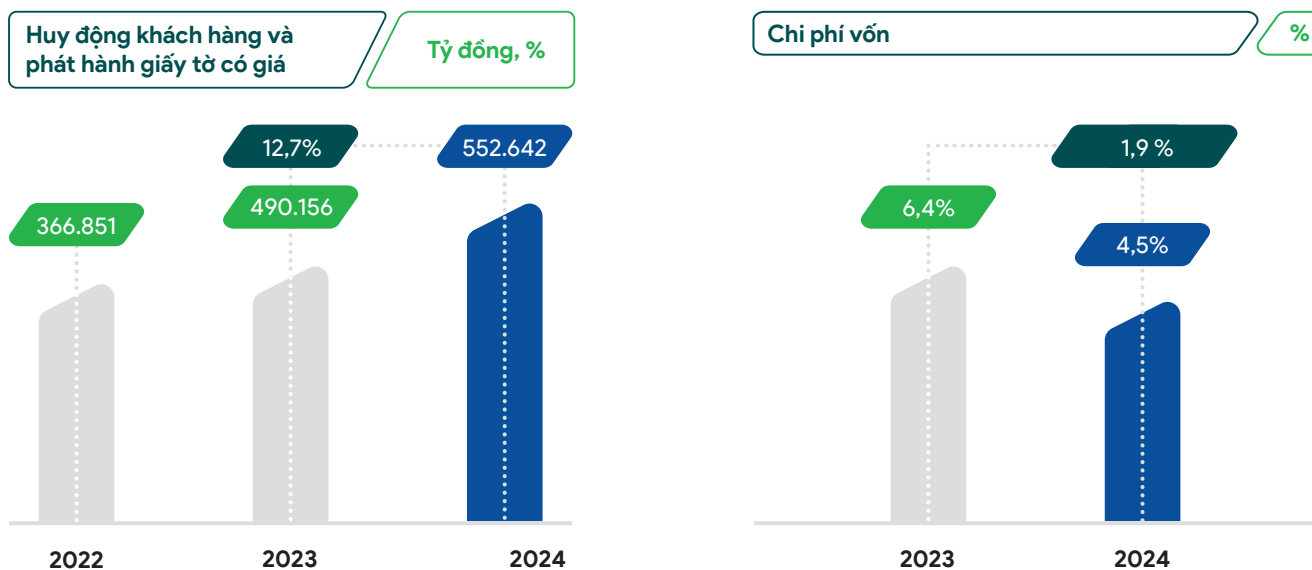
Với nguồn vốn ổn định cùng cơ cấu tài sản an toàn hiệu quả, VPBank luôn đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN và tuân thủ Thông tư 41. CAR hợp nhất của VPBank đạt 15,5%, mức cao nhất hệ thống và vượt xa yêu cầu tối thiểu của NHNN. Với bộ đệm vốn vững chắc, VPBank tự tin trong việc bảo đảm hoạt động kinh doanh ổn định, năng lực tài chính vững chắc để phục vụ khách hàng ở các phân khúc chiến lược cũng như nhóm khách hàng doanh nghiệp và định chế tài chính có quy mô lớn hơn.



Quản lý sát sao bảng cân đối, giảm mạnh chi phí vốn

Trong bối cảnh thanh khoản toàn thị trường duy trì ổn định trong năm, VPBank đã chủ động huy động vốn một cách linh hoạt, phù hợp với tăng trưởng tín dụng, bảo đảm tuân thủ các tỷ lệ an toàn của NHNN, đồng thời tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn. Tính đến cuối năm 2024, tổng huy động tiền gửi và giấy tờ có giá của ngân hàng hợp nhất đạt 552.642 tỷ đồng, tăng trưởng 12,7% so với năm trước, vượt trội so với kết quả trung bình ngành là 9,1%.

Là một ngân hàng tư nhân hàng đầu và luôn hướng đến mục tiêu cung cấp dịch vụ khách hàng hoàn hảo, VPBank không ngừng nỗ lực cải tiến, đa dạng hóa các sản phẩm huy động. Ngân hàng cung cấp những giải pháp tài chính linh hoạt, toàn diện để thu hút khách hàng mới từ cá nhân, hộ kinh doanh cho đến doanh nghiệp. Ngoài mở rộng và đa dạng hóa các nguồn huy động từ phân khúc khách hàng cá nhân, VPBank còn ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ từ nhóm khách hàng FDI, với quy mô đạt gần 8.800 tỷ đồng, tăng 73% so với cuối năm 2023.



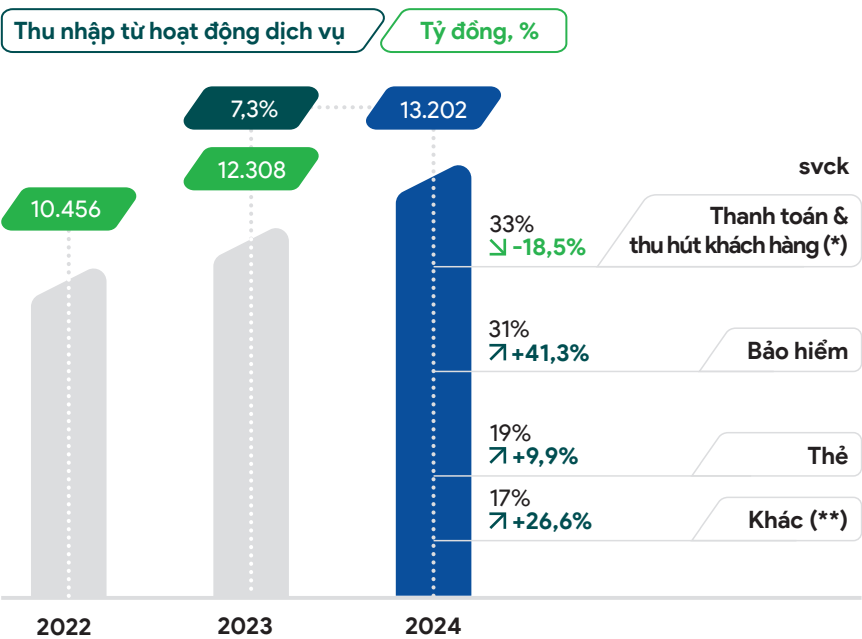
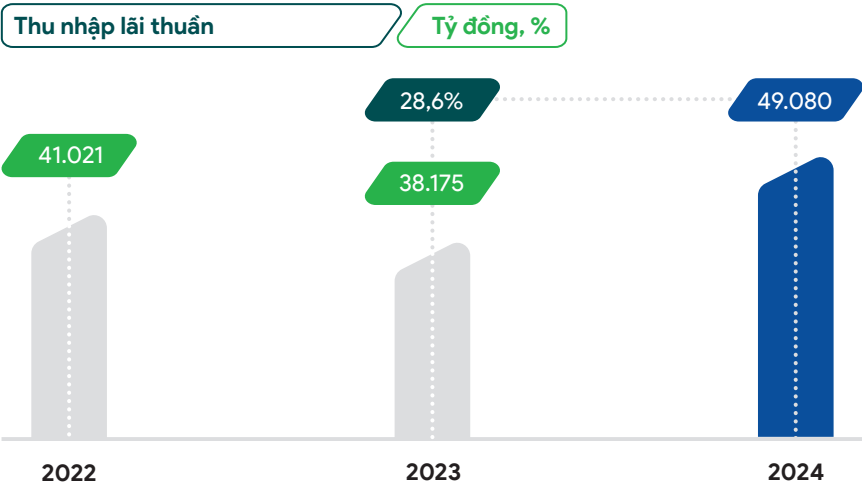
Nhờ những nỗ lực trong việc quản lý bảng cân đối chặt chẽ, tối ưu hóa danh mục huy động từ khách hàng và đa dạng hóa các nguồn vốn trung - dài hạn quốc tế, chi phí vốn năm 2024 của VPBank giảm mạnh xuống còn 4,5%, thấp hơn gần 200 bps so với năm 2023. Đây là mức giảm mạnh nhất ngành ngân hàng, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh và đóng góp tích cực vào sự hồi phục doanh thu và lợi nhuận của VPBank.

Để thúc đẩy và phát triển tín dụng xanh một cách bền vững, VPBank nhận thấy sự cần thiết của nguồn huy động dài hạn. Năm 2024, ngân hàng huy động thành công 735 triệu USD vốn bền vững từ các định chế tài chính toàn cầu như SMBC, Maybank, MUFG, Commerzbank, CTBC, KGI, DFC... VPBank cũng ký kết hợp đồng tín dụng trị giá 150 triệu USD với Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC), nhằm tài trợ cho các dự án năng lượng tái tạo tại Việt Nam. Những thành công này không chỉ khẳng định uy tín của VPBank trên trường quốc tế mà còn là minh chứng cho cam kết tích cực của ngân hàng trong việc thực hiện mục tiêu quốc gia Net Zero vào năm 2050. Đồng thời, các khoản vay trung và dài hạn cũng giúp VPBank tăng cường tuân thủ các tỷ lệ an toàn thanh khoản, như dư nợ cho vay trên tổng tiền gửi (LDR) (81,6%) và tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn (27,3%), đều ở mức tốt hơn so với yêu cầu của NHNN.



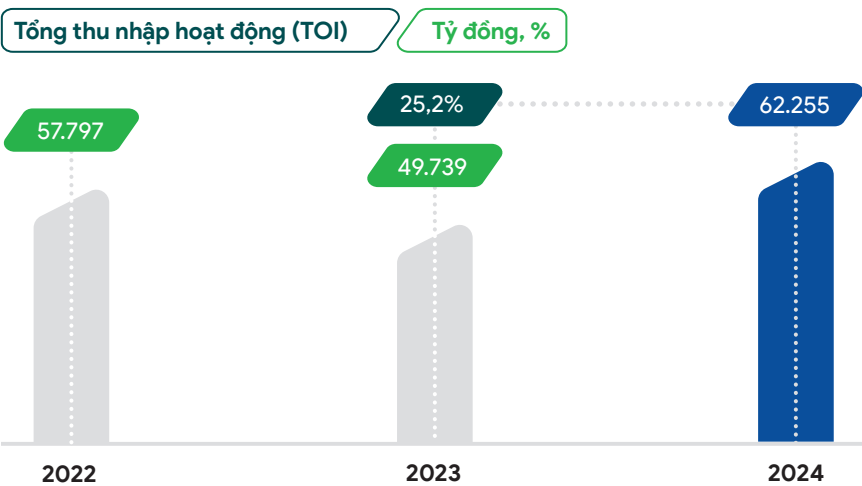
Thu nhập lãi vượt trội, doanh thu dẫn đầu

Những nỗ lực tối ưu hóa chi phí vốn và nâng cao chất lượng tài sản thông qua tích cực thu lãi treo trong năm 2024 đã giúp thu nhập lãi thuần hợp nhất của VPBank ghi nhận tăng trưởng ấn tượng 28,6% so với 2023. Từ đó, VPBank tiếp tục giữ vị thế dẫn đầu trong nhóm ngân hàng thương mại tư nhân về TOI, đạt quy mô 62.255 tỷ đồng. Đồng thời, biên lãi thuần (NIM) của ngân hàng cũng tăng trưởng đáng kể, từ 5,8% trong năm 2023 lên 6,2% vào năm 2024, đứng đầu ngành ngân hàng.



(*) Thanh toán & Thu hút khách hàng bao gồm LC, thanh toán LG, thanh toán quốc tế, nội địa & POS

(**) Thu nhập phí khác: Phí tài khoản, phí thu xếp



NIM tăng trưởng tích cực đã giúp bù đắp cho việc thu thuần từ hoạt động dịch vụ (NFI) chịu ảnh hưởng bởi những khó khăn của nền kinh tế. Năm 2024, sự thay đổi quy định liên quan đến hoạt động thanh toán và thư tín dụng (LC UPAS) làm giảm quy mô thu phí thanh toán, đồng thời thị trường bảo hiểm trầm lắng ảnh hưởng đến thu phí dịch vụ của các ngân hàng. Mặc dù vậy, VPBank vẫn xác định hoạt động dịch vụ là một trọng tâm trong chiến lược phát triển. Trong năm 2024, NFI hợp nhất đóng góp 6.126 tỷ đồng vào doanh thu cả năm của ngân hàng.

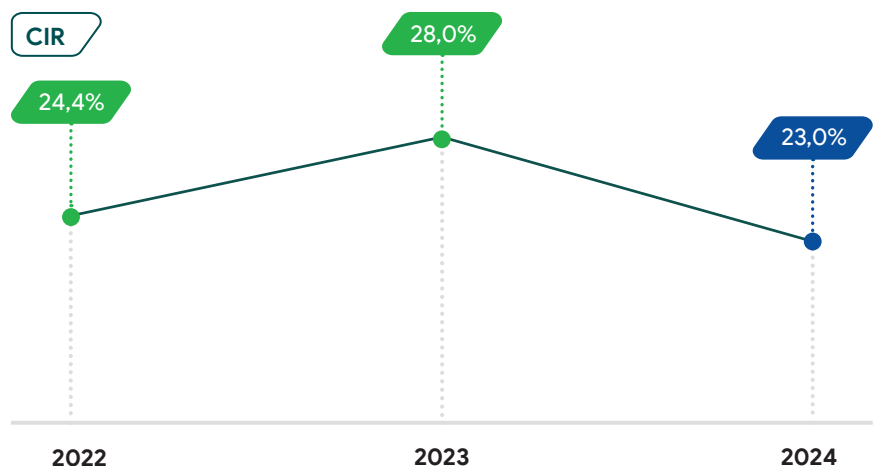
Nhờ nỗ lực cải tiến và triển khai các sản phẩm phù hợp với từng phân khúc khách hàng, VPBank tiếp tục là ngân hàng dẫn đầu thị phần về thẻ. Cụ thể, VPBank đã ra mắt dòng thẻ Flex Card 2 trong 1, giúp khách hàng linh hoạt lựa chọn nguồn tiền chi tiêu từ hạn mức tín dụng hoặc tài khoản thanh toán, đồng thời mang lại chương trình tích điểm được “cá nhân hóa” theo nhu cầu, sở thích của người dùng. Bên cạnh đó, ngân hàng tiếp tục triển khai các giải pháp thanh toán một chạm như Apple Pay, Garmin Pay, Google Pay, Samsung Pay... nhằm mang lại những trải nghiệm thuận tiện nhất cho khách hàng.

Số hóa toàn diện, hiệu quả ưu việt

Chuyển đổi số là một trong những trọng tâm và định hướng chiến lược quan trọng của VPBank trong suốt nhiều năm qua. Toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin của ngân hàng vận hành trên các phiên bản cập nhật mới nhất, được hỗ trợ chính thức từ các hãng công nghệ và nhà cung cấp dịch vụ uy tín. Ngân hàng đã triển khai các công nghệ hiện đại với những kiến trúc tiên tiến như Cloud Computing, Microservices và Open API vào các hệ thống lõi. Những giải pháp này không chỉ giúp đảm bảo chất lượng dịch vụ, tính ổn định và an toàn, mà còn có khả năng mở rộng linh hoạt, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu tăng trưởng mạnh mẽ của ngân hàng.

VPBank không ngừng đa dạng hóa các sản phẩm và dịch vụ số dành cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp. Thông qua nền tảng VPBank NEO và VPBank NEO Biz, VPBank mang đến trải nghiệm thuận tiện và đáp ứng trọn vẹn mọi nhu cầu của khách hàng, đồng thời gia tăng số lượng giao dịch, góp phần duy trì và kiểm soát chi phí. Tính đến cuối năm 2024, VPBank NEO đã thu hút hơn 10 triệu người dùng với hơn 700 triệu giao dịch trực tuyến, trong khi hơn 80% hợp đồng tín chấp và thẻ chấp của khách hàng cá nhân được thực hiện hoàn toàn qua nền tảng số. Đặc biệt, tính năng ePayroll đã giúp doanh nghiệp và người lao động thực hiện các giao dịch trả lương online nhanh chóng, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ.

Với định hướng Next Gen AI Bank, trong năm 2024, ngân hàng số Cake by VPBank (Cake) đạt nhiều thành tựu nổi bật, triển khai thành công các dự án trọng điểm với đối tác chiến lược uy tín, xuất sắc chiến thắng những giải thưởng quan trọng cả ở Việt Nam và quốc tế. Sau gần 4 năm hoạt động, Cake trở thành ngân hàng thuần số có độ nhận diện cao, với 62% khách hàng nhận ra thương hiệu, số lượng khách hàng cá nhân đạt 4,9 triệu người - dẫn đầu thị trường. Quy mô tiền gửi đạt 8.500 tỷ đồng và công ty nhận về khoảng 300.000 hồ sơ yêu cầu vay/mở thẻ tín dụng mỗi tháng. Nhờ sự đầu tư mạnh mẽ trong công nghệ, Cake vinh dự được The Asian Banker công nhận là “Ngân hàng AI tốt nhất” và giải thưởng “Ngân hàng số tiêu biểu 2024” trao tặng bởi Euromoney.





Thông qua việc liên tục đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ, tối ưu hóa quy trình, ngân hàng không ngừng cải thiện hiệu quả hoạt động, duy trì tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) quanh mức 23%, là kết quả tốt nhất trên thị trường. VPBank cũng ghi nhận sự cải thiện rõ rệt về năng suất lao động và nhận về phản hồi tích cực từ khách hàng, khẳng định hiệu quả trong chiến lược chuyển đổi số, nâng cao chất lượng dịch vụ.

Lợi nhuận bứt phá

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất

20.013 tỷ đồng
⬆ 85,2% so với năm 2023

Lợi nhuận trước thuế VPBankS

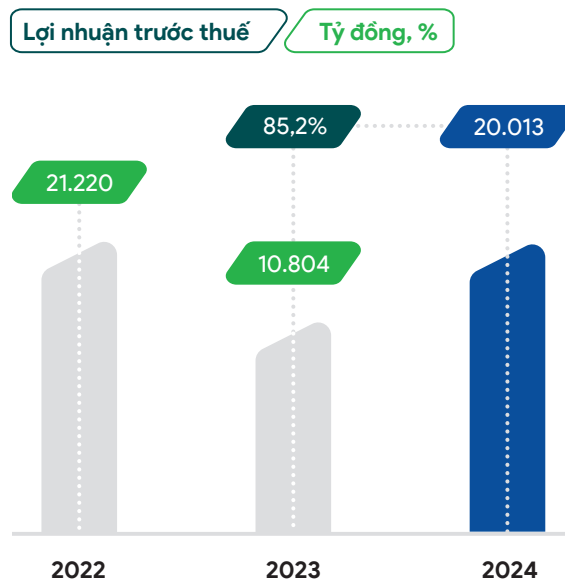
1.220 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế OPES

474 tỷ đồng
⬆ gấp 3 lần so với năm 2023

Nhờ tối ưu dòng vốn và linh hoạt trong công tác điều hành, VPBank đã đạt được những kết quả ấn tượng với lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 20.013 tỷ đồng, tăng trưởng 85,2% so với năm trước, thuộc nhóm dẫn đầu toàn ngành. Trong đó, ngân hàng mẹ ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt 18.260 tỷ đồng, tăng trưởng 35,6% so với năm 2023. Các công ty con của VPBank cũng đóng góp tích cực vào kết quả chung của tập đoàn, đặc biệt là sự phục hồi mạnh mẽ của FE CREDIT sau quá trình tái cấu trúc toàn diện. FE CREDIT đã liên tiếp báo lãi trong 3 quý gần nhất và đạt lợi nhuận 512 tỷ đồng trong cả năm 2024.

Sau hơn hai năm gia nhập hệ sinh thái VPBank, công ty chứng khoán VPBankS ghi nhận tổng doanh thu đạt gần 2.500 tỷ đồng, tăng 28% so với cùng kỳ và lợi nhuận trước thuế 1.220 tỷ đồng, nằm trong top 6 công ty chứng khoán có lợi nhuận cao nhất. Tương tự, công ty bảo hiểm số phi nhân thọ OPES báo cáo lợi nhuận trước thuế 474 tỷ đồng, tăng gấp 3 lần so với 2023, lọt Top 10 Doanh nghiệp ASEAN Tiêu biểu và giải thưởng Nhà Bảo hiểm Số của năm trao tặng bởi Insurance Asia.



Trong năm qua, VPBank không chỉ đạt được sự tăng trưởng bền vững về lợi nhuận mà còn đóng góp vào sự thịnh vượng lâu dài của cả cộng đồng. Những nỗ lực không ngừng nghỉ từ toàn bộ thành viên trong tập đoàn đã giúp VPBank củng cố vững chắc vị thế dẫn đầu trong ngành ngân hàng, tạo ra giá trị gia tăng lâu dài cho cổ đông, khách hàng và cộng đồng, bảo đảm một tương lai thịnh vượng bền vững.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý

**Tổng số
nhân viên và
thu nhập bình
quân của người
lao động (theo
BCTC hợp nhất)**

Tại thời điểm 31/12/2024

VPBank có

27.428

nhân viên



Thu nhập bình
quân của cán bộ
nhân viên trong
năm 2024 đạt gần

27 triệu đồng
/tháng



Tóm tắt những thay đổi trong chính sách đối với người lao động 2024

VPBank đã điều chỉnh khung lương năm 2024 căn cứ theo báo cáo khảo sát tiền lương theo thực tế thị trường (by Mercer) phù hợp với thực tế tỷ lệ chi trả lương thưởng (pay mix) của từng phân khúc nhân viên tại các mảng front/mid/back. Dữ liệu này trở thành căn cứ để xác định mức lương đối với cán bộ nhân viên mới tuyển/thăng chức/bổ nhiệm.

Ngoài ra, ngân hàng cũng triển khai điều chỉnh lương định kỳ năm 2024 cho toàn thể cán bộ nhân viên đủ điều kiện.

Chương trình thưởng theo kết quả công việc cá nhân cán bộ nhân viên và kết quả doanh thu/lợi nhuận của đơn vị kinh doanh tiếp tục được thực hiện, giúp đảm bảo sự cân bằng nội bộ, dựa trên định hướng về pay mix, tính chất công việc, tiệm cận gần hơn với định vị thị trường mục tiêu.

Các chương trình phúc lợi hiện hữu (khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm sức khỏe và tai nạn VPBank Care...) vẫn được duy trì triển khai với chất lượng tốt hơn trong khuôn khổ ngân sách bằng hoặc thấp hơn. Đồng thời, VPBank tiếp tục triển khai chương trình Quà tặng nghỉ dưỡng cho cán bộ nhân viên và người thân – là chế độ phúc lợi đặc biệt trên thị trường lao động.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và công tác quản lý nhân sự 2024

Nhằm giảm tải cho hoạt động vận hành, VPBank đã dừng cơ chế áp dụng kết quả đánh giá hiệu quả làm việc ngắn hạn (kỳ 6 tháng đầu năm) và chỉ sử dụng kết quả đánh giá cả năm để làm điều kiện xét chế độ đãi ngộ dài hạn.

Với mục tiêu tăng tính hiệu quả của các chương trình thăng tiến, VPBank đã bổ sung điều kiện trong cơ chế thăng tiến của cán bộ bán và nguyên tắc tăng điều chỉnh lương. Đồng thời, các vị trí cán bộ quản lý cũng được rà soát, đánh giá lại nhằm nâng cao hiệu quả đãi ngộ phù hợp với công việc, giúp giữ chân nhân viên.

Cuối cùng, để đồng hành cùng chiến lược số hóa của ngân hàng, VPBank tiếp tục triển khai tự động hóa quy trình, ứng dụng hệ thống phần mềm phục vụ công tác nhân sự với dự án Chuyển đổi hệ thống nhân sự từ SAP ECC lên Success Factor.

Định hướng hoạt động kinh doanh trong năm 2025

Triển vọng vĩ mô

2025 sẽ là một năm quan trọng khi thế giới vừa trải qua nhiều thử thách, vừa đứng trước cơ hội phục hồi mạnh mẽ. Kinh tế toàn cầu được kỳ vọng sẽ duy trì sự tăng trưởng ổn định, lạm phát hạ nhiệt, thương mại khởi sắc. Nhiều quốc gia có thể triển khai các chính sách tiền tệ nới lỏng. Cùng với đó, sự bùng nổ của công nghệ và chuyển đổi số sẽ tiếp tục là động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao năng suất lao động, đặc biệt trong các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo, năng lượng tái tạo và sản xuất thông minh.

Trong bối cảnh này, việc điều hành chính sách linh hoạt và theo dõi sát sao diễn biến kinh tế, tài chính toàn cầu sẽ giúp Việt Nam tận dụng tối đa cơ hội, ứng phó hiệu quả với biến động từ môi trường kinh tế quốc tế, đảm bảo sự phát triển ổn định.

- Thông qua những hiệp định thương mại tự do đã ký kết, Việt Nam có thể mở rộng thị trường xuất khẩu. Đồng thời, nỗ lực nâng cao năng lực cạnh tranh sẽ giúp thu hút dòng vốn FDI vào những lĩnh vực công nghệ cao và sản xuất xanh. Những nhóm ngành bao gồm năng lượng tái tạo, công nghệ số và chuyển đổi số được kỳ vọng sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển bền vững và nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.
- Động lực tăng trưởng còn có thể đến từ đà hồi phục của thị trường tiêu dùng trong nước nhờ sự phát triển của tầng lớp trung lưu và xu hướng tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người. Ngành bán lẻ, thương mại điện tử và dịch vụ được kỳ vọng sẽ tiếp tục mở rộng, kích cầu tiêu dùng sôi động hơn.
- Ngoài ra, dòng vốn đầu tư công vào cơ sở hạ tầng giao thông, năng lượng và công nghiệp, sẽ hỗ trợ tăng trưởng dài hạn và tạo ra nhiều việc làm.

Bên cạnh những cơ hội, kinh tế Việt Nam cũng sẽ phải đối mặt với không ít thách thức. Trong đó, biến động tỷ giá, căng thẳng thương mại và những bất ổn địa chính trị toàn cầu có thể tác động đáng kể đến môi trường kinh doanh. Dư địa nới lỏng chính sách tiền tệ ngày càng thu hẹp, trong khi nhiều doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn và duy trì tăng trưởng bền vững. Ngoài ra, hạ tầng công nghệ tài chính vẫn chưa tiệm cận với các tiêu chuẩn quốc tế, tạo ra rào cản nhất định cho quá trình hội nhập và phát triển.

Để đồng hành cùng mục tiêu tăng trưởng GDP 8% của Chính phủ, ngành ngân hàng đặt nhiệm vụ tăng trưởng tín dụng ở mức 16%. Bên cạnh đó, NHNN sẽ tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt và phù hợp với diễn biến thị trường. Môi trường lãi suất được kỳ vọng duy trì ổn định, hỗ trợ các ngân hàng tối ưu chi phí vốn, tạo cơ hội thúc đẩy tín dụng ra nền kinh tế. Nhờ những yếu tố trên, 2025 sẽ là một năm khởi sắc đối với ngành ngân hàng Việt Nam.

Tăng trưởng GDP

8,0%



CPI

<4,0%



Tăng trưởng tín dụng

16%



Nguồn: Thông tin Chính phủ, NHNN

Định hướng kinh doanh 2025

Năm 2025 là giai đoạn then chốt trong hành trình chiến lược 5 năm của VPBank (2022 – 2026). Với triển vọng tích cực từ nền kinh tế, Ban Điều hành VPBank đã chủ động đánh giá, dự báo và xây dựng các kịch bản kinh doanh phù hợp, không chỉ tạo ra sự linh hoạt trong mọi tình huống mà còn tận dụng tối đa các cơ hội mới để thúc đẩy sự phát triển của ngân hàng.

Những định hướng chiến lược trên sẽ giúp VPBank hoàn thành các mục tiêu tăng trưởng ngắn hạn và tạo dựng nền tảng vững chắc cho thành công lâu dài. Với tập khách hàng rộng lớn, nguồn vốn mạnh mẽ và nền tảng quản trị vững chắc đã được xây dựng, VPBank tiếp tục kiên định trên con đường phát triển bền vững, mang lại giá trị vượt trội cho cổ đông, khách hàng, nhân viên và cộng đồng.

VPBank xác định 5 mục tiêu chủ đạo cho tăng trưởng trong năm 2025:

Tăng trưởng đồng bộ

- Tập trung đẩy mạnh tăng quy mô khách hàng, quy mô tín dụng, quy mô huy động và quy mô doanh thu trên tất cả mảng kinh doanh chủ đạo.
- Làm sâu sắc chiến lược phân khúc, bao gồm phân khúc mới Private Banking, với mục tiêu tạo ra tăng trưởng chất lượng và gia tăng giá trị cốt lõi cho khách hàng.
- Tiếp tục tìm kiếm, khai thác cơ hội trong phân khúc FDI, hướng tới phục vụ 1.000 khách hàng trong năm 2025, với trọng tâm là tăng trưởng huy động và dịch vụ phi tín dụng.
- Thúc đẩy tăng trưởng xanh và bền vững, nhằm chung tay thực hiện mục tiêu Net Zero vào năm 2050.

Huy động hiệu quả

- Tạo sự bứt phá trong tăng trưởng CASA thông qua những giải pháp tài chính vượt trội và dịch vụ hàng đầu.
- Đa dạng hóa danh mục huy động nhằm tiếp tục tối ưu chi phí vốn để hỗ trợ tăng trưởng tín dụng, nâng cao vị thế cạnh tranh và đảm bảo an toàn thanh khoản.

Tăng cường chất lượng

- Duy trì khẩu vị rủi ro hợp lý, tương đồng với các chính sách khách hàng và sản phẩm.
- Kết hợp chiến lược thu hồi nợ và xử lý nợ mạnh mẽ, tiên tiến và hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng danh mục cho vay và đầu tư, hướng tới giảm dần chi phí tín dụng.

Hệ sinh thái đa tầng khác biệt

- Tiếp tục mở rộng hệ sinh thái tài chính ngân hàng kết hợp với sản phẩm, dịch vụ gắn liền với cuộc sống của đại bộ phận tầng lớp dân cư.
- Không ngừng cải thiện mô hình quản trị tập đoàn, với sự hợp tác của tất cả thành viên trong hệ sinh thái; thay đổi tư duy để tạo ra giá trị toàn diện cho khách hàng.
- Tập trung tái cơ cấu GPBank thông qua xây dựng mô hình kinh doanh, hạ tầng nền tảng; phân bổ nguồn lực để GPBank dần trở thành ngân hàng có tình hình tài chính lành mạnh.

Kiên toàn nền tảng vững chắc

- Tối ưu hóa mô hình tổ chức, tinh gọn quy trình để gia tăng hiệu quả kinh doanh; tối ưu nguồn lực nhằm nâng cao năng suất lao động.
- Đẩy mạnh công nghệ và trí tuệ nhân tạo, khẳng định vị thế tiên phong của VPBank trong việc phát triển các sản phẩm “cá nhân hóa” cao, nâng tầm trải nghiệm khách hàng và hiệu quả vận hành.
- Khơi dậy tư duy đổi mới và khuyến khích sáng tạo trong mọi lĩnh vực kinh doanh để tạo ra những đột phá, và phát triển liên tục.

Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến kiểm toán

Công ty kiểm toán EY không có ý kiến không chấp thuận đối với Báo cáo tài chính của VPBank.

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

Năm 2024, VPBank triển khai Chiến lược ESG toàn diện được HĐQT đề ra từ năm 2023, hướng đến mục tiêu mang lại giá trị thịnh vượng bền vững cho các bên hữu quan bao gồm cổ đông, khách hàng, nhân viên và cộng đồng. Ngân hàng tiếp tục đạt được những thành tựu mới và cột mốc quan trọng trong hành trình phát triển bền vững.

Để góp phần vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển của kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, Net Zero vào năm 2050 của Chính phủ, VPBank đã triển khai hàng loạt giải pháp để kiến tạo toàn về con người và hệ thống để phục vụ tăng trưởng tín dụng bền vững. Cụ thể, ngân hàng hợp tác với IFC nhằm triển khai chương trình nâng cao năng lực toàn diện về phát triển bền vững trên toàn ngân hàng bao gồm xây dựng chiến lược tăng trưởng xanh và tổ chức các hoạt động đào tạo chuyên sâu về tài chính xanh, tài chính khí hậu và rủi ro khí hậu cho cán bộ nhân viên đến từ các đơn vị kinh doanh, thẩm định và phê duyệt tín dụng, quản trị rủi ro và vận hành.

VPBank đã thiết lập và áp dụng KPI tăng trưởng tài chính bền vững cho các khối kinh doanh, qua đó, thúc đẩy việc phát triển và triển khai các chương trình sản

phẩm tài chính bền vững như tài trợ lắp đặt điện mặt trời mái nhà, tài trợ cho chuỗi xe điện, tài trợ lĩnh vực nông nghiệp bền vững, tài trợ cho phân khúc doanh nghiệp SME, doanh nghiệp siêu nhỏ (MSME) và doanh nghiệp SME do phụ nữ lãnh đạo (WSME).

Tính đến cuối năm 2024, dư nợ danh mục tài chính xanh của VPBank gần 22.000 tỷ đồng, tương đương 87,7% mục tiêu đề ra cho năm 2030 và tổng dư nợ cấp tín dụng của danh mục doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ vượt 18.500 tỷ đồng. Để củng cố nguồn vốn cho các chương trình tài chính bền vững, VPBank đã tìm kiếm và hợp tác với nhiều định chế tài chính phát triển (DFIs). Theo đó, VPBank huy động thành công các khoản vay với tổng trị giá 735 triệu USD từ những đối tác tên tuổi như SMBC, DFC, Maybank, MUFG... và ký kết hợp đồng tín dụng trị giá 150 triệu USD với Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) nhằm tài trợ cho các dự án năng lượng tái tạo và truyền tải điện tại Việt Nam.

Bên cạnh Khung Tài chính Xanh và Khung Tài chính Xã hội, VPBank tiếp tục củng cố vị thế tiên phong khi xây dựng



và công bố Khung tài chính bền vững, được Sustainalytics xác nhận phù hợp với thông lệ của thị trường vốn quốc tế và hỗ trợ các thỏa thuận toàn cầu như Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc và Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu. Nhằm tiếp tục tăng cường hiệu quả quản trị của Hệ thống Quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng được bắt đầu xây dựng từ năm 2016, VPBank đã ứng dụng các công cụ quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên để triển khai thí điểm cho một số sản phẩm tài trợ nông nghiệp và chuỗi nông sản.

Bên cạnh đó, ngân hàng đã xây dựng Tuyên bố về quyền con người, đảm bảo tuân thủ pháp luật Việt Nam và phù hợp với các văn kiện về quyền con người được quốc tế công nhận. Tuyên bố này nhằm thúc đẩy văn hóa ở tất cả các cấp trong việc bảo vệ và tôn trọng quyền con người, hợp tác với các nhà cung cấp, khách hàng và các bên liên quan khác cũng như sử dụng các biện pháp thích hợp để loại trừ việc tham gia vào các hành vi vi phạm quyền con người.

Tiếp nối chuỗi hoạt động hiện thực hóa cam kết đóng góp tích cực cho

cộng đồng, lan tỏa giá trị nhân văn, VPBank đã triển khai 29 hoạt động trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR) với tổng ngân sách hơn 230 tỷ đồng để đầu tư vào lĩnh vực giáo dục, hỗ trợ người nghèo và chung tay đồng hành cùng chính phủ trong các công tác an sinh xã hội, khắc phục hậu quả thiên tai. Nổi bật, VPBank đã hoàn thiện xây dựng và khánh thành THPT Võ Văn Tần tại Long An – ngôi trường công lập đầu tiên của Việt Nam đạt chứng chỉ xanh EDGE do IFC cấp và tiếp tục đồng hành cùng VTV thực hiện chuỗi chương trình thiện nguyện “Cặp lá yêu thương” nhằm hỗ trợ xây dựng và sang sửa 25 điểm trường khó khăn tại Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Quảng Nam và Kon Tum. VPBank cũng đã đóng góp hơn 100 tỷ đồng để hỗ trợ xóa bỏ nhà tạm, nhà dột nát trên cả nước, đồng thời chung tay khắc phục hậu quả do cơn bão Yagi gây ra.

Trong công tác quản trị, VPBank áp dụng các khung quản trị quốc tế như Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty của OECD, Thẻ điểm Quản trị Công ty ASEAN, và Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty Tốt nhất (hợp tác giữa Ủy ban

Chứng khoán Nhà nước và IFC), gắn với quy trình đánh giá hàng năm, tập trung vào năng lực lãnh đạo, hiệu quả giám sát và việc thực hiện các cam kết phát triển bền vững để nâng cao chất lượng quản trị công ty theo tiêu chuẩn quốc tế. Ngoài ra, VPBank liên tục củng cố và cải thiện Khung Quản lý rủi ro thông qua việc tiên phong áp dụng các thông lệ quốc tế tiên tiến nhất tại Việt Nam.

Ban Điều hành bám sát chặt chẽ và triển khai hiệu quả kế hoạch hành động đã được HĐQT phê duyệt trong chính sách ESG toàn diện, nhằm củng cố vị thế tiên phong của VPBank trong việc triển khai các sáng kiến quản trị ESG, thúc đẩy sự phát triển thịnh vượng, bền vững và công bằng cho toàn xã hội.



VPBank





Đánh giá của HĐQT về hoạt động của VPBank

15

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của VPBank



Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của ngân hàng năm 2024

Về vĩ mô, 2024 là một năm mà nền kinh tế đã vượt khó để đạt được những thành tựu nổi bật như tỷ lệ tăng trưởng GDP cao nhất khu vực, một số mảng như xuất khẩu hàng hóa, du lịch phục hồi, thu hút FDI duy trì tăng trưởng... Tuy vậy, nền kinh tế còn tiềm ẩn rủi ro và chịu nhiều áp lực lớn, tăng trưởng tín dụng giai đoạn đầu năm còn khó khăn, nợ xấu có nguy cơ gia tăng.

Trong bối cảnh đó, VPBank kiên định với chiến lược chủ động và thận trọng: nỗ lực tìm kiếm cơ hội mới, mở rộng khai thác phân khúc khách hàng tiềm năng để thực hiện các mục tiêu tăng trưởng, song song với việc triển khai các giải pháp kiểm soát chất lượng tài sản, giảm thiểu các rủi ro tiềm ẩn, đảm bảo sự phát triển bền vững và ổn định.

Một số kết quả theo kế hoạch đã trình ĐHĐCĐ cho năm 2024:

- Ngân hàng đã chi trả gần 8.000 tỷ đồng cổ tức tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ 10%, hoàn thành mục tiêu đã đề ra tại ĐHĐCĐ.
- Tổng tài sản hợp nhất của VPBank tính đến cuối năm 2024 đạt 923.848 tỷ đồng, tăng trưởng 13% so với đầu năm và hoàn thành 94,8% kế hoạch đề ra.
- Dư nợ cấp tín dụng hợp nhất cuối kỳ đạt 709.986 tỷ đồng, tăng 18,2% so với đầu năm, hoàn thành 94,4% kế hoạch.
- Huy động tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá hợp nhất đạt 552.642 tỷ đồng, tăng 12,7% so với đầu năm, hoàn thành 92,3% kế hoạch và đảm bảo an toàn thanh khoản.
- Tỷ lệ NPL theo Thông tư 31 của ngân hàng mẹ được kiểm soát ở mức dưới 3%, đạt 2,47%, hoàn thành kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế ngân hàng hợp nhất đạt 20.013 tỷ đồng, tăng 85,2% so với năm 2023, hoàn thành 86% kế hoạch.



Đánh giá của HĐQT liên quan đến tác động môi trường xã hội của ngân hàng

Với định hướng xây dựng chiến lược phát triển bền vững gắn liền với giá trị xã hội và môi trường cũng như sứ mệnh “Vì một Việt Nam thịnh vượng”, VPBank đặt mục tiêu việc tạo ra lợi ích hài hòa, bền vững cho các bên liên quan, bao gồm cổ đông, khách hàng, nhân viên và cộng đồng.

Hàng năm, VPBank đều nỗ lực dành một ngân sách đáng kể để thực hiện các cam kết về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR), đóng góp cho các chương trình an sinh xã hội, giáo dục và bảo vệ môi trường tại nhiều tỉnh thành trên cả nước. Với vai trò là tổ chức tín dụng, VPBank tích cực triển khai nhiều sáng kiến liên quan đến hỗ trợ tài chính xanh, nâng cao năng lực tiếp cận vốn cho SME.

Đồng thời, ngân hàng cũng thực hiện các chính sách nhằm đảm bảo minh bạch và công bằng đối với người lao động, thiết lập các bộ phận, chương trình đào tạo riêng để cán bộ nhân viên có nhận thức và tuân thủ chiến lược/chính sách ESG. Thông qua những nỗ

lực không ngừng, VPBank không chỉ khẳng định vai trò tiên phong trong hệ thống tài chính mà còn góp phần thúc đẩy sự phát triển thịnh vượng, bền vững và công bằng cho toàn xã hội.

VPBank đã triển khai nhiều khung quản trị quốc tế như Bộ Nguyên tắc quản trị công ty của OECD, Thê điểm quản trị công ty ASEAN, và Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty Tốt nhất (hợp tác giữa Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và IFC) trong đó có gắn quy trình đánh giá hàng năm, tập trung vào năng lực lãnh đạo, hiệu quả giám sát và việc thực hiện các cam kết phát triển bền vững.

Năm 2024, VPBank lần thứ 6 liên tiếp nằm trong Top 20 doanh nghiệp có điểm số ESG cao nhất thuộc Chỉ số Phát triển Bền vững (VNSI). Kết quả trên giúp ngân hàng xác định các lĩnh vực cần cải thiện, triển khai chương trình đào tạo, tái cấu trúc quy trình làm việc và tăng cường hiệu quả giám sát, đảm bảo cơ quan quản trị cao nhất luôn đáp ứng các mục tiêu chiến lược và bền vững.

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Điều hành

Hội đồng Quản trị VPBank coi nhiệm vụ xây dựng KPI và đánh giá hiệu quả làm việc của Ban Điều hành là một hoạt động quan trọng. Ủy ban Nhân sự được giao hỗ trợ đánh giá, xem xét kỹ càng hiệu quả làm việc của Ban Điều hành trước khi Hội đồng Quản trị có phê duyệt cuối cùng. Việc đánh giá được tổng hợp dựa trên hai yếu tố chính: mức độ hoàn thành KPI và xếp loại hành vi.

Ngoài những yếu tố kế thừa từ các năm trước, bộ KPI năm 2024 được bổ sung tiêu chí Thúc đẩy Văn hóa doanh nghiệp, bao gồm khơi dậy (activation), tích hợp văn hóa doanh nghiệp của ngân hàng và các công ty trong hệ sinh thái, trong đó, chú trọng đến yếu tố đổi mới sáng tạo và tuân thủ.

KPI về đổi mới sáng tạo được giao đến tất cả khối và trung tâm, đồng thời được báo cáo trực tiếp tới Tổng Giám đốc nhằm thúc đẩy đổi mới, cải tiến, sáng tạo ở tất cả đơn vị, thông qua việc đăng ký các sáng kiến đổi mới sáng tạo có ứng dụng công nghệ. KPI liên quan đến Tuân thủ được rà soát, cập nhật để luôn sát sao với tình hình thực tế và là công cụ hữu hiệu định hướng công tác kỷ luật kinh doanh của toàn thể cán bộ nhân viên ngân hàng.

Phương pháp đánh giá hành vi theo 5 giá trị cốt lõi mới của VPBank được áp dụng từ năm 2023. Tuy vậy, giá trị cốt lõi là các mô tả định tính nên không lượng hóa 100% phương pháp đánh giá hành vi con người. Trong năm 2024,

Ban Điều hành đã có những tinh chỉnh về phương pháp để việc đánh giá hành vi của toàn thể cán bộ nhân viên chính xác hơn.

Ma trận xếp loại hiệu quả làm việc cũng được điều chỉnh theo hướng “tinh” hơn nhằm đảm bảo phản ánh sát nhất đóng góp của các cán bộ nhân viên trong công cuộc hoàn thành mục tiêu chung của VPBank. Ngoài chỉ số hoàn thành KPI và xếp loại hành vi, Hội đồng Quản trị cũng ghi nhận những khó khăn chung theo thực tế và nỗ lực vượt ngoài phạm vi công việc được giao để đưa ra đánh giá cho từng thành viên Ban Điều hành.



Đánh giá kết quả hoạt động chung của Ban Điều hành

Trong năm 2024, lợi nhuận trước thuế của VPBank hoàn thành 86% kế hoạch ĐHCĐ giao, chủ yếu bị ảnh hưởng bởi thị trường bán lẻ chưa phục hồi hoàn toàn. Tuy vậy, xét trên tổng thể, tỷ lệ tăng trưởng lợi nhuận hợp nhất và kết quả của FE CREDIT vẫn là một con số đáng khích lệ. Hội đồng Quản trị ghi nhận những nỗ lực của toàn bộ thành viên Ban Điều hành VPBank nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh, xử lý những khó khăn còn tồn tại.

Các thành viên Ban Điều hành đều thể hiện nỗ lực đổi mới sáng tạo, tìm kiếm cơ hội kinh doanh, củng cố hoạt động vận hành nhằm nâng cao năng suất lao động và trải nghiệm khách hàng. Song song đó,

Ban Điều hành cũng cố gắng xử lý và kiểm soát tốt nợ xấu, chú trọng việc tuân thủ và kiểm soát nội bộ, tạo dựng môi trường làm việc văn minh, hạnh phúc và hiệu quả cho các cán bộ nhân viên, thúc đẩy và gìn giữ thương hiệu, uy tín của VPBank.

Nhiều thành viên Ban Điều hành đã thể hiện sự sẵn sàng nhận nhiệm vụ bổ sung, chủ động, nhiệt huyết tham gia vào dự án mới, luôn tìm cách nâng cao sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong hệ sinh thái nhằm mục đích tạo dựng một hệ thống hoạt động kinh doanh hiệu quả và bền vững.





Định hướng hoạt động Hội đồng Quản trị năm 2025

Các mục tiêu trọng tâm năm 2025

Bước sang năm 2025 với nhiều cơ hội tăng trưởng bứt phá, VPBank kiên định cùng chiến lược tăng trưởng quy mô đồng bộ, với trọng tâm là quy mô khách hàng, quy mô tín dụng, huy động và quy mô doanh thu gắn với chất lượng, kiểm soát chặt chẽ chất lượng danh mục mới.

Ngân hàng đã xây dựng các kịch bản kinh doanh khác nhau tùy thuộc vào điều kiện thực tế, hướng tới mục tiêu tăng trưởng tín dụng đạt 25%. Đồng thời, VPBank tiếp tục kiểm soát và cải thiện chất lượng nợ toàn danh mục cho vay và đầu tư, kết hợp với một chiến lược thu hồi và xử lý nợ mạnh mẽ.

Song song, VPBank đặt mục tiêu thúc đẩy và mở rộng hệ sinh thái cốt lõi bao gồm tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm.... cũng như kết hợp với các đối tác chiến lược khác phát triển hệ sinh thái gắn với phân khúc bán lẻ, nhằm khai thác tối ưu thế mạnh, hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững.

Theo đó, lợi nhuận trước thuế hợp nhất dự kiến tăng 26% so với năm 2024, đạt 25.270 tỷ đồng.

STT	Chỉ tiêu (tỷ đồng, %)	Kế hoạch 2025	Thực tế 2024	% tăng trưởng
1	Tổng tài sản hợp nhất	1.132.800	923.848	23%
2	Tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá hợp nhất	742.311	552.642	34%
3	Dư nợ cấp tín dụng hợp nhất	887.724	709.986	25%
4	Tỷ lệ nợ xấu của Ngân hàng riêng lẻ (theo TT 31)	< 3%	2,47%	
5	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	25.270	20.013	26%
5.a	Ngân hàng riêng lẻ	22.219	18.260	22%
5.b	FE CREDIT	1.126	512	120%
5.c	VPBankS	2.003	1.220	64%
5.d	OPES	636	474	34%

Kiến toàn năng lực hệ thống nền tảng, nâng cao chất lượng hệ thống quản trị

Cùng với các mục tiêu trọng tâm, trong năm 2025, VPBank hướng đến nhiệm vụ kiện toàn năng lực hệ thống nền tảng, nâng cao chất lượng hệ thống quản trị. Cụ thể:

- Hoàn thiện hệ thống quản trị đồng bộ theo mô hình tập đoàn, các hệ thống nền tảng và hệ sinh thái số nhằm mục tiêu giảm thiểu thời gian, chi phí, hướng đến nâng cao hiệu quả hoạt động chung toàn ngân hàng.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các khối hỗ trợ với định hướng lấy khách hàng làm trọng tâm, đẩy mạnh các chương trình/sáng kiến trọng điểm nhằm tăng cường tinh gọn, tối ưu hóa quy trình, nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng toàn diện. Quản trị rủi ro sẽ thực hiện vai trò tiên phong, dẫn dắt trong việc áp dụng các thông lệ tốt.
- Yêu cầu hệ thống công nghệ thông tin, phân tích dữ liệu tiếp tục đóng vai trò là đơn vị dẫn dắt, định hướng công nghệ theo các xu hướng công nghệ mới và hiệu quả trên thế giới để từ đó thực hiện tiếp các đề xuất sáng kiến mới trong chiến lược công nghệ và chuyển đổi số cho các năm tiếp theo phù hợp với lộ trình tăng trưởng của ngân hàng.
- Xây dựng chiến lược, chương trình trọng điểm về quản trị nhân sự toàn ngân hàng để khẳng định thông điệp VPBank là “miền đất nhân tài”, phát huy bản sắc văn hóa doanh nghiệp phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn và chiến lược.





Quản trị
ngân hàng

06

Danh sách Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Chí Dũng

Chủ tịch HĐQT

Từ tháng 4/2010 đến nay:
Chủ tịch HĐQT VPBank

Từ tháng 8/2006 đến tháng 3/2010: Phó Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)

Từ tháng 1/1996 đến tháng 3/2005: Cổ đông sáng lập và thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)

Tiến sĩ Kinh tế - Viện nghiên cứu Chiến lược chính trị kinh tế thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Liên bang Nga; Kỹ sư địa chất công trình - Trường đại học thăm dò địa chất Matxcova





Ông Bùi Hải Quân

Phó Chủ tịch HĐQT

Từ tháng 12/2008 đến nay:
Phó Chủ tịch HĐQT VPBank

Từ tháng 3/2006 đến tháng 12/2008:
Thành viên HĐQT VPBank

Từ tháng 3/2020 đến nay:
Chủ tịch Công ty Cổ phần Bảo hiểm OPES

Từ tháng 11/2017 đến nay:
Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Ván Công nghệ cao Bison

Từ tháng 10/2010 đến nay:
Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Hải

Cử nhân kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân Kiev, Ukraine



Ông Lô Bằng Giang

Phó Chủ tịch HĐQT

Từ tháng 4/2010 đến nay:
Phó Chủ tịch HĐQT VPBank

Từ tháng 8/2014 đến nay:
Chủ tịch HĐQT – Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB SMBC FC)

Từ năm 2012 đến năm 2015:
Thành viên HĐQT Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

Từ năm 2009 đến năm 2012:
Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng Delta Bank, Ukraine

Từ năm 2008 đến năm 2017:
Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy sản Hùng Vương

Từ năm 2008 đến năm 2013: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Delta – Valley Bình Thuận

Thạc sỹ Kinh tế, Đại học Hàng không Quốc gia Kiev, Ukraine; Cử nhân Tài chính tín dụng, Đại học Kinh tế, Thống kê và Thông tin Moscow (MEIS), Liên bang Nga

Ông Nguyễn Văn Phúc

Thành viên độc lập HĐQT

Từ tháng 5/2020 đến nay:

Thành viên độc lập HĐQT VPBank

Từ năm 2016 đến nay:

Chuyên gia độc lập cho các dự án kinh tế của các bộ ban ngành

Từ năm 1989 đến năm 2016:

Đảm nhiệm các vị trí Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật, Vụ trưởng Vụ Kinh tế và Ngân sách, Phó Giám đốc Quốc gia Dự án của Ủy ban Kinh tế và Ngân sách của Quốc hội và Kiểm toán Nhà nước - Vụ Kinh tế và Ngân sách của Văn phòng Quốc hội

Cử nhân Luật chuyên ngành Luật kinh tế, Đại học Tổng hợp Quốc gia Azerbaijan, Liên Xô; Thạc sỹ Luật, chuyên ngành Luật và Phát triển, Đại học Phương Đông và Châu Phi - Đại học Tổng hợp London, Vương quốc Anh; Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Khoa học Quản lý, Đại học Kinh tế Quốc dân



Ông Nguyễn Đức Vinh

Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Từ tháng 7/2012 đến nay:

Tổng Giám đốc VPBank

Từ tháng 4/2013 đến nay:

Thành viên HĐQT VPBank

Từ tháng 8/2014 đến nay:

Thành viên HĐQT - Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB SMBC FC)

Từ tháng 1/2012 đến tháng 7/2012: Phó Chủ tịch - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)

Từ năm 2009 đến năm 2012:

Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Techcombank

Từ năm 2000 đến năm 2009:

Tổng Giám đốc Techcombank

Từ năm 1999 đến năm 2000:

Phó Tổng Giám đốc Techcombank

Từ năm 1984 đến năm 1999: Công tác tại Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam

Cử nhân trường Đại học Ngoại thương; Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Viện Kinh doanh Cao cấp ISA, tập đoàn HEC; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - University of Michigan Business School; Chứng chỉ Quản trị Kinh doanh cao cấp, Giám đốc Điều hành quốc tế Học viện Quản trị Kinh doanh Châu Âu (INSEAD)





Ông Takeshi Kimoto

Thành viên HĐQT

Từ tháng 5/2024 đến nay:

Thành viên HĐQT VPBank

Từ tháng 4/2021 đến nay:

Cán bộ điều hành, Trưởng phòng Phát triển thị trường châu Á tại SMBC (Singapore) và SMFG (Nhật Bản)

Từ tháng 2/2019 đến nay:

Thành viên Ban Giám sát, Ngân hàng PT Bank BTPN Tbk, Jakarta, Indonesia

Từ năm 2018 đến năm 2021:

Công tác tại Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC) Singapore

Từ năm 2015 đến năm 2018:

Công tác tại Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC), Nhật Bản

Từ năm 2002 đến năm 2015:

Công tác tại Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC) Singapore

Từ năm 2001 đến năm 2002:

Công tác tại Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC), Nhật Bản

Từ năm 1993 đến năm 2001:

Công tác tại Ngân hàng Sumitomo Bank Limited

Cử nhân Kinh doanh và Thương mại, Đại học Keio, Nhật Bản



Bà Phạm Thị Nhung

Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc thường trực, Giám đốc Khối Quản lý Đối tác và Quan hệ đối ngoại

Từ năm 2023 đến nay:

Phó Tổng Giám đốc Thường trực kiêm Giám đốc Khối Quản lý đối tác và Quan hệ đối ngoại, và từ năm 2024 đến nay là Thành viên HĐQT VPBank

Từ năm 2016 đến năm 2023

Trải qua các vị trí Giám đốc giao dịch phát triển mạng lưới, Tài sản bảo đảm; Giám đốc Trung tâm Quản lý đối tác và năm 2021 trở thành Phó Tổng Giám đốc VPBank

Từ năm 2017 đến năm 2024:

Trải qua các vị trí Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Thịnh Kiên

Từ năm 2016 đến năm 2024

Trải qua các vị trí Phó Giám đốc, Giám đốc, Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Thịnh Điền, Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Thẩm định giá Thịnh Tín

Từ năm 2019 đến năm 2021:

Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn và Kinh doanh Bất động sản VPC

Cử nhân Đại học Đông Đô

Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị năm 2024

Ông Takeshi Kimoto và bà Phạm Thị Nhung được bổ nhiệm thành viên HĐQT từ tháng 5/2024.

Thành viên Ban Kiểm soát



Bà Kim Ly Huyền

Trưởng Ban Kiểm soát

Từ tháng 12/2022:
Trưởng Ban Kiểm soát VPBank

Từ năm 1999 đến tháng 12/2022:
Trải qua các vị trí Trưởng Kiểm toán Nội bộ và Thành viên chuyên trách của Ban Kiểm soát tại VPBank

Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính ngân hàng, Đại học ESCP Europe và Pari Dauphine, Pháp; Cử nhân Luật, chuyên ngành Pháp luật kinh tế, Đại học Luật Hà Nội

Bà Trịnh Thị Thanh Hằng

Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát



Từ tháng 4/2017: Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát VPBank

Từ năm 2015 đến 2017: Kiểm soát viên chuyên trách VPBank AMC

Từ năm 2010 đến năm 2015: Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát VPBank kiêm Kiểm soát viên VPBank AMC

Từ năm 1999 đến năm 2010: Trải qua nhiều vị trí khác nhau tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) bao gồm Chuyên

gia số liệu báo cáo phân tích tài chính, tại Phòng Tài chính kế toán; Trưởng bộ phận phụ trách Công nghệ thông tin, tại Phòng Công nghệ thông tin

Thạc sỹ Tài chính ngân hàng, Học viện Ngân hàng; Cử nhân Khoa học Công nghệ thông tin, Đại học Quốc Gia Việt Nam; Cử nhân Kinh tế - Tài chính ngân hàng, Đại học Kinh tế Quốc dân

Ông Vũ Hồng Cao

Thành viên Ban Kiểm soát



Từ tháng 4/2019:
Thành viên Ban Kiểm soát VPBank

Từ năm 1998 đến năm 2018: Trải qua các vị trí Phó trưởng Kiểm toán Nội bộ tại VPBank; Phó trưởng Kiểm toán Nội bộ tại Techcombank; Phó Giám đốc Khối phụ trách Kiểm soát Nội bộ tại MB

Cử nhân Tài chính ngân hàng, Đại học Kinh tế Quốc dân

Thành viên Ban Điều hành



Ông Nguyễn Đức Vinh

Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Thông tin chi tiết xem tại Chương VI. Quản trị ngân hàng mục Danh sách Thành viên Hội đồng Quản trị - Trang 118

Bà Lưu Thị Thảo

Phó Tổng Giám đốc thường trực và Giám đốc điều hành cao cấp



Từ năm 2011 đến nay: Phó Tổng Giám đốc và từ năm 2021 trở thành Phó Tổng Giám đốc thường trực và Giám đốc điều hành cao cấp, VPBank

Từ năm 2009 đến năm 2011: Giám đốc tài chính, Ngân hàng TNHH Một Thành viên ANZ Việt Nam

Từ năm 2002 đến năm 2008: Trưởng phòng Tài chính kế toán, Quyền Giám đốc phụ trách vận hành, chi nhánh Ngân hàng ANZ Việt Nam

Từ năm 2001 đến năm 2002: Trợ lý Giám đốc Kiểm toán, KPMG Việt Nam

Từ năm 1998 đến năm 2001:

Trưởng phòng Kiểm toán Nội bộ và Tuần thủ, chi nhánh Ngân hàng ABN AMRO tại Việt Nam

Từ năm 1997 đến 1998: Kiểm toán viên cao cấp, PwC Việt Nam

Cử nhân Học viện Ngân hàng

Thành viên của Hiệp hội kế toán công chứng Anh Quốc (ACCA) và Hiệp hội kế toán công chứng Australia (CPA Australia)

Ông Phùng Duy Khương

Phó Tổng Giám đốc Thường trực Phụ trách phía Nam; Giám đốc Khối Khách hàng cá nhân kiêm phụ trách điều hành Khối Thu hồi và Xử lý nợ



Từ năm 2024 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Thường trực - Phụ trách phía Nam kiêm Giám đốc Khối Khách hàng cá nhân, kiêm phụ trách điều hành Khối Thu hồi & Xử lý nợ, VPBank

Từ năm 2022 đến năm 2024: Phó Tổng Giám đốc Thường trực - Phụ trách phía Nam kiêm Giám đốc Khối Khách hàng cá nhân, VPBank

Từ năm 2019 đến năm 2022: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khách hàng cá nhân, VPBank

Từ năm 2014 đến năm 2018: Giám đốc Khối bán lẻ và Phó Tổng Giám đốc, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank)

Từ năm 2010 đến năm 2014:

Tổng Giám đốc Ngân hàng Cá nhân, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB)

Từ năm 2008 đến năm 2010: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ngân hàng Cá nhân, Ngân hàng Đông Á (DongABank)

Từ năm 2006 đến năm 2008: Phó Chủ tịch phụ trách tài chính, GE Money South East Asia kiêm Giám đốc phát triển Kinh doanh, GE Money Vietnam

Thạc sỹ Kế toán, Đại học Monash - Australia

Thành viên Ban Điều hành (tiếp theo)



Bà Phạm Thị Nhung

Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc thường trực, Giám đốc Khối Quản lý Đối tác và Quan hệ đối ngoại

Thông tin chi tiết xem tại Chương VI.
Quản trị ngân hàng mục Danh sách
Thành viên Hội đồng Quản trị - Trang 119

Ông Kamijo Hiroki

Phó Tổng Giám đốc



Từ năm 2024 đến nay:
Phó Tổng giám đốc VPBank

Từ năm 2022 đến năm 2024:
Phó Tổng Giám đốc, Công ty TNHH SMBC, Trung Quốc

Từ năm 2021 đến năm 2022: Giám đốc, Khách hàng Doanh nghiệp II, Công ty TNHH SMBC, Trung Quốc

Từ năm 2019 đến năm 2021: Vorstand, Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Ngân hàng SMBC EU AG, Đức

Từ năm 2017 đến năm 2019: Giám đốc điều hành, Khách hàng Doanh nghiệp I, EMEA Division, SMBC, Düsseldorf, Đức

Từ năm 2015 đến năm 2017: Phó Giám đốc, Khách hàng Doanh nghiệp Tokyo III, SMBC, Tokyo, Nhật Bản

Từ năm 2010 đến năm 2015: Phó Tổng Giám đốc cao cấp, SMBC, Canada

Từ năm 2010 đến năm 2012: Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Tập đoàn Nhật Bản, SMBC, Canada

Từ năm 1993 đến năm 2010: Công tác tại Tập đoàn SMBC

Cử nhân Thương mại và Quản lý, Đại học Hitotsubashi

Bà Dương Thị Thu Thủy

Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn & Đầu tư



Từ năm 2009 đến nay: Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp lớn và đầu tư, VPBank

Từ năm 2002 đến năm 2008: Trải qua các vị trí Trưởng phòng phục vụ Khách hàng doanh nghiệp và Giám đốc Chi nhánh Hà Nội, VPBank

Cử nhân Học viện Ngân hàng; Cử nhân Đại học Kinh tế Quốc dân; Thạc sĩ Đại học Kinh tế Quốc dân chuyên ngành Quản trị kinh doanh



Ông Nguyễn Thanh Bình

Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Tín dụng

Từ năm 2002 đến nay: Phó Tổng giám đốc và từ năm 2012 trở thành Phó Tổng Giám Đốc kiêm Giám Đốc Khối Tín Dụng VPBank

Từ năm 2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT VPBank AMC

Từ năm 2009 đến năm 2022: Thành viên HĐQT, Trưởng Bank Kiểm soát Công ty cổ phần Thông tin tín dụng PCB

Từ năm 1994 đến năm 2002: Trải qua các vị trí Cán bộ tín dụng, Trưởng phòng Tín dụng, Trưởng phòng Nghiên cứu phát triển, Trưởng phòng Tổng hợp và quản lý chi nhánh VPBank

Cử nhân Đại học Kinh tế Quốc dân



Ông Nguyễn Thành Long

Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát Tuân thủ

Từ năm 2014 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát Tuân thủ VPBank

Từ năm 2013 đến năm 2014: Giám đốc Khối Pháp chế, Giám sát và Xử lý nợ - Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank)

Từ năm 2007 đến năm 2013: Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Pháp chế, Techcombank

Từ năm 1990 đến năm 2007: Phó Vụ trưởng, Vụ Pháp chế, NHNN

Thạc sỹ Luật học, Đại học Luật Hà Nội



Ông Đinh Văn Nho

Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp

Từ năm 2018 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp VPBank

Từ năm 2014 đến năm 2017: Trải qua các vị trí Giám đốc Trung tâm Khách hàng Doanh nghiệp Miền Bắc, Phó Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp, Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp VPBank

Từ năm 2003 đến năm 2013: Trải qua các vị trí Phó Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Khu vực, Giám đốc Vùng, Giám đốc Khách hàng doanh nghiệp Middle Market MB, Techcombank

Cử nhân Đại học Ngoại thương Hà Nội; Thạc sỹ Đại học Benedictine, Mỹ, chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Ông Wong Kok Seng Augustine

Giám đốc Khối Công nghệ thông tin



Từ năm 2019 đến nay: Giám đốc Khối Công nghệ thông tin VPBank

Từ năm 2014 đến năm 2019: Phó Giám đốc cao cấp (CTO) phụ trách Cơ sở hạ tầng Toàn cầu, QA & Hỗ trợ Kinh doanh, Công nghệ Toàn cầu, DFS Group Limited

Từ năm 2013 đến năm 2014: Giám đốc Dịch vụ Trung tâm Dữ liệu Toàn cầu, Dịch vụ & Vận hành Cơ sở hạ tầng, Standard Chartered Bank

Từ năm 2011 đến năm 2012: Giám đốc Trung tâm Dữ liệu Toàn cầu khu vực phía Đông, Vận hành công nghệ, Standard Chartered Bank

Từ năm 2010 đến năm 2011: Giám đốc Quản lý Dịch vụ Cơ sở hạ tầng, Vận hành Công nghệ, Standard Chartered Bank

Từ năm 2009 đến năm 2010: Phó Giám đốc cao cấp Quản lý chi phí Công nghệ & Vận hành và Giám đốc Cơ sở hạ tầng CNTT khu vực Nam và Đông Nam Á, DBS Bank Singapore

Từ năm 2007 đến năm 2008: Phó Giám đốc cao cấp phụ trách Chương trình Đổi mới Công nghệ, DBS Bank Singapore

Cử nhân, chuyên ngành Hệ thống thông tin & Phân tích Định lượng & Kinh tế, Đại học Portland State, Mỹ

Bà Trần Thị Diệp Anh

Giám đốc Khối Quản trị nguồn nhân lực



Từ năm 2018 đến nay: Giám đốc Khối Quản trị nguồn nhân lực VPBank

Từ năm 2014 đến năm 2018: Giám đốc Nhân sự, Công ty Carlsberg Việt Nam

Từ năm 2011 đến năm 2014: Phó Giám đốc khối, Giám đốc Khối Quản trị nguồn nhân lực tại Techcombank

Từ năm 1997 đến năm 2011: Quản lý nhân sự, Giám đốc Nhân sự tại Công ty Cargill Việt Nam

Cử nhân Đại học Giao thông Vận tải và Cử nhân Đại học Ngoại ngữ

Ông Andre Debakhapouve

Giám đốc Khối Quản trị rủi ro



Từ tháng 12/2024 đến nay: Giám đốc Khối Quản trị rủi ro, VPBank

Từ năm 2021 đến năm 2024: Cố vấn Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Quản trị rủi ro tập đoàn, Sydney and Pacific/PNG

Từ năm 2019 đến năm 2021: Giám đốc Quản trị rủi ro, Khu vực châu Á – Thái Bình Dương, Wells Fargo Bank, Hong Kong

Từ năm 2013 đến năm 2019: Giám đốc điều hành Vùng, Công ty Sprint Milestone (Hong Kong/Sydney)

Từ năm 2009 đến năm 2013: Giám đốc Quản trị rủi ro, Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, Standard Chartered Bank (Singapore)

Từ năm 2007 đến năm 2009: Giám đốc Báo cáo & Phân tích rủi ro, ANZ Bank (Melbourne, Australia)

Từ năm 2006 đến năm 2007: Giám đốc Quản trị rủi ro, Baycorp Credit Bureau AUS/NZ (Sydney, Australia)

Từ năm 2003 đến năm 2006: Trưởng phòng Quản lý danh mục, Suncorp AUS/NZ (Sydney, Australia)

Từ năm 1998 đến năm 2002: Trưởng phòng cao cấp Quản trị rủi ro, ANZ Bank (Melbourne, Australia)

Cử nhân Khoa học, Đại học Monash – Australia

Thành viên Ban Điều hành (tiếp theo)

Ông Nguyễn Huy Phách

Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa



Từ năm 2020 đến nay: Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ VPBank

Cử nhân Học viện Ngân hàng

Từ năm 2005 đến năm 2020: Trải qua các vị trí Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp - Chi nhánh Thăng Long, Giám đốc Chi nhánh Thăng Long, Giám đốc Vùng Nam Hà Nội, Giám đốc Vùng 2 Khối Khách hàng cá nhân, Phó Giám đốc Khối Tín dụng tại VPBank

Bà Lê Hoàng Khánh An

Giám đốc Khối Tài chính



Từ năm 2014 đến nay: Trưởng phòng Tài chính Quản trị phân khúc KHCN, Giám đốc Khối Tài chính, VPBank

Cử nhân Đại học Ngân hàng TP HCM

Chứng chỉ ACCA do Hiệp Hội Kế Toán Công Chứng Anh Quốc cấp

Từ năm 2008 đến năm 2014: Trưởng phòng Kiểm toán, Công ty Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam

Bà Võ Hằng Phương

Giám đốc Khối Thị trường tài chính và Ngân hàng giao dịch



Từ năm 2023 đến nay: Giám đốc Khối Thị trường tài chính và Ngân hàng giao dịch VPBank

Giám đốc Quan hệ Khách hàng Doanh nghiệp, Ngân hàng HSBC Việt Nam

Từ năm 2014 đến năm 2023: Giám đốc Trung tâm Định chế tài chính và Ngân hàng giao dịch, Giám đốc Khối Ngân hàng giao dịch và Định chế quốc tế VPBank

Từ năm 2003 đến năm 2007: Cán bộ Kinh doanh Sản phẩm Ngoại hối và Phái sinh, Cán bộ Quản lý Khách hàng Doanh nghiệp Bán buôn, Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam

Từ năm 2011 đến năm 2014: Giám đốc Trung tâm Khách hàng Doanh nghiệp Miền Bắc, Ngân hàng ANZ Việt Nam

Từ năm 1994 đến năm 2000: Cán bộ Quan hệ Khách hàng Định chế Tài chính, Cán bộ Tín dụng Tài trợ Dự án, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Từ năm 2007 đến năm 2011: Chuyên gia Phê duyệt và Quản trị Rủi ro Tín dụng Khách hàng Doanh nghiệp,

Cử nhân Đại học Hà Nội; Cử nhân Đại học Ngoại thương Hà Nội; Thạc sĩ Kinh tế học - Đại học New York

Thành viên Ban Điều hành (tiếp theo)



Bà Nguyễn Thùy Dương

Giám đốc Trung tâm Truyền thông và Tiếp thị

Từ năm 2021 đến nay: Giám đốc Trung tâm Truyền Thông và Tiếp thị, VPBank

Từ năm 2020 đến năm 2021: Giám đốc Truyền thông, Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank)

Từ năm 2011 đến năm 2019: Giám đốc Truyền thông Thương hiệu, Tập đoàn Ecopark

Từ năm 2010 đến năm 2011: Quản lý truyền thông, Tập đoàn Vin Group

Từ năm 2008 đến năm 2010: Quản lý truyền thông, Tập đoàn Bitexco

Từ năm 2005 đến năm 2007: Phóng viên, Báo Thế giới và Việt Nam (Bộ Ngoại giao)

Cử nhân Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn



Ông Johnson Poh Wei Li

Giám đốc Khối Quản trị và Phân tích dữ liệu

Từ năm 2023 đến nay: Giám đốc Khối Quản trị và phân tích dữ liệu VPBank

Từ năm 2019 đến năm 2022: Giám đốc Trí tuệ nhân tạo, Tập đoàn UOB

Từ năm 2017 đến năm 2019: Phó Chủ tịch cao cấp, Giám đốc Khoa học dữ liệu & phân tích dữ liệu lớn, Ngân hàng DBS

Từ năm 2016 đến năm 2017: Giám đốc Khoa học dữ liệu, khu vực ASEAN, Booz Allen Hamilton, Singapore

Từ năm 2014 đến năm 2016: Trưởng phòng Khoa học dữ liệu, Bộ Quốc phòng, Singapore

Từ năm 2008 đến năm 2014: Chuyên viên chính Khoa học dữ liệu, Phòng thí nghiệm quốc gia DSO, Singapore

Thạc sỹ Toán ứng dụng và Thống kê, Đại học Yale, Mỹ; Cử nhân Toán, Thống kê & Kinh tế, Đại học California, Berkeley, Mỹ



Bà Trần Thị Huế

Trưởng Kiểm toán Nội bộ

Từ năm 2024 đến nay: Trưởng Kiểm toán Nội bộ VPBank

Từ năm 2023 đến năm 2024: Quyền Trưởng Kiểm toán Nội bộ VPBank

Từ năm 2014 đến năm 2023: Trải qua các vị trí Chuyên gia kiểm toán, Trưởng phòng, Trưởng phòng cao cấp Phòng Chính sách Kiểm toán và Tổng hợp - Khối Kiểm toán Nội bộ VPBank

Từ năm 2000 đến năm 2014:

Các vị trí từ Trợ lý kiểm toán đến Chủ nhiệm cao cấp, Công ty PriceWaterhouseCoopers Việt Nam

Cử nhân Tài chính kế toán - Đại học Thăng Long

Tốt nghiệp Chương trình đào tạo cán bộ quản lý ngân hàng cấp cao SECO-Thụy Sĩ tài trợ (2022-2024)

Chứng chỉ Kiểm toán viên Nội bộ thực hành IIA Hoa Kỳ (IAP)



Ông Mochizuki Masashi

Giám đốc Trung tâm Đầu tư nước ngoài

Từ năm 2023 đến nay: Giám đốc Trung tâm Đầu tư nước ngoài VPBank

Từ năm 2015 đến năm 2022: Trải qua các vị trí Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Liên minh và Giám đốc cấp cao kiêm Trưởng phòng Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)

Từ năm 2011 đến năm 2015: Phó Chủ tịch cao cấp của Ban Cố vấn Toàn cầu, Tập đoàn SMBC, Nhật Bản

Từ năm 2006 đến năm 2011: Trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp, SMBC Chi nhánh TP HCM

Từ năm 1994 đến năm 2005: Công tác tại Tập đoàn SMBC

Cử nhân Luật, Đại học Kanazawa, Nhật Bản

Ông Vũ Minh Trường

Giám đốc Trung tâm Quản lý tài sản Nợ & Có



Từ năm 2023 đến nay: Giám đốc trung tâm Quản lý tài sản Nợ & Có VPBank

Từ năm 2017 đến năm 2023: Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính Techcombank

Từ năm 2015 đến năm 2016: Phó Tổng Giám đốc thứ nhất, Giám đốc Khối bán buôn TPBank

Từ năm 2011 đến năm 2015: Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Thị trường tài chính VPBank

Từ năm 2006 đến năm 2011: Trưởng phòng Thị trường toàn cầu và Trưởng phòng Thể chế tài chính, khu vực Mekong mở rộng, Ngân hàng ANZ Việt Nam

Từ năm 2002 đến năm 2006: Giám đốc giao dịch, Thị trường toàn cầu, Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam

Từ năm 1997 đến năm 2002: Giám đốc giao dịch nguồn vốn, Ngân hàng ABN AMRO Việt Nam

Cử nhân Quản trị kinh doanh, Đại học Tổng hợp kỹ thuật Berlin, Đức

Thay đổi thành viên Ban Điều hành trong năm 2024

Ông **Phùng Duy Khương** được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Thường trực - Phụ trách phía Nam kiêm Giám đốc Khối Khách hàng cá nhân, kiêm phụ trách điều hành Khối Thu hồi & Xử lý nợ VPBank

Ông **Kamijo Hiroki** được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc VPBank từ năm 2024

Bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt** thôi đảm nhiệm vị trí Giám đốc Khối Vận hành VPBank kể từ ngày 11/12/2024 và được bổ nhiệm chính thức vị trí Tổng Giám đốc Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC (VPB SMBC FC)

Ông **Andre Debakhapouve** được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Khối Quản trị rủi ro VPBank từ tháng 12/2024

Bà **Trần Thị Huế** được bổ nhiệm vị trí Trưởng Kiểm toán Nội bộ VPBank kể từ năm 2024

Ông **Dmytro Kolechko** dừng công tác tại vị trí Giám đốc Khối Quản trị rủi ro VPBank kể từ ngày 1/7/2024

Báo cáo Quản trị Ngân hàng



Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của quản trị công ty trong việc duy trì hoạt động ổn định và phát triển bền vững, VPBank luôn cam kết xây dựng một môi trường quản trị vượt trên các yêu cầu tuân thủ. Ngân hàng tiên phong trong việc nâng cao tính chuyên nghiệp, minh bạch thông tin và tối ưu hóa các chính sách quản trị, nhằm hướng đến một xã hội thịnh vượng và phát triển bền vững.

Hội đồng
Quản trị

HĐQT VPBank gồm 07 thành viên, trong đó bao gồm: 01 thành viên HĐQT độc lập, 02 thành viên HĐQT điều hành (kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc và Phó Tổng giám đốc). Nhiệm kỳ HĐQT là 05 năm (2020 - 2025). Trong đó, 05 thành viên đều được bổ nhiệm vào ngày 29/05/2020 và 02 thành viên được bầu, bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 29/04/2024. Các thông tin chi tiết về từng thành viên HĐQT được trình bày tại **Mục VI, trang 116** của báo cáo này.

Chức năng, nhiệm vụ của HĐQT được quy định rõ ràng tại Điều lệ Ngân hàng và chi tiết hóa tại các văn bản nội bộ của ngân hàng như: Quy chế Quản trị nội bộ VPBank, Quy chế Tổ chức và Hoạt động HĐQT và các tài liệu quản trị liên quan khác.

HĐQT thiết lập bộ máy hoạt động chuyên nghiệp, đảm bảo khả năng lãnh đạo hiệu quả và tính độc lập dựa trên các nguyên tắc: quyết định đưa ra dựa trên sự cẩn trọng, chính trực, hiệu quả vì lợi ích cao nhất và lâu dài của tất cả cổ đông, hài hòa với lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan và xã hội.

HĐQT VPBank nhận thức rõ về vai trò quan trọng của quản trị công ty trong việc duy trì hoạt động liên tục và phát triển bền vững. Đặc biệt với các mục tiêu vì một xã hội tương lai thịnh vượng bền vững, VPBank luôn cam kết, tiên phong và kiên định với các chính sách, chủ trương xây dựng một môi trường quản trị vượt lên sự tuân thủ, luôn chú trọng nâng cao tính chuyên nghiệp, gia tăng tính minh bạch thông tin trong hoạt động quản trị.

Tổ chức các
cuộc họp HĐQT
định kỳ

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, trong năm 2024, HĐQT VPBank tổ chức 04 phiên họp định kỳ (hàng quý) với sự tham dự đầy đủ của các thành viên:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ngô Chí Dũng	4	100%
2	Bùi Hải Quân	4	100%
3	Lô Bằng Giang	4	100%
4	Nguyễn Đức Vinh	4	100%
5	Nguyễn Văn Phúc	4	100%
6	Phạm Thị Nhung	3	100%
7	Takeshi Kimoto	3	100%

Thực hiện vai trò định hướng chiến lược, nhiệm vụ cổ đông giao phó và quyết sách quan trọng trong hoạt động ngân hàng

Thông qua 4 cuộc họp định kỳ và thực hiện việc biểu quyết cho ý kiến bằng văn bản, trong năm 2024, Hội đồng Quản trị VPBank đã thông qua ban hành 357 nghị quyết, thể hiện các vai trò định hướng chiến lược, triển khai các nhiệm vụ cổ đông giao phó và quyết định các nội dung quan trọng trong hoạt động của ngân hàng. Nội dung chính của các Nghị quyết như sau:

- Chốt danh sách cổ đông và phê duyệt việc chuyển tiền chi trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Phê duyệt chiến lược, xem xét, giám sát và theo dõi việc thực hiện chiến lược kinh doanh của ngân hàng; phê duyệt các chỉ tiêu chiến lược quản trị rủi ro, các chính sách, khẩu vị rủi ro theo các lĩnh vực hoạt động của ngân hàng theo đề xuất và tư vấn của Ủy ban Quản lý rủi ro.
- Phê duyệt ban hành mới, sửa đổi bổ sung, cập nhật các chính sách phục vụ cho các hoạt động kinh doanh trong năm 2024 như quy định về cho vay, ủy thác và nhận ủy thác, phát hành giấy tờ có giá, cho vay ra nước ngoài, phát hành trái phiếu riêng lẻ, mua bán nợ... và các chính sách khác liên quan đến các hoạt động quản trị như các quy định về cơ chế ra quyết định, quy định về quản trị vốn tự có, quản lý việc xếp hạng tín nhiệm độc lập, quản trị chi phí...
- Phê duyệt và giám sát thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý, hàng năm... do Ban Điều hành thực hiện. Thường xuyên cập nhật và đưa ra các định hướng cho phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của ngân hàng.
- Phê duyệt các khoản vay vốn nước ngoài, các quyết định liên quan đến mạng lưới chi nhánh của ngân hàng, các đề xuất vượt thẩm quyền của người đại diện phần vốn góp tại các công ty con của ngân hàng.
- Phê duyệt tuyển dụng, chấm dứt hợp đồng lao động, các chế độ lương thưởng phúc lợi đối với các nhân sự cấp cao; ban hành chính sách, chương trình khác liên quan đến cơ cấu tổ chức, nhân sự theo đề xuất/tư vấn từ Ủy ban Nhân sự đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT theo quy định của pháp luật và nội bộ VPBank.
- Quyết định việc mở rộng/điều chỉnh hệ thống mạng lưới chi nhánh của ngân hàng, nhằm phát huy, tối ưu các điều kiện kinh doanh trong từng thời kỳ.

Tạo dựng môi trường kiểm soát vững mạnh, giám sát chặt chẽ Tổng Giám đốc và Ban Điều hành

HĐQT VPBank thực hiện việc giám sát các hoạt động của Tổng Giám đốc, các hội đồng trực thuộc Tổng Giám đốc, hội đồng cấp Ban Điều hành, cũng như các đơn vị, bộ phận khác trong phạm vi các nội dung liên quan đến Kiểm soát nội bộ và Quản lý rủi ro. Bên cạnh đó, HĐQT cũng đánh giá mức độ đủ vốn, việc triển khai kế hoạch/chiến lược kinh doanh và các hoạt động được xác định là có rủi ro trọng yếu, bao gồm tuân thủ, tín dụng, đầu tư, nhân sự, danh tiếng... của ngân hàng.

HĐQT và các thành viên đã chủ động thực hiện trách nhiệm giám sát bằng cả hình thức trực tiếp và gián tiếp, đảm bảo theo dõi chặt chẽ các nội dung cần giám sát trước, trong và sau quá trình thực hiện. Theo đó, trong năm 2024, HĐQT và các thành viên đã tiến hành:

- Tham gia các cuộc họp định kỳ hàng tháng của Ban Điều hành (12 cuộc họp hàng tháng trong năm 2024) và các cuộc họp chuyên đề đối với lĩnh vực cần giám sát.
- Tham gia chất vấn, chỉ đạo, trao đổi, góp ý tại các cuộc họp.
- Chỉ đạo xây dựng, sửa đổi bổ sung, phê duyệt và ban hành các chính sách quản lý rủi ro tại VPBank.
- Thực hiện giám sát thông qua hệ thống báo cáo hoạt động kinh doanh hàng ngày, tuần, tháng, quý và các báo cáo/đề xuất phát sinh khác từ Ban Điều hành; xem xét và xử lý yêu cầu của NHNN và các cơ quan quản lý khác; báo cáo của Ban Kiểm soát và Kiểm toán Nội bộ đối với các đơn vị của ngân hàng.
- Ngoài ra, HĐQT cũng sử dụng các bộ máy là các ủy ban chuyên môn giúp việc cho HĐQT như Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự... trong quá trình tổ chức triển khai trách nhiệm giám sát.

Thiết lập các Ủy ban giúp việc trong một số lĩnh vực quan trọng

Các ủy ban giúp việc được thành lập nhằm hỗ trợ HĐQT thu thập thông tin, nắm bắt thực tế một cách sâu sát và đưa ra quyết định phù hợp trong những lĩnh vực chuyên môn. Qua đó, HĐQT có thể thực hiện hiệu quả vai trò định hướng và giám sát của mình.

Ủy ban Nhân sự

Ủy ban Nhân sự bao gồm 03 thành viên, là các thành viên trong HĐQT bao gồm:

STT	Họ và Tên	Chức vụ chuyên môn	Chức vụ tại UBNS
1	Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch
2	Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên
3	Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên

Thông qua các cuộc họp trực tiếp hoặc tiếp nhận báo cáo của Khối Quản trị Nguồn nhân lực và Ban Điều hành với những vấn đề về cơ cấu tổ chức, đề cử, lương thưởng, đánh giá nhân sự của ngân hàng và các công ty thành viên, Ủy ban Nhân sự đã đưa ra đánh giá, phân tích và tư vấn cho HĐQT quyết định về các vấn đề có liên quan. Năm 2024, Ủy ban Nhân sự tổ chức 04 cuộc họp hàng quý cũng như cho ý kiến bằng văn bản. Cụ thể, những nội dung hoạt động của Ủy ban trong năm 2024 bao gồm:

- Xem xét và chỉ đạo kịp thời về những chỉ số nhân sự và hoạt động hàng tháng của Khối Quản trị Nguồn nhân lực và các công ty thành viên.
- Tư vấn cho HĐQT ra quyết định liên quan đến việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều chỉnh lương xử lý kỷ luật lao động (các hình thức xử lý theo quy định của pháp luật và xử lý nội bộ) đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT.
- Rà soát, đánh giá tiêu chuẩn điều kiện bầu bổ sung thành viên HĐQT năm 2024.
- Tư vấn cho HĐQT các hoạt động định kỳ như: Đánh giá hiệu quả làm việc năm 2023, phương án chia thưởng hiệu quả làm việc năm 2023, phê duyệt định biên và chi phí nhân sự năm 2024, giao KPI năm 2024 tới lãnh đạo của VPBank và các công ty con. Tư vấn cho HĐQT thông qua các chương trình hành động và trọng tâm hoạt động của toàn hệ thống trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực trong năm 2024.
- Trực tiếp đánh giá phương án rà soát lương toàn hàng năm 2024, cập nhật định vị cho các phân khúc nhân lực ở VPBank để làm cơ sở cho việc xây dựng chế độ, chính sách hiệu quả.
- Đánh giá, phê duyệt dự án Young Talents.
- Xây dựng và đánh giá chính sách giữ chân các nhân sự chủ chốt của ngân hàng.
- Hỗ trợ công ty con trong việc xây dựng và chuẩn hóa quy chế/quy định về quản trị nhân sự; tư vấn cho công ty con trong việc tuyển dụng, bổ nhiệm các cán bộ lãnh đạo chủ chốt...
- Tư vấn cho HĐQT về việc ban hành Quy chế Tổ chức hoạt động điều chỉnh, bổ sung của các khối, trung tâm như Trung tâm Đầu tư nước ngoài (FDIC), Trung tâm Truyền thông và Tiếp thị (MARCOM), Khối Thị trường Tài chính và Ngân hàng Giao dịch (FMTB), Khối Quản trị và Phân tích dữ liệu (EDA), cập nhật cơ cấu tổ chức cho các Khối Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME), Khối Pháp chế & Kiểm soát tuân thủ (L&C), Khối Thu hồi và xử lý nợ (DCD).

Ủy ban Quản lý rủi ro

Ủy ban Quản lý rủi ro bao gồm 7 nhân sự sau:

STT	Họ và Tên	Chức vụ chuyên môn	Chức vụ tại Ủy ban Quản lý rủi ro
1	Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch
2	Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	Thành viên
3	Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên
4	Nguyễn Văn Phúc	Thành viên HĐQT độc lập	Thành viên
5	Nguyễn Đức Vinh	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Thành viên
6	Lưu Thị Thảo	Phó Tổng giám đốc Thường trực	Thành viên
7	Dmytro Kolehko/ Andre DeBakhapouve (Do nhân sự Giám đốc Khối Quản trị rủi ro có thay đổi trong năm 2024)	Giám đốc khối Quản lý rủi ro	Thành viên

Ủy ban Quản lý rủi ro luôn chủ động đưa ra các định hướng kịp thời nhằm nâng cao năng lực và sự thích ứng trong công tác quản trị rủi ro của ngân hàng. Nhờ vậy, VPBank duy trì chất lượng tài sản ổn định và tạo nền tảng vững chắc cho các hoạt động tăng trưởng kinh doanh. Cụ thể, trong năm 2024, Ủy ban Quản lý rủi ro đã tổ chức 04 cuộc họp hằng quý và thực hiện cho ý kiến bằng văn bản với các nội dung sau:

- Giám sát chặt chẽ để duy trì hồ sơ rủi ro của VPBank tại ngưỡng an toàn thông qua Tuyên bố khẩu vị rủi ro 2024 – 2026 và Bộ chỉ tiêu chiến lược về Quản lý rủi ro từ trên xuống năm 2024. Dưới sự tham mưu của Ủy ban Quản lý rủi ro, các bộ chỉ tiêu này đã được xem xét liên tục trong năm và kịp thời điều chỉnh để nắm bắt được các thay đổi trọng yếu trong hồ sơ rủi ro và phù hợp với định hướng kinh doanh của ngân hàng nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ với yêu cầu của NHNN và nhà đầu tư.
- Tiếp tục triển khai định hướng xây dựng khung quản lý rủi ro tuân thủ theo quy định của NHNN và hướng tới nâng cấp theo các chuẩn mực quốc tế tiên tiến. Trong năm 2024, VPBank hoàn thiện hệ thống quy trình, quy định, mô hình và công nghệ thông tin nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn của Basel III. Đồng thời, ngân hàng không ngừng tinh chỉnh và nâng cấp những hệ thống trên theo định hướng mà NHNN đã đề ra, đặt mục tiêu là một trong những ngân hàng tiên phong thí điểm toàn diện Basel III vào năm 2025.
- Theo dõi sát sao kết quả các bài kiểm tra sức chịu đựng về vốn (ICAAP) và thanh khoản (ILAAP) với tần suất thực hiện 2 lần/năm dựa trên kế hoạch kinh doanh cập nhật tương ứng với từng giai đoạn. Các kịch bản bất lợi được rà soát kỹ lưỡng, bám sát với biến động của các yếu tố kinh tế vĩ mô thế giới. Nhờ những bài kiểm tra trên, ngân hàng có thể ước tính chính xác các tác động tới vốn và thanh khoản, đồng thời có sẵn phương án dự phòng cho mọi kịch bản.
- Theo dõi việc thực hiện Chiến lược Quản trị kinh doanh liên tục trên toàn ngân hàng và kịp thời tham mưu cho HĐQT để duy trì trạng thái hoạt động ổn định, đảm bảo được các mục tiêu phát triển kinh doanh trong mọi thời điểm.
- Đồng hành với quá trình chuyển đổi xanh nền kinh tế Việt Nam bằng việc xây dựng kế hoạch với hành động và lộ trình cụ thể. Năm 2024, nhằm tích hợp quản lý rủi ro ESG vào Khung Quản lý rủi ro chung của ngân hàng, Ủy ban Quản lý rủi ro đã tham mưu theo dõi thêm một chỉ tiêu chiến lược về “Dư nợ cấp tín dụng cho ngành nhiệt điện than”, với mục tiêu giảm dần dư nợ cho các ngành thâm dụng carbon và thúc đẩy tăng trưởng bền vững.

- Tăng cường quản lý rủi ro an ninh thông tin trong bối cảnh VPBank phải đối mặt với nhiều thách thức phức tạp và các yêu cầu đổi mới liên tục từ trong và ngoài nước. Ủy ban Quản lý rủi ro chủ trương xây dựng hệ thống quản lý an ninh thông tin đáp ứng các tiêu chuẩn tiên tiến của quốc tế (ISO 27001, PCI DSS). Đồng thời, Ủy ban Quản lý rủi ro đã đưa ra những định hướng kịp thời để nâng cấp hệ thống an ninh thông tin, đáp ứng mục tiêu tuân thủ chặt chẽ các quy định mới như bảo vệ dữ liệu cá nhân hay xây dựng cơ sở dữ liệu sinh trắc học tập trung.
- Tham mưu HĐQT phê duyệt và ban hành các văn bản như Chi phí vốn áp dụng năm 2025; Tuyên bố Khẩu vị rủi ro giai đoạn 2025 - 2027 và Danh sách Hoạt động trọng yếu & Rủi ro trọng yếu... Những văn bản trên giúp đảm bảo sự thống nhất giữa khẩu vị rủi ro và mục tiêu thường niên, cũng như triển khai hiệu quả chiến lược kinh doanh toàn hàng và tuân thủ yêu cầu của NHNN.

Hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập

VPBank có 01 thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2020 - 2025, đã được bổ nhiệm từ năm 2020. Thành viên HĐQT độc lập đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, điều lệ VPBank và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của một thành viên HĐQT.

Trong năm 2024, thành viên HĐQT độc lập đã tham gia họp 04 phiên họp HĐQT định kỳ hàng quý; thực hiện việc cho ý kiến một cách khách quan và độc lập đối với các báo cáo, đề xuất tại cuộc họp cũng như các vấn đề trình HĐQT bằng văn bản.

Ngoài ra, thành viên HĐQT độc lập cũng tham gia phê duyệt các giao dịch với bên liên quan và thực hiện giám sát hoạt động của Ban Điều hành thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát, Kiểm toán Nội bộ, báo cáo tài chính và những báo cáo, tài liệu khác do Ban Điều hành lập.

Đào tạo về quản trị công ty

VPBank luôn xác định quản trị công ty là nền tảng quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững. Do đó, ngân hàng thường xuyên cử cán bộ lãnh đạo và quản lý cấp cao trong lĩnh vực này, bao gồm Người phụ trách quản trị công ty, Giám đốc Quan hệ Nhà đầu tư, Giám đốc Kiểm toán Nội bộ... tham gia các khóa học, hội thảo, hội nghị và diễn đàn trao đổi do các đối tác trong nước và quốc tế tổ chức.

Hoạt động này nhằm liên tục cập nhật kiến thức và nâng cao năng lực quản trị công ty, đảm bảo VPBank áp dụng các thông lệ quản trị tiên tiến và phù hợp với bối cảnh thị trường. Trong năm 2024, những hoạt động đào tạo về quản trị doanh nghiệp tiêu biểu mà lãnh đạo, quản lý cấp cao của VPBank tham gia bao gồm:

- Hội thảo Thực hành Quản trị Công ty tốt vượt trên tuân thủ - ACGS Workshop
- Hội thảo Vì một mùa Đại hội cổ đông đổi mới và hiệu quả và minh bạch
- Hội nghị Doanh nghiệp niêm yết
- Hội thảo Khai phóng tiềm năng của HĐQT; Danh tiếng & niềm tin của Doanh nghiệp – góc nhìn từ Quản trị công ty & ESG
- Chương trình đào tạo quản trị công ty do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức: Những vấn đề lưu ý trong việc tuân thủ quy định pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán của công ty đại chúng, công ty niêm yết
- Hội nghị triển khai nhiệm vụ phát triển thị trường chứng khoán năm 2024
- Tăng cường Năng lực Quản trị Công ty cho các Doanh nghiệp Niêm yết
- Diễn đàn Thường niên về Quản trị Công ty lần thứ 7: Đầu tư vào Quản trị Công ty: Chiến lược thu hút Nhà đầu tư có trách nhiệm trong xu thế Quốc tế hoá thị trường

Ngoài ra, ngân hàng cũng đã cử các cán bộ thuộc Khối Kiểm toán Nội bộ, Khối Quản trị rủi ro... tham gia khóa đào tạo về Quản trị ngân hàng do NHNN và Ban thư ký Nhà nước về kinh tế của Thụy Sĩ (SECO) tổ chức.

Người phụ trách quản trị công ty đã tham gia và tốt nghiệp khóa đào tạo Chương trình Chuyên sâu về Thư ký Quản trị Công ty (CSMP3) do Viện Thành viên HĐQT Việt Nam (VIOD) tổ chức.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát VPBank gồm Trưởng Ban Kiểm soát và 02 thành viên. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát có thời hạn tương đương nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là 05 năm (2020 - 2025). Thông tin chi tiết về từng thành viên Ban Kiểm soát được trình bày tại Mục VI, trang 120.

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã tổ chức 11 cuộc họp để triển khai các công việc theo chức năng, nhiệm vụ. Tại các cuộc họp, Ban Kiểm soát đã trao đổi về việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm hàng quý và định hướng cho bộ phận Kiểm toán Nội bộ các công tác liên quan. Tỷ lệ tham dự các cuộc họp và tỷ lệ biểu quyết đạt 100%.

Ban Kiểm soát VPBank thực hiện các vai trò, trách nhiệm và nghĩa vụ được quy định tại Luật Các TCTD, Điều lệ Ngân hàng và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Tại VPBank, Kiểm toán Nội bộ là đơn vị trực thuộc Ban Kiểm soát, đóng vai trò tuyến bảo vệ thứ ba trong mô hình 3 tuyến bảo vệ; thực hiện rà soát, đánh giá độc lập khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của VPBank; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm tổ chức tin dụng hoạt động an toàn,

hiệu quả, đúng pháp luật. Kiểm toán Nội bộ có nhiệm vụ thực hiện các cuộc kiểm toán nội bộ; theo dõi đánh giá việc thực hiện các kiến nghị Kiểm toán Nội bộ; và các công việc khác liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo chỉ đạo phân công từng thời kỳ của Ban Kiểm soát.

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã thực hiện một số hoạt động chính:



Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban Điều hành

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát tập trung vào các nội dung liên quan đến trách nhiệm của Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát, bao gồm: Công tác quản trị điều hành của VPBank; việc thực hiện của HĐQT, Ban Điều hành với các định hướng, mục tiêu và chỉ tiêu kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua; các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành

HĐQT, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát đã có cơ chế phối hợp phù hợp trong các hoạt động giám sát, kiểm tra, kiểm soát; đảm bảo Ban Kiểm soát triển khai và hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế tổ chức hoạt động của Ban Kiểm soát. Các ý kiến, kiến nghị của Ban Kiểm soát và Kiểm toán Nội bộ đã được Ban Điều hành ghi nhận và thực hiện các giải pháp khắc phục liên quan.

Trong năm, Ban Kiểm soát đã tham gia một số cuộc họp HĐQT, các ủy ban, hội đồng để kịp thời cập nhật thông tin cho mục đích giám sát và Ban Kiểm soát đã phối hợp với HĐQT, Ban Điều hành trong chỉ đạo/triển khai thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước, giám sát và đôn đốc, khắc phục các vấn đề theo kết luận của cơ quan thanh tra, giám sát (nếu có).

Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính năm và giữa niên độ của VPBank theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VPBank

Các chức năng nhiệm vụ khác của Ban Kiểm soát

Ngoài ra, Ban Kiểm soát đã chỉ đạo Kiểm toán Nội bộ thực hiện một số công việc và nội dung nhằm đáp ứng các yêu cầu chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát như: Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành của VPBank; giám sát thực trạng tài chính; giám sát việc chấp hành các quy định về hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động...

Thực hiện đầy đủ các yêu cầu báo cáo định kỳ và đột xuất của NHNN

Công tác giám sát quản lý cấp cao đối với Kiểm toán Nội bộ

- Ban Kiểm soát có các định hướng, chỉ đạo và giám sát hoạt động Kiểm toán Nội bộ theo chức năng nhiệm vụ và việc triển khai kế hoạch kiểm toán hàng năm đã được phê duyệt.
- Chỉ đạo Kiểm toán Nội bộ cập nhật rủi ro và triển khai thực hiện theo các quy định pháp luật mới và các chỉ đạo, chỉ thị NHNN trực tiếp liên quan đến Ban Kiểm soát và Kiểm toán Nội bộ để có những điều chỉnh cách tiếp cận kiểm toán phù hợp với diễn biến thực tế của ngân hàng và yêu cầu mới của pháp luật, cơ quan quản lý.
- Chỉ đạo Kiểm toán Nội bộ theo dõi và đôn đốc Ban Điều hành việc thực hiện khắc phục các kiến nghị kiểm toán bảo đảm phù hợp, đúng thời hạn.
- Định hướng, chỉ đạo Kiểm toán Nội bộ có các biện pháp nâng cao chất lượng nhân sự Kiểm toán Nội bộ thông qua hoạt động đào tạo để đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ kiểm toán; có các giải pháp để giữ chân các nhân sự quan trọng của Kiểm toán Nội bộ thông qua việc phát triển, đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng mềm và triển khai các chính sách đào tạo chung của ngân hàng.

Thông qua kết quả giám sát và kết quả Kiểm toán Nội bộ, cho thấy về cơ bản ngân hàng đã:

- Thiết lập Hệ thống Kiểm soát Nội bộ gồm 3 tuyến bảo vệ độc lập đáp ứng cơ bản các yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, bao gồm: (i) Đảm bảo có các cơ chế phân cấp, ủy quyền cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành, quy định và quy trình; (ii) Có các chức năng nhận dạng và kiểm soát rủi ro tại chính các đơn vị kinh doanh và hỗ trợ trực tiếp; (iii) Xây dựng chính sách/quy định nội bộ về quản trị rủi ro, đo lường, theo dõi rủi ro và tuân thủ quy định pháp luật; (iv) Thiết lập một số đơn vị kiểm tra/kiểm soát chéo trong một số mảng nghiệp vụ có rủi ro cao/hoặc có các hệ thống hỗ trợ.
- Hệ thống văn bản quy định, quy trình về Kiểm soát Nội bộ, Quản trị Rủi ro cơ bản đáp ứng theo yêu cầu của pháp luật có thiết kế các chốt kiểm soát chính.
- Trong vận hành, các đơn vị cơ bản tuân thủ các quy định nội bộ của ngân hàng. Thông qua kết quả giám sát ở các cấp độ và kết quả Kiểm toán Nội bộ, Ban Kiểm soát đã kịp thời đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Điều hành các biện pháp tăng cường kiểm soát, hoàn thiện quy định nội bộ, tăng cường văn hóa tuân thủ ở một số đơn vị... nhằm hạn chế và giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động.

Giao dịch và Thù lao



Thù lao, lương, thưởng của HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành

Mức thù lao và ngân sách hoạt động của HĐQT và Ban Kiểm soát VPBank năm 2024 đã được ĐHCĐ thường niên phê duyệt với hạn mức là tương đương bằng 0,5% lợi nhuận trước thuế hợp nhất, tương đương khoảng 100 tỷ đồng. Tuy vậy, thù lao thực tế của HĐQT, Ban Kiểm soát trong năm 2024 chỉ vào khoảng hơn 17 tỷ đồng, những chi phí hoạt động khác khoảng 7 tỷ đồng.

Những khoản thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát được cân nhắc dựa trên đề xuất của Ủy ban Nhân sự và được HĐQT đồng thuận phê duyệt dựa trên vai trò, nhiệm vụ, trách nhiệm, đóng góp của từng cá nhân đối với VPBank. Ngoài vai trò tại HĐQT, Ban Kiểm soát của VPBank, các thành viên cũng đảm nhiệm các vai trò khác tại công ty con, đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật và tận dụng được chuyên môn, kinh nghiệm sẵn có của từng thành viên.

Đồng thời, các thành viên HĐQT chỉ nhận thù lao từ VPBank và không nhận thưởng. Chi tiết mức thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát được trình bày thành mục riêng trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024.

Riêng thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc đã nhận mức lương thưởng của vị trí Tổng Giám đốc, không nhận thù lao với tư cách là thành viên HĐQT. Tổng Giám đốc là nhân sự cấp cao đặc biệt, mức lương thưởng cho vị trí Tổng Giám đốc cũng được xem xét chi trả nhằm đảm bảo tính cạnh tranh trong ngành, xứng đáng với vai trò trọng yếu và những đóng góp cho việc điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của VPBank. Tiền lương cho Tổng Giám đốc được trình bày thành một hạng mục riêng trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024.

Bên cạnh các lợi ích nêu trên, các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc được tham gia vào Chương trình Bảo hiểm Sức khỏe & Tai nạn dành cho bản thân và người thân gia đình trực hệ theo chính sách bảo hiểm chung của VPBank.

Ngân hàng cũng thực hiện mua những loại bảo hiểm như trách nhiệm nghề nghiệp định chế tài chính và Bảo hiểm nhà quản lý cho các tổ chức tài chính... nhằm bảo vệ cho các nhà quản lý trong quá trình thực nhiệm vụ quản lý, điều hành và chuyên môn nghiệp vụ tại VPBank.

Quan hệ Nhà đầu tư và các bên hữu quan

Cam kết minh bạch – nền tảng niềm tin

Với cam kết xây dựng hình ảnh doanh nghiệp niêm yết minh bạch và chuyên nghiệp, sau hơn 7 năm kể từ khi niêm yết, VPBank vẫn luôn chú trọng các trách nhiệm về công bố thông tin, đảm bảo quyền lợi và đối xử bình đẳng với các cổ đông và các bên hữu quan. Đồng thời, ngân hàng cũng đảm bảo tuân thủ các quy định, yêu cầu của cơ quan chức năng như: Luật Các TCTD, Luật Chứng khoán, Quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán...

Để thực hiện cam kết này, VPBank đã không ngừng hoàn thiện quy định nội bộ cũng như cải thiện công tác quan hệ nhà đầu tư. Trong năm 2024, VPBank đã thực hiện công bố kịp thời và đầy đủ, chính xác các nội dung định kỳ và bất thường bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh trên website của ngân hàng cũng như hệ thống công bố thông tin của cơ quan Nhà nước, bao gồm báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, báo cáo quản trị công ty, tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên, bổ nhiệm nhân sự cấp cao, giao dịch với các bên liên quan... và nhiều thông tin quan trọng khác.

ĐHĐCĐ 2024 của VPBank được tổ chức trang trọng, chuyên nghiệp, tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành. Đại hội diễn ra với sự tham dự của khoảng 400 cổ đông và khách mời. Phần hỏi đáp sôi nổi, cởi mở, thẳng thắn được chủ trì bởi Chủ tịch HĐQT cùng sự tham gia trả lời của Ban Điều hành về tình hình hoạt động kinh doanh và các định hướng chiến lược của ngân hàng. Tất cả báo cáo và tờ trình đã được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua và được đăng tải đầy đủ lên website của ngân hàng để đảm bảo thông tin đến được với tất cả cổ đông, kể cả những cá nhân, tổ chức không tham dự.

2024 đánh dấu năm thứ hai liên tiếp VPBank thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 10%. Trong giai đoạn trước đó, ngân hàng đã thực hiện kế hoạch tăng vốn và củng cố vững chắc nền tảng tài chính, tạo đà cho sự phát triển bền vững trong tương lai. Việc duy trì tỷ lệ chi trả cổ tức hợp lý, minh bạch cùng với các hoạt động quan hệ nhà đầu tư tích cực đã góp phần xây dựng niềm tin và sự hài lòng vững chắc từ cộng đồng nhà đầu tư, cổ đông của VPBank.

Cởi mở chia sẻ, vun đắp niềm tin trên tinh thần “Vượt trên tuân thủ”

Với vai trò cầu nối giữa ngân hàng và nhà đầu tư, hoạt động quan hệ nhà đầu tư (IR) tại VPBank liên tục được nâng cao chất lượng, tính chuyên nghiệp và khả năng tiếp cận thông tin của cổ đông và các bên hữu quan. Những nỗ lực này góp phần nâng tầm quản trị doanh nghiệp, hướng đến những chuẩn mực quốc tế.

Từ những ngày đầu hoạt động, VPBank đã xác định công tác IR là chìa khóa thúc đẩy phát triển bền vững và mở ra các cơ hội kinh doanh chiến lược. Ngân hàng luôn thể hiện sự chủ động, sáng tạo trong việc chia sẻ thông tin, duy trì mối quan hệ chặt chẽ với các đối tác trong nước và quốc tế, đồng thời tiên phong hỗ trợ các khoản vay xanh, lan tỏa giá trị phát triển bền vững.

Trong thời gian qua, IR đã tích cực hỗ trợ và giải đáp các thắc mắc, yêu cầu của nhà đầu tư thông qua kênh tương tác như điện thoại, email, chatbot trên website. Nội dung thảo luận của các sự kiện định kỳ đều được đăng tải trên website và chuyên trang IR Events, bao gồm: bản tin nhà đầu tư IR News, tài liệu kết quả kinh doanh, video các buổi trao đổi. Tất cả tài liệu dành cho nhà đầu tư đều được cập nhật song ngữ trên website của ngân hàng để các nhà đầu tư trong và ngoài nước có thể tiếp cận thông tin kịp thời và nhất quán.

Năm 2024, VPBank đã tổ chức hơn 100 sự kiện IR, bao gồm các buổi công bố kết quả kinh doanh định kỳ (thu hút trung bình 200 nhà đầu tư mỗi sự kiện), hội thảo quốc tế, và các cuộc họp trực tiếp với nhiều quỹ đầu tư lớn. Đặc biệt, tất cả sự kiện đều có sự tham dự của lãnh đạo cấp cao, mang lại cơ hội để nhà đầu tư trực tiếp nắm bắt kết quả kinh doanh, định hướng chiến lược và triển vọng phát triển của ngân hàng.

VPBank là ngân hàng Việt Nam duy nhất góp mặt tại sự kiện “Tầm nhìn đầu tư Yuanta Thái Lan 2025,” nơi có sự hiện diện của Chủ tịch Sở Giao dịch Chứng khoán Thái Lan và các chuyên gia đầu ngành khu vực.

Không chỉ vậy, VPBank thường xuyên tham dự và chia sẻ về kinh nghiệm quản trị công ty và thu hút nhà đầu tư có trách nhiệm trong xu thế quốc tế hóa thị trường tại các cuộc hội thảo, diễn đàn thường niên về quản trị do Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam (VIOD) tổ chức.

Bên cạnh việc tuân thủ chặt chẽ những quy định hiện hành, VPBank còn tích cực nghiên cứu áp dụng Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN, Bộ nguyên tắc Quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và IFC hợp tác xây dựng, nguyên tắc báo cáo phát triển bền vững của Tổ chức Sáng kiến báo cáo toàn cầu (GRI) và các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) của Liên Hợp quốc. VPBank coi những chuẩn mực này là yêu cầu nội tại và mong muốn của cổ đông, phù hợp với xu hướng phát triển toàn diện của ngân hàng, giúp tăng cường tính minh bạch trong hoạt động. Việc đạt được chuẩn mực quản trị công ty tương đồng với doanh nghiệp trong khối ASEAN và thế giới sẽ giúp ngân hàng duy trì năng lực cạnh tranh trong dài hạn.

Với kết quả hoạt động tích cực cùng hiệu quả của công tác IR trong năm vừa qua, VPBank đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận:

- Duy trì vị thế trong Top 5 cổ phiếu có vốn hóa lớn nhất thị trường trong năm 2024 trong rổ Chỉ số Phát triển Bền vững (VNSI) của HoSE. Đặc biệt, mã cổ phiếu VPB liên tục nằm trong danh mục ưu tiên của các quỹ đầu tư lớn và ETF uy tín, khẳng định sự đánh giá cao từ cộng đồng tài chính quốc tế về tiềm năng tăng trưởng bền vững của ngân hàng.
- VPBank vinh dự lọt Top 10 Doanh nghiệp Quản trị công ty tốt nhất - nhóm vốn hóa lớn năm 2024 trong khuôn khổ Lễ trao giải cuộc bình chọn Doanh nghiệp Niềm yết 2024 - Hội nghị Doanh nghiệp Niềm yết 2024 do Sở giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE) tổ chức.
- VPBank lần thứ 6 liên tiếp lọt Top 20 doanh nghiệp có điểm số ESG cao nhất trong rổ Chỉ số Phát triển Bền vững (VNSI) của HoSE.
- VPBank một lần nữa khẳng định vị thế trên trường quốc tế khi được Global Business Outlook vinh danh là Best Investor Relations Bank. Giải thưởng uy tín này đã công nhận nỗ lực nổi bật của ngân hàng trong lĩnh vực IR, đồng thời thể hiện cam kết về tính minh bạch, trách nhiệm và chuyên nghiệp trong quản trị doanh nghiệp.

Định hướng hoạt động quan hệ nhà đầu tư

Với sự tham gia chính thức của cổ đông chiến lược nước ngoài, sự quan tâm ngày càng gia tăng từ cộng đồng nhà đầu tư và yêu cầu tuân thủ các quy định của Luật Chứng khoán, Luật Các TCTD cùng các văn bản hướng dẫn thi hành, VPBank đã định hướng IR trong năm 2025 gồm các mục tiêu chính như sau: Tiếp tục thực hiện tốt các công việc thường xuyên, nâng cao chất lượng thông tin và truyền thông, đồng thời tăng cường mức độ tương tác với nhà đầu tư và các bên liên quan.

VPBank đặt mục tiêu từng bước đưa hoạt động IR tiệm cận với các thông lệ và chuẩn mực quốc tế, nâng cao hiệu quả hoạt động và đáp ứng kỳ vọng của cổ đông cũng như nhà đầu tư. Đồng thời, VPBank sẽ tiếp tục hoàn thiện các quy định trong hoạt động IR để đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và áp dụng đồng nhất không chỉ tại công ty mẹ mà còn cho tất cả đơn vị thành viên trong hệ sinh thái.

Trong bối cảnh ESG trở thành xu hướng phát triển bền vững toàn cầu và là yếu tố quan trọng được các quỹ đầu tư chú trọng, VPBank sẽ xây dựng chiến lược IR kết hợp chặt chẽ với các chính sách và hoạt động ESG trong kinh doanh. Chiến lược này sẽ giúp nâng cao vị thế, uy tín của VPBank đối với các cơ quan quản lý và đối tác, từ đó gia tăng niềm tin của cổ đông và uy tín của ngân hàng.



Đánh giá công tác quản trị doanh nghiệp theo thể điểm quản trị khu vực ASEAN

VPBank cam kết thực hiện quản trị công ty tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật về quản trị công ty nói chung, các quy định áp dụng riêng đối với công ty niêm yết và đang từng bước hoàn thiện theo những những thông lệ quản trị công ty tốt nhất trong khu vực bao gồm Thể điểm quản trị công ty khu vực ASEAN, Bộ nguyên tắc Quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất do UBCKNN và Tổ chức tài chính quốc tế IFC hợp tác xây dựng.

VPBank định kỳ đánh giá tính hiệu quả của hệ thống quản trị Ngân hàng theo

Thể điểm quản trị công ty khu vực ASEAN để không ngừng kiện toàn hoạt động quản trị Ngân hàng đáp ứng các thông lệ hàng đầu khu vực, hướng tới các mục tiêu: ① bảo đảm quyền lợi của cổ đông và các bên hữu quan, ② xây dựng khuôn khổ để thực hiện hiệu quả quyền của cổ đông, ③ tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động của Ngân hàng, ④ vận hành hiệu quả hệ thống quản trị công ty để giảm thiểu rủi ro và hướng tới sự phát triển bền vững của ngân hàng, ⑤ bảo đảm khả năng lãnh đạo hiệu quả và độc lập của Hội đồng quản trị.

Qua đó, để phấn đấu thực hiện tốt hơn các thông lệ quốc tế, VPBank xác định được một số nội dung cần tập trung cải thiện trong giai đoạn trung và dài hạn như ① nghiên cứu, xây dựng lộ trình cụ thể để tiệm cận các yêu cầu về tỷ lệ thành viên HĐQT độc lập trong HĐQT hay tính đa dạng của HĐQT, ② tăng cường sự tham gia của các thành viên độc lập trong các Ủy ban thuộc HĐQT nâng cao hiệu quả và tính độc lập của các Ủy ban này.

✓ **Tuân thủ** ✗ **Lĩnh vực cần cải thiện**

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ	CƠ SỞ/ DẪN CHỨNG
A. ĐẢM BẢO QUYỀN VÀ ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG GIỮA CÁC CỔ ĐÔNG			
A.1 Quyền cơ bản của cổ đông			
A.1.1	Công ty có trả cổ tức (kỳ giữa và kỳ cuối hàng năm) một cách bình đẳng và kịp thời; nghĩa là, tất cả cổ đông được đối xử bình đẳng và được trả trong vòng 30 ngày sau khi được (i) Công bố đối với cổ tức giữa kỳ và (ii) Được cổ đông thông qua tại các đại hội cổ đông đối với cổ tức cuối năm? Trong trường hợp công ty công bố phương án chọn lựa chi trả cổ tức cổ phiếu (script dividend), công ty có trả cổ tức trong vòng 60 ngày kể từ ngày công bố hay không?	✓	VPBank luôn tuân thủ các quy định về chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định của pháp luật. Trong năm 2024, VPBank đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% vào ngày 31/5/2024, trong vòng 60 ngày kể từ ngày công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 05/2024/ĐHĐCĐ vào ngày 29/04/2024
A.2 Quyền tham gia vào các quyết định liên quan đến những thay đổi quan trọng của doanh nghiệp			
A.2.1	Cổ đông có cơ hội, thể hiện bởi nội dung trên chương trình nghị sự, thông qua thù lao (phí, thù lao, các hình thức quyền lợi hiện vật hoặc các bổng lộc khác) hoặc mọi khoản tặng thù lao cho thành viên/ ủy viên Hội đồng Quản trị không điều hành?	✓	Chi phí thù lao, lương, thưởng và các chi phí khác phục vụ hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm Soát định kỳ hàng năm được báo cáo và thông qua trong chương trình nghị sự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ).

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ	CƠ SỞ/ DẪN CHỨNG
A.2.2	Công ty có cho phép cổ đông không có quyền kiểm soát quyền để cử thành viên/ủy viên Hội đồng Quản trị?	✓	Theo Điều lệ VPBank, VPBank có cho phép cổ đông không có quyền kiểm soát để cử thành viên HĐQT nếu cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên.
A.2.3	Công ty có cho phép cổ đông bầu chọn từng thành viên Hội đồng Quản trị?	✓	VPBank có cho phép cổ đông bầu cử từng thành viên của HĐQT.
A.2.4	Công ty có công bố thủ tục biểu quyết được sử dụng trước khi đại hội tiến hành?	✓	Thể lệ biểu quyết được trình bày chi tiết trong Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ công bố trên website ngân hàng trước khi tổ chức ĐHĐCĐ.
A.2.5	Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và câu hỏi cùng câu trả lời có được ghi nhận?	✓	Các câu hỏi và câu trả lời được ghi rõ trong phần Tóm tắt nội dung thảo luận của Biên bản họp ĐHĐCĐ công bố trên website Ngân hàng.
A.2.6	Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trống cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất?	✓	Kết quả biểu quyết cho từng nội dung được công bố tại Biên bản kiểm phiếu biểu quyết nằm trong Biên bản họp ĐHĐCĐ, công bố trên website Ngân hàng.
A.2.7	Công ty có công bố danh sách thành viên HĐQT tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	✓	Thể hiện tại Biên bản họp ĐHĐCĐ công bố trên website ngân hàng.
A.2.8	Công ty có công bố rằng tất cả thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc/Giám đốc Điều hành (nếu Tổng Giám đốc/Giám đốc Điều hành không phải là thành viên HĐQT) có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	✓	Thành phần tham dự ĐHĐCĐ 2024 bao gồm HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc được ghi rõ trong Biên bản họp ĐHĐCĐ công bố trên website ngân hàng.
A.2.9	Công ty có cho phép biểu quyết vắng mặt?	✓	Cổ đông vắng mặt được ủy quyền cho người khác dự đại hội và biểu quyết các vấn đề tại đại hội theo quy định tại Điều lệ VPBank, công bố trên website ngân hàng.
A.2.10	Công ty sử dụng hình thức biểu quyết căn cứ theo số phiếu biểu quyết của cổ đông (không phải bằng cách giơ tay) đối với mọi nghị quyết tại ĐHĐCĐ mới nhất?	✓	Công ty sử dụng hình thức biểu quyết căn cứ theo số phiếu biểu quyết của cổ đông đối với mọi nghị quyết tại ĐHĐCĐ, được thể hiện tại Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ 2024.
A.2.11	Công ty có công bố việc đã bổ nhiệm một bên độc lập (kiểm tra, giám sát viên) tham gia ban kiểm phiếu để đếm và/hoặc thẩm định phiếu bầu tại ĐHĐCĐ?	✓	Căn cứ vào Luật doanh nghiệp (Khoản 2, Điều 146) và Điều lệ VPBank (Khoản 1e, Điều 44), Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ năm 2024 đã đưa ra quy định về thành phần Ban kiểm phiếu gồm 3 người, trong đó có 01 Trưởng ban và 02 thành viên do Chủ tọa giới thiệu (thông qua Ban tổ chức Đại hội) và đồng thời được ĐHĐCĐ biểu quyết tín nhiệm. Quy định này của VPBank nhằm đảm bảo tính minh bạch của Ban kiểm phiếu mà vẫn đảm bảo các vấn đề bảo mật thông tin cho Đại hội.
A.2.12	Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất?	✓	Quyết định của ĐHĐCĐ 2024 đã được công bố trong vòng 24H trên website ngân hàng sau khi ban hành Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ.
A.2.13	Công ty có thông báo ĐHĐCĐ và ĐHĐCĐ bắt thường trước tối thiểu 21 ngày?	✓	Theo quy định tại Điều lệ VPBank, thông báo mời họp và các tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2024 được công bố đầy đủ trên website ngân hàng trước tối thiểu 21 ngày.
A.2.14	Công ty có cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được cổ đông thông qua trong thông báo về ĐHĐCĐ/ tài liệu ĐHĐCĐ/Dự thảo và/hoặc các báo cáo đính kèm?	✓	Thể hiện tại tài liệu họp ĐHĐCĐ được công bố trên website ngân hàng và gửi cho mỗi cổ đông đến tham dự cuộc họp.

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ	CƠ SỞ/ DẪN CHỨNG
A.2.15	Công ty có tạo cơ hội cho các cổ đông đề xuất/ kiến nghị về nội dung chương trình họp đại hội đồng cổ đông và/ hoặc yêu cầu triệu tập đại hội theo một tỷ lệ nhất định không?	✓	Theo quy định của Điều lệ VPBank, Ngân hàng đảm bảo quyền được phát biểu và đóng góp ý kiến của các cổ đông trong các cuộc họp ĐHĐCĐ, thể hiện tại Biên bản họp ĐHĐCĐ. Bên cạnh đó, (nhóm) cổ đông có sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông có quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường và/ hoặc kiến nghị bằng văn bản về các vấn đề để đưa vào chương trình nghị sự ĐHĐCĐ. Đối với các (nhóm) cổ đông khác, ý kiến sẽ được lắng nghe, tiếp nhận thông qua bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư.
A.3 Thị trường giao dịch thầu tóm công ty phải được phép hoạt động một cách hiệu quả và minh bạch			
A.3.1	Trong các trường hợp sáp nhập, mua lại và/hoặc thầu tóm cần được cổ đông thông qua, thành viên/ủy viên HĐQT của công ty được đề nghị có bổ nhiệm một bên độc lập đánh giá sự hợp lý của giá giao dịch sáp nhập, mua lại?	✓	VPBank thực hiện tuân thủ theo quy định pháp luật để đảm bảo tính công khai, minh bạch, tính hợp lý của giá giao dịch sáp nhập, mua lại nhằm đảm bảo lợi ích tối đa của VPBank và cổ đông của VPBank.
A.4 Cần tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư tổ chức			
A.4.1	Công ty có công bố công khai chính sách/thực hành nhằm khuyến khích tham gia của cổ đông bên ngoài khuôn khổ ĐHĐCĐ?	✓	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững - mục Thúc đẩy sự gắn kết với các bên hữu quan trọng yếu (Cổ đông, Nhà đầu tư).
A.5 Cổ phiếu và quyền biểu quyết			
A.5.1	Trong trường hợp công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, công ty có công bố số phiếu biểu quyết gắn với mỗi loại cổ phiếu (Ví dụ: thông qua trang thông tin điện tử/báo cáo/sổ giao dịch chứng khoán/ trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý)?	✓	Theo Điều lệ VPBank, toàn bộ cổ phần của VPBank là cổ phần phổ thông.
A.6 Thông báo ĐHĐCĐ			
A.6.1	Mỗi nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất chỉ liên quan đến một nội dung của dự thảo nghị quyết, nghĩa là không gộp nhiều nội dung vào trong cùng một nghị quyết	✓	Mỗi nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất chỉ liên quan đến một nội dung cụ thể, thể hiện tại Nghị quyết họp ĐHĐCĐ năm 2024 công bố trên website ngân hàng.
A.6.2	Thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ gần nhất có được dịch đầy đủ sang tiếng Anh và công bố vào cùng ngày với tài liệu theo ngôn ngữ địa phương?	✓	VPBank công bố đầy đủ bản Tiếng Anh của thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ cùng ngày với tài liệu Tiếng Việt trên website ngân hàng.
Các thông báo/ thông tư của ĐHĐCĐ có các nội dung sau:			
A.6.3	Có cung cấp tiểu sử của thành viên/ủy viên HĐQT sẽ được bầu chọn/bầu chọn lại (tối thiểu là tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm, và vị trí thành viên HĐQT đang tại vị trong các công ty niêm yết khác)?	✓	VPBank thực hiện công bố đầy đủ tiểu sử của các ứng viên sẽ được bầu chọn/bầu chọn lại trên website Ngân hàng. Thể hiện tại tài liệu họp ĐHĐCĐ của kỳ bầu cử gần nhất vào năm 2024 cho nhiệm kỳ 2020 - 2025.
A.6.4	Kiểm toán viên/công ty kiểm toán chuẩn bị được bầu chọn/bầu chọn lại có được xác định rõ ràng?	✓	ĐHĐCĐ thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán trong danh sách trên, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và hiệu quả tài chính. Thể hiện tại Nghị quyết ĐHĐCĐ công bố trên website ngân hàng.
A.6.5	Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng?	✓	Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được công bố trên website ngân hàng.
A.7 Giao dịch nội bộ và kiểm lợi từ các thông tin không được công bố ra bên ngoài cần bị nghiêm cấm			
A.7.1	Thành viên HĐQT có được yêu cầu phải báo cáo giao dịch cổ phiếu công ty trong vòng 3 ngày làm việc?	✓	Thành viên HĐQT thực hiện công bố thông tin trước khi thực hiện giao dịch cổ phiếu ít nhất 3 ngày làm việc, theo đúng quy định của pháp luật.

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ	CƠ SỞ/ DẪN CHỨNG
A.8 Giao dịch bên liên quan của thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao.			
A.8.1	Công ty có chính sách yêu cầu một tiểu ban bao gồm thành viên HĐQT độc lập rà soát giao dịch bên liên quan trọng yếu/quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông không?	✓	HĐQT bao gồm cả thành viên độc lập của HĐQT phải trực tiếp phê duyệt Giao dịch bên liên quan trọng yếu/quan trọng theo quyền hạn được quy định trong Điều lệ VPBank (Điều 34, Điều 51).
A.8.2	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích?	✓	Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VPBank (Khoản 4, Điều 53).
A.8.3	Công ty có chính sách về khoản vay cho thành viên HĐQT, trong đó quy định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng các khoản vay được thực hiện trên cơ sở giao dịch hợp lý theo lãi suất thị trường?	✓	Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương thuộc đối tượng cấm cấp tín dụng theo quy định tại Quy định cho vay của VPBank, đảm bảo tuân thủ Luật các TCTD.
A.9 Bảo vệ cổ đông thiểu số trước các hành vi lạm dụng			
A.9.1	Công ty có công bố về việc giao dịch bên liên quan được thực hiện theo cách đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường?	✓	Các giao dịch bên liên quan được thực hiện và công bố đầy đủ thông tin đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật.
A.9.2	Trong trường hợp cần có phê duyệt của cổ đông thông qua các giao dịch các bên hữu quan, việc biểu quyết phê duyệt phải được biểu quyết bởi các cổ đông không liên quan lợi ích.	✓	Cổ đông không được tham gia biểu quyết đối với giao dịch mà có lợi ích liên quan đối với cổ đông đó, quy định tại Điều lệ VPBank (Khoản 2 Điều 34).
C. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ BỀN BỈ			
C.1 Công bố thông tin một cách nhất quán và đáng tin cậy về các chủ đề bền vững, bao gồm đầy đủ thông tin trọng yếu mang tính hồi tố và dự báo			
Các thông tin liên trọng yếu liên quan đến vấn đề phát triển bền vững cần được đề cập			
C.1.1	Công ty có xác định/ báo cáo các chủ đề ESG mà có tính trọng yếu đối với chiến lược cốt lõi của tổ chức không?	✓	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững - mục Xác định chủ đề trọng yếu.
C.1.2	Công ty có xác định biến đổi khí hậu là một vấn đề quan trọng không?	✓	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững - mục Xác định chủ đề trọng yếu. VPBank còn hàng năm xây dựng Công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu (công bố trên website Ngân hàng) để cung cấp một cái nhìn tổng quan về các hành động của Ngân hàng để quản lý cơ hội và rủi ro khí hậu đối với nền kinh tế nói chung và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng nói riêng.
C.1.3	Công ty có áp dụng khuôn khổ hoặc tiêu chuẩn báo cáo được quốc tế công nhận về tính bền vững không (ví dụ: GRI, Báo cáo tích hợp, SASB, Tiêu chuẩn công bố thông tin bền vững IFRS)?	✓	Thể hiện tại Báo cáo Phát triển bền vững - mục Tổng quan về Báo cáo phát triển bền vững. VPBank còn hàng năm xây dựng Công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu theo các tiêu chuẩn của Lực lượng đặc nhiệm về công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu (TCFD).
Khung công bố thông tin có quy định các số liệu đáng tin cậy liên quan đến các mục tiêu phát triển bền vững cần được công bố thường xuyên ở dưới dạng dễ tiếp cận			
C.1.4	Công ty có công bố mục tiêu bền vững dưới dạng định lượng không?	✓	Công bố tại Báo cáo phát triển bền vững và Công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu, được công bố trên website ngân hàng.

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ	CƠ SỞ/ DẪN CHỨNG
C.1.5	Các kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững được đề ra có được công bố không?	✓	Công bố tại Báo cáo phát triển bền vững và Công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu, được công bố trên website ngân hàng.
C.1.6	Có thông tin cho thấy Báo cáo Phát triển bền vững đã được xem xét và/hoặc phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị hoặc một Ủy ban cấp Hội đồng Quản trị không?	✓	Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT, trực tiếp rà soát và phê duyệt các nội dung của Báo cáo Phát triển bền vững.
C.2	Khung quản trị doanh nghiệp cần cho phép triển khai đối thoại giữa công ty, cổ đông và các bên liên quan để trao đổi quan điểm về các vấn đề bền vững		
C.2.1	Công ty có thiết lập kênh tương tác để thường xuyên tiếp nhận và phản hồi các mối quan tâm của các bên hữu quan bên trong về các vấn đề phát triển bền vững trọng yếu không?	✓	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững - mục Xác định chủ đề trọng yếu.
C.2.2	Công ty có thiết lập kênh tương tác để thường xuyên tiếp nhận và phản hồi các mối quan tâm của các bên hữu quan bên ngoài về các vấn đề phát triển bền vững trọng yếu không?	✓	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững - mục Thúc đẩy sự gắn kết với các bên hữu quan trọng yếu.
C.3	Khung quản trị doanh nghiệp phải đảm bảo rằng hội đồng quản trị xem xét đầy đủ các rủi ro và cơ hội bền vững trọng yếu khi thực hiện các chức năng chính của mình trong việc xem xét, giám sát và hướng dẫn các thông lệ quản trị, công bố thông tin, chiến lược, quản lý rủi ro và hệ thống kiểm soát nội bộ, bao gồm cả các vấn đề về rủi ro khí hậu bao gồm rủi ro vật lý và rủi ro chuyển đổi		
	HĐQT cần đánh giá tính tương thích giữa cơ cấu vốn của doanh nghiệp với các mục tiêu chiến lược và khẩu vị rủi ro liên quan để đảm bảo khả năng phục hồi		
C.3.1	Công ty có công bố rằng Hội đồng quản trị có đánh giá hằng năm rằng cơ cấu nợ vay của công ty tương thích với các mục tiêu chiến lược và khẩu vị rủi ro của công ty hay không?	✓	Thể hiện tại Báo cáo quản trị (thuộc BCTN) - mục Ủy ban quản lý rủi ro.
C.4	Khung quản trị doanh nghiệp cần công nhận, tôn trọng quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương và khuyến khích sự hợp tác tích cực giữa doanh nghiệp và các bên có quyền lợi liên quan trong việc tạo ra của cải, việc làm và sự bền vững về mặt tài chính của doanh nghiệp.		
	Công ty có công bố chính sách và thông lệ liên quan đến:		
C.4.1	Các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty nhằm bảo vệ quyền lợi của khách hàng?	✓	Thể hiện tại các nội dung của Báo cáo phát triển bền vững, bao gồm: Thúc đẩy sự gắn kết với các bên hữu quan trọng yếu (Khách hàng), Đóng góp vào các mục tiêu phát triển bền vững, Tôn trọng quyền con người (Phạm vi trong sản phẩm và dịch vụ cung cấp cho khách hàng), Tận tâm với khách hàng
C.4.2	Quy trình và thủ tục lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu?	✓	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững - mục Thúc đẩy sự gắn kết với các bên hữu quan trọng yếu (Nhà cung ứng dịch vụ)
C.4.3	Các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty nhằm bảo đảm chuỗi giá trị của công ty thân thiện với môi trường hoặc phù hợp với việc thúc đẩy phát triển bền vững?	✓	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững, bao gồm: Tăng cường kết nối trong chuỗi cung ứng thúc đẩy các mục tiêu phát triển bền vững, Tôn trọng quyền con người (Phạm vi trong hoạt động mua sắm và chuỗi cung ứng).
C.4.4	Các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty trong việc tương tác với cộng đồng nơi công ty hoạt động?	✓	Thể hiện tại các nội dung của Báo cáo phát triển bền vững, bao gồm: Thúc đẩy sự gắn kết với các bên hữu quan trọng yếu (Cộng đồng), Trách nhiệm với xã hội.

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ	CƠ SỞ/ DẪN CHỨNG
C.4.5	Chương trình và các thực hành phòng chống tham nhũng của công ty?	✓	Thể hiện tại Báo cáo Phát triển bền vững - mục Phòng chống tham nhũng. Ngoài ra, Chính sách phòng chống tham nhũng của VPBank cũng được công bố minh bạch trên website ngân hàng.
C.4.6	Các thực hành, mô tả cách thức bảo vệ quyền lợi của chủ nợ?	✓	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững - mục Thúc đẩy sự gắn kết với các bên hữu quan trọng yếu (Bên cho vay). VPBank cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật và các cam kết đối với bên cho vay trong mọi hoạt động, bao gồm các yêu cầu về quản trị rủi ro, báo cáo định kỳ/ đột xuất và công bố thông tin.
C.4.7	Công ty có viết báo cáo/nội dung riêng mô tả các nỗ lực về các vấn đề về môi trường/kinh tế và xã hội?	✓	Áp dụng các tiêu chuẩn công bố thông tin phát triển bền vững được toàn cầu công nhận (GRI), VPBank xây dựng Báo cáo phát triển bền vững tích hợp trong Báo cáo thường niên từ năm 2020 và xây dựng Báo cáo phát triển bền vững độc lập vào năm 2024.
C.5	Khi lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật bảo vệ, các bên có quyền lợi liên quan phải có cơ hội được khiếu nại hiệu quả khi quyền lợi của họ bị vi phạm.		
C.5.1	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo Thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (Ví dụ: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ?	✓	Thông tin liên hệ (đường dây nóng và email) liên hệ được công bố rộng rãi trên các phương tiện truyền thông bao gồm website ngân hàng và Báo cáo thường niên. Ngoài ra, VPBank đã thiết lập & công bố trên website ngân hàng Chính sách quản lý xung đột lợi ích, với các nguyên tắc quản lý rủi ro của VPBank và/ hoặc cán bộ nhân viên khi xử lý xung đột và để đảm bảo xung đột lợi ích không gây tác động tiêu cực đến lợi ích của VPBank, khách hàng và các bên hữu quan khác.
C.6	Các cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của người lao động cần được phép xây dựng		
C.6.1	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi cho nhân viên?	✓	Thể hiện tại các nội dung của Báo cáo phát triển bền vững, bao gồm: Thúc đẩy sự gắn kết với các bên hữu quan trọng yếu (Người lao động), Tôn trọng quyền con người (Phạm vi Trong quan hệ với người lao động), Đảm bảo an toàn nơi làm việc và sức khỏe nhân viên, Đảm bảo lợi ích kinh tế của đội ngũ nhân sự.
C.6.2	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên?	✓	Thể hiện tại các nội dung của Báo cáo phát triển bền vững - mục Phát triển nguồn nhân lực.
C.6.3	Công ty có chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn?	✓	Thể hiện trong Báo cáo phát triển bền vững - mục Đảm bảo lợi ích kinh tế của Đội ngũ nhân sự, trong đó, VPBank có áp dụng chương trình cổ phiếu ưu đãi cho nhân viên (ESOP).
C.7	Các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả người lao động và tổ chức đại diện cho họ, phải được tự do truyền đạt những lo ngại của họ về những việc làm không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức lên HĐQT và việc này không được ảnh hưởng tới quyền lợi của họ.		
C.7.1	Công ty có chính sách tố giác bao gồm quy trình khiếu nại dành cho nhân viên và các bên hữu quan về hành vi không hợp pháp (kể cả tham nhũng) hoặc không phù hợp đạo đức và cung cấp thông tin liên hệ khiếu nại chi tiết được để cập trên trang web công ty hoặc báo cáo thường niên?"	✓	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững - mục Cơ chế khiếu nại nội bộ.

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ	CƠ SỞ/ DẪN CHỨNG
C.7.2	Công ty có chính sách hay thủ tục để bảo vệ nhân viên/cá nhân khỏi bị trả đũa vì đã tiết lộ hành vi không hợp pháp/không phù hợp đạo đức?	✓	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững - mục Tôn trọng quyền con người.
D. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH			
D.1 Cấu trúc sở hữu minh bạch			
D.1.1	Thông tin về cổ đông có tiết lộ danh tính của các chủ sở hữu nắm giữ 5% cổ phần trở lên?	✓	VPBank có công bố thông tin cổ đông lớn (sở hữu từ 5% số cổ phiếu quyền biểu quyết trở lên) tại Báo cáo tài chính (thuộc BCTN) - thuyết minh 42. Giao dịch với các bên liên quan.
D.1.2	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của cổ đông lớn?	✓	Thể hiện tại Báo cáo quản trị (thuộc BCTN) - mục Cơ cấu cổ đông và Báo cáo quản trị công ty công bố trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.
D.1.3	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của thành viên HĐQT?	✓	Thể hiện tại Báo cáo Quản trị ngân hàng (thuộc BCTN) - mục Cơ cấu cổ đông và Báo cáo quản trị công ty công bố trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.
D.1.4	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của ban điều hành?	✓	Thể hiện tại Báo cáo Quản trị ngân hàng (thuộc BCTN) - mục Cơ cấu cổ đông và Báo cáo quản trị công ty công bố trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.
D.1.5	Công ty có công bố chi tiết về công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và doanh nghiệp/công ty có mục đích đặc biệt (SPE)/(SPV)?	✓	Thể hiện tại Báo cáo tài chính (thuộc BCTN) - mục Đặc điểm hoạt động của Ngân hàng (Công ty con) và Báo cáo quản trị công ty công bố trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.
D.2 Chất lượng của báo cáo thường niên			
Báo cáo thường niên của công ty có công bố những nội dung sau:			
D.2.1	Mục tiêu của công ty	✓	Thể hiện chi tiết tại Báo cáo thường niên - mục Thông tin chung về VPBank.
D.2.2	Chỉ số hiệu quả tài chính	✓	Thể hiện chi tiết tại Báo cáo thường niên - mục Tình hình hoạt động kinh doanh.
D.2.3	Chỉ số hiệu quả phi tài chính	✓	Thể hiện chi tiết tại Báo cáo thường niên - các mục hoạt động của các khối back: IT, HR, OPS, EDA
D.2.4	Chính sách cổ tức	✓	Thể hiện chi tiết tại Báo cáo thường niên - mục Báo cáo quản trị.
D.2.5	Chi tiết tiểu sử (tối thiểu tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên HĐQT nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết) của thành viên HĐQT	✓	Thể hiện tại Báo cáo thường niên - mục Báo cáo quản trị.
Tuyên bố Khẳng định về Quản trị Công ty			
D.2.6	Báo cáo thường niên có công bố phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của công ty với quy tắc quản trị công ty và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ, có xác định rõ và giải thích lý do cho mỗi vấn đề đó không?	✓	Thể hiện tại Báo cáo thường niên - mục Báo cáo quản trị.

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ	CƠ SỞ/ DẪN CHỨNG
D.3. Thủ lao của thành viên HĐQT và cán bộ điều hành chủ chốt			
D.3.1	Cơ cấu thù lao cho thành viên HĐQT không điều hành có được công bố công khai?	✓	Thông tin thù lao của thành viên HĐQT không điều hành được công bố trong Báo cáo tài chính (thuộc BCTN) - thuyết minh 42. Giao dịch với các bên liên quan.
D.3.2	Công ty có tiết lộ công khai [tức là báo cáo thường niên hoặc các tài liệu công bố công khai khác] chi tiết thù lao của các thành viên HĐQT không điều hành?	✓	Thông tin thù lao của thành viên HĐQT không điều hành được công bố trong Báo cáo tài chính (thuộc BCTN) - thuyết minh 42. Giao dịch với các bên liên quan.
D.3.3	Công ty có công bố chính sách/thông lệ về thù lao (phí, phụ cấp, phúc lợi bằng hiện vật và các khoản thù lao khác) (tức là sử dụng các chính sách khuyến khích và các chỉ tiêu hiệu quả ngắn và dài hạn) đối với các thành viên HĐQT điều hành và Tổng Giám đốc?	✓	Chính sách về thù lao, tiền lương và lợi ích khác của các thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc được quy định tại Điều lệ VPBank (Điều 35) công bố trên website ngân hàng.
D.3.4	Công ty có công bố công khai [tức là báo cáo thường niên hoặc các tài liệu được công bố công khai khác] chi tiết về thù lao của từng thành viên HĐQT điều hành và Tổng Giám đốc [nếu Tổng Giám đốc không phải là thành viên HĐQT]?	✓	Thông tin thù lao của Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT không điều hành duy nhất, được công bố trong Báo cáo tài chính (thuộc BCTN) - thuyết minh 42. Giao dịch với các bên liên quan.
D.4. Công bố Giao dịch bên liên quan (GDBLQ)			
D.4.1	Công ty có công bố chính sách về rà soát và phê duyệt GDBLQ trọng yếu/quan trọng?	✓	Chính sách về rà soát và phê duyệt Giao dịch bên liên quan trọng yếu/quan trọng được quy định trong Điều lệ VPBank (Điều 37, 51).
D.4.2	Công ty có công bố tên của các bên hữu quan, mối quan hệ, bản chất và giá trị của mỗi GDBLQ trọng yếu/quan trọng?	✓	Thể hiện tại các công bố thông tin về giao dịch bên liên quan và được tổng hợp trong Báo cáo quản trị công ty công bố trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.
D.5 Giám đốc và ủy viên giao dịch cổ phiếu của công ty			
D.5.1	Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của công ty do người nội bộ của công ty thực hiện?	✓	Thể hiện tại các công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và được tổng hợp trong Báo cáo quản trị công ty công bố trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.
D.6 Kiểm toán độc lập và Báo cáo kiểm toán			
Trường hợp cùng một công ty kiểm toán tham gia cung cấp cả dịch vụ kiểm toán và phi kiểm toán			
D.6.1	Phi kiểm toán và phí kiểm toán có được công bố công khai?	✓	VPBank thực hiện công bố thông tin về ký kết hợp đồng với công ty kiểm toán nhưng chưa công bố mức phí.
D.6.2	Phi dịch vụ phi kiểm toán có cao hơn phí dịch vụ kiểm toán?	✓	VPBank thực hiện công bố thông tin về ký kết hợp đồng với công ty kiểm toán nhưng chưa công bố mức phí.

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ	CƠ SỞ/ DẪN CHỨNG
D.7 Phương tiện truyền thông			
Công ty có sử dụng các hình thức truyền thông sau đây:			
D.7.1	Báo cáo quý	✓	VPBank định kỳ cập nhật song ngữ Việt - Anh các tài liệu kết quả hoạt động và kinh doanh hàng quý trên website của ngân hàng. Các tài liệu bao gồm Báo cáo tài chính, Báo cáo kết quả hoạt động, bản tin IR News và video buổi trao đổi với quý nhà đầu tư, Báo cáo tỷ lệ an toàn vốn và các công bố thông tin khác.
D.7.2	Trang thông tin điện tử của công ty	✓	VPBank thường xuyên cập nhật song ngữ Việt - Anh các thông tin về hoạt động và kinh doanh của ngân hàng trên website ngân hàng.
D.7.3	Đánh giá của chuyên gia phân tích	✓	VPBank chủ động xúc tiến các buổi trao đổi với chuyên gia phân tích trong và ngoài nước về kết quả và triển vọng kinh doanh của VPBank và các công ty con.
D.7.4	Thông tin trên phương tiện truyền thông/hợp báo	✓	VPBank chủ động cung cấp thông tin của Ngân hàng tới các cơ quan báo chí, truyền thông cũng như cử chuyên gia trả lời phỏng vấn chuyên sâu/ gặp gỡ đối thoại trên truyền hình nhằm giải đáp câu hỏi, thắc mắc của báo chí về các chủ đề liên quan.
D.8 Nội dung/công bố báo cáo thường niên/báo cáo tài chính đúng hạn			
D.8.1	Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	✓	Công bố đầy đủ trên website của ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư theo đúng quy định.
D.8.2	Báo cáo thường niên có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	✓	Công bố đầy đủ trên website của ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư theo đúng quy định.
D.8.3	Sự trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính năm có được thành viên HĐQT và/hoặc thành viên điều hành có thẩm quyền của công ty khẳng định?	✓	VPBank đảm bảo tuân thủ. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán độc lập và ĐHCĐ thông qua, thể hiện tại Nghị quyết ĐHCĐ thường niên công bố trên website ngân hàng.
D.9 Trang thông tin điện tử của công ty			
Công ty có trang thông tin điện tử công bố thông tin cập nhật về			
D.9.1	Báo cáo Tài chính (quý gần nhất)	✓	Công bố đầy đủ trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.
D.9.2	Tài liệu của chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông	✓	Một số tài liệu phân tích của các công ty chứng khoán uy tín cùng kết quả xếp hạng tín nhiệm được cập nhật đầy đủ trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.
D.9.3	Báo cáo thường niên có thể được tải về	✓	Công bố đầy đủ trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.
D.9.4	Thông báo và tài liệu họp ĐHCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường	✓	Công bố đầy đủ trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.
D.9.5	Biên bản họp ĐHCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường	✓	Công bố đầy đủ trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.
D.9.6	Điều lệ công ty	✓	Công bố đầy đủ trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ	CƠ SỞ/ DẪN CHỨNG
D.10 Quan hệ nhà đầu tư			
D.10.1	Công ty có công bố thông tin liên hệ (Ví dụ: số điện thoại, fax, và email) của cán bộ/bộ phận chịu trách nhiệm về quan hệ nhà đầu tư?	✓	Công bố đầy đủ trên Báo cáo thường niên, Báo cáo phát triển bền vững cũng như trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.
E. VAI TRÒ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
E.1 VAI TRÒ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
Trách nhiệm của HĐQT và qui chế quản trị công ty được xác định rõ ràng			
E.1.1	Công ty có công bố quy chế quản trị công ty/điều lệ hoạt động của HĐQT?	✓	Quy chế quản trị nội bộ VPBank, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị được công bố đầy đủ trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.
E.1.2	Các loại quyết định phải có phê duyệt của thành viên HĐQT có được công bố công khai?	✓	Công bố đầy đủ trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.
E.1.3	Vai trò và trách nhiệm của thành viên HĐQT có được quy định và công bố rõ ràng?	✓	Vai trò và trách nhiệm của thành viên HĐQT được quy định cụ thể và rõ ràng tại Điều lệ VPBank, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Báo cáo quản trị (thuộc BCTN). Những tài liệu này đều được công bố trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.
Tầm nhìn/sứ mệnh của công ty			
E.1.4	Công ty có công bố tầm nhìn và sứ mệnh được xem xét, cập nhật?	✓	Tầm nhìn và sứ mệnh của VPBank được cập nhật ngay khi có thay đổi và công bố trên BCTN và website ngân hàng (mục Về chúng tôi).
E.1.5	Thành viên HĐQT có đóng vai trò lãnh đạo trong quá trình xây dựng/theo dõi chiến lược của công ty ít nhất một năm?	✓	Thể hiện tại các Báo cáo quản trị công ty cũng như Báo cáo của HĐQT nằm trong tài liệu họp ĐHĐCĐ, tất cả được công bố trên website ngân hàng.
E.1.6	Thành viên HĐQT có quy trình xem xét, giám sát, theo dõi việc thực hiện chiến lược của công ty?	✓	Thể hiện tại các Báo cáo quản trị công ty cũng như Báo cáo của HĐQT nằm trong tài liệu họp ĐHĐCĐ, tất cả được công bố trên website ngân hàng.
E.2 Cơ cấu HĐQT			
Quy tắc đạo đức hoặc ứng xử			
E.2.1	Chi tiết của Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử có được công bố công khai?	✓	Bộ quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp của VPBank được công bố trên website của ngân hàng - mục Về VPBank.
E.2.2	Công ty có công bố về việc tất cả thành viên HĐQT, lãnh đạo cấp cao và nhân viên phải tuân thủ bộ quy tắc?	✓	Thể hiện tại Bộ quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp của VPBank được công bố trên website của ngân hàng - mục Về VPBank.
E.2.3	Công ty có công bố cách thực hiện và giám sát việc tuân thủ Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử?	✓	Thể hiện tại Bộ quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp của VPBank được công bố trên website của ngân hàng - mục Về VPBank.

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ	CƠ SỞ/ DẪN CHỨNG
Cơ cấu HĐQT			
E.2.4	Thành viên độc lập HĐQT có chiếm ít nhất 50% tổng số thành viên HĐQT không?	✗	VPBank hiện có 1 thành viên HĐQT độc lập (chiếm 14%).
E.2.5	Công ty có giới hạn về nhiệm kỳ tối đa 9 năm hoặc ít hơn hoặc tối đa 2 nhiệm kỳ 5 năm* đối với mỗi thành viên HĐQT độc lập? (*) Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi đưa ra Thẻ Điểm Quản trị Công ty ASEAN vào năm 2011	✓	Nhiệm kỳ áp dụng đối với thành viên HĐQT độc lập được quy định cụ thể trong Điều lệ VPBank (Khoản 4 Điều 49), đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.
E.2.6	Công ty có đặt ra giới hạn tối đa năm vị trí HĐQT mà một thành viên HĐQT độc lập/không điều hành có thể nắm giữ đồng thời tại những công ty khác không?	✓	Thể hiện tại Điều lệ VPBank (Khoản 1c, Điều 27) công bố trên website ngân hàng.
E.2.7	Công ty có thành viên HĐQT điều hành nào phục vụ tại hơn 2 HĐQT của các công ty niêm yết ngoài tập đoàn?	✓	Không phát sinh tại VPBank.
Tiểu ban nhân sự			
E.2.8	Công ty có Ủy ban bổ nhiệm hay không?	✓	VPBank có thành lập Ủy ban nhân sự, có chức năng tư vấn, tham mưu cho HĐQT trong việc đưa ra các quyết sách liên quan đến công tác quản trị nhân sự (bao gồm cơ cấu tổ chức, đề cử nhân sự cho HĐQT, Ban Kiểm soát, các Hội đồng, Ủy ban và các vị trí quản lý cấp cao của ngân hàng).
E.2.9	Ủy ban bổ nhiệm có bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập?	✗	Thành viên HĐQT độc lập không thuộc Ủy ban nhân sự của VPBank.
E.2.10	Chủ tịch của Ủy ban bổ nhiệm có phải là thành viên HĐQT độc lập?	✗	Chủ tịch Ủy ban Nhân sự của VPBank không phải là thành viên HĐQT độc lập.
E.2.11	Công ty có công bố quy chế hoạt động/ cơ cấu quản trị/ điều lệ của Ủy ban bổ nhiệm?	✓	Thể hiện trong Báo cáo quản trị (thuộc BCTN) - mục Ủy ban nhân sự.
E.2.12	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Ủy ban bổ nhiệm có được công bố công khai, nếu có, Ủy ban bổ nhiệm có họp tối thiểu hai lần trong năm ?	✓	Thể hiện tại Báo cáo quản trị (thuộc BCTN) - mục Ủy ban Nhân sự. Trong năm, Ủy ban nhân sự tổ chức họp 12 phiên họp định kỳ hàng tháng.
Tiểu ban Thù lao/ Lương thưởng			
E.2.13	Công ty có Ủy ban thù lao lương thưởng không?	✓	VPBank có thành lập Ủy ban nhân sự, có chức năng tư vấn, tham mưu cho HĐQT trong việc đưa ra các quyết sách liên quan đến các chính sách quản trị, đánh giá nhân sự & phát triển nguồn nhân lực (bao gồm tiền thưởng, thù lao).
E.2.14	Ủy ban thù lao lương thưởng có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT không điều hành với đa số thành viên/ ủy viên HĐQT độc lập?	✗	Thành viên HĐQT độc lập không thuộc Ủy ban nhân sự của VPBank.
E.2.15	Chủ tịch của Ủy ban thù lao lương thưởng có phải là thành viên HĐQT độc lập?	✗	Chủ tịch Ủy ban Nhân sự của VPBank không phải là thành viên HĐQT độc lập.
E.2.16	Công ty có công bố quy chế hoạt động/ cơ cấu quản trị/ điều lệ của Ủy ban thù lao lương thưởng?	✓	Ủy ban Nhân sự của VPBank có chức năng tư vấn, tham mưu cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị nhân sự (bao gồm tiền thưởng, thù lao). Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ủy ban thể hiện tại Báo cáo quản trị (thuộc BCTN) - mục Ủy ban Nhân sự.

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ	CƠ SỞ/ DẪN CHỨNG
E.2.17	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Ủy ban thù lao lương thưởng có được công bố công khai, nếu có, Ủy ban thù lao lương thưởng có họp tối thiểu hai lần trong năm?	✓	Ủy ban Nhân sự của VPBank có chức năng tư vấn, tham mưu cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị nhân sự (bao gồm tiền thưởng, thù lao). Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ủy ban thể hiện tại Báo cáo quản trị (thuộc BCTN) - mục Ủy ban Nhân sự. Trong năm, Ủy ban nhân sự tổ chức họp 12 phiên họp định kỳ hàng tháng.
Tiểu ban Kiểm toán			
E.2.18	Công ty có Ủy ban kiểm toán không?	✓	VPBank thành lập Ban kiểm soát trực thuộc ĐHĐCĐ. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập, thực hiện Kiểm toán Nội bộ, kiểm soát, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ trong việc quản trị, điều hành VPBank của HĐQT.
E.2.19	Ủy ban kiểm toán có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT không điều hành với đa số thành viên/ủy viên HĐQT độc lập?	✓	Toàn bộ thành viên Ban kiểm soát không phải là thành viên HĐQT.
E.2.20	Chủ tịch của Ủy ban kiểm toán có phải là thành viên HĐQT độc lập?	✓	Trưởng Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT.
E.2.21	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/điều lệ của Ủy ban kiểm toán?	✓	Thể hiện tại Báo cáo quản trị (thuộc BCTN) - mục Ban kiểm soát. Ngoài ra, nguyên tắc về vai trò, nghĩa vụ, cơ cấu thành viên của Ban kiểm soát được quy định trong Quy chế quản trị nội bộ VPBank (Chương IV).
E.2.22	Tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập của Ủy ban kiểm toán có chuyên môn về kế toán không (trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm kế toán)?	✓	Các thành viên Ban kiểm soát đảm bảo có kinh nghiệm chuyên môn về kiểm toán.
E.2.23	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán có được công bố công khai, nếu có, ủy ban Kiểm toán có họp tối thiểu bốn lần trong năm	✓	Thể hiện tại Báo cáo quản trị (thuộc BCTN) - mục Ban kiểm soát. Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã tổ chức 11 cuộc họp.
E.2.24	Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm chính trong việc đưa ra khuyến nghị về bổ nhiệm, và miễn nhiệm kiểm toán độc lập?	✓	Thể hiện tại Điều lệ VPBank (Khoản 12 Điều 59) công bố trên website ngân hàng.
E.3 Quy trình HĐQT			
Họp và tham dự họp HĐQT			
E.3.1	Họp HĐQT có được lập kế hoạch trước khi bắt đầu năm tài chính?	✓	Họp HĐQT được lập kế hoạch trước khi bắt đầu năm tài chính.
E.3.2	Thành viên HĐQT có họp tối thiểu 6 lần trong năm?	✗	Theo báo cáo quản trị năm 2024, HĐQT VPBank tổ chức 4 phiên họp.
E.3.3	Mỗi thành viên HĐQT có tham dự tối thiểu 75% số cuộc họp HĐQT trong năm?	✓	Các thành viên HĐQT tham dự 100% các cuộc họp HĐQT, thể hiện tại Báo cáo quản trị (thuộc BCTN) - mục Hội đồng quản trị.
E.3.4	Công ty có yêu cầu về số đại biểu tham dự tối thiểu phải đạt 2/3 số thành viên HĐQT đối với các cuộc họp cần ra quyết định của HĐQT?	✓	Quy định tại Điều lệ VPBank (Điều 55) công bố trên website ngân hàng.
E.3.5	Thành viên HĐQT không điều hành của công ty có họp riêng tối thiểu một lần trong năm mà không có mặt các thành viên điều hành?	✗	VPBank đang nghiên cứu để thực hiện.

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ	CƠ SỞ/ DẪN CHỨNG
Tiếp cận thông tin			
E.3.6	Văn bản cho các cuộc họp HĐQT có được cung cấp cho HĐQT tối thiểu năm ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp HĐQT?	✓	Quy định tại Điều lệ VPBank (Khoản 5 Điều 55) và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT (Khoản 5 Điều 4) công bố trên website ngân hàng.
E.3.7	Thư ký công ty có đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm của mình?	✓	HĐQT bổ nhiệm Người phụ trách quản trị VPBank, thực hiện các nhiệm vụ Thư ký công ty đảm bảo hoạt động quản trị VPBank được tiến hành một cách có hiệu quả. Quy định tại Điều lệ VPBank (Điều 57) và Quy chế quản trị nội bộ VPBank (Điều 16).
E.3.8	Thư ký công ty có được đào tạo về pháp lý, kế toán hay thực hành công tác thư ký công ty và được cập nhật các vấn đề mới có liên quan các nội dung trên?	✓	VPBank đảm bảo yêu cầu.
Bổ nhiệm và tái cử thành viên HĐQT			
E.3.9	Công ty có công bố các tiêu chí sử dụng để lựa chọn thành viên HĐQT mới?	✓	Thể hiện tại Điều lệ VPBank (Điều 26, 27, 50) và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT (Điều 14, 15 và 16).
E.3.10	Công ty có mô tả quy trình được áp dụng trong việc bổ nhiệm thành viên HĐQT mới?	✓	Thể hiện tại Điều lệ VPBank (Điều 31) và Quy chế quản trị nội bộ VPBank (Điều 11).
E.3.11	Tất cả các thành viên HĐQT có được bầu lại tối thiểu 3 năm, hoặc 5 năm đối với công ty niêm yết ở những quốc gia có pháp luật quy định nhiệm kỳ 5 năm* một lần? (*) Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi có Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011	✓	Nhiệm kỳ của HĐQT VPBank là 5 năm, được quy định tại Điều lệ VPBank (Khoản 4 Điều 49) và Quy chế quản trị nội bộ VPBank (Khoản 1 Điều 11).
Các vấn đề thù lao			
E.3.12	Cổ đông hay HĐQT có thông qua thù lao của thành viên HĐQT điều hành và/hoặc lãnh đạo cấp cao?	✓	Thể hiện tại Nghị quyết họp ĐHĐCĐ và được quy định trong Điều lệ VPBank (Khoản 1 Điều 35).
E.3.13	Công ty có các chính sách, tiêu chuẩn có thể đo lường để gắn mức thù lao chi trả dựa trên thành tích của các thành viên HĐQT điều hành hoặc ban điều hành với lợi ích lâu dài của công ty, chẳng hạn như áp dụng điều khoản thu hồi, chính sách khoản thưởng hoãn lại (Clawback provision, deferred bonus)?	✓	Chính sách, tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Quy chế quản trị nội bộ VPBank (Điều 35, 36, 37). Mức thù lao chi trả được ĐHĐCĐ thông qua dựa trên đánh giá về hiệu quả kinh doanh, thể hiện tại Nghị quyết ĐHĐCĐ.
Kiểm toán Nội bộ			
E.3.14	Công ty có Bộ phận Kiểm toán Nội bộ riêng biệt?	✓	VPBank thành lập Khối Kiểm toán Nội bộ trực thuộc Ban kiểm soát.
E.3.15	Trưởng Bộ phận Kiểm toán Nội bộ có được công bố, hoặc nếu được thuê ngoài, tên của công ty thuê ngoài có được công bố công khai?	✓	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững - mục Kinh nghiệm về phát triển bền vững của cấp quản lý
E.3.16	Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm Kiểm toán Nội bộ có phải được Ủy ban kiểm toán thông qua?	✓	Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm Kiểm toán Nội bộ thuộc thẩm quyền quyết định của Ban kiểm soát, quy định tại Điều lệ VPBank (Khoản 12 Điều 59).

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ	CƠ SỞ/ DẪN CHỨNG
Giám sát rủi ro			
E.3.17	Công ty có công bố Quy trình Kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro và định kỳ xem xét tính hiệu quả của hệ thống mà công ty đang thực hiện?	✓	Thể hiện tại Báo cáo thường niên - mục Quản trị rủi ro.
E.3.18	Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị công ty có công bố rằng thành viên HĐQT đã rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của công ty (bao gồm các chốt kiểm soát về hoạt động, tài chính và tuân thủ) và các hệ thống quản lý rủi ro?	✓	Thể hiện tại Báo cáo quản trị (thuộc BCTN) - mục Hội đồng quản trị.
E.3.19	Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng (như tài chính, vận hành bao gồm công nghệ thông tin, môi trường, xã hội và kinh tế)?	✓	Thể hiện tại Báo cáo thường niên - mục Báo cáo quản trị rủi ro
E.3.20	Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị công ty có trình bày tuyên bố của thành viên HĐQT hay Ủy ban Kiểm toán về sự đầy đủ của các chốt kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro của công ty?	✓	Thể hiện tại Báo cáo quản trị (thuộc BCTN) - mục Ban kiểm soát

E.4 Nhân sự trong HĐQT

Chủ tịch HĐQT			
E.4.1	Hai người khác nhau đảm nhiệm vị trí chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc?	✓	Chủ tịch HĐQT của VPBank không đồng thời kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc.
E.4.2	Chủ tịch có phải là thành viên HĐQT độc lập?	✗	Chủ tịch HĐQT của VPBank không phải là thành viên HĐQT độc lập.
E.4.3	Có bất kỳ thành viên HĐQT là nguyên Tổng Giám đốc của công ty trong 2 năm trước?	✓	Ông Nguyễn Đức Vinh là thành viên HĐQT và đang là Tổng Giám đốc điều hành VPBank.
E.4.4	Vai trò và trách nhiệm của Chủ tịch có được công bố công khai?	✓	Quy định cụ thể tại Điều lệ VPBank (Điều 52) và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT (Điều 8).

Trưởng thành viên HĐQT độc lập

E.4.5	Nếu chủ tịch không phải là thành viên HĐQT độc lập, HĐQT có bầu chọn Thành viên HĐQT độc lập cấp cao (Lead independent director) và vai trò của vị trí này có được xác định rõ ràng?	✓	VPBank có 1 thành viên HĐQT độc lập.
-------	--	---	--------------------------------------

Kỹ năng và năng lực

E.4.6	Công ty có tối thiểu một thành viên HĐQT không điều hành có kinh nghiệm làm việc trước đó trong lĩnh vực chính mà công ty đang hoạt động?	✓	Các thành viên HĐQT đều có kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững - mục Kinh nghiệm về Phát triển bền vững của cấp quản lý
-------	---	---	--

E.4 Hiệu quả HĐQT

Phát triển thành viên HĐQT			
E.5.1	Công ty có chương trình định hướng cho thành viên HĐQT mới?	✓	VPBank có các chương trình định hướng cho thành viên HĐQT mới.

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ	CƠ SỞ/ DẪN CHỨNG
E.5.2	Công ty có chính sách và thực tế thực hiện các chương trình khuyến khích các thành viên HĐQT tham gia các khóa đào tạo chuyên môn thường xuyên hoặc liên tục không?	✓	VPBank khuyến khích các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các cán bộ Ban Điều hành khác và Thư ký công ty tham gia vào các chương trình đào tạo về quản trị công ty, thể hiện tại Báo cáo quản trị công ty, công bố trên website ngân hàng - mục Quan hệ nhà đầu tư.
Bổ nhiệm và Hiệu quả của Tổng Giám đốc/Ban Điều hành			
E.5.3	Công ty có công bố cách thức thành viên HĐQT xây dựng quy hoạch kế nhiệm cho vị trí Tổng Giám đốc/Giám đốc Điều hành/Quản lý chủ chốt?	✓	VPBank có chương trình xây dựng người kế nhiệm cho các vị trí lãnh đạo và quản lý chủ chốt. Thể hiện tại Báo cáo Phát triển bền vững - mục Quản trị
E.5.4	Thành viên HĐQT có thực hiện đánh giá hiệu quả hàng năm đối với Tổng Giám đốc/Giám đốc Điều hành/Quản lý chủ chốt?	✓	Thể hiện tại Báo cáo quản trị (thuộc BCTN) - mục Đánh giá hoạt động của Ban Điều hành.
Đánh giá HĐQT			
E.5.5	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	✓	Thể hiện tại Báo cáo quản trị (thuộc BCTN) - mục Hội đồng quản trị và tài liệu họp ĐHĐCĐ dựa trên tiêu chí đánh giá quy định tại Quy chế quản trị nội bộ VPBank (Điều 35).
Đánh giá thành viên HĐQT			
E.5.6	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với từng thành viên HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	✓	Thể hiện tại Báo cáo quản trị (thuộc BCTN) - mục Hội đồng quản trị và tài liệu họp ĐHĐCĐ dựa trên tiêu chí đánh giá quy định tại Quy chế quản trị nội bộ VPBank (Điều 35).
Đánh giá tiểu ban			
E.5.7	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với các Ủy ban của HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	✓	Thể hiện tại Báo cáo quản trị (thuộc Báo cáo thường niên) - mục Hội đồng quản trị và Báo cáo quản trị công ty, công bố trên website ngân hàng.
THẺ ĐIỂM THƯỞNG			
(B)A. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG			
(B) A.1.1	Công ty có cho phép sử dụng biểu quyết vắng mặt bằng phương thức điện tử có đảm bảo tại đại hội cổ đông?	✓	VPBank đã có điều khoản về việc áp dụng công nghệ thông tin trong việc họp ĐHĐCĐ và lấy ý kiến cổ đông trực tuyến trong Điều lệ VPBank (Điều 44, 46) và đã được ĐHĐCĐ thông qua.
(B)B. ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG VỚI CỔ ĐÔNG			
(B) B.1.1	Công ty có ra thông báo về ĐHĐCĐ (có chương trình chi tiết và thông báo giải thích), như thông báo cho Sở Giao dịch, tối thiểu 28 ngày trước ngày họp?	✓	VPBank tuân thủ quy định của pháp luật, thực hiện thông báo về ĐHĐCĐ trước 21 ngày so với ngày họp chính thức.
(B)C. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ BỀN BỈ			

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ	CƠ SỞ/ DẪN CHỨNG
(B) C.1.1	Cách thức quản lý các rủi ro và cơ hội liên quan đến biến đổi khí hậu có được công bố không?	✓	Thể hiện tại Công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu - Chương 3. Chiến lược công bố trên website ngân hàng.
(B) C.1.3	Công ty có công bố kênh tương tác/đối thoại với các nhóm bên hữu quan và cách công ty phản hồi các mối quan ngại về ESG của các bên hữu quan không?	✓	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững - mục Thúc đẩy sự gắn kết với các bên hữu quan trọng yếu và Đóng góp vào các mục tiêu Phát triển bền vững
(B) C.1.4	Công ty có thành lập một đơn vị/bộ phận/ủy ban chịu trách nhiệm giám sát/quản lý các vấn đề quản trị bền vững không?	✓	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững - mục Mô hình quản trị hướng đến phát triển bền vững
(B) C.1.5	Công ty có công bố các hoạt động giám sát của thành viên HĐQT đối với việc quản trị các rủi ro và cơ hội liên quan đến phát triển bền vững không?	✓	Thể hiện tại Công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu - Mục Việc giám sát các cơ hội và rủi ro khí hậu của Hội đồng quản trị công bố trên website ngân hàng.

(B)D. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

(B) D.1.1	Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 60 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính?	✗	VPBank công bố báo cáo kiểm toán năm 2024 vào ngày 10/03/2025
--------------	--	---	---

(B)E. TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(B) E.2.2	Ủy ban bổ nhiệm có thực hiện quy trình xây dựng tiêu chí chất lượng các thành viên HĐQT phù hợp với định hướng chiến lược của công ty?	✓	Ủy ban Nhân sự của VPBank nêu cao việc xây dựng các tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên HĐQT bám sát với định hướng chiến lược ngân hàng.
(B) E.5.1	HĐQT có mô tả quy trình quản trị về vấn đề liên quan công nghệ thông tin như gián đoạn, an ninh mạng, khôi phục thảm họa, để đảm bảo rằng tất cả các rủi ro chính được xác định, quản lý và tích hợp vào khung quản trị rủi ro chung của ngân hàng?	✓	Thể hiện tại Báo cáo thường niên - mục Báo cáo quản trị rủi ro
(B) E.6.1	Công ty có Ủy ban Quản lý Rủi ro riêng biệt?	✓	VPBank có thành lập Ủy ban Quản trị Rủi ro.

THẺ ĐIỂM PHẠT**(P)A. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG**

(P) A.1.1	Công ty không hoặc sơ suất không đối xử công bằng đối với việc mua lại cổ phần đối với tất cả các cổ đông?	✓	Không phát sinh tại VPBank.
(P) A.2.1	Có bằng chứng gì về rào cản đối với việc cổ đông không được trao đổi thông tin hoặc tham khảo ý kiến các cổ đông khác?	✓	VPBank không ghi nhận phản ánh liên quan đến rào cản về việc trao đổi thông tin giữa các cổ đông.
Cổ đông có quyền tham gia:			
(P) A.2.2	Sửa đổi điều lệ công ty?	✓	Quy định tại Điều lệ VPBank (Điều 37).
(P) A.2.3	Việc ủy quyền phát hành thêm cổ phiếu?	✓	Quy định tại Điều lệ VPBank (Điều 37).

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ	CƠ SỞ/ DẪN CHỨNG
(P) A.2.4	Việc chuyển nhượng toàn bộ hoặc phần lớn tài sản, dẫn đến việc bán công ty?	✓	Quy định tại Điều lệ VPBank (Điều 37).
(P) A.3.1	Công ty có đưa nội dung bổ sung và không được thông báo trước trong chương trình nghị sự vào thông báo ĐHĐCĐ/ĐHĐCĐ bất thường?	✓	Không phát sinh tại VPBank.
(P) A.3.2	Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch các Ủy ban và Tổng Giám đốc có vắng mặt trong kỳ ĐHĐCĐ gần đây nhất không?	✓	Tham dự đầy đủ.
Công ty không công bố sự tồn tại của:			
(P) A.4.1	Thỏa thuận cổ đông?	✓	Không phát sinh tại VPBank.
(P) A.4.2	Giới hạn biểu quyết?	✓	Không phát sinh tại VPBank.
(P) A.4.3	Cổ phiếu nhiều quyền biểu quyết?	✓	Không phát sinh tại VPBank.
(P) A.5.1	Cấu trúc sở hữu kim tự tháp và/hoặc cấu trúc sở hữu chéo có tồn tại không?	✓	Không phát sinh tại VPBank.
(P)B. ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG VỚI CỔ ĐÔNG			
(P) B.1.1	Công ty có bị kết luận vi phạm nào về giao dịch nội gián liên quan đến thành viên HĐQT, Ban điều hành và nhân viên công ty trong ba năm qua?	✓	Không phát sinh tại VPBank.
(P) B.1.2	Mỗi cổ phiếu phổ thông của công ty có một phiếu biểu quyết?	✓	Đúng. Quy định tại Điều lệ VPBank (Điều 11, 14), công bố trên website ngân hàng.
(P) B.2.1	Có trường hợp nào không tuân thủ luật pháp, quy tắc và quy định liên quan đến giao dịch bên liên quan đáng kể hoặc trọng yếu trong ba năm trước không?	✓	Không phát sinh tại VPBank.
(P) B.2.2	Có bất kỳ giao dịch bên liên quan nào có thể được phân loại là hỗ trợ tài chính (nghĩa là không được thực hiện hợp lý trên cơ sở thị trường) cho các đơn vị không phải là công ty con?	✓	Không phát sinh tại VPBank.
(P) B.3.1	Công ty có chính sách và/hoặc quy định cấm thành viên HĐQT và nhân viên không được kiếm lợi từ những kiến thức không được công bố ra bên ngoài?	✓	Quy định tại Điều lệ VPBank (Khoản 2 và 3, Điều 33) và Quy chế quản trị nội bộ VPBank (Điều 32), công bố trên website ngân hàng.
(P) B.4.1	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với công ty không?	✓	Quy định tại Điều lệ VPBank (Điều 32) và Quy chế quản trị nội bộ VPBank (Điều 32, 33, 34), công bố trên website ngân hàng.
(P)C. VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN			
(P) C.1.1	Có vi phạm pháp luật nào liên quan đến các vấn đề lao động/việc làm/khách hàng/phá sản/thương mại/cạnh tranh hoặc môi trường không?	✓	VPBank chưa ghi nhận bất kỳ vi phạm pháp luật nào liên quan đến các vấn đề lao động/việc làm/khách hàng/vỡ nợ/thương mại/cạnh tranh hoặc môi trường.
(P) C.2.1	Công ty có phải chịu bất kỳ hình phạt nào của cơ quan quản lý vì đã không công bố thông tin trong khoảng thời gian được yêu cầu đối với các sự kiện trọng yếu?	✓	Không phát sinh tại VPBank.

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ	CƠ SỞ/ DẪN CHỨNG
(P) C.2.2	Có bằng chứng nào cho thấy công ty đang tham gia vào các hoạt động quảng cáo xanh (greenwashing) không?	✓	Với sự tư vấn của IFC, VPBank đã xây dựng Khung tín dụng xanh và Khung tài chính bền vững để đưa ra các nguyên tắc và hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng và quản lý các khoản vay bền vững huy động từ các đối tác quốc tế để tài trợ cho các dự án xanh. Các khung đã được tổ chức Sustainalytics công nhận phù hợp với khuôn khổ Nguyên tắc cho vay xanh của Hiệp hội thị trường tín dụng (LMA) và Nguyên tắc Trái phiếu Xanh của Hiệp hội thị trường vốn quốc tế (ICMA) ban hành và đóng góp cho các Mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc.
(B)D. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH			
(P) D.1.1	Công ty có nhận được "ý kiến loại trừ" trong Báo cáo kiểm toán độc lập?	✓	Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần
(P) D.1.2	Công ty có nhận được "ý kiến bất lợi" trong Báo cáo kiểm toán độc lập?	✓	Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần
(P) D.1.3	Công ty có nhận được "từ chối đưa ra ý kiến" trong Báo cáo kiểm toán độc lập?	✓	Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần
(P) D.1.4	Công ty có sửa đổi Báo cáo Tài chính trong năm vừa qua vì những lý do khác với lý do thay đổi trong chính sách kế toán?	✓	Không phát sinh tại VPBank.
(P) D.2.6	Thông tin chi tiết về việc tham dự của thành viên HĐQT trong tất cả các cuộc họp HĐQT được tổ chức trong năm	✓	Thể hiện tại Báo cáo quản trị (thuộc BCTN) - mục Hội đồng Quản trị.
(P)E. TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
(P) E.1.1	Có bằng chứng gì là công ty đã không tuân thủ quy tắc và quy định nào về niêm yết trong năm qua ngoài các quy định về công bố thông tin?	✓	VPBank tuân thủ đầy đủ các quy tắc và quy định về niêm yết.
(P) E.1.2	Có trường hợp nào mà thành viên HĐQT không điều hành đã từ nhiệm và nêu ra bất kỳ lo ngại nào liên quan đến quản trị?	✓	Không phát sinh tại VPBank.
(P) E.2.1	Công ty có thành viên HĐQT độc lập nào đã phục vụ hơn 9 năm hay hai nhiệm kỳ 5 năm* (chọn trường hợp nào cao hơn) với cùng chức trách? (*) Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi có Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011	✓	Không phát sinh tại VPBank
(P) E.2.2	Công ty đã không xác định rõ ai là thành viên HĐQT độc lập?	✓	VPBank xác định rõ thành viên HĐQT độc lập.
(P) E.2.3	Công ty có bất kỳ thành viên HĐQT độc lập nào giữ vai trò quản trị ở tổng cộng hơn 5 HĐQT của các công ty đại chúng?	✓	Không phát sinh tại VPBank.
(P) E.3.1	(Trong hai năm trước) Có thành viên HĐQT hay lãnh đạo điều hành cấp cao nào từng là nhân viên hoặc thành viên hợp danh của công ty kiểm toán độc lập hiện tại?	✓	Không phát sinh tại VPBank.
(P) E.4.1	Chủ tịch HĐQT có phải là Tổng Giám đốc của công ty trong 3 năm qua không?	✓	Chủ tịch HĐQT của VPBank không đồng thời là Tổng Giám đốc điều hành.
(P) E.4.2	Các thành viên độc lập không điều hành có được nhận các quyền chọn mua cổ phiếu, cổ phiếu thưởng không?	✓	Không phát sinh tại VPBank.



MUSIC NIGHT RUN

VPBANK CAN THO

>>>>

<<<<



Giải thưởng,
các sự kiện
đáng chú ý
và hoạt động
từ thiện xã hội
năm 2024

07

Giải thưởng



Fortune Asia

Top 500 doanh nghiệp
lớn nhất khu vực châu Á
Thái Bình Dương



The Digital Banker

Ngân hàng thấu hiểu
khách hàng



Diễn đàn Cấp cao Cổ vấn Tài chính Việt Nam

Chương trình Bình chọn sản phẩm/
dịch vụ quản lý tài chính
tiêu biểu năm 2024



Vietnam Report

Top 10 Ngân hàng TMCP
tư nhân uy tín năm 2024



Diễn đàn ngân hàng bán lẻ Việt Nam

Giải thưởng ngân hàng Số
tiêu biểu 2024





Các sự kiện đáng chú ý

VPBank trở thành 1 trong 500 công ty lớn nhất khu vực Đông Nam Á, xét trên tổng doanh thu, trong bảng xếp hạng Fortune 500 ASEAN, sánh vai cùng nhiều tổ chức tài chính tên tuổi của khu vực như DBS, UOB và OCB của Singapore, Maybank và CIMB của Malaysia, hay Kasikornbank và Bangkok Bank của Thái Lan.

06.2024

04.2024

Lần đầu tiên VPBank tổ chức giải chạy đêm kết hợp giữa thể thao và âm nhạc “VPBank Cần Thơ Music Night Run 2024”, với mong muốn lan tỏa lối sống lành mạnh, tinh thần rèn luyện sức khỏe và hướng tới mục tiêu bảo vệ môi trường.

VPBank phối hợp cùng đối tác AWS tổ chức sân chơi công nghệ VPBank Technology Hackathon 2024, trở thành cầu nối giữa ngân hàng và các chuyên gia, nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn cũng như các tài năng trẻ trong lĩnh vực công nghệ thông tin, khoa học dữ liệu và an ninh mạng.

Tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's Investors Service giữ nguyên xếp hạng tín nhiệm Ba3, triển vọng ổn định cho VPBank trong kỳ đánh giá tháng 4.

VPBank chính thức khai trương chi nhánh flagship tại TP HCM, trung tâm kinh tế, tài chính lớn nhất cả nước. Sự kiện đánh dấu lần đầu tiên mô hình chi nhánh flagship trong lĩnh vực ngân hàng ra mắt tại Việt Nam, thể hiện tầm nhìn hướng đến dịch vụ khách hàng hoàn mỹ và vị thế tiên phong của VPBank trong kỷ nguyên số hóa.

08.2024

07.2024

VPBank và IFC hợp tác đồng tài trợ chuỗi cung ứng cho các công ty xuất khẩu cà phê, trong nỗ lực hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) của Việt Nam tham gia sâu rộng hơn vào chuỗi cung ứng nông nghiệp toàn cầu.

VPBank hợp tác cùng hãng xe điện BYD cung cấp các gói vay linh hoạt và ưu đãi cho khách hàng mua xe điện BYD trên toàn quốc.



VPBank và Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) ký kết hợp đồng tín dụng trị giá lên tới 150 triệu USD nhằm tài trợ cho các dự án năng lượng tái tạo và truyền tải điện tại Việt Nam, góp phần hiện thực hóa mục tiêu Net Zero tới năm 2050.

Giá trị thương hiệu của VPBank đạt 1,35 tỷ USD, lọt Top 10 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam năm 2024, theo đánh giá của Brand Finance.

Giải chạy quốc tế thường niên VPBank Hanoi International Marathon (VPIM 2024) thu hút sự tham gia của 11.000 vận động viên đến từ 20 quốc gia và vùng lãnh thổ.

10.2024

09.2024

VPBank triển khai chương trình hỗ trợ lãi suất cho vay đối với khách hàng cá nhân chịu ảnh hưởng của bão Yagi, với mức giảm lên tới 1 điểm % so với lãi suất hiện hữu.

VPBank ký kết thỏa thuận hợp tác (MOU) với Công ty TNHH Lotte C&F Việt Nam (Lotte C&F) cung cấp các giải pháp tài chính cho khách hàng mua trước trả sau.

VPBank Commandos Ultra 2024 trở lại, đánh dấu mùa thứ 7 và tròn 10 năm chương trình nội bộ dành riêng cho các VPBanker ra đời, với sự tham gia của 150 siêu chiến binh trong hành trình chinh phục thử thách tại Tà Năng – Phan Dũng, Đà Lạt.

VPBank và Thế Giới Di Động bắt tay triển khai mô hình đại lý thanh toán, tận dụng 3.000 điểm bán lẻ của Thế Giới Di Động và Điện máy XANH trên toàn quốc để mở rộng mạng lưới hoạt động của ngân hàng.

12.2024

11.2024

VPBank lần thứ 6 liên tiếp lọt Top 20 cổ phiếu thuộc có điểm số ESG cao nhất trong rổ Chỉ số Phát triển Bền vững (VNSI) của HoSE.

VPBank được vinh danh trong Top 10 Doanh nghiệp Quản trị công ty tốt nhất - nhóm vốn hóa lớn năm 2024, trong khuôn khổ Lễ trao giải cuộc bình chọn Doanh nghiệp Niềm yết 2024 - Hội nghị Doanh nghiệp Niềm yết 2024 do HoSE tổ chức tại Đà Lạt.

VPBank khai trương phòng chờ sân bay VPBank Diamond Elite Lounge tiêu chuẩn 5 sao, đẳng cấp và khác biệt tại sân bay Quốc tế Nội Bài



VPBank tiếp tục đồng hành cùng cộng đồng trong chuỗi hoạt động CSR tập trung vào giáo dục, hỗ trợ người nghèo, công tác an sinh xã hội và khắc phục hậu quả thiên tai sau bão Yagi, chung tay xây dựng một xã hội thịnh vượng cho thế hệ hiện tại và tương lai.

Trong năm 2024, ngân hàng đã triển khai gần 29 hoạt động CSR với tổng ngân sách hơn 232 tỷ đồng, giải ngân vào các dự án xây dựng điểm trường, hỗ trợ người dân có hoàn cảnh khó khăn hoặc chịu ảnh hưởng của bão lũ... Hình ảnh ngân hàng xanh gắn liền với các hoạt động CSR thiết thực đã trở thành một dấu ấn khó phai đối với cộng đồng và xã hội trong nhiều năm trở lại đây.

Với tên gọi và sứ mệnh “Vì một Việt Nam thịnh vượng”, VPBank luôn ý thức được rằng vun trồng những mầm non tương lai của đất nước là một trong những nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của ngân hàng. Nối tiếp chuỗi hoạt động CSR xây dựng những trường học chất lượng cao, có quy mô đầu tư hơn 100 tỷ đồng như trường THPT Nguyễn Trung Trực – Bến Lức tại tỉnh Long An (2022), VPBank đã hoàn thiện xây dựng và khánh thành THPT Võ Văn Tấn tại tỉnh Long An. Đây là ngôi trường công lập đầu tiên của Việt Nam đạt chứng chỉ xanh EDGE do IFC cấp.

Ngân hàng đồng thời tài trợ 100 tỷ đồng xây dựng trường THCS Thành phố

Thủ Đức, hứa hẹn sẽ góp phần giảm tải áp lực thiếu thốn phòng học cho địa phương, chung tay cùng thành phố Thủ Đức nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn và hoàn thành mục tiêu xã hội hóa giáo dục.

Cùng với việc tài trợ xây dựng những ngôi trường khang trang, VPBank trong năm qua cũng tiếp tục đồng hành cùng VTV thực hiện chuỗi chương trình thiện nguyện “Cặp lá yêu thương - Em vui đến trường”, với tổng số tiền giải ngân 4,9 tỷ đồng, tài trợ xây dựng và cải tạo 25 điểm trường khó khăn tại các tỉnh Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Quảng Nam và Kon Tum.

Hoạt động từ thiện xã hội (CSR)



Với sự hỗ trợ từ ngân hàng, những ngôi trường dột nát đã được sửa sang và xây mới, cùng với những căn bếp ấm tuổi thơ sạch sẽ, kang trang, mang đến bữa cơm có thịt đủ đầy cho các em nhỏ. Đồng hành cùng chương trình, gần 200 cán bộ nhân viên VPBank từ 30 chi nhánh trên cả nước đã vượt qua hàng nghìn km đường núi đến tận những điểm trường khó khăn trao gửi yêu thương.

VPBank cũng là ngân hàng luôn tiên phong hưởng ứng lời kêu gọi từ Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, khi đóng góp hơn 100 tỷ đồng để hỗ trợ xóa bỏ

nhà tạm, nhà dột nát trên cả nước, đồng thời chung tay khắc phục hậu quả do cơn bão Yagi gây ra. Bên cạnh đó, ngân hàng đã ủng hộ gần 8 tỷ đồng cho các quỹ Vì người nghèo, hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn và các đối tượng chính sách tại nhiều tỉnh thành, thể hiện tinh thần chia sẻ nghĩa tình, tương thân tương ái và cam kết gắn trách nhiệm xã hội trong mọi hoạt động kinh doanh của VPBank.

Những nghĩa cử cao đẹp của VPBank đã nhận được sự đồng cảm mạnh mẽ từ cộng đồng. Cụ thể, chương trình “Cặp lá yêu thương – Em vui đến trường” đạt

hơn 250 triệu lượt xem và tương tác trên các nền tảng truyền hình và mạng xã hội, đứng vị trí số 1 các chương trình truyền hình được xem nhiều nhất trên kênh VTV1. Bên cạnh ngân sách hỗ trợ từ VPBank, chương trình đã thu hút cộng đồng hỗ trợ gần 14 tỷ đồng cho các điểm trường, biến những ước mơ về ngôi trường hạnh phúc của các em bé thành sự thật.

Các chương trình trách nhiệm xã hội của ngân hàng VPBank là minh chứng cho cam kết mạnh mẽ trong việc đóng góp tích cực cho cộng đồng, lan tỏa giá trị nhân văn, góp phần xây dựng xã hội bền vững và thịnh vượng.

**Vì một xã hội
thịnh vượng**







Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

08



VPBank thực hiện đánh giá đầy đủ các khía cạnh quản trị ESG và trình bày chi tiết tại ấn phẩm **Báo cáo Phát triển Bền vững 2024** được VPBank công bố trên website với Báo cáo thường niên này

Định hướng phát triển bền vững

Trong hành trình phát triển bền vững, VPBank đã xác định các mục tiêu và đưa ra hành động cụ thể dựa trên 3 trụ cột: môi trường, xã hội và quản trị. VPBank hướng đến mang lại thịnh vượng bền vững cho các bên hữu quan, bao gồm khách hàng, cộng đồng, nhân viên và cổ đông.

Trụ cột	Mục tiêu	Trọng tâm hành động
Môi trường	Kiểm soát dấu chân carbon, góp phần hiện thực hóa mục tiêu Net Zero vào năm 2050.	- Giảm phát thải khí nhà kính trực tiếp đến từ hoạt động vận hành nhờ quản lý chất thải và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên. - Giảm phát thải khí nhà kính gián tiếp nhờ quản lý rủi ro môi trường, rủi ro khí hậu trong hoạt động cấp tín dụng và chuỗi cung ứng. - Tăng trưởng tài chính xanh, tài chính bền vững và tham gia thị trường tín chỉ carbon.
Xã hội	Mang lại lợi ích bền vững cho các bên liên quan bao gồm: Phát triển toàn diện người lao động, nâng cao trải nghiệm khách hàng và đóng góp giá trị tích cực cho cộng đồng.	- Tăng trưởng tài chính xã hội và tài chính bền vững. - Quản lý rủi ro xã hội trong hoạt động cấp tín dụng và trong chuỗi cung ứng. - Xây dựng và triển khai các chính sách quản trị đảm bảo sức khỏe, an toàn, công bằng, bình đẳng và tôn trọng quyền con người. - Thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp, lan tỏa mạnh mẽ 5 giá trị cốt lõi của người VPBank. - Cung cấp đa dạng sản phẩm, dịch vụ tài chính hiện đại, an toàn, nâng cao trải nghiệm khách hàng. - Tăng cường triển khai các chương trình, hoạt động trách nhiệm xã hội.
Quản trị	Đóng góp vào sự tăng trưởng bền vững, không chỉ tập trung vào hiệu quả tài chính mà còn chú trọng đến các vấn đề môi trường, xã hội và cam kết tuân thủ các quy định pháp luật.	- Đảm bảo quyền lợi, nâng cao giá trị bền vững cho cổ đông một cách bình đẳng, hài hòa với lợi ích của các bên liên quan của ngân hàng và xã hội. - Áp dụng các nguyên tắc quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro tiên tiến để liên tục hoàn thiện cơ cấu quản trị và tăng cường hiệu quả kiểm soát rủi ro, tích hợp toàn diện yếu tố ESG vào hệ thống quản trị rủi ro toàn ngân hàng. - Nâng cao tinh thần thượng tôn pháp luật, đảm bảo chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. - Đảm bảo tính minh bạch, toàn diện, kịp thời trong cung cấp thông tin, đem lại lợi ích cao nhất cho các bên liên quan.

Đánh giá kết quả hoạt động ESG dựa trên lĩnh vực trọng yếu

Từ định hướng phát triển bền vững, VPBank đã lựa chọn ra 13 chủ đề trọng yếu, thuộc 4 trọng tâm là Quản trị, Kinh tế, Môi trường và Xã hội nhằm làm cơ sở xây dựng các nội dung Báo cáo Phát triển Bền vững.

Trọng tâm	Chủ đề trọng yếu	Mục tiêu tổng quát	Gắn kết với SDGs	Kết quả đạt được trong năm 2024
Quản trị	G-1: Mô hình quản trị hướng đến phát triển bền vững	- Xây dựng hệ thống quản trị minh bạch, hiệu quả và tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về phát triển bền vững. - Cải tiến quy trình quản lý, nâng cao năng lực và trách nhiệm xã hội của ngân hàng.	 	- Top 10 Doanh nghiệp vốn hóa lớn có Quản trị công ty tốt nhất năm 2024. - Top 20 Công ty niêm yết có Chỉ số bền vững cao nhất (VNSI) theo đánh giá HoSE trong 6 năm liên tiếp (2019 - 2024).
	G-2: Phòng chống tham nhũng và rửa tiền để bảo vệ lợi ích quốc gia	- Nâng cao tinh thần thượng tôn pháp luật. - Xây dựng môi trường kinh doanh trong sạch, minh bạch, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp lý về phòng chống tham nhũng và rửa tiền. - Hợp tác với cơ quan chức năng để xử lý hiệu quả mọi hành vi vi phạm, bảo vệ uy tín của ngân hàng, an toàn tài chính cho khách hàng và đối tác.		100% nhân viên bao gồm cả cấp quản lý đều phải hoàn thành khóa học về phòng chống tham nhũng, phòng chống rửa tiền. VPBank cũng đã thực hiện đào tạo chuyên sâu cho gần 500 lượt cán bộ phụ trách phòng, chống rửa tiền tại các đơn vị nội bộ. - Số lượng trường hợp giao dịch đáng ngờ được VPBank phát hiện và báo cáo trong năm 2024 đã gấp hơn 2,5 lần so với năm 2023. - Không có trường hợp ngân hàng bị xử phạt do không tuân thủ với các luật pháp chống tội phạm tài chính và không có mất mát tài chính hay bồi thường vật chất do các vụ kiện pháp lý liên quan.
	G-3: Bảo đảm quyền lợi của cổ đông	- Đảm bảo quyền lợi, nâng cao giá trị bền vững cho tất cả cổ đông một cách bình đẳng. - Đảm bảo tính minh bạch, toàn diện, kịp thời trong việc công bố thông tin.	 	- Duy trì đà tăng trưởng bền vững, giá trị cổ phiếu trong dài hạn nhằm đảm bảo lợi ích của cổ đông. Chi trả cổ tức tiền mặt trong năm 2024 với tỷ lệ 10%. - Tổ chức hơn 100 sự kiện quan hệ nhà đầu tư, bao gồm các buổi công bố kết quả kinh doanh định kỳ.

Kinh tế	Eco-1: Phát triển kinh tế	Tăng trưởng tín dụng và đẩy mạnh số hóa.	  	- Tổng tài sản là 923.848 tỷ đồng. - Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 20.013 tỷ đồng, tăng trưởng hơn 85% so với năm 2023. - Tỷ lệ an toàn vốn đạt 15,5%, dẫn đầu ngành ngân hàng. - Quy mô tín dụng tại VPBank đạt 709.986 tỷ đồng, tăng trưởng 18,2% và cao hơn so với trung bình ngành 15%. - Giá trị thương hiệu VPBank trong năm 2024 đạt 1,35 tỷ USD, tăng gần 6% so với năm 2023, lọt Top 10 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam theo Brand Finance. - Đóng góp ngân sách Nhà nước 4.970 tỷ đồng. - Tính đến cuối 2024, VPBank NEO đã thu hút hơn 10 triệu người dùng với hơn 700 triệu giao dịch trực tuyến, đồng thời hơn 80% hợp đồng tín chấp và thế chấp của khách hàng cá nhân được thực hiện hoàn toàn qua nền tảng số.
	Eco-2: Tài chính bền vững	Tăng trưởng tài chính bền vững.	   	- Dư nợ tín dụng xanh tính đến cuối năm 2024 đạt 21.943 tỷ đồng, tăng trưởng 48,5% so với 2023. Cụ thể, 3.708 khách hàng cá nhân và 220 khách hàng doanh nghiệp được hỗ trợ vốn xanh, gấp 6,5 lần so với cùng kỳ 2023. - Dư nợ tín dụng cấp cho doanh nghiệp SME do phụ nữ làm chủ hoặc lãnh đạo (WSME) đến cuối 2024 đạt 18.581 tỷ đồng, tăng trưởng 18,9%.
Môi trường	E-1: Quản lý chất thải	Giảm phát thải khí nhà kính trực tiếp nhờ giảm thiểu nhiên liệu tiêu thụ hàng năm.	 	Chất thải nguy hại được gom và phân loại theo mã quy định, lưu tại kho chứa rác thải theo tiêu chuẩn và chuyển giao cho đơn vị thuê ngoài có năng lực xử lý theo quy định pháp luật.
	E-2: Quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên		   	- Lượng điện tiêu thụ trên mỗi nhân viên giảm 10% so với năm 2023. Đồng thời, lượng điện tiêu thụ trên một đơn vị doanh thu giảm 19% so với năm 2023. - Tổng lượng nước tiêu thụ ước tính dựa trên chi phí sử dụng nước là 94.500 m³. Tính theo hiệu suất, lượng nước tiêu thụ trên mỗi nhân viên giảm 6% so với năm 2023. Đồng thời, lượng nước tiêu thụ trên một đơn vị doanh thu giảm 16% so với năm 2023. - Lượng mực in trên mỗi nhân viên giảm 10% so với năm 2023.

E-3: Quản lý hoạt động phát thải khí nhà kính



- Kết quả ước tính lượng phát thải khí nhà kính của Phạm vi 1 & 2 năm 2024 giảm 34,8% so với năm cơ sở 2018.
- Xây dựng lộ trình hạn mức để kiểm soát chặt chẽ hoạt động cấp tín dụng đối với nhiệt điện than.

E-4: Giảm thiểu tác động đối với môi trường

- Giảm phát thải khí nhà kính gián tiếp nhờ quản lý rủi ro môi trường và rủi ro khí hậu trong hoạt động cấp tín dụng



- Áp dụng các tiêu chí đánh giá rủi ro môi trường xã hội trong quy trình cấp tín dụng để sàng lọc, phân loại và giám sát khoản cấp tín dụng theo mức độ rủi ro nhằm đảm bảo các khách hàng doanh nghiệp và hộ kinh doanh tuân thủ quy định bảo vệ môi trường. Hạn chế và từ chối cấp tín dụng cho một số ngành có rủi ro cao về môi trường. Số lượng đề xuất cấp tín dụng được đánh giá rủi ro môi trường xã hội là 118.256.
- Thiết lập mục tiêu đạt Net Zero trên danh mục cho vay vào năm 2050, xây dựng và triển khai lộ trình cắt giảm tỷ trọng cấp tín dụng vào các lĩnh vực có tác động tiêu cực tới môi trường, khí hậu, theo chính sách của Chính phủ để đóng góp vào việc thực hiện các cam kết cắt giảm khí nhà kính của Việt Nam tại COP26.
- Trong năm 2024, VPBank không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

Xã hội

S-1: Tôn trọng quyền con người

- Đảm bảo công bằng, trách nhiệm và minh bạch trong các sản phẩm, dịch vụ.



- Ban hành và thực hiện Tuyên bố về Quyền con người, đảm bảo quyền lợi của người lao động và khách hàng.
- Không ghi nhận vụ việc vi phạm nào liên quan đến phân biệt đối xử, lao động trẻ em, lao động cưỡng bức hoặc các vi phạm khác về quyền con người trong năm 2024
- 100% người lao động làm việc tại VPBank được ký hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật. Mọi quyết định liên quan đến quyền và lợi ích của người lao động chỉ được đưa ra sau khi có sự thỏa thuận, thương lượng.
- 100% cán bộ nhân viên VPBank tham gia Công đoàn.

S-2: Thúc đẩy sự phát triển bền vững của đội ngũ nhân sự

- Xây dựng và triển khai các chính sách quản trị đảm bảo sức khỏe – an toàn, công bằng và bình đẳng.
- Lan tỏa mạnh mẽ 5 giá trị cốt lõi của con người VPBank.



- Tổng số giờ đào tạo trong năm 2024: 1.681.691.
- Tổng số khóa học được thực hiện trong năm 2024: 3.222.
- Tổng số giờ học trung bình/cán bộ nhân viên: 110,5.
- Chương trình đào tạo nổi bật: Chương trình iLEAD, Swiss BET nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, chương trình CloudLearning nhằm nâng cao kiến thức về điện toán đám mây.
- Tổ chức Cuộc thi đổi mới sáng tạo VPBank (WINNOVATE) kết hợp cùng đối tác AWS.
- Không có nhân sự gặp tai nạn, thương tích do công việc.
- 100% nhân viên được giữ lại và quay lại làm việc sau kỳ thai sản.

S-3: Tận tâm với khách hàng

- Đảm bảo công bằng, trách nhiệm và minh bạch trong sản phẩm, dịch vụ.
- Tiên phong cung cấp đa dạng sản phẩm, dịch vụ tài chính hiện đại, an toàn, nâng cao trải nghiệm khách hàng.



- Khai trương chi nhánh flagship đầu tiên trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam.
- Thành công triển khai hệ thống phê duyệt tức thì, đánh dấu bước tiến vượt bậc trong việc số hóa quy trình cấp tín dụng và phát hành thẻ.
- Ra mắt giải pháp chấp nhận thanh toán Tap2Phone (VPBank T2P) dành cho doanh nghiệp, cửa hàng và hộ kinh doanh.

S-4: Trách nhiệm với xã hội

- Tăng cường triển khai các chương trình, hoạt động trách nhiệm xã hội.



- Triển khai gần 29 hoạt động CSR với tổng ngân sách 232 tỷ đồng.
- Tổ chức chương trình VPBank Technology Hackathon thu hút hơn 650 chuyên gia tài năng trong lĩnh vực công nghệ thông tin và khoa học dữ liệu.
- Đẩy mạnh hai chương trình “Future VPBanker” và “Học bổng Thịnh Vượng VPBank”, cấp gần 130 suất học bổng cho sinh viên tài năng trên toàn quốc.

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường



VPBank cam kết tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và tích cực áp dụng các giải pháp tiết kiệm, tuần hoàn tài nguyên nhằm tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên, giảm thiểu lượng chất thải và phát thải khí nhà kính từ hoạt động vận hành và kinh doanh của ngân hàng. Các sáng kiến, biện pháp và kết quả thực hiện trong việc tiết kiệm tài nguyên, giảm thiểu phát sinh chất thải và khí nhà kính được VPBank triển khai đã trình bày chi tiết trong **Báo cáo Phát triển Bền vững 2024** được phát hành độc lập.

Trong năm 2024, ngân hàng không ghi nhận bất kỳ trường hợp vi phạm nào liên quan đến việc không tuân thủ quy định pháp luật và yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Báo cáo tác động liên quan đến xã hội

Tôn trọng quyền con người

VPBank đề cao việc tôn trọng, bảo vệ và thực thi ngày càng tốt hơn các quyền cơ bản của con người theo thông lệ quốc tế, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam. Tại VPBank, các quyền cơ bản của con người được bảo vệ thông qua triển khai chính sách, quy định đối với người lao động, hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng và việc sử dụng sản phẩm, dịch vụ của đối tác.

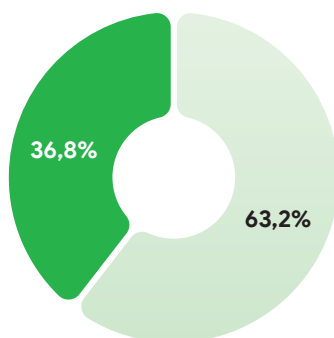
Trong năm 2024, VPBank đã tiên phong xây dựng và ban hành “Tuyên bố về Quyền con người” theo Quyết định 241-2024-QĐi-HĐQT cũng như đưa khóa học về quyền con người vào chương trình đào tạo bắt buộc nhằm nâng cao nhận thức của toàn ngân hàng về các vấn đề quyền con người. Kết quả, 100% cán bộ nhân viên của VPBank (bao gồm cả các nhân viên an ninh) tham gia đầy đủ các khóa học về quyền con người.

Chính sách triển khai với người lao động

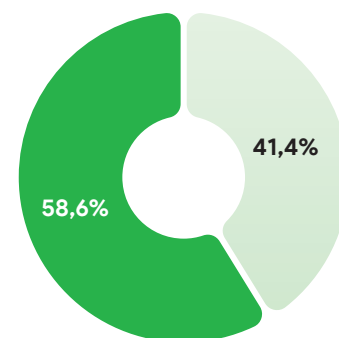
Tôn trọng sự bình đẳng và đa dạng

VPBank tuân thủ các chính sách và quy định về bình đẳng giới trong các hoạt động nhân sự, đồng thời không ngừng nâng cao tính đa dạng trong đội ngũ nhân sự. Tổng số lượng cán bộ nhân viên tính đến 31/12/2024 của ngân hàng riêng lẻ là 15.003 người, với tỷ lệ của nữ giới trong đội ngũ nhân sự như sau:

Tỷ lệ lãnh đạo nữ trong Ban Điều hành



Tỷ lệ nữ giới trong lực lượng nhân viên



Tỷ lệ nữ giới

Chế độ lương thưởng được đánh giá dựa trên hiệu quả làm việc

VPBank áp dụng chính sách chi trả thù lao cạnh tranh với thị trường theo nhóm tính chất công việc, cấp bậc, hiệu quả làm việc và năng lực của cán bộ nhân viên. Thu nhập bình quân của cán bộ nhân viên VPBank trong năm 2024 là 320 triệu đồng, tăng 8,2% so với năm 2023. Ngoài chi trả thù lao cạnh tranh, ngân hàng còn có các chế độ bảo hiểm, phúc lợi đa dạng cho người lao động, nhằm đảm bảo sự an tâm và phát triển bền vững cho đội ngũ nhân viên.

Đảm bảo an toàn nơi làm việc và sức khỏe nhân viên

VPBank luôn chú trọng chăm lo sức khỏe thể chất và tinh thần cho cán bộ nhân viên, đảm bảo môi trường làm việc an toàn, lành mạnh và bền vững. Ngân hàng không chỉ cung cấp các chế độ bảo hiểm, khám sức khỏe định kỳ mà còn triển khai các chương trình quản trị căng thẳng, cải thiện điều kiện lao động và nâng cao ý thức an toàn, vệ sinh tại nơi làm việc. Đồng thời, ngân hàng duy trì các biện pháp ứng phó khẩn cấp, đảm bảo sự an toàn nhân viên và đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục.

- Thiết lập khu vực chăm sóc sức khỏe cho cán bộ nhân viên tại nơi làm việc.
- Mua bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn và bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho cán bộ nhân viên, hỗ trợ chi phí điều trị bệnh cho cán bộ nhân viên khi ốm đau, khi bị tai nạn trên đường đi công tác.
- Tổ chức khám sức khỏe hàng năm cho cán bộ nhân viên tại các bệnh viện/cơ sở y tế lớn và có uy tín, tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp tại các vị trí công việc đặc thù.
- Lập kế hoạch, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động, chăm lo cải thiện điều kiện lao động, trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân, biển cảnh báo, thực hiện các chế độ khác về an toàn, vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường. VPBank đã hoàn thiện và ban hành Bộ tiêu chuẩn 5S (gồm sàng lọc, sắp xếp, sạch sẽ, sẵn sàng và sẵn sàng) áp dụng cho toàn ngân hàng và thành lập Tổ đánh giá 5S để kiểm tra an toàn vệ sinh lao động tại vị trí làm việc, thúc đẩy các giải pháp tăng cường an toàn vệ sinh lao động, nâng cao ý thức tiết kiệm và xanh hóa văn phòng.
- Xây dựng Khung quản trị mức độ căng thẳng (Human stress management framework) áp dụng cho nhóm cán bộ nhân viên có công việc đặc thù với mức độ căng thẳng trung bình đến cao. Bên cạnh đó, các chương trình hội thảo chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về các chủ đề nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần được tổ chức thường xuyên và nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của các cán bộ nhân viên.
- Ghi chép và lưu trữ dữ liệu về an toàn sức khỏe của cán bộ nhân viên trong phần mềm quản lý thông tin nhân sự toàn hệ thống.
- Thiết lập đầy đủ chính sách, quy trình, bố trí nhân sự và trang thiết bị phù hợp, luôn sẵn sàng nguồn lực để ứng phó kịp thời các sự cố khẩn cấp, đảm bảo an toàn, an ninh cho nhân viên, khách hàng và cổ đông, cũng như duy trì hoạt động kinh doanh liên tục cho ngân hàng. Hàng năm, triển khai diễn tập phòng cháy chữa cháy, sơ tán thoát hiểm, hướng dẫn ứng phó bão, lũ lụt, góp phần nâng cao tính chủ động khi tình huống khẩn cấp xảy ra, tăng cường sự phối hợp đồng bộ giữa lãnh đạo, cán bộ nhân viên và lực lượng cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn khu vực.

Kết quả đạt được

Loại thương tích, tỷ lệ thương tích (IR), tỷ lệ bệnh nghề nghiệp (ODR)

0%

Tỷ lệ LDR (ngày nghỉ không lương/tổng số ngày công) liên quan đến bệnh nghề nghiệp/tử vong/thương tích

0%

Tỷ lệ AR (vắng mặt) liên quan đến bệnh nghề nghiệp/tử vong/thương tích

0%

Phát triển nguồn nhân lực

VPBank luôn khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho mọi cán bộ nhân viên phát triển một cách toàn diện cả về trình độ chuyên môn và kỹ năng mềm phù hợp với từng vị trí, cấp bậc công việc thông qua hàng loạt các chương trình đào tạo mang tính ứng dụng cao, nhằm không ngừng phát triển chất lượng nhân sự. Mục tiêu đào tạo nhằm giúp các nhân viên vững vàng về chuyên môn, am hiểu và vận dụng tốt các kỹ năng quản trị, phát triển tầm nhìn dài hạn để có những tiến bộ, thành tựu trong nghề nghiệp và tiếp tục gắn bó lâu dài với sự phát triển của ngân hàng.

Các hoạt động đào tạo nâng cao năng lực tại VPBank được xây dựng dựa trên 5 hạng mục lớn là (i) Đào tạo về văn hóa doanh nghiệp, (ii) Năng lực lãnh đạo, (iii) Năng lực cốt lõi, (iv) Năng lực chuyên môn và (v) Hội nhập cán bộ nhân viên mới.

Những con số ấn tượng của hoạt động đào tạo trong năm 2024

Tổng số khóa học được triển khai trong năm 2024

3.222

Tổng số giờ đào tạo trên toàn hệ thống ngân hàng (bao gồm đào tạo tập trung, lớp học ảo và Elearning)

1.681.691

Điểm hài lòng trung bình của học viên sau khóa học

4,85/5,0

Số giờ đào tạo trung bình/cán bộ nhân viên trong năm 2024

110,5

Số giờ đào tạo trung bình của một cán bộ nhân viên trong năm 2024 phân theo giới tính

Nam

86,33 giờ

Nữ

118,74 giờ

Số giờ đào tạo trung bình của một cán bộ nhân viên trong năm 2024 phân theo cấp bậc công việc

Quản lý

90,47 giờ

Phi quản lý

106,16 giờ

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

VPBank tiếp tục đồng hành cùng cộng đồng trong chuỗi hoạt động CSR tập trung vào giáo dục, hỗ trợ người nghèo, công tác an sinh xã hội và khắc phục hậu quả thiên tai, đặc biệt là sau cơn bão Yagi, với mục tiêu chung tay xây dựng một xã hội thịnh vượng cho thế hệ hiện tại và tương lai. Trong năm 2024, VPBank đã triển khai gần 29 hoạt động CSR với tổng ngân sách lên đến hơn 232 tỷ đồng, hỗ trợ các dự án xây dựng điểm trường và giúp đỡ người dân có hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt là những vùng chịu ảnh hưởng nặng nề từ bão lũ. Các hoạt động nổi bật trong năm 2024 bao gồm:

- Hoàn thành và khánh thành trường THPT Võ Văn Tần tại tỉnh Long An, ngôi trường công lập đầu tiên tại Việt Nam đạt chứng chỉ xanh EDGE do IFC cấp.
- Tài trợ 100 tỷ đồng cho việc xây dựng trường THCS Thành phố Thủ Đức, nhằm giảm bớt tình trạng thiếu thốn phòng học tại địa phương, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và thực hiện mục tiêu xã hội hóa giáo dục.
- Đóng góp hơn 100 tỷ đồng vào các chương trình xóa bỏ nhà tạm, nhà dột nát trên cả nước, hỗ trợ khắc phục hậu quả từ cơn bão Yagi, ủng hộ gần 8 tỷ đồng cho các quỹ “Vì người nghèo”, hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn và đối tượng chính sách tại nhiều địa phương.
- Tài trợ xây dựng và cải tạo 25 điểm trường ở các tỉnh miền núi khó khăn như Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Quảng Nam và Kon Tum với tổng số tiền giải ngân lên đến 4,9 tỷ đồng.
- Phát động phong trào “Góp lịch cũ – Tặng ước mơ”, kêu gọi cán bộ nhân viên thu gom lịch cũ, giấy và bìa đã qua sử dụng để tái chế, tạo ra các sản phẩm handmade, sách, tập chữ nổi cho trẻ em khiếm thị và đã trao tặng hơn 3.000 cuốn lịch và giấy bìa cho Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe, Dạy nghề và Tổ chức sản xuất cho Thanh thiếu niên khuyết tật “Vi Ngày Mai” tại Hà Nội.

Tài chính bền vững

Việc tăng cường huy động vốn quốc tế từ các Định chế tài chính phát triển (DFIs) có sứ mệnh hỗ trợ phát triển bền vững cho khối khu vực công và tư nhân tại các quốc gia đang phát triển giúp VPBank củng cố nền tảng nguồn vốn cho hoạt động bền vững tại Việt Nam. Đồng thời, nhờ sự hợp tác về mặt kỹ thuật và nâng cao năng lực từ DFIs, VPBank đã có những bước tiến mạnh mẽ để trở thành ngân hàng dẫn đầu tại Việt Nam về tài chính bền vững và áp dụng các xu thế toàn cầu mới về quản trị rủi ro ESG như hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội, quản lý rủi ro khí hậu, công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu theo tiêu chuẩn Lực lượng Đặc nhiệm về Công khai tài chính liên quan đến khí hậu (TCFD), xây dựng được các đội ngũ chuyên gia về lĩnh vực môi trường – xã hội, tài chính xanh và tài chính bền vững.

Nhằm minh bạch hóa các tiêu chí lựa chọn dự án/khoản vay đáp ứng các tiêu chí xanh/xã hội/bền vững, VPBank đã xây dựng Khung Tài chính Xanh (2020), Khung Tài chính Xã hội (2022) và Khung Tài chính Bền vững (2024) phù hợp với thông lệ của thị trường vốn quốc tế và các thỏa thuận toàn cầu có liên quan như Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc và Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu. Thông qua các quy định này, VPBank thiết lập danh mục chi tiết và tiêu chí kỹ thuật cụ thể cho các dự án thuộc từng nhóm lĩnh vực xanh để làm căn cứ cho việc đánh giá, thẩm định các tác động tích cực đến môi trường/khí hậu hoặc xã hội mà dự án/khoản vay đem lại.

Khung	Năm phát hành	Tiêu chuẩn tham chiếu	Bên cung cấp SPO	Link truy cập
Khung Tín dụng Xanh	2020	LMA & APLMA Green Loan Principles 2018	 SUSTAINALYTICS	
Khung Tài chính Xã hội	2022	ICMA Social Bond Principles 2021 và LMA, APLMA & LSTA Social Loan Principles 2021	 SUSTAINALYTICS	
Khung Tài chính Bền vững	2024	ICMA Green Bond Principles 2021 (GBP), Social Bond Principles 2023 (SBP), Sustainability Bond Guidelines 2021 (SBG); LMA, APLMA & LSTA Green Loan Principles 2023 (GLP) và Social Loan Principles 2023 (SLP)	 SUSTAINALYTICS	

Các Khung trên đều đã được Đơn vị kiểm toán là Sustainalytics, công ty hàng đầu thế giới về nghiên cứu, xếp hạng và dữ liệu ESG cho Ý kiến của Bên thứ hai (SPO), xác nhận tuân theo 4 thành phần cốt lõi phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế về: (i) Mục đích sử dụng vốn; (ii) Quy trình đánh giá và lựa chọn dự án; (iii) Quản lý sử dụng vốn vay; (iv) Báo cáo và đem lại tác động tích cực đóng góp cho các Mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs).

Tài chính xanh

Cuối năm 2024, tổng dư nợ tín dụng xanh tại VPBank đạt 21.943 tỷ đồng, tăng trưởng 48,5% so với cùng kỳ năm 2023, chủ yếu được thúc đẩy bởi các khoản cho vay phục vụ lĩnh vực giao thông phát thải carbon thấp, công trình xanh, tái chế/kinh tế tuần hoàn, nông lâm nghiệp bền vững và năng lượng tái tạo.

Số lượng khách hàng được hỗ trợ nguồn vốn xanh là 3.708 khách hàng cá nhân và 220 khách hàng doanh nghiệp, tăng trưởng 6,5 lần so với cùng kỳ năm trước.

Tài chính xã hội

VPBank cam kết hỗ trợ cộng đồng địa phương bằng cách cung cấp các dịch vụ tài chính dễ tiếp cận cho khách hàng bán lẻ, hộ kinh doanh, nhóm các doanh nghiệp SME, doanh nghiệp siêu nhỏ (MSME) và doanh nghiệp SME do phụ nữ làm chủ (WSME). Trong đó, ngân hàng dành ưu tiên chiến lược cho MSME và WSME thông qua việc đưa ra một số giải pháp tài chính và dịch vụ số tiên tiến nhằm đơn giản hóa quy trình đăng ký và sàng lọc tín dụng.

Năm 2024, dư nợ cấp tín dụng cho phân khúc WSME đạt 18.581 tỷ đồng, tăng trưởng 18,9% so với năm 2023 và chiếm gần 28% tổng dư nợ toàn phân khúc SME. Dư nợ cho phân khúc MSME đạt 19.214 tỷ đồng, tăng trưởng 6,1% so với năm 2023. Về quy mô khách hàng, cả hai phân khúc WSME và MSME đều có sự tăng trưởng tốt, lần lượt ở mức 24,3% và 11,5% so với cùng kỳ năm trước.





Báo cáo tài chính

2019

Thông tin chung

Thông tin về ngân hàng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (“Ngân hàng” hoặc “VPBank”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động Ngân hàng số 0042/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp ngày 12 tháng 8 năm 1993 và Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100233583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 8 tháng 9 năm 1993, sửa đổi lần thứ 45 ngày 27 tháng 11 năm 2023. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 99 năm kể từ ngày 12 tháng 8 năm 1993.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; đầu tư chứng khoán, trái phiếu; cung cấp dịch vụ thanh toán, ví điện tử; đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ; dịch vụ quản lý tài sản; cấp tín dụng dưới hình thức tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; kinh doanh mua bán vàng miếng và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 79.339.236 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 79.339.236 triệu đồng).

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại Số 89 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, tám mươi (80) chi nhánh, hai trăm linh bảy (207) phòng giao dịch trên cả nước và bốn (4) công ty con.

Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch
Ông Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch
Ông Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Vinh	Thành viên
Ông Takeshi Kimoto	Thành viên (Từ ngày 29 tháng 4 năm 2024)
Bà Phạm Thị Nhung	Thành viên (Từ ngày 29 tháng 4 năm 2024)
Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Kim Ly Huyền	Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách
Bà Trịnh Thị Thanh Hằng	Thành viên chuyên trách
Ông Vũ Hồng Cao	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Đức Vinh	Tổng Giám đốc
Bà Lưu Thị Thảo	Phó Tổng Giám đốc thường trực và Giám đốc điều hành cao cấp
Ông Phùng Duy Khương	Phó Tổng Giám đốc thường trực phụ trách phía Nam
Bà Phạm Thị Nhung	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Bà Dương Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Nho	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Kamijo Hiroki	Phó Tổng Giám đốc (Từ ngày 5 tháng 8 năm 2024)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất là Ông Ngô Chí Dũng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Đức Vinh – Tổng Giám đốc được Ông Ngô Chí Dũng ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Văn bản Ủy quyền số 09/2012/UQ-CT ngày 5 tháng 7 năm 2012.

Kiểm toán viên

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (“Ngân hàng”) và công ty con trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Ngân hàng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Công bố của ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

07-03-2025

Báo cáo kiểm toán độc lập

Kính gửi: Các cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (“Ngân hàng”) và các công ty con được lập ngày 7 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 94, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
ERNST & YOUNG
VIỆT NAM

Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1

Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2487-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 7 tháng 3 năm 2025

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 (Triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Triệu đồng)
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	2.148.289	2.284.990
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN")	6	14.327.215	8.422.511
Tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác		134.643.662	94.093.778
Tiền gửi tại các TCTD khác	7.1	126.527.280	81.299.073
Cấp tín dụng cho các TCTD khác	7.2	8.116.382	12.794.705
Chứng khoán kinh doanh	8	13.110.971	12.325.809
Chứng khoán kinh doanh		13.180.721	12.406.274
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(69.750)	(80.465)
Cho vay khách hàng		676.545.598	551.472.066
Cho vay khách hàng	10	692.875.738	566.271.290
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11	(16.330.140)	(14.799.224)
Hoạt động mua nợ	12	799.825	821.761
Mua nợ		805.869	827.971
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(6.044)	(6.210)
Chứng khoán đầu tư		52.783.054	94.587.476
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	13.1	51.857.428	88.050.457
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	13.2	992.927	6.755.260
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	13.3, 13.4	(67.301)	(218.241)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	14	189.210	189.210
Tài sản cố định		2.023.899	1.923.801
Tài sản cố định hữu hình	15.1	1.437.082	1.298.099
• Nguyên giá tài sản cố định		3.406.801	2.994.200
• Khấu hao tài sản cố định		(1.969.719)	(1.696.101)
Tài sản cố định vô hình	15.2	586.817	625.702
• Nguyên giá tài sản cố định		2.086.191	1.908.548
• Hao mòn tài sản cố định		(1.499.374)	(1.282.846)
Tài sản Có khác		27.275.914	51.445.520
Các khoản phải thu	16.1	11.411.320	33.969.441
Các khoản lãi, phí phải thu	16.2	8.384.069	8.976.228
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	24.2	1.195.836	1.297.724
Tài sản Có khác	16.3	6.547.735	7.354.383
• Trong đó: Lợi thế thương mại	17	41.310	118.507
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	16.4	(263.046)	(152.256)
TỔNG TÀI SẢN		923.847.637	817.566.922

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 (Triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Triệu đồng)
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	18	5.713	4.118.311
Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN		5.713	4.118.311
Tiền gửi và vay các tổ chức tài chính (“TCTC”), TCTD khác		201.756.421	156.356.651
Tiền gửi của các TCTC, TCTD khác	19.1	111.863.209	83.234.756
Vay các TCTC, TCTD khác	19.2	89.893.212	73.121.895
Tiền gửi của khách hàng	20	485.666.548	442.368.381
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	9	28.057	392
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	21	10.894	22.045
Phát hành giấy tờ có giá	22	66.975.704	47.787.312
Các khoản nợ khác		22.129.038	27.118.303
Các khoản lãi, phí phải trả	23.1	10.415.008	13.812.285
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	24.2	26.517	65.310
Các khoản phải trả và công nợ khác	23.2	11.687.513	13.240.708
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		776.572.375	677.771.395
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn		103.331.782	103.331.782
- Vốn điều lệ		79.339.236	79.339.236
- Thặng dư vốn cổ phần		23.992.546	23.992.546
Các quỹ của TCTD		14.565.614	12.233.282
Lợi nhuận chưa phân phối		24.007.579	19.065.969
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		5.370.287	5.164.494
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	25	147.275.262	139.795.527
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		923.847.637	817.566.922

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 (Triệu đồng)	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Triệu đồng)
Nghĩa vụ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra	40	690.753.389	641.955.933
Bảo lãnh vay vốn		848.721	1.754.978
Cam kết giao dịch hối đoái		300.000.752	296.858.798
- Cam kết mua ngoại tệ		2.972.620	264.965
- Cam kết bán ngoại tệ		1.955.905	992.663
- Cam kết nhận - giao dịch hoán đổi tiền tệ		147.811.792	147.839.284
- Cam kết trả - giao dịch hoán đổi tiền tệ		147.260.435	147.761.886
Cam kết trong nghiệp vụ L/C		16.461.049	38.680.116
Bảo lãnh khác		26.008.227	19.546.205
Các cam kết khác		347.434.640	285.115.836
Trong đó: Hạn mức tín dụng chưa sử dụng có thể hủy ngang		229.511.446	205.810.854
Các khoản mục ngoại bảng khác	41	212.782.373	150.407.788
Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	41.1	7.668.183	8.211.807
Nợ khó đòi đã xử lý	41.2	82.187.400	51.100.127
Tài sản và chứng từ khác	41.3	122.926.790	91.095.854
		903.535.762	792.363.721

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Bà Phạm Minh Thu
Trưởng phòng
Kế toán tổng hợp và
Chính sách kế toán

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Bà Lê Hoàng Khánh An
Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

07-03-2025

Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Thuyết minh	Năm 2024 (Triệu đồng)	Năm 2023 (Triệu đồng)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	27	80.111.645	76.557.377
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	28	(31.031.238)	(38.382.701)
Thu nhập lãi thuần		49.080.407	38.174.676
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		13.201.660	12.307.787
Chi phí hoạt động dịch vụ		(7.075.337)	(5.095.905)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	29	6.126.323	7.211.882
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	30	827.240	(805.973)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	31	360.956	380.173
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	32	469.667	250.032
Thu nhập từ hoạt động khác		9.559.809	7.774.012
Chi phí cho hoạt động khác		(4.182.147)	(3.248.461)
Lãi thuần từ hoạt động khác	33	5.377.662	4.525.551
Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	34	12.801	3.147
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		62.255.056	49.739.488
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	35	(14.339.732)	(13.941.218)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		47.915.324	35.798.270
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	36	(27.902.624)	(24.994.374)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		20.012.700	10.803.896
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24.1	(3.962.779)	(2.984.015)
(Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(63.095)	674.290
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(4.025.874)	(2.309.725)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		15.986.826	8.494.171
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		208.031	(1.479.768)
Lợi nhuận thuần của cổ đông Ngân hàng		15.778.795	9.973.939
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	26	1.989	1.433

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Bà Phạm Minh Thư
Trưởng phòng
Kế toán tổng hợp và
Chính sách kế toán

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Bà Lê Hoàng Khánh An
Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

07-03-2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Thuyết minh	Năm 2024 (Triệu đồng)	Năm 2023 (Triệu đồng)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		79.761.557	75.607.344
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(34.127.232)	(33.563.210)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		6.885.044	6.769.431
Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		1.378.451	504.746
(Chi phí)/thu nhập khác		(198.681)	2.065.153
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		5.574.886	2.495.093
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(13.510.646)	(13.563.177)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	24	(3.503.868)	(4.082.839)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả hoạt động		42.259.511	36.232.541
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
Giảm/(tăng) các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác		4.678.323	(5.581.091)
Giảm/(tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán		39.520.021	(15.071.380)
Tăng các khoản cho vay khách hàng và mua nợ		(129.369.500)	(132.240.812)
Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản (cho vay khách hàng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)		(23.511.227)	(19.444.959)
Giảm khác về tài sản hoạt động		22.837.018	1.051.359
Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động			
(Giảm)/tăng các khoản nợ Chính phủ và NHNN		(4.112.598)	2.189.078
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay từ các TCTC, các TCTD khác		45.399.770	16.107.535
Tăng tiền gửi của khách hàng		43.298.167	139.216.964
Tăng/(giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		19.188.392	(15.912.662)
Giảm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro		(11.151)	(25.005)
Tăng/(giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		27.665	(14.977)
(Giảm)/tăng khác về công nợ hoạt động		(2.888.206)	4.952.988
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		57.316.185	11.459.579

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Thuyết minh	Năm 2024 (Triệu đồng)	Năm 2023 (Triệu đồng)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(59.296)	(107.210)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		1.715	965
Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		(259)	-
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		12.801	3.147
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(45.039)	(103.098)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	35.897.546
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		(7.935.832)	(7.933.924)
Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	302.196
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(7.935.832)	28.265.818
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		49.335.314	39.622.299
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		93.667.470	54.045.171
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	37	143.002.784	93.667.470
CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TRỌNG YẾU TRONG NĂM			
Giảm thặng dư vốn cổ phần do phát hành cổ phiếu quỹ theo ESOP từ nguồn cổ phiếu quỹ		-	(581.270)

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:









Bà Phạm Minh Thư
Trưởng phòng
Kế toán tổng hợp và
Chính sách kế toán

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Bà Lê Hoàng Khánh An
Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

07-03-2025

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. Đặc điểm hoạt động của ngân hàng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (“Ngân hàng” hoặc “VPBank”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động Ngân hàng số 0042/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp ngày 12 tháng 8 năm 1993 và Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100233583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 08 tháng 9 năm 1993, sửa đổi lần thứ 45 ngày 27 tháng 11 năm 2023. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 99 năm kể từ ngày 12 tháng 8 năm 1993.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; đầu tư chứng khoán, trái phiếu; cung cấp dịch vụ thanh toán, ví điện tử; đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ; dịch vụ quản lý tài sản; cấp tín dụng dưới hình thức tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; kinh doanh mua bán vàng miếng và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 79.339.236 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 79.339.236 triệu đồng).

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại Số 89 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, tám mươi (80) chi nhánh, hai trăm linh bảy (207) phòng giao dịch trên cả nước và bốn (4) công ty con.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng có bốn (04) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	% sở hữu
Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (“VPB AMC”)	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0105837483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần gần nhất ngày 12 tháng 5 năm 2023	Quản lý nợ và khai thác tài sản	115 tỷ đồng Việt Nam	100%
Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC (“VPB SMBC FC”)	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102180545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp thay đổi gần nhất ngày 29 tháng 5 năm 2024	Hoạt động dịch vụ tài chính khác	10.928 tỷ đồng Việt Nam	50%
Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank (“VPBankS”)	Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 106/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 4 năm 2009 và Giấy phép Điều chỉnh gần nhất ngày 11 tháng 12 năm 2024	Các hoạt động chứng khoán	15.000 tỷ đồng Việt Nam	99,9537%
Công ty Cổ phần Bảo hiểm OPES (“OPES”) (*)	Giấy phép thành lập và hoạt động số 79/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 20 tháng 3 năm 2018 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất ngày 19 tháng 6 năm 2024	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ	1.265 tỷ đồng Việt Nam	99,13%

(*) Ngày 9 tháng 5 năm 2024, Công ty Cổ phần Bảo hiểm OPES tăng vốn điều lệ lên 1.265 tỷ đồng, trong đó VPBank nắm giữ 125.400.000 cổ phần, tương đương với tỷ lệ sở hữu 99,13%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Nhân viên

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 27.428 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 24.973 nhân viên).

2. Năm tài chính và đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác lập báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng là đồng Việt Nam (“VND”) và được làm tròn đến hàng triệu gần nhất (“triệu VND”).

3. Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng

3.1 Tuyên bố tuân thủ

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng khẳng định báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004, Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014, Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Thông tư số 27/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNN và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);

3. (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Do đó, báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo kết quả lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh đi kèm này cũng như việc sử dụng báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do NHNN ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2014 là các khoản mục không có số dư.

3.3 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể khác với các ước tính dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

3.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Ngân hàng nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục hợp nhất cho đến ngày Ngân hàng chấm dứt quyền kiểm soát công ty con.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tài chính giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Ngân hàng và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Các chính sách kế toán Ngân hàng sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, ngoại trừ các thay đổi sau:

Luật Các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 (“Luật Các TCTD”) và Thông tư số 21/2024/TT-NHNN quy định về nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh liên quan đến thư tín dụng (“Thông tư 21”) có hiệu lực ngày 1 tháng 7 năm 2024.

Theo quy định của Luật Các TCTD và Thông tư 21, nghiệp vụ thư tín dụng được xác định là một hình thức cấp tín dụng thông qua nghiệp vụ phát hành, xác nhận, thương lượng thanh toán và hoàn trả thư tín dụng.

Luật Các TCTD quy định tăng tỷ lệ trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ từ 5% lên 10%.

Thông tư số 31/2024/TT-NHNN quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 31”) có hiệu lực ngày 1 tháng 7 năm 2024.

Thông tư 31 thay thế các nội dung liên quan đến phân loại nợ tại Thông tư 11/2021/TT-NHNN về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 11”). Các thay đổi chính của Thông tư 31 ảnh hưởng đến việc ước tính dự phòng như sau: bổ sung nguyên tắc phân loại nợ đối với khoản nợ phát sinh từ nghiệp vụ thư tín dụng, nghiệp vụ mua hân miễn truy đòi bộ chứng từ xuất trình theo thư tín dụng và một số nghiệp vụ khác;

Nghị định số 86/2024/NĐ-CP quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu, phải thoái (“Nghị định 86”) ban hành và có hiệu lực ngày 11 tháng 7 năm 2024

Nghị định 86 thay thế các nội dung liên quan đến trích lập dự phòng rủi ro cho Thông tư 11.

Ngân hàng áp dụng phi hồi tố các quy định của Luật Các TCTD 32/2024/QH15, Thông tư 31, Nghị định 86 và Thông tư 21 kể từ ngày các văn bản này có hiệu lực.

Thông tư 06/2024/TT-NHNN (“Thông tư 06”) ngày 18 tháng 6 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2023/TT-NHNN (“Thông tư 02”) ngày 23 tháng 4 năm 2023 của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 6 năm 2024.

Thông tư 06 kéo dài thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 02 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Thông tư số 53/2024/TT-NHNN (“Thông tư 53”) quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3, ngập lụt, lũ, sạt lở đất sau bão số 3 có hiệu lực ngày 4 tháng 12 năm 2024.

Thông tư 53 áp dụng cho TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3 tại 26 tỉnh, thành phố. Khách hàng được xem xét cơ cấu nợ nếu có dư nợ gốc phát sinh trước ngày 7 tháng 9 năm 2024, với nghĩa vụ trả nợ từ 7 tháng 9 năm 2024 đến đến 31 tháng 12 năm 2025 và được đánh giá có khả năng trả nợ sau khi được cơ cấu. Thời gian thực hiện cơ cấu kéo dài đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, với thời hạn trả nợ tối đa đến 31 tháng 12 năm 2027. Ngân hàng thực hiện xem xét quyết định cơ cấu, phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và theo dõi lãi phải thu đối với khoản nợ được cơ cấu theo đúng quy định tại Thông tư.

4. (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, tiền gửi tại NHNN, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có thời gian đáo hạn không quá ba (03) tháng kể từ ngày gửi, chứng khoán có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba (03) tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng khác

Các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng với các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng khác được thực hiện theo quy định trình bày tại *Thuyết minh số 4.5*

4.4 Cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại ngày kết thúc năm tài chính trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay đến một năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay trên một năm đến năm năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên năm năm tính từ ngày giải ngân.

Dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày thành một dòng riêng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo quy định, trình bày tại *Thuyết minh số 4.5*.

4.5 Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

Ngân hàng áp dụng phân loại nợ theo phương pháp định lượng quy định tại Điều 10 Thông tư 31 và áp dụng nguyên tắc tính dự phòng theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định 86 và Điều 16 Thông tư 21 đối với các tài sản Có sau: cho vay khách hàng; cho thuê tài chính; chiết khấu, tái chiết khấu các công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; bao thanh toán; cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng; trả thay cam kết ngoại bảng; mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do các tổ chức tín dụng khác phát hành) chưa niêm yết; ủy thác cấp tín dụng; các khoản gửi tiền (trừ tiền gửi không kỳ hạn) và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các tổ chức tín dụng khác; mua, bán nợ theo quy định; mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán; mua chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành; nghiệp vụ phát hành thư tín dụng trả chậm có điều khoản thỏa thuận bên thụ hưởng được thanh toán trả ngay hoặc trả trước ngày đến hạn thanh toán thư tín dụng và nghiệp vụ hoàn trả thư tín dụng theo hình thức thỏa thuận với khách hàng thanh toán bằng nguồn tiền của ngân hàng hoàn trả kể từ ngày ngân hàng hoàn trả thanh toán cho bên thụ hưởng; nghiệp vụ thương lượng thanh toán thư tín dụng; mua hần miễn truy đòi bộ chứng từ xuất trình theo thư tín dụng, trừ trường hợp mua hần miễn truy đòi bộ chứng từ theo thư tín dụng do chính Ngân hàng phát hành (gọi chung là "các khoản nợ").

Dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư cùng ngày của các khoản nợ được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4, trừ các khoản sau đây: tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật và tiền gửi tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài; khoản cho vay, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam; các khoản nợ khác phát sinh giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam; khoản mua chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành trong nước; khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán.

4. (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.5 Phân loại nợ và
trích lập dự phòng
rủi ro tín dụng
(tiếp theo)

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản bảo đảm đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo phân loại nhóm nợ tại ngày 31 tháng 12.

Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản bảo đảm được quy định trong Nghị định 86.

Việc phân loại nợ và tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm nợ		Diễn giải	Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	a. Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc b. Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	0%
2	Nợ cần chú ý	a. Nợ quá hạn từ 10 đến 90 ngày trừ khoản nợ quy định tại điểm (b) của Nhóm 1; hoặc b. Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu còn trong hạn.	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	a. Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc b. Nợ gia hạn nợ lần đầu còn trong hạn; hoặc c. Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo thỏa thuận; hoặc d. Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: • Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 134 Luật Các Tổ chức tín dụng; hoặc • Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 135 Luật Các Tổ chức tín dụng; hoặc • Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5, 9 Điều 136 Luật Các Tổ chức tín dụng. e. Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra; hoặc f. Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc g. Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	20%
4	Nợ nghi ngờ	a. Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc b. Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn đến 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc c. Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai còn trong hạn; hoặc d. Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc e. Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc f. Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc g. Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	a. Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc b. Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 91 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc c. Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc d. Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên; hoặc e. Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc f. Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc g. Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc h. Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng đang được kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản; hoặc i. Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	100%

4. (tiếp theo)

4.5 Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Đối với các khoản trả thay cam kết ngoại bảng, Ngân hàng phân loại nợ dựa trên số ngày quá hạn tính từ ngày Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ theo cam kết:

- Nhóm 3 – Nợ dưới tiêu chuẩn: nếu quá hạn dưới 30 ngày;
- Nhóm 4 – Nợ nghi ngờ: nếu quá hạn từ 30 ngày đến dưới 90 ngày;
- Nhóm 5 – Nợ có khả năng mất vốn: nếu quá hạn 90 ngày trở lên.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi Ngân hàng và công ty con tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Ngân hàng và các công ty con thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của Ngân hàng.

Ngân hàng cũng thu thập kết quả phân loại nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“CIC”) cung cấp tại thời điểm phân loại nợ để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ. Trong trường hợp nợ và cam kết ngoại bảng của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Ngân hàng phải điều chỉnh kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Từ ngày 24 tháng 4 năm 2023, Ngân hàng đã áp dụng chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản nợ đáp ứng các điều kiện của Thông tư 02/2023/TT-NHNN ngày 23 tháng 4 năm 2023 (“Thông tư 02”) và Thông tư 06/2024/TT-NHNN ngày 18 tháng 6 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02 nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khách hàng gặp khó khăn trả nợ vay phục vụ nhu cầu đời sống, tiêu dùng (“Thông tư 06”).

Từ ngày 26 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng đã áp dụng chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và được giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản nợ đáp ứng các điều kiện của Thông tư 53/2024/TT-NHNN ngày 4 tháng 12 năm 2024 (“Thông tư 53”) nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3, ngập lụt, lũ, sạt lở đất sau bão số 3.

Đối với số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, giữ nguyên nhóm nợ quá hạn theo thời hạn cơ cấu lại và không tiếp tục được Ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo các quy định hiện hành, Ngân hàng thực hiện phân loại nợ theo Thông tư 31.

Đối với số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo Thông tư 02, Thông tư 06, Ngân hàng thực hiện phân loại theo hai loại nợ như sau: (1) Phân loại nợ nếu áp dụng giữ nguyên nhóm nợ khi thực hiện cơ cấu nợ; (2) Phân loại nợ nếu không áp dụng giữ nguyên nhóm nợ theo quy định của NHNN về phân loại nợ trong hoạt động của TCTD. Trong trường hợp chênh lệch số tiền dự phòng cần phải trích theo loại nợ (2) so với loại nợ (1) là dương, Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng cụ thể bổ sung như sau:

Dự phòng bổ sung	Thời hạn
Tối thiểu 50% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023
100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chính sách trích lập dự phòng đối với các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank (“VPBankS”).

Dự phòng các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng của VPBankS được trình bày tại *Thuyết minh 4.14.2* theo quy định của Thông tư số 48/2019/TT-BTC (“*Thông tư 48*”), theo bản chất cụ thể của các khoản phải thu này và đảm bảo thống nhất với báo cáo của VPBankS. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào khoản mục “*Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng*” trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4. (tiếp theo)

4.6 Chứng khoán kinh doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.6.1 Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh bao gồm chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được mua với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

4.6.2 Đo lường

Chứng khoán nợ kinh doanh niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường. Trong đó, giá của trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm thì Ngân hàng không thực hiện trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh”.

Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương không thuộc đối tượng trích lập dự phòng giảm giá.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do tổ chức tín dụng khác phát hành) chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom; chứng chỉ tiền gửi do Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành thì Ngân hàng tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Nghị định 86 như được trình bày tại *Thuyết minh số 4.5*.

Thu nhập lãi từ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi thực nhận. Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.6.3 Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

4.7 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

4.7.1 Phân loại

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi.

Chứng khoán vốn được phân loại là chứng khoán sẵn sàng để bán không bao gồm các khoản Ngân hàng là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Tổng Giám đốc.

4.7.2 Đo lường

Chứng khoán nợ:

Chứng khoán nợ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán nợ được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi Ngân hàng mua chứng khoán nợ sẽ được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu khi nhận được.

4. (tiếp theo)

4.7 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Chứng khoán nợ niêm yết (trừ trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết) Ngân hàng trích lập dự phòng giảm giá như được trình bày tại Thuyết minh số 4.6. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục “*Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư*”.

Chứng khoán nợ chưa niêm yết (là trái phiếu doanh nghiệp, bao gồm cả trái phiếu do tổ chức tín dụng khác phát hành) trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch Upcom; chứng chỉ tiền gửi do Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành thì Ngân hàng tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Nghị định 86 như được trình bày tại Thuyết minh số 4.5.

Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương không thuộc đối tượng trích lập dự phòng giảm giá.

Chứng khoán vốn:

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với chứng khoán vốn đã niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm. Trường hợp chứng khoán đã niêm yết trên thị trường mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng thì mức trích dự phòng được xác định cho từng khoản đầu tư chứng khoán như trình bày tại Thuyết minh số 4.10.

Đối với chứng khoán vốn chưa niêm yết nhưng được giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom), giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm thì dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán được xác định như trình bày tại Thuyết minh số 4.10.

4.7.3 Dừng ghi nhận

Chứng khoán đầu tư được dừng ghi nhận khi quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.8 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn bao gồm trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”) phát hành và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng. Trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo mệnh giá trong thời gian nắm giữ. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với khoản nợ xấu được bán và là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó.

Trong thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt, định kỳ, Ngân hàng tính toán và trích lập dự phòng rủi ro cụ thể hàng năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 của NHNN Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của VAMC.

Dự phòng cụ thể cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục “*Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng*”. Trái phiếu đặc biệt này không phải trích lập dự phòng chung.

Tại ngày trái phiếu đặc biệt được tắt toán, các khoản lãi phát sinh do TCTD thu hồi được từ khoản nợ được hạch toán vào “*Thu nhập từ hoạt động khác*”.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác

4. (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.8 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác là các chứng khoán nợ được Ngân hàng và các công ty con mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi và Ngân hàng và các công ty con có ý định và khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn có giá trị xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán trước thời điểm đáo hạn, danh mục còn lại của các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận và đo lường tương tự như chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được trình bày tại mục *Thuyết minh số 4.7*.

4.9 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

4.10 Đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác mà Ngân hàng có từ 11% quyền biểu quyết trở xuống.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm đầu tư và sau đó được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá (nếu có). Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế của các khoản đầu tư dài hạn được ghi nhận là thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Trong trường hợp cổ phiếu của các đơn vị được đầu tư niêm yết hoặc đăng ký trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom), dự phòng giảm giá được trích lập khi giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố nhỏ hơn giá gốc của khoản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính.

Trong các trường hợp khác, dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư được lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của Ngân hàng. Theo đó, mức trích dự phòng cho khoản đầu tư là chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp và vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng nhân (x) với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Ngân hàng tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp.

Trong trường hợp tổ chức kinh tế nhận vốn góp không lập báo cáo tài chính riêng cùng thời điểm Ngân hàng trích lập dự phòng thì Ngân hàng không được thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng được ghi nhận hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

4. (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.11 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.12 Hao mòn tài sản cố định

Hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 40 năm
Máy móc thiết bị	3 – 7 năm
Phương tiện vận tải	6 –10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5 năm
Phần mềm máy vi tính	2 – 14 năm
Tài sản cố định khác	2 – 5 năm

4.13 Thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục “*Tổng chi phí hoạt động*” trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời hạn thuê tài sản.

4.14 Các khoản phải thu

4.14.1 Các khoản phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

Các khoản phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc và được Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật về trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro được trình bày tại *Thuyết minh số 4.5*.

4.14.2 Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng rủi ro.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được ghi nhận vào khoản mục “*Tổng chi phí hoạt động*” trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4. (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.14 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.15 Chi phí trả trước, chi phí chờ phân bổ và các khoản ký quỹ

Chi phí trả trước và chi phí chờ phân bổ

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Khoản ký quỹ bảo hiểm của Công ty Cổ phần Bảo hiểm OPES

Căn cứ Nghị định 46/2023/NĐ-CP và Luật kinh doanh bảo hiểm ban hành ngày 16 tháng 6 năm 2022, hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2023, Công ty phải sử dụng một phần vốn điều lệ, vốn được cấp để ký quỹ tại một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam. Mức tiền ký quỹ bằng 2% vốn điều lệ tối thiểu. Công ty được hưởng lãi trên khoản ký quỹ bảo hiểm và chỉ được phép rút khoản ký quỹ này khi chấm dứt hoạt động kinh doanh. Khoản ký quỹ bảo hiểm được sử dụng để hoàn thành nghĩa vụ được cam kết với người được bảo hiểm chỉ khi khả năng thanh toán của Công ty không đủ đáp ứng và được sự chấp thuận trước của Bộ tài chính.

4.16 Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được lập theo các quy định và hướng dẫn trong Thông tư số 67/2023/TT-BTC (“Thông tư 67”) hướng dẫn một số điều của Luật kinh doanh Bảo hiểm, Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm 2022. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo phương pháp được Bộ Tài Chính chấp thuận cụ thể như sau:

4.16.1 Dự phòng phí chưa được hưởng cho nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe có thời hạn từ một năm trở xuống

Dự phòng phí chưa được hưởng là khoản dự phòng phí bảo hiểm đảm bảo cho phần rủi ro mà Ngân hàng có thể phải gánh chịu sau ngày báo cáo. Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo phương pháp trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm và được tính theo phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày quy định tại Thông tư 67.

Theo đó, dự phòng phí chưa được hưởng đối với hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm được tính theo công thức tổng quát sau:

Phí bảo hiểm * Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm

Dự phòng phí chưa được hưởng =

Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm

Các khoản dự phòng phí chưa được hưởng của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả. Dự phòng phí chưa được hưởng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

4. (tiếp theo)

4.16 Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.16.2 Dự phòng bồi thường cho nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa giải quyết và cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại:

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết được trích lập cho từng nghiệp vụ bảo hiểm theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng chưa được giải quyết tại thời điểm cuối năm tài chính, và
- Các yêu cầu đòi bồi thường cho “các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo” (“IBNR”) là các yêu cầu đòi bồi thường đã phát sinh trong kỳ kế toán hiện tại hoặc các kỳ kế toán trước, nhưng chưa được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc công ty tái bảo hiểm tại thời điểm kết thúc năm tài chính và dự phòng bồi thường được trích lập theo tỷ lệ 3% tổng số phí bảo hiểm giữ lại trong một năm gần nhất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Các khoản dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

4.16.3 Dự phòng dao động lớn cho nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Dự phòng dao động lớn được trích lập trên cơ sở phí bảo hiểm giữ lại theo tỷ lệ là 1% tổng phí giữ lại của từng loại hình bảo hiểm mỗi năm cho đến khi quỹ dự phòng này đạt mức 100% mức phí giữ lại trong năm tài chính. Dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

4.16.4 Dự phòng toán học cho nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên một năm

Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên một năm trừ các hợp đồng chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, Ngân hàng áp dụng phương pháp trích lập theo từng ngày trên cơ sở phí bảo hiểm gộp. Trong mọi trường hợp Ngân hàng đảm bảo kết quả trích lập dự phòng không thấp hơn kết quả trích lập theo phương pháp hệ số thời hạn 1/8.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên một năm và chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, dự phòng toán học được trích lập theo phương pháp phí bảo hiểm thuần.

Dự phòng toán học được hạch toán vào tài khoản dự phòng phí chưa được hưởng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

4.16.5 Dự phòng bồi thường cho nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được xác định dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm, sau khi trừ đi phần thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm; và Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường được trích lập theo công thức sau đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm:

4. (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Dự phòng BT cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi BT cho năm TC hiện tại

=

Tổng số tiền BT cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi BT của 3 năm TC trước liên tiếp

x

Số tiền BT phát sinh của năm TC hiện tại

x

Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm TC hiện tại

x

Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm TC trước

x

Thời gian chậm yêu cầu đòi BT bình quân của năm TC hiện tại

Thời gian chậm yêu cầu đòi BT bình quân của năm TC trước

Các khoản dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

4.16.6 Dự phòng đảm bảo cân đối cho nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

Mức trích lập hàng năm theo tỷ lệ 1% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm và được hạch toán vào tài khoản dự phòng dao động lớn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

4.17 Vốn cổ phần

4.17.1 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu.

4.17.2 Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch (tăng hoặc giảm) do giá phát hành cổ phiếu cao hoặc thấp hơn mệnh giá (kể cả trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ), cũng như các chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc bán cổ phiếu quỹ.

4.17.3 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Ngân hàng mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận giảm vốn chủ sở hữu theo giá trị thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu. Khi cổ phiếu được phát hành lại, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

4.17.4 Các quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ của Ngân hàng

Ngân hàng thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau đây theo Luật Các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, Nghị định số 93/2017/NĐ-CP và theo Điều lệ của Ngân hàng như sau:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	10% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Quỹ dự phòng tài chính dùng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

 **VPBank**

4. (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.17 Vốn cổ phần (tiếp theo)

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân phối từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

Ngân hàng sẽ thực hiện trích lập các quỹ dự trữ nêu trên dựa trên kết quả hoạt động riêng vào cuối năm tài chính.

Các quỹ dự trữ của Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2002, Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB AMC") thực hiện trích lập các quỹ tương tự như Ngân hàng.

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, kể từ năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015, VPB AMC không tiếp tục trích Quỹ dự phòng tài chính.

Các quỹ dự trữ của Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 7 tháng 8 năm 2017 thay thế Nghị định 57/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012, Công ty thực hiện trích lập các quỹ tương tự như Ngân hàng.

Các quỹ dự trữ của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank

Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Quỹ dự trữ của Công ty Cổ phần Bảo hiểm OPES

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty. Tỷ lệ được trích lập của quỹ dự trữ bắt buộc bằng năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế hàng năm, và số dư tối đa là mười phần trăm (10%) vốn điều lệ dựa theo Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2023.

4.18 Ghi nhận thu nhập và chi phí

Thu nhập và chi phí từ các hoạt động ngân hàng

Thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5, các khoản nợ Nhóm 1 nhưng phải trích dự phòng cụ thể sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi Ngân hàng thực nhận.

Đối với số lãi phải thu của số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn (Nhóm 1) theo quy định tại Thông tư 02, Thông tư 06 và Thông tư 53 kể từ ngày được cơ cấu lại không phải hạch toán thu nhập (dự thu) mà được thực hiện theo dõi ngoại bảng để đơn đốc thu; thực hiện hạch toán vào thu nhập khi thu được theo quy định của pháp luật về chế độ tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán trên cơ sở dồn tích.

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi quyền nhận cổ tức bằng tiền của Ngân hàng được thiết lập.

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa được phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Thay vào đó, chỉ có thay đổi về số lượng cổ phiếu nắm giữ bởi Ngân hàng sẽ được cập nhật và trình bày.

Doanh thu và chi phí từ hoạt động bảo hiểm

Doanh thu bảo hiểm gốc

4. (tiếp theo)

4.18 Ghi nhận thu nhập và chi phí (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 67 hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

Theo đó, Công ty hạch toán khoản thu phí bảo hiểm gốc vào doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm khi đáp ứng được những điều kiện sau: (1) hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết hoặc có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa Công ty và bên mua bảo hiểm; (2) bắt đầu thời hạn bảo hiểm quy định trong hợp đồng bảo hiểm; (3) bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm hoặc Công ty có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp thỏa thuận thanh toán phí bảo hiểm một lần, Công ty hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm. Trường hợp thỏa thuận thanh toán phí bảo hiểm theo kỳ tại hợp đồng bảo hiểm, Công ty hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm tương ứng với các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Những khoản hoàn hoặc giảm phí bảo hiểm gốc là các khoản giảm trừ doanh thu và được theo dõi riêng, cuối năm kết chuyển vào tài khoản doanh thu phí bảo hiểm gốc để tính doanh thu thuần.

Các hợp đồng bảo hiểm đã giao kết trước ngày Luật kinh doanh bảo hiểm 2022 có hiệu lực và còn thời hạn hợp đồng thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp các bên tham gia hợp đồng bảo hiểm có thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng để phù hợp với Luật kinh doanh bảo hiểm 2022 và để áp dụng quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm 2022.

Chi bồi thường, hoa hồng, hỗ trợ đại lý bảo hiểm và các chi phí khai thác khác

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng đã xác định được chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và đã thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng theo đề nghị của khách hàng thì số tiền bồi thường đã thanh toán này cũng được ghi nhận vào chi phí bồi thường. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối năm tài chính được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Hoa hồng phải chi trả của mỗi loại sản phẩm bảo hiểm được tính theo tỷ lệ phần trăm nhất định trên doanh thu phí bảo hiểm gốc theo các Hợp đồng đại lý, Thỏa thuận môi giới phù hợp với các tỷ lệ quy định tại Thông tư 50 và chỉ ghi nhận vào chi phí kinh doanh bảo hiểm cho phần chi phí hoa hồng được phân bổ trong năm theo tỷ lệ phù hợp với phần doanh thu phí được hưởng. Phần hoa hồng chưa được phân bổ sẽ được ghi nhận như là một khoản chi phí trả trước và sẽ được phân bổ vào chi phí kinh doanh bảo hiểm cho các kỳ tiếp theo.

Chi phí hỗ trợ đại lý bảo hiểm và các chi phí khai thác khác là các khoản chi phí phát sinh trực tiếp để có được các hợp đồng bảo hiểm, được ghi nhận và phân bổ theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng. Số dư của các chi phí này tại ngày báo cáo phản ánh chi phí tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm chưa được hưởng. Đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi khen thưởng và chi hỗ trợ đại lý không vượt quá 50% hoa hồng bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm đã khai thác trong năm tài chính. Đối với nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe, chi khen thưởng đại lý và chi hỗ trợ đại lý không vượt quá 100% hoa hồng bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe đã khai thác trong năm tài chính theo quy định tại Thông tư 89/2020/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2020.

Nhuận tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm, hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và các khoản thu khác phát sinh từ hoạt động nhượng tái bảo hiểm được hạch toán cùng kỳ với kỳ kế toán ghi nhận doanh thu phí bảo hiểm gốc hoặc phí nhận tái bảo hiểm tương ứng.

Cuối năm tài chính, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu kỳ này tương ứng với doanh thu phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí chưa được hưởng.

4. (tiếp theo)

4.19 Hoạt động mua, bán nợ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Hoạt động mua, bán nợ được ghi nhận theo Thông tư 09/2015/TT-NHNN của NHNN quy định về hoạt động mua, bán nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 09”) và Thông tư 18/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 09 quy định về hoạt động mua, bán nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 18”).

Hoạt động mua nợ

Khoản mua nợ được ghi nhận ban đầu theo giá mua, sau đó được ghi nhận bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng rủi ro tín dụng. Giá mua, bán nợ là số tiền bên mua nợ phải thanh toán cho bên bán nợ theo hợp đồng mua nợ.

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 09 và Thông tư 18, Ngân hàng xử lý tài chính, ghi nhận kế toán đối với các khoản nợ đã mua như sau:

- › Trường hợp giá mua nợ nhỏ hơn hoặc bằng số dư nợ gốc của khoản nợ được mua: Số tiền nợ gốc thu được theo hợp đồng tín dụng của khoản nợ đã mua, Ngân hàng hạch toán thu hồi vào số tiền đã mua nợ. Trường hợp, số tiền mua nợ đã được thu hồi hết, số nợ gốc còn lại (phần chênh lệch còn lại giữa số nợ gốc của khoản nợ được mua với số tiền mua nợ) và số tiền nợ lãi thu được theo hợp đồng được ghi nhận vào thu nhập trong năm của Ngân hàng.
- › Trường hợp giá mua nợ lớn hơn số dư nợ gốc của khoản nợ được mua: Số tiền nợ gốc, nợ lãi thu được theo hợp đồng tín dụng của khoản nợ đã mua được hạch toán thu hồi vào số tiền đã mua nợ. Đến thời điểm khi số tiền đã mua nợ còn lại nhỏ hơn hoặc bằng số dư nợ gốc của khoản nợ đã mua tại thời điểm đó thì số tiền nợ gốc, nợ lãi thu được theo hợp đồng tín dụng của khoản nợ đã mua, Ngân hàng thực hiện xử lý theo trường hợp giá mua nợ nhỏ hơn hoặc bằng số dư nợ gốc của khoản nợ được mua như nêu trên.

Đối với các khoản nợ được mua, Ngân hàng phân loại số tiền đã thanh toán để mua nợ vào nhóm có mức độ rủi ro không thấp hơn nhóm mà khoản nợ đó đã được phân loại trước khi mua. Sau đó, việc phân loại nợ và trích lập dự phòng cho các khoản mua nợ được thực hiện tương tự như các khoản cho vay khách hàng khác theo *Thuyết minh số 4.5*.

Hoạt động bán nợ

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 09 và Thông tư 18, Ngân hàng xử lý tài chính, ghi nhận kế toán đối với các khoản nợ đã bán như sau:

- › Đối với các khoản nợ có nợ gốc đang được hạch toán nội bảng:
 - Việc xử lý thu hồi nợ được thực hiện theo nguyên tắc: thu hồi nợ gốc trước, nợ lãi sau.
 - Trường hợp giá bán nợ cao hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ được mua bán thì sau khi thu hồi nợ gốc, nợ lãi của khoản nợ đã bán, phần chênh lệch (nếu có) giữa giá bán nợ và giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ được hạch toán ghi nhận vào thu nhập trong năm của Ngân hàng.
 - Trường hợp giá bán nợ thấp hơn giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ được mua bán, ngoài số tiền thu được từ bán nợ, Ngân hàng sử dụng tiền bồi thường (trong trường hợp tổn thất về tài sản do nguyên nhân chủ quan và phải bồi thường theo quy định về chế độ tài chính theo quy định), tiền bảo hiểm của tổ chức Bảo hiểm. Sau khi sử dụng hết số tiền thu được từ bán nợ, tiền bồi thường, tiền bảo hiểm nêu trên để thu hồi nợ mà vẫn thiếu thì thực hiện như sau:
 - * Đối với số nợ gốc không thu được: Ngân hàng sử dụng dự phòng được trích lập chi phí, trường hợp thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của Ngân hàng. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí khác trong năm. Sau khi hoàn thành việc xử lý tài chính, Ngân hàng thực hiện xuất toán đối với số nợ gốc không thu được;
 - * Đối với số nợ lãi không thu được: Trường hợp số nợ lãi đang được ghi nhận nội bảng đã hạch toán vào thu nhập, Ngân hàng thực hiện hạch toán giảm thu nhập hoặc hạch toán vào chi phí. Trường hợp, số nợ lãi đang được ghi nhận ngoại bảng Ngân hàng thực hiện xuất toán số nợ lãi của khoản nợ đã bán.

4. (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.19 Hoạt động mua, bán nợ (tiếp theo)

> Đối với các khoản nợ đang theo dõi ngoại bảng, các khoản nợ đã xuất toán khỏi ngoại bảng, thì số tiền bán khoản nợ (theo giá bán nợ) được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm của Ngân hàng.

Đối với các khoản nợ đã bán (trừ khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro) nhưng chưa thu được đầy đủ tiền bán nợ thì Ngân hàng thực hiện phân loại số tiền chưa thu được như là khoản nợ chưa bán, cụ thể được trình bày tại Thuyết minh số 4.5.

Giá trị ghi sổ khoản nợ được mua, bán gồm giá trị ghi sổ số dư nợ gốc, dư nợ lãi của khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ (nếu có) đến thời điểm mua, bán nợ đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng, ngoại bảng; hoặc giá trị theo dõi trên sổ sách tại thời điểm xuất toán ngoại bảng hoặc tại thời điểm mua, bán nợ đối với khoản nợ đã xuất toán ra khỏi ngoại bảng.

Giá bán nợ là số tiền bên bán nợ nhận được từ bên mua nợ theo hợp đồng bán nợ.

4.20 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm tài chính, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (*Thuyết minh số 50*). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND trong năm được ghi nhận và theo dõi trên khoản mục "*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*" trên tài khoản "*Vốn chủ sở hữu*" và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất tại thời điểm cuối kỳ kế toán.

4.21 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Ngân hàng đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.22 Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước được phản ánh theo giá gốc.

4.23 Tiền gửi của các TCTD khác, của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá

Các khoản tiền gửi của các TCTD khác, của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá được trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành giấy tờ có giá được ghi giảm số dư gốc. Ngân hàng thực hiện phân bổ các chi phí này vào "*Chi phí lãi và các chi phí tương tự*" theo phương pháp đường thẳng phù hợp với kỳ hạn của giấy tờ có giá.

4.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

4. (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.25 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng. Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ được ghi nhận vào khoản mục “Tài sản và chúng từ khác” trên các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

4.26 Phân loại nợ cho các cam kết ngoại bảng

Theo Thông tư 31, Ngân hàng thực hiện phân loại đối với các khoản bảo lãnh, nghiệp vụ thư tín dụng (trừ trường hợp quy định tại điểm n, khoản 1 Điều 1 Thông tư 31), chấp nhận thanh toán, cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể, và các cam kết khác phát sinh rủi ro tín dụng (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 10 của Thông tư 31 để quản lý, giám sát chất lượng tín dụng.

4.27 Bù trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được căn trừ và thể hiện giá trị ròng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất chỉ khi Ngân hàng và các công ty con có quyền hợp pháp để thực hiện việc căn trừ và dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

4.28 Các công cụ phái sinh

Ngân hàng và các công ty con ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi, hợp đồng quyền chọn và hợp đồng tương lai nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng và các công ty con.

Các hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được đánh giá lại định kỳ, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên “Vốn chủ sở hữu” và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Các hợp đồng hoán đổi

Các hợp đồng hoán đổi là các cam kết để thanh toán bằng tiền tại hiện tại hoặc một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước được tính trên số tiền gốc danh nghĩa hoặc các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên cùng một khoản tiền danh nghĩa, trong cùng một khoảng thời gian.

4. (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.28 Các công cụ phái sinh (tiếp theo)

Chênh lệch lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Các hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ

Các hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ (“TPCP”) là cam kết thực hiện mua hoặc bán một số lượng tài sản cơ sở nhất định là TPCP hoặc trái phiếu giả định có đặc điểm như một TPCP do Kho Bạc Nhà Nước phát hành (hoặc loại khác theo quy định pháp luật) theo một mức giá đã được xác định vào một ngày đã được ấn định trước trong tương lai.

Định kỳ hàng ngày, trong thời gian nắm giữ hợp đồng, căn cứ kết quả đánh giá lãi/lỗ vị thế theo từng mã hợp đồng tương lai TPCP, Ngân hàng ghi nhận vào khoản mục “Thu nhập từ hoạt động khác” hoặc “Chi phí cho hoạt động khác” trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.29 Lợi ích của nhân viên

4.29.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.29.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2021, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đã làm việc thường xuyên cho mình từ đủ mười hai tháng trở lên, mỗi năm làm việc được trợ cấp một nửa tháng tiền lương, trừ trường hợp đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và một số trường hợp quy định theo điểm e khoản 1 Điều 36 của Bộ luật này. Tiền lương để tính trợ cấp thôi việc là tiền lương bình quân của sáu tháng liền kề theo hợp đồng lao động trước khi người lao động thôi việc.

4.29.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo thực hiện Điều 57 của Luật Việc làm số 38/2013/QH13 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

4.30 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là ba (3) năm.

5. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Tiền mặt bằng VND	1.891.475	2.076.239
Tiền mặt bằng ngoại tệ	228.426	208.662
Vàng tiến tệ	28.388	89
	2.148.289	2.284.990

6. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Tiền gửi tại NHNN		
Bằng VND	14.118.276	8.090.914
Bằng ngoại tệ	208.939	331.597
	14.327.215	8.422.511

Tiền gửi tại NHNN bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VND và tiền gửi thanh toán bằng ngoại tệ được hưởng lãi suất tương ứng là 0,50%/năm và 0,00%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 0,50%/năm và 0,00%/năm).

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc (%)	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Số dư bình quân tháng trước của:		
Tiền gửi bằng ngoại tệ của TCTD nước ngoài	1,00	1,00
Tiền gửi khác bằng ngoại tệ kỳ hạn dưới 12 tháng	8,00	8,00
Tiền gửi khác bằng ngoại tệ kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	6,00	6,00
Tiền gửi bằng VND kỳ hạn dưới 12 tháng	3,00	3,00
Tiền gửi bằng VND kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	1,00	1,00

7. Tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng khác

7.1 Tiền gửi tại các TCTD khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	11.216.445	9.627.143
Bảng VND	9.786.086	7.948.388
Bảng ngoại tệ	1.430.359	1.678.755
Tiền gửi không kỳ hạn	115.310.835	71.671.930
Bảng VND	93.195.000	63.720.000
Bảng ngoại tệ	22.115.835	7.951.930
	126.527.280	81.299.073

7.2 Cấp tín dụng cho các TCTD khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Bảng VND	8.116.382	12.794.705
- Trong đó: chiết khấu, tái chiết khấu	3.019.398	-
	8.116.382	12.794.705

Mức lãi suất tiền gửi có kỳ hạn và cấp tín dụng cho các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %/năm
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	3,80 - 6,05	1,00 - 4,50
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	4,35 - 4,60	0,50 - 5,20
Cấp tín dụng bằng VND	4,50 - 7,40	1,70 - 9,30
Cấp tín dụng bằng ngoại tệ	Không áp dụng	Không áp dụng

7. (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7.2 Cấp tín dụng cho các TCTD khác (tiếp theo)

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi có kỳ hạn và cấp tín dụng cho các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	123.427.217	84.466.635
	123.427.217	84.466.635

8. Chứng khoán kinh doanh

8.1 Chứng khoán kinh doanh

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Chứng khoán Nợ		
Chứng khoán Chính phủ, chính quyền địa phương	-	581.548
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	3.202.820	1.565.554
Chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	8.337.286	8.749.317
Chứng khoán vốn		
Chứng khoán vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	1.640.615	1.509.855
	13.180.721	12.406.274
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(69.750)	(80.465)
Dự phòng chung	(57.176)	(65.620)
Dự phòng cụ thể	-	(14.845)
Dự phòng giảm giá	(12.574)	-
	13.110.971	12.325.809

Tổng mệnh giá của các giấy tờ có giá mang đi thế chấp, cầm cố tại các TCTD khác tại 31 tháng 12 năm 2024 là 3.110.000 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.550.000 triệu đồng)

8. (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8.1 Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)

Thay đổi dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh trong năm 2024 như sau:

	Dự phòng chung Triệu đồng	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng giảm giá Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số dư đầu năm	65.620	14.845	-	80.465
(Hoàn nhập)/trích lập trong năm (Thuyết minh số 31)	(8.444)	(14.845)	12.574	(10.715)
Số dư cuối năm	57.176	-	12.574	69.750

Thay đổi dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh trong năm 2023 như sau:

	Dự phòng chung Triệu đồng	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng giảm giá Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số dư đầu năm	57.192	-	-	57.192
Trích lập trong năm (Thuyết minh số 31)	8.428	14.845	-	23.273
Số dư cuối năm	65.620	14.845	-	80.465

8.2 Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Chứng khoán nợ		
Trái phiếu đã niêm yết	713.869	581.548
Trái phiếu chưa niêm yết (Thuyết minh 8.3)	7.623.416	8.749.317
Giấy tờ có giá khác chưa niêm yết (Thuyết minh 8.3)	3.202.820	1.565.554
Chứng khoán vốn		
Chứng khoán vốn đã niêm yết	25.771	25.771
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	1.614.845	1.484.084
	13.180.721	12.406.274

8. (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8.3 Phân tích
chất lượng chứng
khoán kinh doanh

Phân tích chất lượng chứng khoán kinh doanh được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	10.826.236	10.240.644
Nợ dưới tiêu chuẩn	-	74.227
	10.826.236	10.314.871

9. Các công cụ
tài chính
phái sinh và
các khoản nợ
tài chính khác

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng) Triệu đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)		
		Dòng tiền vào Triệu đồng	Dòng tiền ra Triệu đồng	Giá trị thuần Triệu đồng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	175.293.112	169.487.982	(168.891.987)	595.995
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	36.417.208	36.108.740	(36.071.453)	37.287
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	138.875.904	133.379.242	(132.820.534)	558.708
Công cụ tài chính phái sinh khác	74.713.435	24.329.165	(24.953.217)	(624.052)
	250.006.547	193.817.147	(193.845.204)	(28.057)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	203.295.596	190.677.043	(190.424.992)	252.051
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	69.085.137	69.360.046	(69.238.263)	121.783
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	134.210.459	121.316.997	(121.186.729)	130.268
Công cụ tài chính phái sinh khác	48.616.991	32.589.355	(32.841.798)	(252.443)
	251.912.587	223.266.398	(223.266.790)	(392)

10. Cho vay khách hàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	%	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng	%
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	613.425.129	88,55	507.160.706	89,56
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	309.972	0,04	195.586	0,03
Các khoản trả thay khách hàng	153.474	0,02	146.281	0,03
Cho vay bằng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư	14.430	0,00	36.757	0,01
Cấp tín dụng khác	69.460.197	10,02	51.564.355	9,10
Cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	9.512.536	1,37	7.167.605	1,27
	692.875.738	100	566.271.290	100

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %/năm
Cho vay bằng VND	3,00 – 15,00	3,00 – 14,10
Cho vay bằng ngoại tệ	4,60 – 7,60	4,30 – 8,50
Cho vay tiêu dùng bằng VND	37,80	41,59

10.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	610.932.843	491.716.829
Nợ cần chú ý	43.360.194	38.959.002
Nợ dưới tiêu chuẩn	10.852.509	12.074.224
Nợ nghi ngờ	12.098.440	11.990.997
Nợ có khả năng mất vốn	6.119.216	4.362.633
Cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	9.512.536	7.167.605
	692.875.738	566.271.290

10. (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10.2 Phân tích dư nợ
theo thời gian cho
vay gốc

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Nợ ngắn hạn	243.510.305	199.935.076
Nợ trung hạn	270.968.248	221.800.751
Nợ dài hạn	168.884.649	137.367.858
Cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	9.512.536	7.167.605
	692.875.738	566.271.290

10.3 Phân tích dư nợ
cho vay theo
đối tượng khách hàng
và theo loại hình
doanh nghiệp

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	%	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng	%
Công ty Nhà nước	129.748	0,02	168.557	0,03
Công ty TNHH 1 thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	7.852	0,00	24.285	0,00
Công ty TNHH 2 thành viên trở lên có phần vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối	75.336	0,01	13.071	0,00
Công ty TNHH khác	181.323.403	26,17	119.502.110	21,10
Công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong Điều lệ của công ty	93.813	0,01	91.318	0,02
Công ty cổ phần khác	187.081.564	27,00	146.002.988	25,78
Công ty hợp danh	1.002	0,00	946	0,00
Doanh nghiệp tư nhân	51.021	0,01	55.690	0,01
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	3.770.491	0,54	221.562	0,04
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	60.237	0,01	57.718	0,01
Hệ kinh doanh, cá nhân	310.765.730	44,86	292.960.355	51,74
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	3.003	0,00	4.963	0,00
Khác	2	0,00	122	0,00
Cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	9.512.536	1,37	7.167.605	1,27
	692.875.738	100	566.271.290	100

10. (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10.4 Phân tích dư nợ
cho vay theo một số
ngành kinh tế của
khách hàng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	%	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng	%
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	2.054.559	0,30	3.041.136	0,54
Khai khoáng	1.519.641	0,22	1.502.568	0,27
Công nghiệp chế biến, chế tạo	30.747.223	4,44	26.526.255	4,68
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	861.118	0,12	1.408.650	0,25
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	146.670	0,02	692.813	0,12
Xây dựng	38.725.127	5,59	28.271.295	4,99
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	70.911.252	10,23	53.438.420	9,44
Vận tải kho bãi	12.164.350	1,76	9.817.781	1,73
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	18.952.714	2,74	13.296.812	2,35
Thông tin và truyền thông	1.042.484	0,15	911.727	0,16
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	17.985.239	2,60	21.236.503	3,75
Hoạt động kinh doanh bất động sản	186.736.821	26,95	114.894.070	20,29
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	3.320.412	0,48	1.634.569	0,29
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	2.937.827	0,42	1.495.928	0,26
Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý Nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	10.696	0,00	4.870	0,00
Giáo dục và đào tạo	1.072.488	0,15	2.645.282	0,47
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	591.474	0,09	1.219.198	0,22
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	3.546.017	0,51	3.891.018	0,69
Hoạt động dịch vụ khác	2.274.013	0,33	2.012.512	0,36
Hoạt động làm thuê các công việc trong hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	193.909.402	27,98	185.376.652	32,72
Cho vay cá nhân để mua nhà ở, nhận quyền sử dụng đất để xây nhà ở	93.853.675	13,55	85.785.626	15,15
Cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	9.512.536	1,37	7.167.605	1,27
	692.875.738	100	566.271.290	100

11. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Chi tiết số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Dự phòng chung	5.042.519	4.152.736
Dự phòng cụ thể	11.203.859	10.595.049
Dự phòng cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	83.762	51.439
	16.330.140	14.799.224

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm 2024 như sau:

	Dự phòng chung Triệu đồng	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số dư đầu năm	4.152.736	10.595.049	51.439	14.799.224
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm (Thuyết minh số 36)	955.255	26.841.719	32.323	27.829.297
Sử dụng dự phòng xử lý rủi ro tín dụng và bán nợ trong năm	(65.472)	(26.232.909)	-	(26.298.381)
Số dư cuối năm	5.042.519	11.203.859	83.762	16.330.140

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm 2023 như sau:

	Dự phòng chung Triệu đồng	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số dư đầu năm	3.233.834	10.441.831	-	13.675.665
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm (Thuyết minh số 36)	935.297	23.961.316	51.439	24.948.052
Sử dụng dự phòng xử lý rủi ro tín dụng và bán nợ trong năm	(16.395)	(23.808.098)	-	(23.824.493)
Số dư cuối năm	4.152.736	10.595.049	51.439	14.799.224

12. Hoạt động mua nợ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Mua nợ bằng VND	805.869	827.971
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ	(6.044)	(6.210)
	799.825	821.761

Chi tiết giá trị nợ gốc, lãi của các khoản mua nợ như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Mua nợ gốc	805.869	827.971
	805.869	827.971

Phân tích chất lượng hoạt động mua nợ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	805.869	827.971
	805.869	827.971

Thay đổi dự phòng mua nợ trong năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Số đầu năm	6.210	6.750
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh số 36)	(166)	(540)
Số cuối năm	6.044	6.210

13. Chứng khoán đầu tư

13.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Chứng khoán nợ	51.842.071	88.035.100
Chứng khoán Chính phủ, chính quyền địa phương	33.571.973	37.771.313
Chứng khoán nợ do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành	10.303.355	26.658.071
Trong đó: Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	1.216.699	359.442
Chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	7.966.743	23.605.716
Chứng khoán vốn	15.357	15.357
Chứng khoán vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	15.357	15.357
	51.857.428	88.050.457
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(67.301)	(210.216)
Dự phòng chung	(59.751)	(177.043)
Dự phòng cụ thể	-	(27.932)
Dự phòng giảm giá	(7.550)	(5.241)
	51.790.127	87.840.241

Tổng mệnh giá của các giấy tờ có giá mang đi thế chấp, cầm cố tại các TCTD khác và thiết lập hạn mức tại Ngân hàng Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.576.000 triệu đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 3.345.000 triệu đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng mệnh giá của các giấy tờ có giá được bán và cam kết mua lại là 2.000.000 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 5.000.000 triệu đồng).

Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Trái phiếu niêm yết	34.788.672	38.130.755
Trái phiếu chưa niêm yết (Thuyết minh số 13.5)	11.498.662	36.426.537
Giấy tờ có giá khác chưa niêm yết (Thuyết minh số 13.5)	5.554.737	13.477.808
Chứng khoán vốn niêm yết	15.357	15.357
	51.857.428	88.050.457

13. (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13.2 Chứng khoán
đầu tư giữ đến ngày
đáo hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Trái phiếu Chính phủ	-	1.054.790
Trái phiếu của tổ chức kinh tế trong nước phát hành	-	1.070.000
Giấy tờ có giá khác của TCTD khác trong nước phát hành	-	280.033
Mệnh giá trái phiếu đặc biệt VAMC	992.927	4.350.437
	992.927	6.755.260
Dự phòng rủi ro chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	-	(8.025)
	992.927	6.747.235

Tại ngày báo cáo Ngân hàng và công ty con không có trái phiếu mang đi thế chấp,
cầm cố (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 0 đồng).

Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo
hạn tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Trái phiếu đã niêm yết	-	1.054.790
Trái phiếu chưa niêm yết (Thuyết minh số 13.6)	-	1.070.000
Giấy tờ có giá khác chưa niêm yết (Thuyết minh số 13.6)	-	280.033
	-	2.404.823

13. (tiếp theo)

13.3 Thay đổi dự phòng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán trong năm 2024 như sau:

	Dự phòng chung Triệu đồng	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng giảm giá Triệu đồng	Tổng Triệu đồng
Số dư đầu năm	177.043	27.932	5.241	210.216
(Hoàn nhập)/trích lập trong năm (Thuyết minh số 32)	(117.292)	(27.932)	2.309	(142.915)
Số dư cuối năm	59.751	-	7.550	67.301

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán trong năm 2023 như sau:

	Dự phòng chung Triệu đồng	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng giảm giá Triệu đồng	Tổng Triệu đồng
Số dư đầu năm	246.689	-	5.911	252.600
(Hoàn nhập)/trích lập trong năm (Thuyết minh số 32)	(69.646)	27.932	(670)	(42.384)
Số dư cuối năm	177.043	27.932	5.241	210.216

13.4 Thay đổi dự phòng chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn trong năm 2024 như sau:

	Dự phòng chung Triệu đồng	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng giảm giá Triệu đồng	Tổng Triệu đồng
Số dư đầu năm	8.025	-	-	8.025
Hoàn nhập trong năm (Thuyết minh số 32)	(8.025)	-	-	(8.025)
Số dư cuối năm	-	-	-	-

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán trong năm 2023 như sau:

	Dự phòng chung Triệu đồng	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng giảm giá Triệu đồng	Tổng Triệu đồng
Số dư đầu năm	-	-	-	-
Trích lập trong năm (Thuyết minh số 32)	8.025	-	-	8.025
Số dư cuối năm	8.025	-	-	8.025

13. (tiếp theo)

13.5 Phân tích chất lượng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Phân tích chất lượng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	14.997.399	37.827.345
Nợ cần chú ý	1.300.000	8.696.500
Nợ dưới tiêu chuẩn	36.000	1.880.500
Nợ nghi ngờ	720.000	1.000.000
Nợ có khả năng mất vốn	-	500.000
	17.053.399	49.904.345

13.6 Phân tích chất lượng chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Phân tích chất lượng chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	-	1.350.033
	-	1.350.033

14. Góp vốn, đầu tư dài hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá trị gốc Triệu đồng	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị gốc Triệu đồng	Tỷ lệ sở hữu (%)
Đầu tư vào tổ chức kinh tế				
Công ty Cổ phần Thông tin tín dụng (“PCB”)	3.934	3,28	3.934	3,28
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	185.276	7,44	185.276	7,44
	189.210		189.210	

15. Tài sản cố định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15.1 Tài sản cố định hữu hình

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu đồng	Máy móc, thiết bị Triệu đồng	Phương tiện vận tải Triệu đồng	Thiết bị dụng cụ quản lý Triệu đồng	Tài sản cố định khác Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.017.139	1.528.146	212.673	179.168	57.074	2.994.200
Mua trong năm	-	2.377	24.946	3.288	-	30.611
Tăng khác	-	362.225	-	41.532	-	403.757
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.133)	(11.645)	(6.012)	(2.977)	(21.767)
Số dư cuối năm	1.017.139	1.891.615	225.974	217.976	54.097	3.406.801
Giá trị khấu hao lũy kế						
Số dư đầu năm	172.500	1.172.980	142.270	151.443	56.908	1.696.101
Khấu hao trong năm	26.412	231.542	18.318	18.682	159	295.113
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.133)	(11.373)	(6.012)	(2.977)	(21.495)
Số dư cuối năm	198.912	1.403.389	149.215	164.113	54.090	1.969.719
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	844.639	355.166	70.403	27.725	166	1.298.099
Số dư cuối năm	818.227	488.226	76.759	53.863	7	1.437.082

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.325.729 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.184.580 triệu đồng).

15. (tiếp theo)

15.2 Tài sản cố định vô hình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm như sau:

	Quyền sử dụng đất Triệu đồng	Phần mềm máy vi tính Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	65.127	1.843.421	1.908.548
Mua trong năm	-	28.685	28.685
Tăng khác	-	148.958	148.958
Số dư cuối năm	65.127	2.021.064	2.086.191
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	868	1.281.978	1.282.846
Hao mòn trong năm	-	216.528	216.528
Số dư cuối năm	868	1.498.506	1.499.374
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	64.259	561.443	625.702
Số dư cuối năm	64.259	522.558	586.817

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 809.788 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 688.966 triệu đồng).

16. Tài sản có khác

16.1 Các khoản phải thu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Các khoản phải thu nội bộ	281.942	218.912
Các khoản phải thu bên ngoài	11.039.290	33.611.235
• Phải thu về thư tín dụng trả chậm (*)	4.895.385	28.000.136
• Mua hẳn miễn truy đòi bộ chứng từ theo thư tín dụng do chính ngân hàng phát hành	162.855	-
• Ký quỹ và khoản phải thu hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ	21.168	3.503
• Đặt cọc theo các hợp đồng kinh tế	1.365.794	1.404.973
• Phải thu bán tài sản tài chính	84.077	84.567
• Phải thu về hoạt động thanh toán	1.414.058	1.928.290
• Tạm ứng nhà cung cấp	363.998	393.098
• Dự phòng phí và bồi thường nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	518.012	384.160
• Phải thu bên ngoài khác	2.213.943	1.412.508
Mua sắm tài sản cố định	85.071	134.526
Xây dựng cơ bản dở dang	5.017	4.768
	11.411.320	33.969.441

16. (tiếp theo)

16.1 Các khoản phải thu (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

(*) Đây là số dư của các hợp đồng, thỏa thuận, cam kết, giao dịch khác liên quan đến nghiệp vụ thư tín dụng trả chậm được ký kết, thỏa thuận trước ngày Thông tư 21 có hiệu lực thi hành.

Phân tích chất lượng tài sản Có khác được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	4.891.526	-
Nợ cần chú ý	3.859	-
Nợ dưới tiêu chuẩn	-	29.147
Nợ nghi ngờ	-	28.567
Nợ có khả năng mất vốn	84.077	26.853
	4.979.462	84.567

16.2 Các khoản lãi, phí phải thu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Lãi phải thu từ tiền gửi	52.297	29.858
Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán	1.024.712	1.675.475
Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng	6.051.730	5.071.637
Lãi phải thu từ hoạt động mua nợ	-	1.682
Lãi phải thu từ công cụ tài chính phái sinh	885.722	1.070.899
Phí phải thu	369.608	1.126.677
	8.384.069	8.976.228

16.3 Tài sản Có khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Vật liệu	11.637	15.566
Chi phí trả trước chờ phân bổ	5.901.310	6.632.078
Tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm đã chuyển quyền sở hữu cho tổ chức tín dụng chờ xử lý	593.478	588.232
• Trong đó: Bất động sản	593.478	588.232
Lợi thế thương mại (Thuyết minh số 17)	41.310	118.507
	6.547.735	7.354.383

16. (tiếp theo)

16.4 Dự phòng
rủi ro các tài sản
Có nội bảng khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác là dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng tài sản có rủi ro tín dụng. Thay đổi dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác trong năm như sau:

	Năm 2024 Triệu đồng	Năm 2023 Triệu đồng
Số dư đầu năm	152.256	79.676
Trích lập dự phòng rủi ro trong năm	110.790	72.580
Trong đó:		
• Trích lập dự phòng tài sản có rủi ro tín dụng (Thuyết minh số 36)	73.493	46.862
• Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh số 35)	37.297	25.718
Số dư cuối năm	263.046	152.256

Chi tiết dự phòng rủi ro các tài sản Có nội bảng khác như sau:

	Năm 2024 Triệu đồng	Năm 2023 Triệu đồng
Dự phòng tài sản có rủi ro tín dụng	120.892	47.399
• Dự phòng chung tài sản có rủi ro tín dụng	36.756	433
• Dự phòng cụ thể tài sản có rủi ro tín dụng	84.136	46.966
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	142.154	104.857
	263.046	152.256

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Ngân hàng không có nợ phải thu không có khả năng thu hồi đã xử lý tài chính.

17. Lợi thế
thương mại

	Năm 2024 Triệu đồng	Năm 2023 Triệu đồng
Tổng giá trị lợi thế thương mại (“LTTM”)	231.167	231.167
Thời gian phân bổ (năm)	3	3
Giá trị LTTM đã phân bổ lũy kế đầu năm	112.660	35.675
Giá trị LTTM chưa phân bổ đầu năm	118.507	195.492
LTTM giảm trong năm	77.197	76.985
Giá trị LTTM phân bổ trong năm	77.197	76.985
Tổng giá trị LTTM chưa phân bổ cuối năm (Thuyết minh số 16.3)	41.310	118.507

18. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	3.360	4.117.311
Vay chiết khấu các giấy tờ có giá	-	4.112.234
Vay khác	3.360	5.077
Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước Việt Nam	2.353	1.000
Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước bằng VND	2.353	1.000
	5.713	4.118.311

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tiền vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có kỳ hạn 12 tháng và lãi suất 3,30%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: tiền vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có kỳ hạn 3 tháng đến 12 tháng và lãi suất 3,30%/năm đến 6,33%/năm).

19. Tiền gửi và vay các tổ chức tài chính, tổ chức tín dụng khác

19.1 Tiền gửi của các tổ chức tài chính, tổ chức tín dụng khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	6.936.034	6.917.556
Bằng VND	6.936.020	6.917.543
Bằng ngoại tệ	14	13
Tiền gửi có kỳ hạn	104.927.175	76.317.200
Bằng VND	96.030.000	72.450.000
Bằng ngoại tệ	8.897.175	3.867.200
	111.863.209	83.234.756

19. (tiếp theo)

19.2 Vay các tổ chức tài chính, tổ chức tín dụng khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Phải trả về nghiệp vụ thư tín dụng trả chậm	16.219.307	25.371.494
Vay các TCTC, TCTD khác	73.673.905	47.750.401
Bằng VND	13.650.923	4.304.954
Trong đó: Vay cầm cố	3.741.200	1.394.205
Vay chiết khấu GTCG	1.920.560	-
Bằng ngoại tệ	60.022.982	43.445.447
Trong đó: Vốn vay bằng ngoại tệ từ Công ty Tài Chính Quốc tế ("IFC")	2.723.298	4.746.837
	89.893.212	73.121.895

Các khoản vay các TCTC, TCTD khác theo kỳ hạn gốc tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Đến 6 tháng	17.347.610	5.032.482
Từ trên 6 tháng đến 12 tháng	13.760.492	8.497.107
Từ trên 12 tháng đến 5 năm	34.935.087	34.201.079
Từ trên 5 năm trở lên	7.630.716	19.733
	73.673.905	47.750.401

Mức lãi suất tiền gửi và tiền vay các TCTC, TCTD khác vào thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %/năm
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTC, TCTD khác bằng VND	3,70 - 7,50	1,00 - 4,50
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác bằng ngoại tệ	4,33 - 4,50	5,10 - 5,20
Tiền vay các TCTC, TCTD khác bằng VND	2,97 - 7,50	1,40 - 9,58
Tiền vay các TCTC, TCTD khác bằng ngoại tệ	4,09 - 7,20	0,75 - 8,61

20. Tiền gửi của khách hàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	66.607.350	75.333.245
• Bằng VND	64.688.301	73.081.876
• Bằng ngoại tệ	1.919.049	2.251.369
Tiền gửi có kỳ hạn	416.946.018	365.220.955
• Bằng VND	415.416.986	364.344.580
• Bằng ngoại tệ	1.529.032	876.375
Tiền gửi vốn chuyên dùng	96.550	83.763
• Bằng VND	55.041	55.778
• Bằng ngoại tệ	41.509	27.985
Tiền ký quỹ	2.016.630	1.730.418
• Bằng VND	1.879.695	1.666.917
• Bằng ngoại tệ	136.935	63.501
	485.666.548	442.368.381

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	%	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng	%
Công ty Nhà nước	804.266	0,17	631.891	0,14
Công ty TNHH 1 thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	1.075.326	0,22	1.799.529	0,41
Công ty TNHH 2 thành viên trở lên có phần vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối	205.354	0,04	69.581	0,02
Công ty TNHH khác	35.493.332	7,31	38.222.990	8,64
Công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong Điều lệ của công ty	2.317.118	0,48	2.088.042	0,47
Công ty cổ phần khác	133.468.473	27,48	103.374.399	23,37
Công ty hợp danh	4.275	0,00	3.021	0,00
Doanh nghiệp tư nhân	52.397	0,01	42.028	0,01
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	4.715.378	0,97	327.345	0,07
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	80.402	0,02	57.201	0,01
Hộ kinh doanh, cá nhân	303.140.002	62,42	292.614.183	66,15
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	3.934.831	0,81	2.405.140	0,54
Khác	375.394	0,07	733.031	0,17
	485.666.548	100	442.368.381	100

20. (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mức lãi suất tiền gửi của khách hàng tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %/năm
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,00 - 0,50	0,20
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,20 - 11,21	0,20 - 12,65
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00 - 0,70	0,00 - 0,70

21. Vốn tài trợ,
ủy thác đầu tư,
cho vay tổ chức
tín dụng chịu
rủi ro

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND từ Dự án Hỗ trợ Phát triển Chính thức (ODA)	10.894	22.045
	10.894	22.045

Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro có kỳ hạn từ 7 năm đến 10 năm và lãi suất 3,108% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: kỳ hạn từ 4 năm đến 10 năm và lãi suất 3,135%/năm).

22. Phát hành giấy tờ có giá

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Phát hành giấy tờ có giá theo loại hình giấy tờ có giá theo kỳ hạn gốc như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Dưới 12 tháng	53.256.694	20.082.475
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	12.723.428	26.711.509
Từ 5 năm trở lên	995.582	993.328
	66.975.704	47.787.312

Giấy tờ có giá bao gồm chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu, có lãi suất từ 3,60%/năm đến 12,55%/năm (31 tháng 12 năm 2023: từ 3,90%/năm đến 12,65%/năm).

Phát hành giấy tờ có giá theo loại hình giấy tờ có giá như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Chứng chỉ tiền gửi phát hành cho khách hàng cá nhân	-	4.799.409
Chứng chỉ tiền gửi phát hành cho các tổ chức	62.016.478	29.916.339
Trái phiếu	4.959.226	13.071.564
	66.975.704	47.787.312

23. Các khoản nợ khác

23.1 Các khoản lãi, phí phải trả

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Lãi phải trả tiền gửi có kỳ hạn	6.205.570	8.091.846
Lãi phải trả tiền gửi tiết kiệm	844.537	1.065.174
Lãi phải trả từ phát hành giấy tờ có giá	1.396.504	2.450.263
Lãi phải trả từ tiền vay các TCTC, TCTD khác	1.009.098	945.586
Lãi phải trả từ vốn nhận ủy thác từ các tổ chức khác	7	21
Lãi phải trả cho hoạt động nhận cấp tín dụng khác	1.180	-
Lãi phải trả cho các hợp đồng công cụ tài chính phái sinh	950.357	1.253.292
Phí phải trả	7.755	6.103
	10.415.008	13.812.285

23. (tiếp theo)

23.2 Các khoản phải trả và công nợ khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Các khoản phải trả nội bộ	301.509	98.556
Phải trả nhân viên	301.509	98.556
Các khoản phải trả bên ngoài	11.386.004	13.142.152
Các khoản khách hàng trả trước	1.577.524	1.315.509
Doanh thu chờ phân bổ	590.492	400.613
Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	1.457.317	1.016.439
Các khoản treo chờ chuyển tiền	458.403	291.057
Thuế và các khoản phải trả ngân sách Nhà nước (Thuyết minh số 24)	2.576.458	2.302.966
Phải trả về hoạt động thanh toán	1.685.244	4.222.815
Phải trả nhà cung cấp	34.364	44.371
Phải trả các khoản vay khách hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank	1.650	1.396.750
Tiền giữ hộ và đợi thanh toán	1.391.935	664.150
Các khoản phải trả khác	1.612.617	1.487.482
	11.687.513	13.240.708

24. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

	Số dư đầu năm Triệu đồng	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm Triệu đồng
		Số phải nộp Triệu đồng	Số đã nộp Triệu đồng	
Thuế giá trị gia tăng	296.977	814.235	(995.592)	115.620
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.861.402	3.962.779	(3.503.868)	2.320.313
Thuế khác	144.587	1.342.821	(1.346.883)	140.525
	2.302.966	6.119.835	(5.846.343)	2.576.458

24. (tiếp theo)

24.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo quy định của Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 02 tháng 8 năm 2014.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các kỳ khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Ngân hàng được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm 2024 Triệu đồng	Năm 2023 Triệu đồng
Lợi nhuận thuần trước thuế	20.012.700	10.803.896
Cộng/(trừ)		
• Lỗ từ Công ty con	-	3.698.695
• Thu nhập không chịu thuế	(12.854)	(3.147)
• Chi phí không được khấu trừ	52.191	65.201
• Điều chỉnh liên quan đến hợp nhất báo cáo tài chính	(273.708)	330.262
• Các khoản điều chỉnh khác	(4.727)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm	19.773.602	14.894.907
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất hiện hành	3.954.720	2.978.981
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN các năm trước	8.059	5.034
Chi phí thuế TNDN trong năm	3.962.779	2.984.015
Thuế TNDN phải trả đầu năm	1.861.402	2.960.226
Thuế TNDN đã trả trong năm	(3.503.868)	(4.082.839)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	2.320.313	1.861.402

24. (tiếp theo)

24.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại của Ngân hàng chi tiết như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	1.183.517	1.300.221
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	12.319	8.153
Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các kỳ trước	-	(10.650)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.195.836	1.297.724

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả của Ngân hàng chi tiết như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	26.517	74.154
Khoản hoàn nhập thuế TNDN hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ kỳ trước	-	(8.844)
	26.517	65.310

25. Vốn và các quỹ

25.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Ngân hàng trong năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Vốn điều lệ Triệu đồng	Thặng dư vốn cổ phần Triệu đồng	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu đồng	Quỹ dự phòng tài chính Triệu đồng	Quỹ đầu tư phát triển Triệu đồng	Cổ phiếu quỹ Triệu đồng	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu đồng	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	79.339.236	23.992.546	2.351.225	9.813.299	68.758	-	19.065.969	5.164.494	139.795.527
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	15.778.795	208.031	15.986.826
Trích lập các quỹ	-	-	1.461.250	1.442.341	-	-	(2.903.591)	-	-
Sử dụng các quỹ trong năm	-	-	-	(571.259)	-	-	-	-	(571.259)
Chia cổ tức năm 2023 cho cổ đông	-	-	-	-	-	-	(7.935.832)	-	(7.935.832)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	2.238	(2.238)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	79.339.236	23.992.546	3.812.475	10.684.381	68.758	-	24.007.579	5.370.287	147.275.262

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Ngân hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Vốn điều lệ Triệu đồng	Thặng dư vốn cổ phần Triệu đồng	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu đồng	Quỹ dự phòng tài chính Triệu đồng	Quỹ đầu tư phát triển Triệu đồng	Cổ phiếu quỹ Triệu đồng	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu đồng	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	67.434.236	-	1.806.421	9.029.594	2.699.069	(883.466)	16.751.804	6.664.262	103.501.920
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	9.973.939	(1.479.768)	8.494.171
Phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ	11.905.000	23.992.546	-	-	-	-	-	-	35.897.546
Trích lập các quỹ	-	-	544.804	1.076.595	-	-	(1.621.399)	-	-
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	(292.890)	-	-	-	-	(292.890)
Điều chuyển quỹ đầu tư phát triển sang lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	-	(2.049.041)	-	2.049.041	-	-
Điều chuyển quỹ đầu tư phát triển sang thặng dư vốn cổ phần	-	581.270	-	-	(581.270)	-	-	-	-
Phát hành ESOP từ cổ phiếu quỹ	-	(581.270)	-	-	-	883.466	-	-	302.196
Chia cổ tức năm 2022 cho cổ đông	-	-	-	-	-	-	(7.933.924)	-	(7.933.924)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(153.492)	(20.000)	(173.492)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	79.339.236	23.992.546	2.351.225	9.813.299	68.758	-	19.065.969	5.164.494	139.795.527

25. (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25.2 Vốn cổ phần

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Số lượng Cổ phiếu	Mệnh giá Triệu đồng	Số lượng Cổ phiếu	Mệnh giá Triệu đồng
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.933.923.601	79.339.236	7.933.923.601	79.339.236
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.933.923.601	79.339.236	7.933.923.601	79.339.236
• Cổ phiếu phổ thông	7.933.923.601	79.339.236	7.933.923.601	79.339.236
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.933.923.601	79.339.236	7.933.923.601	79.339.236
• Cổ phiếu phổ thông	7.933.923.601	79.339.236	7.933.923.601	79.339.236

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu của Ngân hàng là 10.000 VND.

26. Thu nhập trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (Triệu đồng)	15.778.795	9.973.939
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	7.933.923.601	6.958.838.203
Thu nhập cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	1.989	1.433

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được tính bằng lợi nhuận sau thuế phân bổ cho Ngân hàng mẹ trừ đi (-) cổ tức chi trả cho cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có).
Tại thời điểm cuối năm tài chính, không có sự kiện hoặc tình huống nào có thể dẫn đến lãi suy giảm trên cổ phiếu.

27. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Năm 2024 Triệu đồng	Năm 2023 Triệu đồng
Thu nhập lãi tiền gửi	1.388.049	845.204
Thu nhập lãi cho vay	72.024.111	67.655.529
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán	4.033.498	6.134.210
• Thu lãi từ chứng khoán kinh doanh	765.184	694.160
• Thu lãi từ chứng khoán đầu tư	3.268.314	5.440.050
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	272.195	265.085
Thu nhập lãi từ nghiệp vụ mua nợ	93.528	120.037
Thu khác từ hoạt động tín dụng	2.300.264	1.537.312
	80.111.645	76.557.377

28. Chi phí lãi và các chi phí tương tự

	Năm 2024 Triệu đồng	Năm 2023 Triệu đồng
Trả lãi tiền gửi	21.300.529	26.071.508
Trả lãi tiền vay	5.503.601	5.513.344
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	3.201.546	5.940.883
Chi phí hoạt động tín dụng khác	1.025.562	856.966
	31.031.238	38.382.701

29. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

	Năm 2024 Triệu đồng	Năm 2023 Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	13.201.660	12.307.787
Thu từ dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	4.406.127	5.407.935
Thu từ dịch vụ tư vấn	139.026	93.493
Thu từ kinh doanh và dịch vụ bảo hiểm	4.150.911	2.937.498
Thu phí liên quan đến các loại thẻ	2.446.882	2.225.875
Thu khác	2.058.714	1.642.986
Chi phí hoạt động dịch vụ	(7.075.337)	(5.095.905)
Chi về dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	(2.135.183)	(1.735.699)
Chi về dịch vụ tư vấn	(73)	(4.164)
Chi về dịch vụ bảo hiểm	(1.035.286)	(279.617)
Hoa hồng môi giới	(447.900)	(253.324)
Chi cho hoạt động thẻ	(1.259.668)	(987.584)
Chi khác	(2.197.227)	(1.835.517)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	6.126.323	7.211.882

30. Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Năm 2024 Triệu đồng	Năm 2023 Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	4.745.156	4.351.790
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	2.524.315	3.040.262
Thu từ kinh doanh vàng	5.526	172
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	2.215.315	1.311.356
Chi phí từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(3.917.916)	(5.157.763)
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(892.360)	(1.108.687)
Chi về kinh doanh vàng	(8.534)	(15.976)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(3.017.022)	(4.033.100)
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	827.240	(805.973)

31. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh

	Năm 2024 Triệu đồng	Năm 2023 Triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	680.929	535.368
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(330.688)	(131.922)
Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh số 8.1)	10.715	(23.273)
	360.956	380.173

32. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	Năm 2024 Triệu đồng	Năm 2023 Triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	415.080	328.218
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(96.353)	(112.545)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (Thuyết minh số 13.3)	142.915	42.384
Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 13.4)	8.025	(8.025)
	469.667	250.032

33. Lãi thuần từ hoạt động khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Năm 2024 Triệu đồng	Năm 2023 Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động khác	9.559.809	7.774.012
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh khác	3.583.521	3.641.446
Thu từ nợ đã xử lý rủi ro	5.574.886	2.495.093
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	1.715	903
Thu nhập từ thanh lý tài sản khác	34.283	15.586
Thu từ hoạt động mua bán nợ	188.732	1.517.577
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	12.317	1.629
Thu nhập khác	164.355	101.778
Chi phí cho hoạt động khác	(4.182.147)	(3.248.461)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh khác	(3.835.275)	(2.864.611)
Chi về thanh lý tài sản cố định	(259)	(257)
Chi từ thanh lý tài sản khác	(27.576)	(9.704)
Chi khác	(319.037)	(373.889)
	5.377.662	4.525.551

34. Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần

	Năm 2024 Triệu đồng	Năm 2023 Triệu đồng
Cổ tức nhận được trong năm từ góp vốn, mua cổ phần	12.801	3.147
	12.801	3.147

35. Chi phí hoạt động

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Năm 2024 Triệu đồng	Năm 2023 Triệu đồng
Chi phí thuế, lệ phí và phí	8.028	12.787
Chi phí cho nhân viên	8.395.563	8.609.213
Trong đó:		
• Chi lương và phụ cấp	7.616.117	7.837.017
• Các khoản chi đóng góp theo lương	407.931	395.816
• Chi trợ cấp	159.547	162.156
• Chi khác	211.968	214.224
Chi về tài sản	1.957.629	1.689.084
Trong đó:		
• Khấu hao tài sản cố định	511.641	437.800
• Chi thuê tài sản	924.119	812.756
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	1.325.488	1.262.910
Trong đó:		
• Chi công tác phí	35.153	34.862
• Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	486	220
Trích lập dự phòng rủi ro khác	37.297	25.718
• Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh số 16.4)	37.297	25.718
Chi bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	431.141	301.649
Chi phí công nghệ thông tin	928.944	591.272
Chi về thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	134.629	126.552
Chi phí hoạt động khác	1.121.013	1.322.033
	14.339.732	13.941.218

36. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Năm 2024 Triệu đồng	Năm 2023 Triệu đồng
Chi phí dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Thuyết minh số 11)	27.796.974	24.896.613
Chi phí dự phòng cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước (Thuyết minh số 11)	32.323	51.439
Hoàn nhập chi phí dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ (Thuyết minh số 12)	(166)	(540)
Chi phí dự phòng rủi ro cho các tài sản có rủi ro tín dụng khác (Thuyết minh số 16.4)	73.493	46.862
	27.902.624	24.994.374

37. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất sau đây:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Tiền mặt, vàng bạc và đá quý	2.148.289	2.284.990
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	14.327.215	8.422.511
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	11.216.445	9.627.143
Tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi	115.310.835	71.671.930
Chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua	-	1.660.896
	143.002.784	93.667.470

38. Tình hình thu nhập của nhân viên

	Năm 2024	Năm 2023
I. Tổng số nhân viên bình quân (người) (Chỉ bao gồm các nhân viên chính thức)	26.199	27.042
II. Thu nhập của nhân viên (Triệu đồng)		
Tiền lương	7.416.358	7.615.260
Phụ cấp và thu nhập khác	979.205	993.953
Tổng thu nhập (1+2)	8.395.563	8.609.213
Tiền lương bình quân tháng	23,59	23,47
Thu nhập bình quân tháng	26,70	26,53

39. Tài sản, giấy tờ có giá thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

39.1 Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Bảng dưới đây trình bày giá trị sổ sách của tài sản thế chấp của khách hàng tại thời điểm cuối năm:

	Giá trị sổ sách	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Bất động sản	632.241.476	616.667.767
Động sản	93.763.257	82.757.721
Giấy tờ có giá	46.213.845	79.409.408
Các tài sản đảm bảo khác	1.136.124.694	872.798.273
	1.908.343.272	1.651.633.169

Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu của TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	Giá trị sổ sách	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Giấy tờ có giá	4.370.111	-
	4.370.111	-

39.2 Tài sản, giấy tờ có giá đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

Chi tiết các tài sản, giấy tờ có giá của Ngân hàng được đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu tại các TCTD khác và thiết lập hạn mức tại NHNN vào thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Giấy tờ có giá đưa đi thế chấp, cầm cố (Thuyết minh số 8.1 và 13.1)	5.686.000	4.895.000
Giấy tờ có giá bán và cam kết mua lại (Thuyết minh số 13.1)	2.000.000	5.000.000
Các tài sản khác đưa đi thế chấp, cầm cố	5.958.923	10.639.910
	13.644.923	20.534.910

40. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Bảo lãnh vay vốn	848.721	1.754.978
Cam kết giao dịch hối đoái	300.000.752	296.858.798
Cam kết mua ngoại tệ	2.972.620	264.965
Cam kết bán ngoại tệ	1.955.905	992.663
Cam kết nhận – giao dịch hoán đổi tiền tệ	147.811.792	147.839.284
Cam kết trả – giao dịch hoán đổi tiền tệ	147.260.435	147.761.886
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	16.461.049	38.680.116
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	16.518.381	38.826.301
<i>Trừ: Tiền ký quỹ</i>	<i>(57.332)</i>	<i>(146.185)</i>
Bảo lãnh khác	26.008.227	19.546.205
Cam kết bảo lãnh thanh toán	6.945.197	6.796.559
Cam kết bảo lãnh thực hiện hợp đồng	9.331.348	4.410.630
Cam kết bảo lãnh dự thầu	470.492	371.974
Cam kết bảo lãnh khác	9.932.865	8.370.870
<i>Trừ: Tiền ký quỹ</i>	<i>(671.675)</i>	<i>(403.828)</i>
Cam kết khác	347.434.640	285.115.836
Cam kết hoán đổi lãi suất tiền tệ chéo – nhận	35.324.065	26.662.517
Cam kết hoán đổi lãi suất tiền tệ chéo – trả	36.760.922	27.153.623
Cam kết hoán đổi lãi suất một đồng tiền	39.136.588	21.973.473
Cam kết mua bán giấy tờ có giá	6.558.266	3.366.684
Cam kết khác	229.654.799	205.959.539
• Trong đó: Hạn mức tín dụng chưa sử dụng có thể hủy ngang	229.511.446	205.810.854
Nghĩa vụ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra	690.753.389	641.955.933

41. Các khoản mục ngoại bảng khác

41.1 Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Lãi cho vay chưa thu được	7.163.528	7.854.292
Lãi chứng khoán chưa thu được	122.176	40.252
Phí phải thu chưa thu được	382.479	317.263
	7.668.183	8.211.807

41. (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41.2 Nợ khó đòi
đã xử lý

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	44.140.435	27.104.854
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	38.046.965	23.995.273
	82.187.400	51.100.127

41.3 Tài sản và
chứng từ khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Tài sản khác giữ hộ	91.013.942	36.177.136
Tài sản thuê ngoài (*)	-	-
Tài sản đảm bảo nhận thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên đảm bảo chờ xử lý	34.845	-
Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản	31.878.003	54.918.718
	122.926.790	91.095.854

(*) Do chưa có hướng dẫn về xác định giá trị theo Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ Báo cáo tài chính đối với các TCTD Việt Nam nên Ngân hàng không trình bày khoản mục này.

42. Cam kết
thuê hoạt động

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Các cam kết thuê hoạt động không hủy ngang	157.193	437.149
Trong đó:		
• Đến hạn trong 01 năm	92.728	131.923
• Đến hạn từ 01 đến 05 năm	64.465	302.887
• Đến hạn sau 05 năm	-	2.339
	157.193	437.149

43. Giao dịch với các bên liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Các bên được coi là bên liên quan của Ngân hàng nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Ngân hàng và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị	
		Năm 2024 Triệu đồng	Năm 2023 Triệu đồng
Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation - Cổ đông lớn (*)	Chi phí lãi tiền vay từ SMBC	(753.180)	(145.607)
	Doanh thu lãi tiền gửi tại SMBC	19.233	3.657
	Doanh thu từ hợp đồng phái sinh với SMBC	1.446.986	226.184
	Chi phí từ hợp đồng phái sinh với SMBC	(1.305.968)	(239.022)
	Chi phí khác	(197.932)	(26.360)
	Thu phí dịch vụ khác	2.925	-
CTCP Cảng Sài Gòn - Công ty do Ngân hàng đầu tư góp vốn dài hạn có từ 11% quyền biểu quyết trở xuống	Nhận tiền gửi có kỳ hạn	-	16.000
	Lãi phải trả tiền gửi	(276)	(379)
	Chi phí lãi tiền gửi	(788)	(905)
CTCP đầu tư trung tâm thương mại Vinh (Vicentra) (**)	Chi phí lãi tiền gửi	-	(1.369)
	Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	-	73
	Thu từ hoạt động tín dụng	-	547
	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1	1
Công ty TNHH MTV EFFEXI (**)	Chi phí lãi tiền gửi	(3)	-
	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	9	-
Công ty TNHH MTV Rostra (**)	Chi phí lãi tiền gửi	(11)	-
	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	13	-
CTCP Diera Corp (**)	Chi phí lãi tiền gửi	(14)	(2)
	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	10	-
CT TNHH MTV Xưởng Phim Màu Hồng (**)	Chi phí lãi tiền gửi	(1)	(3)
	Chi phí từ hoạt động dịch vụ	(1)	-
	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	4	1
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc	Nhận tiền gửi có kỳ hạn	1.649.915	354.068
	Rút tiền gửi có kỳ hạn	(1.751.165)	(359.402)
	Chi phí lãi tiền gửi	(6.977)	(23.309)
	Thu nhập từ thẻ tín dụng	107	70

43. (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Các khoản phải thu, phải trả trọng yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Bên liên quan	Diễn giải	Phải thu/(Phải trả)	
		Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation - Cổ đông lớn (*)	Dự chi lãi vay	(93.761)	(53.140)
	Dự chi từ hợp đồng phái sinh	(234.296)	(241.710)
	Dự thu từ hợp đồng phái sinh	216.238	368.650
	Phí trả trước chờ phân bổ	169.843	148.867
	Tiền gửi của SMBC	(408)	(597)
	Tiền gửi tại SMBC	173.687	175.091
	Vay từ SMBC	(7.405.187)	(11.894.724)
CTCP Cảng Sài Gòn - Công ty do Ngân hàng đầu tư góp vốn dài hạn có từ 11% quyền biểu quyết trở xuống	Nhận tiền gửi không kỳ hạn	(1.225)	(449)
	Nhận tiền gửi có kỳ hạn	(16.000)	(16.000)
	Dự chi lãi tiền gửi	(276)	(379)
CTCP đầu tư trung tâm thương mại Vinh (Vicentra) (**)	Nhận tiền gửi không kỳ hạn	(741)	(147)
Công ty TNHH MTV EFFEXI (**)	Nhận tiền gửi không kỳ hạn	(227)	-
Công ty TNHH MTV Rostra (**)	Nhận tiền gửi không kỳ hạn	(6.248)	-
CTCP Diera Corp (**)	Nhận tiền gửi không kỳ hạn	(2.623)	(62)
CT TNHH MTV Xưởng Phim Màu Hồng (**)	Nhận tiền gửi không kỳ hạn	(101)	(1.485)

Các khoản phải thu, phải trả trọng yếu với Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Bên liên quan	Diễn giải	Phải thu/(Phải trả)	
		Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc	Tiền có kỳ hạn gửi	(64.710)	(165.889)
	Tiền gửi không kỳ hạn	(28.716)	(29.018)
	Dự trả lãi tiền gửi	(301)	(455)
	Thẻ tín dụng	1.006	1.040

43. (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Giá trị hợp đồng phái sinh, mua bán ngoại tệ của các bên liên quan chi tiết như sau:

Bên liên quan	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng
SMBC - Cổ đông lớn (*)	29.284.052	28.541.180

(*) Giá trị/số dư giao dịch với SMBC và các chi nhánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày là số liệu từ ngày 20 tháng 10 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 sau khi SMBC trở thành cổ đông lớn sở hữu 15,005% vốn điều lệ của Ngân hàng.

(**) Các công ty liên quan có thành viên trong Hội đồng Quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Ban Lãnh đạo hoặc Ban Kiểm soát là thành viên hoặc là người có liên quan của thành viên trong Hội đồng Quản trị hoặc Ban Lãnh đạo hoặc Ban Kiểm soát của Ngân hàng.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Chức vụ	Năm 2024 Triệu đồng	Năm 2023 Triệu đồng
Thành viên Hội đồng Quản trị			
Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch	(3.360)	(3.360)
Ông Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch	(3.120)	(3.120)
Ông Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch	(3.120)	(3.120)
Ông Nguyễn Đức Vinh	Thành viên	-	-
Bà Phạm Thị Nhung	Thành viên	-	-
Ông Takeshi Kimoto	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên độc lập	(1.200)	(1.200)
Thành viên Ban Kiểm soát			
Thù lao, tiền lương và phụ cấp	Ban Kiểm soát	(6.429)	(6.010)
Tổng Giám đốc			
Ông Nguyễn Đức Vinh	Tổng Giám đốc	(11.319)	(11.388)

Ngoài ra, Ngân hàng không có các giao dịch, các khoản phải thu, phải trả trọng yếu nào khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày với các bên liên quan.

44. Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các đối tác của Ngân hàng tại thời điểm cuối năm như sau:

	Trong nước Triệu đồng	Nước ngoài Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tổng dư nợ cho vay khách hàng, mua nợ và cấp tín dụng cho các TCTD khác	701.797.987	2	701.797.989
Tổng huy động	693.988.613	60.426.667	754.415.280
Các cam kết tín dụng và bảo lãnh khác	43.246.593	71.404	43.317.997
Công cụ tài chính phái sinh	(247.549)	275.606	28.057
Kinh doanh và đầu tư chứng khoán	66.031.076	-	66.031.076

45. Chính sách quản lý rủi ro tài chính

Ngân hàng chịu những rủi ro sau từ các công cụ tài chính:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này trình bày thông tin về những rủi ro mà Ngân hàng có thể gặp phải theo loại rủi ro; mục tiêu, chính sách và quy trình của Ngân hàng nhằm đánh giá và quản lý rủi ro và việc quản lý nguồn vốn của Ngân hàng.

Khung quản lý rủi ro

Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) Ngân hàng có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát tình hình thực hiện một khuôn khổ quản lý rủi ro thống nhất, đồng thời chịu trách nhiệm cuối cùng và cao nhất về chất lượng, hiệu quả quản lý rủi ro của Ngân hàng. Để hỗ trợ vai trò giám sát này, HĐQT Ngân hàng đã thành lập Hội đồng Quản lý Tài sản có/tài sản nợ (“ALCO”) và Ủy ban Quản lý Rủi ro (“RCO”), các hội đồng/ủy ban này có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro quan trọng theo từng lĩnh vực được HĐQT ủy quyền và định kỳ báo cáo lên HĐQT về các hoạt động của mình. Thành viên của các hội đồng bao gồm các thành viên có quyền biểu quyết và các thành viên không có quyền biểu quyết.

Khung quản lý rủi ro của Ngân hàng được thiết lập nhằm xác lập các nguyên tắc chủ chốt trong hoạt động quản lý và kiểm soát những rủi ro trọng yếu phát sinh từ các hoạt động Ngân hàng. Trên cơ sở này, chính sách quản lý rủi ro của Ngân hàng được thiết lập nhằm xác định và phân tích những rủi ro mà Ngân hàng gặp phải, nhằm lập ra các hạn mức rủi ro phù hợp và các biện pháp kiểm soát, và nhằm giám sát rủi ro và tuân thủ các hạn mức.

Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được thường xuyên soát xét để cập nhật những thay đổi về điều kiện thị trường, các sản phẩm và dịch vụ Ngân hàng cung cấp. Thông qua các hoạt động đào tạo; các tiêu chuẩn và hệ thống quản lý, Ngân hàng hướng đến việc phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính tích cực, trong đó toàn bộ các nhân viên của Ngân hàng hiểu rõ được vai trò và nghĩa vụ của mình.

45. (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

45.1 Rủi ro tín dụng

Ngân hàng chịu rủi ro tín dụng trong hoạt động cấp tín dụng cho khách hàng, gửi tiền tại và cấp tín dụng cho các TCTD khác và đầu tư trái phiếu doanh nghiệp cũng như khi Ngân hàng đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba khác hay khi Ngân hàng cấp bảo lãnh. Rủi ro tín dụng phát sinh khi khách hàng, bên có nghĩa vụ hoặc đối tác không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo các cam kết và thỏa thuận đã ký với Ngân hàng. Rủi ro tín dụng chính mà Ngân hàng gặp phải phát sinh từ hoạt động cho vay và ứng trước khách hàng doanh nghiệp, cho vay và ứng trước khách hàng bán lẻ và đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên báo cáo tình hình tài chính. Ngoài ra, Ngân hàng còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoại bảng dưới dạng các cam kết bảo lãnh, thư tín dụng chứng từ và các công cụ tài chính phái sinh.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro có tác động lớn nhất đến thu nhập và vốn của Ngân hàng. Ngân hàng xây dựng khẩu vị rủi ro tín dụng theo tôn chỉ quản lý các hoạt động tín dụng một cách thận trọng và các giới hạn cấp tín dụng bao gồm giới hạn rủi ro tập trung tín dụng và nằm trong khả năng chịu đựng rủi ro của Ngân hàng. Về nguyên tắc, Ngân hàng nhận dạng và quản lý các rủi ro tín dụng tại tất cả các hoạt động và sản phẩm tiềm ẩn rủi ro và đảm bảo rằng Ngân hàng chỉ cung cấp các sản phẩm mới khi có đầy đủ các quy định, quy trình liên quan đến sản phẩm mới, hoạt động trên thị trường mới nhằm nhận dạng, đo lường, đánh giá, theo dõi và kiểm soát các rủi ro phát sinh trọng yếu. Để quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng chủ trương giao dịch với các đối tác đáng tin cậy, và yêu cầu đối tác phải có các biện pháp bảo đảm khi cần thiết.

Hệ thống quản lý rủi ro tín dụng được vận hành theo nguyên tắc độc lập và tập trung hóa. Theo đó, công tác xây dựng chính sách rủi ro, xác định giới hạn rủi ro và công tác theo dõi, báo cáo và kiểm soát rủi ro được thực hiện độc lập và tập trung tại Khối Quản trị Rủi ro. Các báo cáo của Khối Quản trị Rủi ro là cơ sở để RCO ban hành các quyết định tín dụng quan trọng.

Ngân hàng thực hiện đo lường rủi ro tín dụng, thực hiện trích lập dự phòng và tuân thủ các tỷ lệ an toàn cho các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng và cho các tổ chức tín dụng khác trên cơ sở áp dụng các quy định của NHNN.

Cách tiếp cận tổng thể của Ngân hàng đối với rủi ro tín dụng là cách tiếp cận theo mức độ rủi ro. Theo đó, các quyết định phê duyệt, định giá tín dụng cũng như các biện pháp ứng xử về giám sát, phân luồng tín dụng và kiểm soát rủi ro tín dụng đang được thiết kế phù hợp theo mức độ rủi ro của khách hàng. Để đạt được mục tiêu này, các hoạt động quan trọng mà Ngân hàng đang thực hiện bao gồm những nội dung sau:

- Tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng dữ liệu phục vụ công tác xây dựng các hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại rủi ro theo chuẩn mực quốc tế;
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng và hệ thống chấm điểm;
- Tập hợp và rà soát các chính sách/văn bản tín dụng toàn hệ thống để đánh giá lại tính đồng bộ và mức độ đáp ứng các yêu cầu được đặt ra trong Chính sách khung quản trị rủi ro;
- Hoàn thiện cơ chế giám sát chất lượng tín dụng cho toàn bộ vòng đời của khoản vay;
- Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm rủi ro tín dụng; và
- Xây dựng hệ thống thu hồi nợ và tái cấu trúc nợ.

45. (tiếp theo)

45.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mức rủi ro tín dụng tối đa chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản bằng với giá trị ghi sổ (không bao gồm dự phòng) của nhóm tài sản đó trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất được trình bày như sau:

	Chưa quá hạn Triệu đồng	Đã quá hạn và chưa bị giảm giá Triệu đồng	Đã quá hạn và đã trích lập dự phòng Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác – gộp	134.643.662	-	-	134.643.662
• Tiền gửi tại TCTD khác	126.527.280	-	-	126.527.280
• Cấp tín dụng cho các TCTD khác	8.116.382	-	-	8.116.382
Chứng khoán kinh doanh – gộp (*)	11.540.105	-	-	11.540.105
Cho vay khách hàng và mua nợ – gộp	621.092.242	10.524.267	62.065.098	693.681.607
Chứng khoán đầu tư – gộp (*)	50.778.998	2.056.000	-	52.834.998
Tài sản Có khác – gộp	27.190.359	6.432	342.169	27.538.960
Tổng cộng	845.245.366	12.586.699	62.407.267	920.239.332

(*) Không bao gồm chứng khoán vốn

Bảng trên thể hiện trường hợp xấu nhất với mức độ mất vốn tối đa của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, chưa tính đến bất kỳ các tài sản thế chấp được nắm giữ hay các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng nào.

Các tài sản chưa quá hạn của Ngân hàng bao gồm các khoản nợ nhóm 1 theo quy định của Thông tư 31; các khoản vay đáp ứng yêu cầu của Thông tư 02, Thông tư 06 và Thông tư 53 quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn; các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo Thông tư 48 và Thông tư 24. Ngân hàng đánh giá rằng Ngân hàng hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản này trong tương lai.

Các tài sản tài chính quá hạn của Ngân hàng được phân loại theo từng đối tác có rủi ro tín dụng theo phương pháp định lượng được hướng dẫn theo Thông tư 31, Thông tư 02, Thông tư 06 và Thông tư 53.

45. (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Các tài sản đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá là do Ngân hàng và các công ty con đang nắm giữ các tài sản đảm bảo đủ bù đắp các tổn thất tín dụng theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngân hàng hiện đang nắm giữ các tài sản đảm bảo là bất động sản, động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản đảm bảo khác cho các tài sản tài chính này. Ngân hàng chưa xác định được đầy đủ giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo này do chưa có các hướng dẫn cụ thể cũng như chưa có các thông tin thị trường cần thiết.

45.2 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do những biến động bất lợi và thay đổi của các nhân tố rủi ro thị trường (bao gồm lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường...) gây ra tác động tiêu cực đối với thu nhập và vốn của Ngân hàng.

Quản lý rủi ro thị trường

Công tác quản lý rủi ro thị trường được thực hiện tại Phòng Rủi ro Thị trường và Đối tác thuộc Khối Quản trị Rủi ro. Phòng Rủi ro Thị trường và Đối tác chịu trách nhiệm xây dựng chi tiết các chính sách, quy trình; xây dựng các công cụ đo lường; đề xuất hạn mức rủi ro thị trường độc lập trình cấp thẩm quyền phê duyệt và thực hiện giám sát hạn mức rủi ro thị trường hàng ngày/hàng tháng theo quy định của Ngân hàng. Các vấn đề liên quan đến quản trị rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất sổ ngân hàng thuộc chức năng giám sát và tham mưu của Hội đồng Quản lý Rủi ro Thị trường ("MACO").

Về hệ thống các quy định nội bộ quản lý Rủi ro Thị trường, ngân hàng đã ban hành chính sách quản lý Rủi ro Thị trường, quy định các nguyên tắc quản trị rủi ro, vai trò và trách nhiệm các bên liên quan trong quy trình quản trị rủi ro thị trường, quy chuẩn nguyên tắc đo lường và giám sát rủi ro thị trường. Bên cạnh đó, quy định về phân tách Sở Kinh doanh và Sở Ngân hàng cũng được ban hành theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và tuân thủ tiêu chuẩn Basel II, đảm bảo quản lý từng công cụ theo bản chất rủi ro gắn liền với công cụ đó. Để quản lý theo cấp độ danh mục, ngân hàng đề ra chiến lược cho từng danh mục của Khối Thị trường Tài chính và Ngân hàng giao dịch, được rà soát và cập nhật hàng năm. Chiến lược quy định rõ các công cụ hợp lệ, phân tích các rủi ro tiềm ẩn và chiến lược phòng ngừa cho từng danh mục. Phương pháp định giá cũng đã được ban hành theo Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế, giúp tính toán giá trị hợp lý của các sản phẩm tài chính một cách chính xác.

Các loại rủi ro thị trường của Ngân hàng (bao gồm rủi ro tiền tệ, lãi suất, giá hàng hóa, quyền chọn, chênh lệch lợi suất và thanh khoản thị trường) đều được phân tích chuyên sâu, nhận diện, đo lường và quản lý bằng hệ thống các hạn mức nội bộ. Việc quản lý và kiểm soát rủi ro bao gồm các báo cáo rủi ro định kỳ (chủ yếu là hàng ngày) và báo cáo các trường hợp vi phạm hạn mức.

Hệ thống hạn mức rủi ro thị trường được xây dựng kết hợp giữa phương pháp tiếp cận từ trên xuống (top-down) dựa vào khẩu vị rủi ro của Ngân hàng, quy định của NHNN và các quy định của đối tác chiến lược và phương pháp từ dưới lên (bottom-up) dựa vào nhu cầu từ đơn vị kinh doanh và phân tích rủi ro-lợi nhuận.

Đối với công tác quản lý rủi ro Đối tác, Ngân hàng đã ban hành văn bản về quy định xác định và phê duyệt hạn mức giao dịch của Ngân hàng đối với khách hàng là định chế tài chính, trong đó đưa ra quy định để xác định hạn mức cho các giao dịch có yếu tố rủi ro thị trường và rủi ro đối tác, đảm bảo tất cả mọi yếu tố rủi ro đều được cân nhắc trong quá trình cấp hạn mức cho đối tác.

45. (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

45.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(a) Rủi ro lãi suất

Lãi suất thực tế cho các khoản cho vay khách hàng và tiền gửi khách hàng theo loại tiền tệ được trình bày lần lượt tại Thuyết minh số 10 và Thuyết minh số 20.

Rủi ro lãi suất phát sinh khi có sự chênh lệch về thời hạn định lại lãi suất giữa tài sản có và tài sản nợ. Tất cả các hoạt động tín dụng, huy động, đầu tư của Ngân hàng đều phát sinh rủi ro lãi suất.

Dựa trên cơ sở trạng thái “nhạy cảm với lãi suất” theo từng kỳ thay đổi lãi suất, các chỉ tiêu là tài sản, nguồn vốn và các tài sản ngoại bảng được xếp vào các kỳ hạn của bảng “khe hở lãi suất” của toàn Ngân hàng.

Thời hạn định lại lãi suất đối với các khoản mục có lãi suất cố định là thời gian còn lại cho đến khi đáo hạn của tài sản, đối với lãi suất thả nổi là thời gian còn lại cho đến kỳ định lại lãi suất gần nhất.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong xây dựng bảng “Khe hở lãi suất”:

- Tiền mặt và vàng, tiền gửi tại NHNN, góp vốn, đầu tư dài hạn, tài sản cố định và các tài sản Có khác, các khoản nợ khác được xếp loại vào khoản mục “Không nhạy cảm lãi suất”;
- Thời gian định lại lãi suất của chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư được tính dựa trên thời gian thanh toán/đáo hạn còn lại theo hợp đồng tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất nếu chứng khoán đó có lãi suất cố định hoặc dựa trên thời gian định lại lãi suất theo hợp đồng nếu chứng khoán đó có lãi suất thả nổi;
- Thời gian định lại lãi suất của các khoản tiền gửi tại và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác; các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản/(các khoản nợ) tài chính khác; các khoản cho vay khách hàng; hoạt động mua nợ; các khoản nợ Chính phủ và NHNN; các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tài chính, TCTD khác, khoản mục tiền gửi của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định: thời gian định lại lãi suất dựa trên thời gian thanh toán/đáo hạn theo hợp đồng tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: thời gian định lại lãi suất dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất theo hợp đồng tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

45. (tiếp theo)

45.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(a) Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Bảng dưới đây trình bày thời hạn định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Thời hạn định lại lãi suất							Đơn vị: Triệu đồng
	Quá hạn Triệu đồng	Không chịu lãi Triệu đồng	Đến 1 tháng Triệu đồng	Từ 1 – 3 tháng Triệu đồng	Từ 3 – 6 tháng Triệu đồng	Từ 6 – 12 tháng Triệu đồng	Từ 1 – 5 năm Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	2.148.289	-	-	-	-	-	2.148.289
Tiền gửi tại NHNN	-	13.733.896	593.319	-	-	-	-	14.327.215
Tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác – góp	-	-	129.374.659	3.102.331	1.965.854	200.818	-	134.643.662
Chứng khoán kinh doanh – góp	-	1.640.615	10.900.282	639.824	-	-	-	13.180.721
Cho vay khách hàng và mua nợ - góp	26.750.477	-	319.464.033	160.174.045	72.217.916	86.620.436	28.086.800	693.681.607
Chứng khoán đầu tư – góp	720.000	1.008.284	7.126.579	6.115.449	2.558.026	931.919	8.449.072	52.850.355
Góp vốn đầu tư dài hạn – góp	-	189.210	-	-	-	-	-	189.210
Tài sản cố định	-	2.023.761	-	-	-	-	138	2.023.899
Tài sản Có khác – góp	344.742	26.920.927	21.999	167.979	8.397	74.916	-	27.538.960
TỔNG TÀI SẢN	27.815.219	47.664.982	467.480.871	170.199.628	76.750.193	87.828.089	26.309.064	940.583.918
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	5.713	-	-	-	-	5.713
Tiền gửi và vay các TCTC, TCTD khác	-	-	127.424.754	27.290.448	34.537.552	12.503.667	-	201.756.421
Tiền gửi của khách hàng	-	-	158.120.712	123.077.340	126.492.432	68.302.761	9.672.471	485.666.548
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	11.306.700	295.652	(300.447)	(3.186.288)	(8.087.560)	28.057
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	10.894	-	-	-	10.894
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	4.537.938	8.321.767	21.442.097	27.628.796	5.045.106	66.975.704
Các khoản nợ khác	-	22.114.137	4.088	6.824	3.989	-	-	22.129.038
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	-	22.114.137	301.399.905	159.002.925	182.175.623	105.248.936	6.630.017	776.572.375
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội bảng	27.815.219	25.550.845	166.080.966	11.196.703	(105.425.430)	(17.420.847)	29.905.855	164.011.543
Mức chênh lệch cam với lãi suất ngoại bảng	-	-	10.888.233	(1.914.030)	803.487	(2.366.749)	(8.217.177)	(806.236)
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội, ngoại bảng	27.815.219	25.550.845	176.969.199	9.282.673	(104.621.943)	(19.787.596)	21.688.678	163.205.307

45. (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

45.2 Rủi ro thị trường
(tiếp theo)

(a) Rủi ro lãi suất

Độ nhạy đối với lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các tài sản và nợ phải trả chịu lãi suất (kể cả các tài sản và nợ phải trả có lãi suất cố định) có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế; lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng như sau:

	Mức tăng lãi suất	Lợi nhuận trước thuế Triệu đồng	Lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu Triệu đồng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024			
USD	1,50%	6.028	4.822
VND	3,00%	3.308.756	2.647.005
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023			
USD	1,50%	(65.352)	(52.282)
VND	3,00%	2.789.528	2.231.622

(b) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ (hay thường gọi là rủi ro tỷ giá) là rủi ro gây ra tổn thất cho Ngân hàng do các thay đổi bất lợi của giá trị hợp lý của các trạng thái khi tỷ giá biến động. Trạng thái ngoại hối cũng như các trạng thái vàng và kim loại quý khác có tiềm ẩn rủi ro tỷ giá. Rủi ro tỷ giá xuất hiện khi danh mục bao gồm các dòng tiền giao ngay hoặc dòng tiền tương lai bằng ngoại tệ. Rủi ro tỷ giá tiềm ẩn trên cả Sổ Kinh doanh và Sổ Ngân hàng. Rủi ro tỷ giá tác động trực tiếp tới bảng cân đối tài sản và bảng thu nhập khi các loại tài sản, nợ và thu nhập bằng ngoại tệ cần được chuyển đổi sang nội tệ.

Quản lý rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ được quản lý bằng các công cụ hạn mức cho trạng thái mở ngoại tệ cho từng loại ngoại tệ cũng như tổng trạng thái mở ngoại tệ. Ngân hàng quản lý bằng cách thiết lập các hạn mức trạng thái mở của từng ngoại tệ phù hợp với chiến lược kinh doanh của Ngân hàng và quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đồng Việt Nam là đồng tiền chính trong giao dịch của Ngân hàng; đồng USD được giao dịch chủ yếu trên các khoản cho vay, tiền gửi và phái sinh; các loại ngoại tệ khác chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng tài sản và nợ của Ngân hàng. Các trạng thái mở ngoại tệ được giám sát hàng ngày và các chiến lược phòng vệ được sử dụng để đảm bảo các trạng thái luôn trong hạn mức cho phép.

Tỷ giá của các loại ngoại tệ quan trọng tại thời điểm lập báo cáo được trình bày tại *Thuyết minh số 50*.

Độ nhạy đối với tỷ giá

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng do các thay đổi có thể xảy ra của tỷ giá. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Ngân hàng là không đáng kể. Mức tăng tỷ giá thể hiện đồng USD mạnh lên so với đồng VND.

	Mức tăng tỷ giá	Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu Triệu đồng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024		
USD	2,00%	4.229
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023		
USD	2,00%	32.130

45. (tiếp theo)

45.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

(b) Rủi ro tiến tệ (tiếp theo)

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang đồng VND
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Tài sản	EUR được quy đổi Triệu đồng	USD được quy đổi Triệu đồng	Vàng được quy đổi Triệu đồng	Các loại ngoại tệ khác quy đổi Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	24.730	161.545	28.388	42.152	256.815
Tiền gửi tại NHNN	791	208.148	-	-	208.939
Tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác – gộp	124.832	23.193.368	-	227.993	23.546.193
Cho vay khách hàng và mua nợ – gộp	64.286	10.826.830	-	-	10.891.116
Tài sản Có khác – gộp	1.191	1.288.933	-	4.242	1.294.366
TỔNG TÀI SẢN	215.830	35.678.824	28.388	274.387	36.197.429
Nợ phải trả					
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN, các TCTC, TCTD khác	64.283	72.101.678	-	-	72.165.961
Tiền gửi của khách hàng	118.448	3.366.530	-	141.547	3.626.525
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	66.471	(41.853.927)	-	74.725	(41.712.731)
Các khoản nợ khác	2.686	1.800.201	-	98.851	1.901.738
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	251.888	35.414.482	-	315.123	35.981.493
Trạng thái tiến tệ nội bảng	(36.058)	264.342	28.388	(40.736)	215.936
Trạng thái tiến tệ ngoại bảng	1.328	1.027.270	-	(11.883)	1.016.715
Trạng thái tiến tệ nội, ngoại bảng	(34.730)	1.291.612	28.388	(52.619)	1.232.651

45. (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

45.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản có thể xảy ra khi Ngân hàng không cân đối đủ tiền để có thể đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán đến hạn; hoặc có thể đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán đến hạn nhưng phải chịu tổn thất lớn để thực hiện các nghĩa vụ đó. Rủi ro này có thể gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận, vốn, danh tiếng của Ngân hàng; thậm chí có thể làm cho Ngân hàng bị phá sản.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Ngân hàng thực hiện quản lý thanh khoản của toàn Ngân hàng và theo từng loại tiền chính (VND, USD) theo cơ chế, quy trình điều tiết, giám sát và quản lý thanh khoản được quy định cụ thể trong Chính sách và các Quy định, Quy trình về Quản lý Thanh khoản. Theo đó, quản trị rủi ro thanh khoản của ngân hàng được thực hiện thông qua sự phối hợp chặt chẽ giữa 3 Khối/ trung tâm là: Trung tâm Quản lý Tài sản Nợ - Có, Khối Quản trị rủi ro và Khối Thị trường tài chính. Trong đó, Khối Thị trường tài chính có vai trò chủ đạo trong việc quản lý thanh khoản ngắn hạn và Trung tâm Quản lý Tài sản Nợ - Có có vai trò chủ đạo trong việc quản lý thanh khoản dài hạn trên cơ sở phù hợp và tuân thủ với khẩu vị rủi ro, chỉ tiêu rủi ro, chiến lược và chính sách quản trị rủi ro thanh khoản do Khối Quản trị rủi ro chịu trách nhiệm xây dựng.

Ngân hàng luôn duy trì một danh mục và khối lượng cụ thể của các tài sản có tính thanh khoản cao, có thể bao gồm nhưng không hạn chế: tiền mặt, vàng, tiền gửi liên ngân hàng, trái phiếu Chính phủ và các tài sản khác có tính thanh khoản cao khác để đảm bảo luôn đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán đến hạn trong điều kiện bình thường cũng như trong hoàn cảnh căng thẳng mà không phát sinh các tổn thất không chấp nhận được hoặc gây ra tác động tiêu cực đến hình ảnh của Ngân hàng. Trong từng thời kỳ, dựa trên cấu trúc về Tài sản Nợ - Tài sản Có của Ngân hàng mà Ngân hàng sẽ xây dựng các hạn mức chênh lệch thanh khoản cụ thể và tuân thủ nghiêm túc.

Ngân hàng hiểu rõ mối quan hệ qua lại của các rủi ro tín dụng, thị trường tác động đến khả năng thanh khoản của Ngân hàng. Ngân hàng nhận thức rõ ràng rủi ro thanh khoản đến từ hai phía của bảng cân đối tài sản Ngân hàng. Vì vậy, cách tiếp cận quản lý rủi ro thanh khoản của Ngân hàng luôn chú trọng việc đa dạng hóa hoạt động đầu tư, tín dụng và tăng cường khả năng tiếp cận thị trường vốn bằng nhiều công cụ và sản phẩm huy động vốn khác nhau.

Ngân hàng áp dụng cả hai cách tiếp cận phổ biến về quản lý rủi ro thanh khoản là cách tiếp cận theo thời điểm và cách tiếp cận theo thời kỳ. Theo đó, Ngân hàng theo dõi hàng ngày tình hình tuân thủ các tỷ lệ an toàn về thanh khoản và đồng thời dự báo biến động của các dòng tiền tác động đến khả năng thanh khoản của Ngân hàng trong tương lai đảm bảo tại mọi thời điểm luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của NHNN và các quy định nội bộ của Ngân hàng.

Các giới hạn rủi ro thanh khoản được thiết lập dựa trên kết quả dự báo thanh khoản của Ngân hàng trong hoàn cảnh bình thường cũng như trong các điều kiện căng thẳng trên thị trường. Ngân hàng định kỳ thực hiện các kịch bản căng thẳng thanh khoản khác nhau để kiểm tra khả năng đáp ứng thanh khoản của Ngân hàng trong các tình huống bất lợi. Đồng thời cũng ban hành quy định cụ thể về kế hoạch dự phòng thanh khoản (LCP), theo đó quy định rõ vai trò, trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân và quy trình phối hợp thực hiện ngay khi có dấu hiệu của một sự kiện căng thẳng thanh khoản có thể xảy ra.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời hạn còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đến lần thanh toán cuối cùng theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

45. (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

45.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(c) Rủi ro thanh khoản

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- Tiền gửi tại NHNN được xếp loại tiền gửi thanh toán có thời gian đáo hạn đến 1 tháng, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng;
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán kinh doanh được coi là có thời gian đáo hạn dưới 1 tháng do các chứng khoán này được nắm giữ trong ngắn hạn nhằm thu lợi nhuận do chênh lệch giá;
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán. Trong đó, các khoản chứng khoán do Chính phủ phát hành/bảo lãnh, mặc dù được xếp vào các kỳ hạn dài theo kỳ hạn còn lại, nhưng là tài sản thanh khoản trên thị trường, hoàn toàn có thể chuyển thành tiền trong một khoảng thời gian ngắn;
- Thời gian đáo hạn của các khoản tiền gửi tại và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đáo hạn của hợp đồng. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các khế ước cho vay được gia hạn/trả trước;
- Thời gian đáo hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là trên năm (5) năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định hoặc theo thời gian xác định trong Nghị quyết đầu tư của Ngân hàng;
- Thời gian đáo hạn của các khoản tiền gửi và vay của các tổ chức tài chính, các TCTD khác, các khoản tiền gửi của khách hàng, các khoản nợ Chính phủ và tài sản Có khác được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và được phân loại là tiền gửi không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu;
- Thời gian đáo hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản;
- Thời gian đáo hạn của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá; và
- Thời gian đáo hạn của các khoản nợ khác được phân loại vào kỳ hạn “Đến 1 tháng”.

45. (tiếp theo)

45.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(c) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Bảng dưới đây trình bày thời gian đáo hạn của tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Quá hạn		Trong hạn					Tổng cộng Triệu đồng
	Trên 3 tháng Triệu đồng	Đến 3 tháng Triệu đồng	Đến 1 tháng Triệu đồng	Từ 1 đến 3 tháng Triệu đồng	Từ 3 đến 12 tháng Triệu đồng	Từ 1 đến 5 năm Triệu đồng	Trên 5 năm Triệu đồng	
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	2.148.289	-	-	-	-	2.148.289
Tiền gửi tại NHNN	-	-	14.327.215	-	-	-	-	14.327.215
Tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác – góp	-	-	129.374.660	3.102.331	2.166.671	-	-	134.643.662
Chứng khoán kinh doanh – góp	-	-	12.540.897	639.824	-	-	-	13.180.721
Cho vay khách hàng và mua nợ - góp	15.635.721	11.114.756	85.718.091	69.251.974	208.823.421	209.594.915	93.542.729	693.681.607
Chứng khoán đầu tư – góp	720.000	-	4.987.935	3.640.307	2.937.830	14.591.338	25.972.945	52.850.355
Góp vốn đầu tư dài hạn – góp	-	-	-	-	-	-	189.210	189.210
Tài sản cố định	-	-	1	9	178	29.098	1.994.613	2.023.899
Tài sản Có khác – góp	343.734	1.008	21.574.725	667.853	4.651.573	89.464	210.603	27.538.960
TỔNG TÀI SẢN	16.699.455	11.115.764	270.671.813	77.302.298	218.579.673	224.304.815	121.910.100	940.583.918
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	2.395	2.181	1.137	-	-	5.713
Tiền gửi và vay các TCTC, TCTD khác	-	-	108.903.633	19.660.134	49.202.724	21.702.085	2.287.845	201.756.421
Tiền gửi của khách hàng	-	-	158.120.711	123.077.340	194.795.194	9.672.471	832	485.666.548
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	(94.395)	(107.898)	(153.471)	383.821	-	28.057
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	1.701	3.671	5.522	-	10.894
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	4.537.938	8.321.767	49.070.893	5.045.106	-	66.975.704
Các khoản nợ khác	-	-	21.510.014	339.878	278.120	1.026	-	22.129.038
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	-	-	292.980.296	151.295.103	293.198.268	36.810.031	2.288.677	776.572.375
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	16.699.455	11.115.764	(22.308.483)	(73.992.805)	(74.618.595)	187.494.784	119.621.423	164.011.543

45. (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

45.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(d) Rủi ro giá cả thị trường khác

Ngoại trừ các khoản mục tài sản, công nợ đã được thuyết minh ở phần trên, Ngân hàng không có các rủi ro giá cả thị trường khác có mức độ rủi ro chiếm 5% lợi nhuận ròng hoặc giá trị khoản mục tài sản, công nợ chiếm 5% tổng tài sản.

46. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”) có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan như được trình bày sau đây trên báo cáo tài chính hợp nhất chỉ áp dụng đối với việc lập các thuyết minh này. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các quy định của NHNN và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Ngân hàng theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, các khoản cho vay khách hàng và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng khác, các khoản phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

- *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất:*

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

46. (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

• *Các khoản cho vay và phải thu:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Ngân hàng có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất;
- Các khoản được Ngân hàng xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

• *Tài sản sẵn sàng để bán:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Ngân hàng theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tài chính, tổ chức tín dụng khác, phát hành giấy tờ có giá và các khoản phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành:

• *Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất:*

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

• *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, nếu và chỉ nếu, Ngân hàng có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

46. (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Giá trị ghi sổ					Giá trị hợp lý Triệu đồng
	Ghi nhận giá trị hợp lý thông qua kết quả hoạt động Triệu đồng	Giữ đến ngày đáo hạn Triệu đồng	Cho vay và phải thu Triệu đồng	Sẵn sàng để bán Triệu đồng	Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ Triệu đồng	Tổng cộng giá trị ghi sổ Triệu đồng
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	2.148.289	-	-	2.148.289
Tiền gửi tại NHNN	-	-	14.327.215	-	-	14.327.215
Tiền gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác – gộp	-	-	134.643.662	-	-	134.643.662
Chứng khoán kinh doanh – gộp	13.180.721	-	-	-	-	13.180.721
Cho vay khách hàng và mua nợ – gộp	-	-	693.681.607	-	-	693.681.607
Chứng khoán sẵn sàng để bán – gộp	-	-	-	51.857.428	-	51.857.428
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn - gộp	-	992.927	-	-	-	992.927
Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	-	-	-	189.210	-	189.210
Tài sản tài chính khác	885.722	-	16.935.391	1.024.712	-	18.845.825
	14.066.443	992.927	861.736.164	53.071.350	-	929.866.884
Các khoản nợ chính phủ và NHNN	-	-	-	-	5.713	5.713
Tiền gửi và vay các TCTC, các TCTD khác	-	-	-	-	201.756.421	201.756.421
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	485.666.548	485.666.548
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	28.057	-	-	-	-	28.057
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	10.894	10.894
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	66.975.704	66.975.704
Các khoản nợ tài chính khác	950.357	-	-	-	16.191.300	17141.657
	978.414	-	-	-	770.606.580	771.584.994

(*) Ngân hàng chưa xác định giá trị của khoản mục này do chưa có đủ thông tin, cũng như chưa có hướng dẫn về xác định giá trị theo Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng Việt Nam.

47. Báo cáo bộ phận

47.1 Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Ngân hàng tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Cho mục đích quản lý, Ngân hàng và các công ty con được tổ chức thành các bộ phận dựa trên các lĩnh vực sau:

Hoạt động ngân hàng và tín dụng	Các sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng bao gồm: - Nhận tiền gửi; - Cấp tín dụng; - Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản; và - Các hoạt động ngân hàng khác.
Hoạt động công ty tài chính	Cho vay tiêu dùng và các hoạt động tài chính khác
Hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản	Hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản
Hoạt động chứng khoán	Các hoạt động về nghiệp vụ chứng khoán
Hoạt động bảo hiểm	Hoạt động kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ

47. (tiếp theo)

47.1 Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày như bảng sau:

	Hoạt động ngân hàng Triệu đồng	Hoạt động công ty tài chính Triệu đồng	Hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản Triệu đồng	Hoạt động chứng khoán Triệu đồng	Hoạt động kinh doanh bảo hiểm Triệu đồng	Điều chỉnh nội bộ Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
I. Doanh thu							
Doanh thu lãi	64.925.605	14.365.121	1.273	1.572.666	158.823	(911.843)	80.111.645
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	3.900.513	1.655.886	-	239.252	399.849	(69.177)	6.126.323
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh khác	4.058.727	3.015.635	(564)	236.783	9.599	(271.854)	7.048.326
	72.884.845	19.036.642	709	2.048.701	568.271	(1.252.874)	93.286.294
II. Chi phí							
Chi phí lãi	(28.591.905)	(3.194.396)	-	(333.377)	-	1.088.440	(31.031.238)
Chi phí khấu hao tài sản cố định	(407.687)	(91.217)	-	(8.237)	(4.500)	-	(511.641)
Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(9.204.823)	(3.825.662)	(419)	(429.653)	(90.739)	(276.795)	(13.828.091)
	(38.204.415)	(7.111.275)	(419)	(771.267)	(95.239)	811.645	(45.370.970)
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	34.680.430	11.925.367	290	1.277.434	473.032	(441.229)	47.915.324
Chi phí dự phòng rủi ro	(16.420.177)	(11.413.417)	-	(57.736)	-	(11.294)	(27.902.624)
Kết quả kinh doanh bộ phận	18.260.253	511.950	290	1.219.698	473.032	(452.523)	20.012.700
III. Tài sản							
Tiền mặt	2.148.289	-	-	-	-	-	2.148.289
Tài sản cố định	1.693.650	244.335	-	29.286	56.490	138	2.023.899
Tài sản khác	875.993.877	67.403.936	142.005	26.684.640	4.788.486	(55.337.495)	919.675.449
	879.835.816	67.648.271	142.005	26.713.926	4.844.976	(55.337.357)	923.847.637
IV. Nợ phải trả							
Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	732.310.092	55.262.911	162	9.154.638	-	(31.842.941)	764.884.862
Nợ phải trả nội bộ	71.589	188.410	500	37.568	3.442	-	301.509
Nợ phải trả khác	7.165.358	1.515.559	553	117.963	3.338.299	(751.728)	11.386.004
	739.547.039	56.966.880	1.215	9.310.169	3.341.741	(32.594.669)	776.572.375

47. (tiếp theo)

47.2 Báo cáo
bộ phận thứ yếu
theo khu vực địa lý

48. Thuyết minh
về biến động
lợi nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Ngân hàng chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Ngân hàng không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt do Ngân hàng hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng nhận định rằng Ngân hàng chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý. Theo đó, Ngân hàng không cần phải trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của VPBank và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 tăng 7.492.655 triệu đồng so với lợi nhuận sau thuế hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, tương đương tăng 88,21% do các nguyên nhân sau:

	Lợi nhuận sau thuế Triệu đồng
Tăng lợi nhuận do tăng thu nhập lãi thuần	10.905.731
Giảm lợi nhuận do giảm thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ	(1.085.559)
Tăng lợi nhuận do tăng thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng	1.633.213
Giảm lợi nhuận do giảm thu nhập thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	(19.217)
Tăng lợi nhuận do tăng thu nhập thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	219.635
Tăng lợi nhuận do tăng thu nhập thuần từ hoạt động khác	852.111
Tăng lợi nhuận do tăng thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	9.654
Giảm lợi nhuận do tăng chi phí hoạt động	(398.514)
Giảm lợi nhuận do tăng chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(2.908.250)
Biến động lợi nhuận trước thuế	9.208.804
Biến động chi phí thuế TNDN	(1.716.149)
Biến động lợi nhuận sau thuế	7.492.655

49. Các sự kiện
sau ngày kết thúc
năm tài chính

Ngày 9 tháng 1 năm 2025, Hội đồng quản trị Ngân hàng thông qua Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐQT về việc mua cổ phiếu từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty Bảo hiểm OPES, theo đó số cổ phần mua thêm tương ứng là 62.947.826 cổ phần. Tiếp theo, ngày 15 tháng 1 năm 2025, Hội đồng quản trị Ngân hàng thông qua Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐQT về việc mua cổ phiếu bổ sung theo Thông báo về việc chào bán cổ phiếu không đăng ký mua hết đợt 1 của Công ty Bảo hiểm OPES, theo đó số cổ phần mua thêm tương ứng là 552.174 cổ phần và tổng số cổ phần VPBank nắm giữ sau mua lại là 188.900.000, tương ứng tỷ lệ nắm giữ là 99,42%.

Ngày 17 tháng 1 năm 2025, Ngân hàng Nhà nước đã công bố quyết định chuyển giao bắt buộc Ngân hàng TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu (GPBank) do Nhà nước là chủ sở hữu 100% vốn cho VPBank theo phương án được Chính phủ phê duyệt. Sau chuyển giao bắt buộc, GPBank tiếp tục hoạt động dưới hình thức ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên do VPBank sở hữu 100% vốn điều lệ, được thực hiện các hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại theo quy định. GPBank là pháp nhân độc lập và không thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính vào báo cáo tài chính hợp nhất của VPBank.

49. (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính có thể ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính của Ngân hàng và yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất.

50. Tỷ giá một số loại ngoại tệ và vàng so với VND vào thời điểm kết thúc năm tài chính

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
AUD	15.872	16.476
CAD	17.766	18.260
CHF	28.250	28.740
CNY	3.493	3.407
DKK	3.160	3.160
EUR	26.566	26.699
GBP	32.039	30.796
JPY	164	171
NZD	14.374	17.249
SEK	3.078	3.078
SGD	18.783	18.332
THB	640	640
USD	25.421	24.170
XAU (*)	832.000	745.000

(*) Đây là tỷ giá cho 0,01 lượng vàng.

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Bà Phạm Minh Thu
Trưởng phòng
Kế toán tổng hợp và
Chính sách kế toán

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Bà Lê Hoàng Khánh An
Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

07-03-2025



NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG (VPBANK)

Trụ sở chính: 89 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Tel: 024 392 888 69 / **Fax:** 024 392 888 67

Hotline: 024 392 88880 / 1900545415